

**CHƯƠNG TRÌNH VIẾT TIỂU SỬ CÁC ĐỒNG CHÍ LÃNH ĐẠO
CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC**

**TÔN ĐỨC THẮNG
TIỂU SỬ**

**NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
HÀ NỘI -2007**

BAN CHỈ ĐẠO CHƯƠNG TRÌNH

TRƯỜNG TẤN SANG

Trưởng ban

PHAN DIỄN

Ủy viên

NGUYỄN PHÚ TRỌNG

Ủy viên

HỒ ĐỨC VIỆT

Ủy viên

TÔ HUY RÚA

Ủy viên

LÊ HỮU NGHĨA

Ủy viên

BAN CHỦ NHIỆM CHƯƠNG TRÌNH

LÊ HỮU NGHĨA

Chủ nhiệm

NGUYỄN KHÁNH BẬT

Phó Chủ nhiệm

LÊ VĂN TÍCH

Thư ký

BAN BIÊN SOẠN

PGS, TS. BÙI ĐÌNH PHONG

Chủ biên

TS. PHẠM NGỌC ANH

ThS. PHÙNG THU HIỀN

CN. PHẠM BÁ NHIỄU

NNC. NGUYỄN THÀNH

PGS, TS. PHẠM XANH

Chịu trách nhiệm xuất bản

TS. NGUYỄN DUY HÙNG

Chịu trách nhiệm nội dung

TS. HOÀNG PHONG HÀ

Biên tập nội dung:

TS. TRỊNH ĐÌNH BẢY

PHÍ NGỌC NỘI

LÊ HÓA

Trình bày bìa:

PHÙNG MINH TRANG

Chế bản vi tính:

PHẠM THỊ XUÂN BÌNH

Sửa bản in:

BAN SÁCH GK-TK

Đọc sách mẫu:

BAN SÁCH GK-TK

Mã số: 3KV1 (092)

CTQG-2007

LỜI NÓI ĐẦU

Tiểu sử Tôn Đức Thắng gắn liền với lịch sử vẻ vang của cách mạng Việt Nam và với sự nghiệp đấu tranh cách mạng của nhân dân thế giới. Tôn Đức Thắng là một chiến sĩ cách mạng kiên cường, mẫu mực, một người lãnh đạo kính mến và thân thiết của dân tộc ta.

Tôn Đức Thắng là một trong số các chiến sĩ lớp đầu của phong trào công nhân và phong trào giải phóng dân tộc ở nước ta, là một trong những người bạn chiến đấu thân thiết lâu năm của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại.

Từ những năm đầu của thế kỷ XX, Tôn Đức Thắng đã thành lập Công hội bí mật tham gia lãnh đạo phong trào yêu nước của giai cấp công nhân, nhân dân Việt Nam và đứng vào hàng ngũ những chiến sĩ tiên phong.

Tôn Đức Thắng là một trong những công nhân Việt Nam đầu tiên hoạt động trong những phong trào công nhân Pháp. Tôn Đức Thắng đã tham gia cuộc nổi dậy của hải quân Pháp ở Biển Đen và kéo cờ đỏ trên một chiến hạm Pháp, ủng hộ nước Nga Xôviết, nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới, chống sự can thiệp vũ trang của bọn đế quốc đối với Nhà nước Xôviết non trẻ.

Cuộc đời hoạt động cách mạng lâu dài của Tôn Đức Thắng đầy gian lao, thử thách. Tôn Đức Thắng bị bọn đế quốc bắt giam giữa lúc đang hoạt động sôi nổi trong Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên ở Nam Bộ. Gần 17 năm bị tù đày ở Khám Lớn Sài Gòn và Côn Đảo, Tôn Đức Thắng luôn luôn nêu cao tinh thần cách mạng kiên cường, tin tưởng vững chắc vào thắng lợi của sự nghiệp giải phóng dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Sau Cách mạng Tháng Tám 1945 thành công, từ Côn Đảo trở về Tôn Đức Thắng bắt tay ngay vào hoạt động cách mạng tích cực, liên tục cho đến tận cuối đời, góp phần cùng với Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ và Mặt trận, lãnh đạo toàn

Đảng, toàn dân, toàn quân xây dựng Nhà nước dân chủ nhân dân, kháng chiến chống thực dân Pháp, đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai, vì độc lập thống nhất của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội.

Tôn Đức Thắng là người tiêu biểu nhất cho chính sách đại đoàn kết của Đảng và của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Bất kỳ ở cương vị công tác nào, mặc dù tuổi cao, đồng chí luôn luôn phấn đấu quên mình để hoàn thành nhiệm vụ mà Đảng và Nhà nước giao cho.

Cuộc đời hoạt động cách mạng của Tôn Đức Thắng là một tấm gương sáng về lòng trung thành, tận tụy; về tinh thần anh dũng, bất khuất; về đức tính khiêm tốn, giản dị.

Chúng ta rất tự hào về sự nghiệp và đạo đức cách mạng của Tôn Đức Thắng. Chúng ta quyết mãi mãi noi theo tấm gương cao cả của Tôn Đức Thắng để khắc phục mọi khó khăn, hoàn thành mọi nhiệm vụ cách mạng.

Trước nay, đã có một số công trình của cá nhân và tập thể nghiên cứu thân thế, sự nghiệp, cuộc đời hoạt động cách mạng của Tôn Đức Thắng. Đặc biệt là nhân dịp kỷ niệm 100 năm và 115 năm ngày sinh Tôn Đức Thắng, tại An Giang, quê hương Tôn Đức Thắng và tại Hà Nội đã cho ra mắt bạn đọc những tập sách về cuộc đời và sự nghiệp, hồi ký Tôn Đức Thắng có giá trị khoa học, thực tiễn, qua đó một số tư liệu mới đã được công bố.

Ngày 04 tháng 9 năm 2002, Bộ Chính trị đã ra Quyết định số 50-QĐ/TW về Chương trình sưu tầm tài liệu, viết tiểu sử thân thế, sự nghiệp cách mạng 10 đồng chí lãnh đạo chủ chốt của Đảng và Nhà nước, trong đó có đề tài Tôn Đức Thắng - tiểu sử.

Từ đó đến nay, dưới sự chỉ đạo của **Ban Chỉ đạo Chương trình** cùng cơ quan chủ trì Chương trình là Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Ban biên soạn đề

tài **Tôn Đức Thắng - Tiểu sử** đã mở rộng thu thập tài liệu ở An Giang, Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội... Đến nay, đề tài đã sưu tập được một hệ thống tư liệu hoàn thành tác phẩm **Tôn Đức Thắng - Biên niên tiểu sử** và **Tôn Đức Thắng - Tiểu sử**. Đây là kết quả làm việc của nhiều cộng tác viên trong và ngoài Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, của một số chuyên gia đã có nhiều năm nghiên cứu về Tôn Đức Thắng. Công trình được hoàn thành nhờ sự kế thừa và phát triển, nâng cao những công trình đi trước.

Cuộc đời 92 năm với gần bảy mươi năm đấu tranh không mệt mỏi cho sự nghiệp cứu nước, giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người của Tôn Đức Thắng cho tới nay còn lại rất ít tài liệu. Vì vậy, tuy đã có nhiều cố gắng, công trình **Tôn Đức Thắng - Tiểu sử** chắc chắn vẫn còn thiếu sót. Các tác giả vô cùng biết ơn bạn đọc gần xa, nhất là các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Mặt trận, các bậc lão thành cách mạng gửi cho chúng tôi những góp ý và những tư liệu mới về Tôn Đức Thắng.

Nhân dịp công trình hoàn thành. Nhóm biên soạn hết sức cảm ơn các tập thể và cá nhân đã cung cấp tài liệu, hợp tác, động viên, góp nhiều ý kiến quý báu với chúng tôi trong quá trình thực hiện đề tài. Đặc biệt là sự quan tâm của Ban Chỉ đạo Chương trình và Ban Chủ nhiệm Chương trình đã giúp cho đề tài hoàn thành đúng tiến độ, theo đúng yêu cầu đặt ra.

TẬP THỂ TÁC GIẢ

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Chủ tịch Tôn Đức Thắng - vị lão thành cách mạng, nhà lãnh đạo kiệt xuất của Đảng và Nhà nước, người chiến sĩ cách mạng tiêu biểu, người học trò xuất sắc, bạn chiến đấu thân thiết của Chủ tịch Hồ Chí Minh, người cộng sản mẫu mực, chiến sĩ quốc tế có uy tín lớn, biểu tượng của sức mạnh đại đoàn kết dân tộc sinh ngày 20-8-1888 mất ngày 30-3-1980 thọ 92 tuổi. Thuộc lớp tiền bối cách mạng của Đảng, đồng chí đã hiến dâng trọn cuộc đời mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất Tổ quốc, đấu tranh cho hòa bình thế giới.

Tôn Đức Thắng sinh ra lớn lên trong một gia đình nông dân khá giả bậc trung ở vùng sông nước trù phú Cù lao Ông Hổ, xã Mỹ Hòa Hưng, tổng Định Thành, tỉnh Long Xuyên, nay là thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Truyền thống gia đình quê hương và thời cuộc tác động mạnh và ảnh hưởng nhiều đến chí hướng tình cảm và nhân cách người thanh niên Nam Bộ Tôn Đức Thắng. Anh là người vốn có tư chất thông minh, giỏi tiếng Pháp, đầy khát vọng, tính tự lập cao, tư duy nhạy bén, lễ phép, thương người, có thiên bẩm sành về kỹ thuật cơ khí. Chính những điều kiện đó đã dẫn dắt anh sớm đến với phong trào của giai cấp công nhân Việt Nam ngay từ những ngày đầu và trở thành nhà cách mạng chuyên nghiệp.

Năm 1907 lên Sài Gòn bắt đầu cuộc đời làm thợ, anh lao ngay vào phong trào yêu nước của thợ thuyền và trở thành hạt nhân lãnh đạo các cuộc đấu tranh bãi khóa của học sinh trường Bách Nghệ, là người tổ chức các cuộc bãi công của công nhân Ba Son. Năm 1916, trở thành lính thợ làm việc trên chiến hạm France. Ngày 20-4-1919, tổ chức và tham gia kéo cờ đỏ phản chiến của Hải quân Pháp ở Biển Đen ủng hộ nước Nga Xôviết. Bị trục xuất khỏi nước Pháp và trở lại Sài Gòn tích cực tham gia hoạt động nghiệp đoàn, lập nên và trở thành người lãnh đạo Công hội bí mật đầu tiên ở Việt Nam, tham gia vào quá trình thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

Bị đế quốc bắt, gần 17 năm tù đày ở Khám Lớn Sài Gòn và "Địa ngục trần gian" Côn Đảo, đồng chí Tôn Đức Thắng luôn giữ vững khí tiết của người cộng sản, kiên trung bất khuất, sắt son giữ trọn niềm tin vào cách mạng. Sau Cách mạng Tháng Tám, từ Côn Đảo trở về, đồng chí cùng Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ và Mặt trận lãnh đạo nhân dân ta xây dựng chính quyền, tiến hành kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ thắng lợi, hoàn thành thống nhất nước nhà, đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội...

92 tuổi đời, gần 70 năm hoạt động cách mạng, gần 17 năm tù đày, Tôn Đức Thắng từng giữ nhiều trọng trách trong Đảng, Quốc hội, Chính phủ và Nhà nước: Ủy viên Kỳ bộ Nam Kỳ, Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên; Sáng lập và lãnh đạo chi bộ đầu tiên ở nhà tù Côn Đảo; Phụ trách ủy ban kháng chiến kiêm chỉ huy trưởng lực lượng vũ trang Nam Bộ; Ủy viên Ban Thường trực Quốc hội; Phó Hội trưởng Hội liên hiệp quốc dân Việt Nam; Bộ trưởng Bộ Nội vụ; Ủy viên Trung ương Đảng; Trưởng ban vận động thi đua ái quốc; Chủ tịch Hội hữu nghị Việt - Xô; Chủ tịch Mặt trận Liên Việt; Trưởng ban Thường trực Quốc hội; Chủ tịch danh dự Ủy ban Bảo vệ hòa bình thế giới của Việt Nam, Ủy viên Hội đồng hòa bình thế giới; Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Trưởng ban Thanh toán nạn mù chữ Trung ương; Chủ tịch danh dự Ủy ban Thiếu niên, nhi đồng Việt Nam; Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa nay là Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Ở bất cứ cương vị nào, đồng chí Tôn Đức Thắng cũng nêu cao tấm gương sáng về lòng trung thành, sự tận tụy, phấn đấu hy sinh, mẫu mực, cần, kiệm, liêm, chính, khiêm tốn, giản dị để cho các thế hệ sau mãi mãi noi theo. Cuộc đời và sự nghiệp của Chủ tịch Tôn Đức Thắng đều gắn liền với những đổi thay to lớn, nhanh chóng và sáng ngời chân lý của dân tộc và thời đại. "Di sản quý nhất mà đồng chí Tôn Đức Thắng để lại cho nhân dân là chất người Tôn Đức Thắng" (Phạm Văn Đồng).

Với công lao và cống hiến to lớn cho Đảng, cho nhân dân, đồng chí Tôn Đức Thắng là niềm tự hào của Đảng Cộng sản Việt Nam, giai cấp công nhân Việt Nam.

Nhân kỷ niệm 119 năm ngày sinh, 27 năm ngày mất của Chủ tịch Tôn Đức Thắng, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia cùng với Ban Chỉ đạo chương trình biên soạn tiểu sử các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của Đảng và Nhà nước, do đồng chí Trương Tấn Sang - Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư làm Trưởng ban, xuất bản cuốn sách: **Tôn Đức Thắng – tiểu sử**.

Sinh thời, Chủ tịch Tôn Đức Thắng vốn ít nói và viết về mình nên tư liệu về đồng chí rất hiếm. Vì vậy quá trình biên soạn tiểu sử đồng chí chắc chắn còn nhiều khó khăn, hạn chế. Các tác giả đã có nhiều cố gắng, song chỉ mới trình bày một cách *khái quát, cô đọng những sự kiện căn bản nhất* về thân thế, cuộc đời và sự nghiệp của đồng chí. Hy vọng cuốn sách đáp ứng phần nào lòng mong mỏi tìm hiểu và học tập tấm gương "Người cộng sản mẫu mực, biểu tượng của đại đoàn kết" kính yêu của toàn Đảng, toàn dân ta - Tôn Đức Thắng.

Rất mong nhận được ý kiến đóng góp của các đồng chí, đồng bào và gia đình để lần sau xuất bản hoàn chỉnh hơn.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.

Tháng 5 năm 2007

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

THỜI NIÊN THIẾU VÀ NHỮNG HOẠT ĐỘNG YÊU NƯỚC ĐẦU TIÊN

(1888 – 1916)

1. Sớm có lòng yêu nước, giải phóng đồng bào (1888 - 1906)

Tôn Đức Thắng (ở quê hương quen gọi là Hai Thắng) sinh ngày 20-8-1888 tại quê nội là Cù lao Ông Hổ, xã Mỹ Hòa Hưng, tổng Định Thành, tỉnh Long Xuyên (nay thuộc thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang). Quê ngoại của Tôn Đức Thắng là rạch Cái Sơn, xã Mỹ Phước, cũng thuộc tổng Định Thành, tỉnh Long Xuyên¹.

Cù lao Ông Hổ là một cù lao nhỏ nằm giữa chia dòng Cửu Long khi chảy vào Việt Nam thành sông Hậu và sông Tiền, có chiều dài 3km, chiều ngang nơi rộng nhất 5km, nằm chéch 4km về hướng Tây - Bắc thành phố Long Xuyên. Cù lao Ông Hổ nằm song song với Cù lao Ông Chưởng, cũng ở giữa dòng Cửu Long, tạo nên cảnh thơ mộng cho vùng đất phù sa màu mỡ, trù phú. Đất trên Cù lao Ông Hổ là loại đất phù sa được bồi hằng năm, khi nước sông Hậu chảy tràn vào đưa đến cho vùng đất này lớp phù sa mới vào mỗi mùa nước nổi kéo dài nửa năm một kỳ. Ở đây, nông dân thường sau mỗi mùa sạ cấy xong, lại bắt tay vào chuẩn bị ghe xuồng, câu lưới, đặt lờ, lợp, trúm... đánh bắt cá tôm ngay trên những con rạch từ sông Hậu chảy vào. Nông dân cù lao thường có những câu dân ca khi đưa xuồng ra sông rạch:

"Bao phen quạ nói với diều

Cù lao Ông Chưởng thiệt nhiều cá tôm" ...

Thiên nhiên dành cho Cù lao Ông Hổ thật nhiều ưu đãi nhưng cũng kèm theo những thử thách khắc nghiệt vào mùa lũ hàng năm, thường từ tháng 7 đến tháng 9. Chính vì thế, người dân cù lao phóng khoáng, hiền lành, chịu thương, chịu khó, đoàn kết giúp đỡ nhau, và cũng rất táo bạo, dũng cảm trước thiên tai, chống chọi được với mỗi con lũ lên hàng năm.

Nơi sinh ra Tôn Đức Thắng là một ngôi nhà sàn, vách ván, lợp ngói âm dương, được dựng lên trước lúc Tôn Đức Thắng chào đời 4 năm. Ngôi nhà có một khoảng sân rộng chừng mười thước rợp bóng xoài, mận và một hàng rào dâm bụt cùng dãy nhóm hoa mẫu đơn, bây giờ còn giữ lại² tại khu di tích Chủ tịch Tôn Đức Thắng tại Cù lao Ông Hổ, xã Mỹ Hòa Hưng, Thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Cách bài trí bên trong theo kiểu nhà Nam Bộ xưa: có hàng hiên rộng gần nửa lòng nhà, bộ tràng kỷ và hai bộ ván ngựa hai bên, bên trong hàng cửa chính giữa là bàn thờ ông bà; phía bên trái có căn chái dùng làm bếp, và là nơi chứa lúa. Ngôi nhà nằm trước mặt dòng sông Hậu, giữa một khu vườn khá rộng, bao quanh bởi một lũy tre dày đặc như để ngăn gió bão, lũ lụt hàng năm cho cả nhà.

Tôn Đức Thắng sinh ra trong một gia đình nông dân tương đối khá giả. Thân phụ của Tôn Đức Thắng là Tôn Văn Đề và thân mẫu là Nguyễn Thị Dị đều là những người nông dân hiền lành, cần cù, chịu khó, chất phác như bao người nông dân Cù lao Ông Hổ. Khi hai người được ông bà ngoại giúp đỡ cất xong nhà, bốn năm sau con trai đầu lòng là Tôn Đức Thắng ra đời và sau đó là 3 người em ruột. Cả 4 anh em, hai trai, hai gái đều khỏe mạnh, lớn lên ai cũng cần cù, chịu khó nên bà con, cô bác ở cù lao đều thương mến.

Khi Tôn Đức Thắng sinh ra thì chợ Long Xuyên đã khá đông đúc. Dưới sự cai trị của thực dân Pháp, cuối thế kỷ XIX, Long Xuyên được tách ra thành một tỉnh gồm 3 quận: Châu Thành, Thốt Nốt, Chợ Mới. Chợ Long Xuyên là một điểm hội tụ ghe xuồng đông đảo từ quận Thốt Nốt lên, Châu Đốc xuống, Chợ Mới qua, Rạch Giá lên nên thường rất đông đúc, nhộn nhịp bốn mùa. Trước và sau mỗi dịp Tết Nguyên đán ở đây là nơi hội tụ của cả vùng rộng lớn đầu dòng sông Hậu và sông Tiền trước khi đổ về các tỉnh miền Tây Nam Bộ.

Năm 1894, khi Tôn Đức Thắng 6 tuổi, cha mẹ gửi ông về quê ngoại ở rạch Cái Sơn, xã Mỹ Phước để theo học chữ. Ông Nguyễn Thượng Khách (Năm Khách),

một thầy giáo làng đáng kính là người thầy giáo đầu tiên của Hai Thắng. Ông Nguyễn Thượng Khách là một nhà Nho yêu nước, sau này có tham gia nhóm Đông kinh Nghĩa thực do cụ cử Vũ Hoành³ phụ trách. Nhà ông ở Đường Ngang gần rạch Cái Sơn, quê ngoại của Hai Thắng. Ông Năm Khách mở tiệm thuốc Bắc, bắt mạch, hốt thuốc để sinh sống. Tiệm thuốc của ông Năm Khách cũng là nơi tụ họp của các cụ đồ, ông tú, ông cử cùng chí hướng trong vùng Long Xuyên xướng họa thơ văn yêu nước với nhau.

Có một lần trong khi các bạn nhà Nho yêu nước đang bình thơ văn yêu nước, thầy Năm Khách bắt gặp Tôn Đức Thắng đứng say sưa nghe trộm. Thấy Tôn Đức Thắng là một đứa trẻ thông minh, thầy giáo đã không la rầy mà sau những giờ học, hoặc lúc Tôn Đức Thắng sang nhà ông chơi, ông thường kể cho Thắng nghe về những tấm gương yêu nước: Trương Định, Nguyễn Trung Trực, Thủ Khoa Huân, Đốc Binh Kiều, Thiên Hộ Dương..., nhiều lúc ông còn đọc cho trò Thắng nghe những đoạn thơ của những nghĩa sĩ trong nhóm Đông kinh Nghĩa thực.

Lớp học của thầy Nguyễn Thượng Khách (Năm Khách) là một căn nhà ngang, sát ngay nhà thầy giáo và kề bên con rạch Cái Sơn, Cù lao Ông Hổ. Từ nhà ngoại, Tôn Đức Thắng chỉ cần qua con lộ xuyên qua đường, đi một lối ngắn, dưới những rặng xoài, vú sữa của đất cù lao ngay bên dòng sông Hậu, con sông lớn nhất của sông Mê Công chảy qua quê hương ông là có thể đến được lớp học.

Thầy giáo làng Năm Khách, là người có tinh thần yêu nước, những lúc rảnh rang, ông thường kể cho người học trò Hai Thắng ham học, ham hiểu biết về những sự kiện đã xảy ra tại quê hương, khi ông chưa ra đời. Khi học, Hai Thắng thường nêu nhiều câu hỏi với thầy, chẳng hạn tại sao đất nước mình lại có những người nơi khác đến mà họ lăm quyền hành thế? Tại sao họ muốn giết người mình lúc nào cũng được? Thuế mình nộp để người Pháp làm gì? Tại sao mình phải đi xâu? Khi chết cũng không được đền mạng? Nước Pháp ở tận đâu? Bên cạnh có người nước

ngoài đến cai trị như nước mình không? Họ có làm ruộng, làm thợ như mình không? Những câu hỏi của người học trò được thầy giáo Năm Khách giải đáp, và nhờ trí thông minh, đức hiếu học, cậu học trò Hai Thắng đã chấp nói và dần dần hiểu ra thời cuộc. Tôn Đức Thắng được học thật ra không lâu, nhưng cái chính là ông đã được dạy cách làm người, biết yêu cái đúng, ghét cái sai, cái lòng say mê thiên nhiên đất nước, trung thành với sự nghiệp của cha ông.

Sau khi học chữ quốc ngữ ở trường tiểu học tại làng, Hai Thắng vẫn thường tìm về thầy giáo Năm Khách và coi thầy giáo như người cậu trong nhà, nên ông gọi là cậu Năm. Thầy Năm Khách là người nhớ kỹ, lại chăm đọc sách báo nên biết rất tường tận nhiều chuyện trong làng, chuyện thiên hạ. Ông thường chỉ cho Hai Thắng những loại sách cần đọc, từ đó càng nung nấu thêm lòng ham hiểu biết, ham học của một người trẻ tuổi. Từ những mẩu chuyện và những cuốn sách mà thầy Năm Khách cho mượn, Hai Thắng hiểu được thêm vì sao miền Nam sớm rơi vào tay thực dân Pháp, và họ đến xâm chiếm cả nước ta để làm gì.

Học hết lớp ba trường tiểu học, Tôn Đức Thắng đi thị xã Long Xuyên để học hết bậc tiểu học. Học với trò Hai Thắng có 4 người bạn thân. Nhóm 5 cậu "nhứt Thắng, nhì Lạc, tam Vinh, tứ Mẹo, ngũ Sung" là những anh em thân thiết nhất, tuy khác tuổi, khác họ, nhưng là những bạn học giỏi, lễ phép với thầy cô giáo, tốt bụng với bạn bè. Cả nhóm 5 người vừa thông minh, ham học và thích bênh vực người hèn yếu, kể cả việc ra tay trị những kẻ lớn tuổi, ý thế ăn hiếp người khác. Có lúc, những người trong nhóm của Hai Thắng đã trị những người ăn hiếp bạn bè lớn hơn mình cả chục tuổi. Những năm học tiểu học ở thị xã Long Xuyên, Hai Thắng thường ăn mặc gọn gàng, sạch sẽ, tóc để dài, chải ngược, lộ rõ vàng trán cao sáng sủa.

Từ quê ngoại, những lúc nghỉ học, được về thăm nhà ở Cù lao ông Hồ, Tôn Đức Thắng thường chông xuồng đi dỡ lợp, dỡ lờ theo các xuồng chài trên dòng sông

quê hương. Mùa nước lên, anh chống xuồng đi hái rau muống, nhổ bông súng về làm dưa chấm với mắm kho sả ớt. Mùa nước xuống, anh vẫn thích có cá linh kho hầm, chấm với đọt xoài, đọt bằng lăng, đọt lá lưa. Đặc biệt, Tôn Đức Thắng thích nhất cá rô kho tộ, bỏ thật nhiều tiêu, ăn ngon đậm, sau này khi là Chủ tịch nước, về thăm quê hương, ông vẫn mang theo món ăn quê hương mình ra tận Hà Nội⁴.

Đốc học trường tiểu học lúc đó là Poledơ người Pháp, phụ việc cho đốc học là một người Việt tên là Phan Văn Ngân, thầy giáo dạy lớp nhất. Hai Thắng là học trò ham hiểu biết, ham học, nhưng không chịu tư tưởng coi thường người bản xứ của đốc học người Pháp. Có những lần đốc học nhắc Hai Thắng cắt tóc, trái với những thư sinh Hán học thời ấy, tan học về Hai Thắng đã ra tiệm cạo trọc đầu ngay, rồi nói với chúng bạn: "Tao cạo rồi, tụi bay có cạo thì cạo". Thế là từ đó Hai Thắng nổi tiếng là cứng cỏi, bướng bỉnh nhất lớp và dám bênh cả những bạn học bị đốc học người Pháp phạt không có căn cứ, kể cả việc vận động cả lớp nhất của trường phản đối đốc học vô lý phạt hai học trò lớp nhất bắt ra đứng phơi nắng ngoài sân trường.

Khoảng 12 tuổi, Tôn Đức Thắng thường tìm thầy Năm Khách để hỏi và nghe kể về những chí sĩ yêu nước như Hồ Huân Nghiệp, Nguyễn Trung Trực, Nguyễn Thông, Nguyễn Đình Chiểu..., và khi nghe tin Phan Bội Châu sắp vào Nam thì Hai Thắng đã dò tìm cách gặp được nhà chí sĩ họ Phan để hiểu biết thêm về những hành động yêu nước của cụ.

Ý định ấy của Tôn Đức Thắng đã dẫn anh đi tìm phương hướng mới mà sau này lịch sử đã chứng minh đó là "phương hướng tốt, hợp thời đại"⁵.

2. Những hoạt động yêu nước đầu tiên (1906 - 1916)

Năm 1906, Tôn Đức Thắng học xong bậc tiểu học ở trường tỉnh Long Xuyên. Không có điều kiện tiếp tục học bậc trung học, nhưng qua những điều tiếp nhận

được từ lời giảng của thầy, qua kiến thức sách vở, theo nhận thức cảm tính ban đầu, Tôn Đức Thắng quyết định rời quê hương và hành động theo tiếng gọi của trái tim mình. Vào một ngày đầu xuân năm 1907, với tuổi thanh niên rực lửa, trong lòng mang nặng truyền thống yêu nước, thương nòi, nhân nghĩa, hiếu đễ, khoan dung của quê hương và nỗi nhục, nỗi đau của người dân nô lệ bị mất nước, mất độc lập tự do, Tôn Đức Thắng lên Sài Gòn sinh sống.

Việc Tôn Đức Thắng chọn đường đi riêng cho cuộc đời mình thể hiện khát vọng và ý chí tự lập lớn. Ý chí tự lập ngay từ tuổi trẻ là một nét độc đáo trong tính cách của Tôn Đức Thắng, là một nhân tố quan trọng góp phần tạo nên nhân cách toàn diện của Tôn Đức Thắng sau này.

Chọn Sài Gòn để đến tìm việc và sinh sống, Tôn Đức Thắng đã đặt chân lên một trong hai trung tâm kinh tế - chính trị lớn nhất nước ta hồi đó.

Sài Gòn trong những năm đầu thế kỷ XX đã sầm uất. Dân số đã lên trên trăm ngàn. Nếu tính cả Chợ Lớn thì dân số lên tới ba trăm ngàn người. Thành phố còn rất trẻ, nhưng sự phát triển khá nhanh. Vào thế kỷ XVIII, Nguyễn Ánh xây dựng thành Gia Định gọi là thành Quy. Vì Lê Văn Khôi khởi binh cố thủ ở thành Quy mà thành này to lớn, kiên cố nên sau khi đánh bại Khôi, Minh Mạng ra lệnh triệt hạ, xây lại một thành nhỏ hơn gọi là thành Phụng hay là thành Gia Định. Thành Gia Định bị quân Pháp chiếm năm 1859. Từ thế kỷ XIX, Sài Gòn (thành Gia Định) đã là một thị trấn thương mại quan trọng. Sau khi Pháp chiếm, Sài Gòn càng phát đạt vì chính quyền thực dân mở cảng buôn bán rộng lớn hơn với các nước, đặc biệt là vơ vét xuất cảng lúa gạo, lập xưởng sửa chữa tàu lớn, đóng tàu nhỏ và biến Sài Gòn thành bàn đạp để xâm lược cả Đông Dương. Phong trào Cần Vương ở hai miền Trung và Bắc chấm dứt, thực dân Pháp bắt đầu chương trình , "khai thác lần thứ nhất" thì Sài Gòn - Chợ Lớn đã trở thành thành phố tương đối lớn, nhộn nhịp nhất nước ta về kinh tế.

Công cuộc mở mang kỹ nghệ và thương mại tại Sài Gòn - Chợ Lớn ngày càng phát triển. Tư sản Pháp, tư sản Hoa kiều rồi tư sản người Việt bỏ vốn ra kinh doanh sản xuất, dịch vụ. Tiệm buôn, tiệm ăn mở ra ngày càng nhiều. Ngành điện, nước đã được phát triển trước tiên để phục vụ cho các công sở, cơ quan, nhà máy, nhà ở của bọn thống trị và một phần phục vụ cho sinh hoạt dân dụng của thành phố. Cuối thế kỷ XIX, tuyến đường sắt đầu tiên trên đất nước Việt Nam từ Sài Gòn đi Mỹ Tho được xây dựng và đưa vào khai thác để vơ vét lúa gạo vùng Cửu Long về Sài Gòn xuất khẩu. Trong những năm đầu thế kỷ XX, nhiều cầu cống, đường sá được xây dựng như cầu Bình Lợi, đường Sài Gòn - Bà Rịa, đường sắt Sài Gòn - Nha Trang. Ngành xay xát lúa gạo là một ngành được quan tâm phát triển nhằm vơ vét lúa gạo xuất khẩu. Năm 1905, Sài Gòn - Chợ Lớn có tới 9 nhà máy xay, máy động lực mỗi cái tới bảy, tám trăm mã lực, vốn một cái từ 1,2 đến 1,5 triệu phorăng, xay được hàng triệu tấn thóc và ba phần tư số thóc là do xay ở các nhà máy này. Lúc đầu thực dân Pháp không chú ý nên các nhà máy xay phần lớn nằm trong tay tư sản Hoa kiều. Về sau thấy dễ ăn, tư sản Pháp cũng lao vào ngành xay xát. Năm 1912, thành lập Công ty Pháp - Đông Dương mua bán và xay xát lúa gạo, có chi nhánh tại Sài Gòn là hãng Denis Frères. Các ngành chế biến đường, rượu, giấy, xà bông, dệt nhuộm... cùng lần lượt ra đời.

Sự phát triển công nghiệp và thương mại tại Sài Gòn - Chợ Lớn kéo theo sự xuất hiện của các lớp dân cư mới. Đó là lực lượng thợ thuyền. Theo sự tính toán của Liên hiệp Công đoàn Thành phố Hồ Chí Minh thì số công nhân doanh nghiệp ở Sài Gòn - Chợ Lớn năm 1929 có khoảng trên 25.000 người so với dân số Sài Gòn - Chợ Lớn khoảng 317.000 người, chiếm tỷ lệ 7% dân số, một tỷ lệ khá cao lúc đó⁶. Nguồn gốc của những người thợ rất khác nhau. Một số ít là dân nghèo thành thị, số ít hơn được đào tạo trong các trường dạy nghề của thực dân Pháp, còn lại phần lớn là nông dân mất đất từ lục tỉnh lên. Thời đó, thực dân Pháp không đầu tư kỹ thuật

hiện đại, vẫn sử dụng lao động thủ công vốn rẻ mạt ở thuộc địa. Tuy vậy, đối với các ngành cơ, điện thì một phần chúng phải đào tạo thợ, nhân viên kỹ thuật người bản xứ. Họ đi làm công cho các hãng, xưởng lớn với lương bổng đủ bảo đảm, nếu không thì hành nghề tự do bằng dịch vụ sửa chữa, lắp ráp, chế tạo phụ tùng, v.v.. Nhiều gara, đêpô mọc lên. Nhiều người từ đó ngoi lên thành chủ và trở thành tư sản bản xứ⁷.

Lên Sài Gòn hơn một năm, Tôn Đức Thắng đi lại quan sát, tìm hiểu khá nhiều nơi. Nhờ vậy, anh phân biệt và đánh giá Sài Gòn có bốn hạng người.

- Sài Gòn của bọn thống trị người Pháp. Bọn này có nhà cao cửa rộng, có đủ mọi tiện nghi sinh hoạt. Kể cả chơi bời ăn uống, giải trí cũng có nơi riêng. Những nơi đó có lính canh phòng cẩn mật, cấp người bản xứ ra vào kể cả đi ngang, ngó lâu cũng bị theo dõi. Kiểu cách đó cũng không khác gì ở Long Xuyên quê anh, khu bắnggali, bể bơi, sân tennis dành riêng cho người Pháp ở bên Bình Đức cũng không ai được bén mảng tới. Vốn ghét Tây, anh cũng không mong muốn vào đó làm gì cả!

- Sài Gòn của giới công chức, thầy chủ. Đây là thế giới mà anh chú ý nhiều nhất. Bởi vì, theo thói thường mọi người đều khuyên anh đi vào thế giới đó. Thực ra, nếu muốn, anh cũng gia nhập vào thế giới đó không khó mấy. Sức học sẵn có, vào trường Sácslu Lôba ít năm ra thì trở nên "thầy" ngay. Vốn đã không thích nên càng quan sát anh càng thấy đa số hạng người này có nhiều cái khó ưa. Ngoài sự luôn cúi, nịnh bợ của họ, anh thấy thêm họ là lớp người lai căng, nói thì nửa tây, nửa ta, với dân lành thì họ cũng hống hách hơn cả chủ Tây. Tuy vậy họ cũng là những người đáng thương. Cũng có lúc họ bị chủ bợ tai, đá đít, bị chửi những câu rất thô tục. Vậy mà họ vẫn chịu được sao? Sau những ngày suy nghĩ, Tôn Đức Thắng dứt khoát không đi theo con đường "nhàn nhã, âm thân" đó.

- Sài Gòn thương mại với những tiệm tạp hóa, tiệm ăn, nhà ngủ, tiệm rượu, tiệm hát... Đó là một thế giới ồn ào, náo nhiệt, hoạt động suốt ngày đêm. Nhất là trong Chợ Lớn, các tiệm buôn, tiệm ăn của người Hoa thì lại càng ồn ào hơn. Nhưng Tôn Đức Thắng đi học không phải để đi vào con đường thương mại. Anh quan sát, nhưng không bao giờ có ý nghĩ nào muốn vào con đường đi buôn để kiếm sống cả.

- Sài Gòn của người lao động. Đây là một thế giới đa dạng rất phức tạp. Đâu cũng thấy những người lao động gánh thuê, vác mướn không có việc nhất định, những người làm phu xe kéo, xe lô, xe ba gác... quanh năm làm cật lực mà vẫn không đủ ăn. Trong xã hội của những người lao động này, có những tay "anh chị" ngang tàng, bướng bỉnh, nói năng thô tục, sống nay không biết mai. Anh suy nghĩ mãi về hạng người này. Họ tập hợp em út lại, đành rằng có bênh vực nhau khi bị lính tráng ức hiếp nhưng rồi chính họ cũng bắt nạt lẫn nhau. Như vậy, ngẫm ra tập hợp để làm gì? Xét ra trong hạng người này, cuối cùng hay nhất là cuộc sống của người thợ. Thợ máy, thợ điện, thợ mộc, thợ hồ mỗi người có một nghề, sinh sống bằng chính nghề của mình. Người thợ làm ra cái gì cũng đều phải có đầu óc suy nghĩ, sang chế các dụng cụ theo ý muốn của mình. Trong các nghề thợ, Tôn Đức Thắng thích nhất là nghề thợ máy và thợ điện. Vậy làm Tôn Đức Thắng quyết tâm vào học nghề làm thợ.

Lên Sài Gòn, bắt đầu cuộc đời làm thợ, Tôn Đức Thắng đã đến ngay với giai cấp công nhân Việt Nam, lúc đó đang trong quá trình hình thành. Lúc đầu Tôn Đức Thắng đi làm công cho các gara, đêpô tư nhân. Năm 1910, anh vào làm công nhân cho hãng Corôp (Krupp) thuộc Sở Kiến trúc cầu đường và nhà cửa Sài Gòn. Với tư cách người thợ, Tôn Đức Thắng đã nhận thấy sức mạnh của thợ thuyền, chứng kiến sự bóc lột của bọn chủ đối với anh em công nhân. Vì vậy anh đã sớm có những hoạt động yêu nước, tham gia vận động anh em học sinh lính thủy bỏ học (năm 1909), anh chị em công nhân Sở Kiến trúc cầu đường và nhà ở Sài Gòn

chống bọn chủ cai, ký, cúp phạt, đánh đập vô lý và đòi tăng lương (năm 1910). Năm 1912, Tôn Đức Thắng tham gia lãnh đạo cuộc bãi công của công nhân Ba Son và vận động học sinh trường Bá Nghệ Sài Gòn bãi khóa. Sự kiện lịch sử này in dấu ấn rất sâu đậm trong cuộc đời hoạt động cách mạng của Tôn Đức Thắng.

Vào những năm chuẩn bị bước vào cuộc Chiến tranh thế giới thứ nhất khoảng từ năm 1911 - 1912 trở đi, để chuẩn bị cho chiến tranh thực dân Pháp đã ra sức bóc lột tài nguyên, nhân vật lực của nước ta và các nước thuộc địa khác. Ở các xí nghiệp công nghiệp, chúng ra sức bóc lột sức lao động của công nhân, buộc công nhân phải sản xuất nhiều hàng hóa vũ khí và thu nhiều lợi nhuận cho chúng. Từ năm 1911, ở trường Bá Nghệ Sài Gòn đã áp dụng chế độ học tập và làm việc thực tập 10 giờ một ngày dưới sự giám sát, quản lý chặt chẽ của thực dân Pháp. Thực tập thêm giờ, nhưng không được trợ cấp bồi dưỡng, trái lại học sinh làm hỏng sản phẩm lại phải bồi thường. Sự bất công đó đã được một số học sinh kể lại với Tôn Đức Thắng. Sẵn lòng căm ghét bọn thực dân Pháp, anh đã tham gia lãnh đạo cuộc đấu tranh của học sinh trường Bá Nghệ đòi bọn chỉ huy nhà trường không được bắt làm thêm giờ, không được bóc lột sức lao động của học sinh, đòi phải giữ nguyên chế độ học tập, thực tập tám giờ một ngày như trước. Trước sự đấu tranh của học sinh, bọn chủ không những không sửa đổi "chế độ lao động thực tập" mà còn tăng tay đàn áp những người chúng nghi cảm đầu, bằng cách báo cho mật thám bắt giam vào xà lim.

Việc đàn áp này đã "đổ thêm dầu vào lửa" làm cho học sinh càng phẫn uất, đồng loạt bỏ học, bỏ thực tập. Bọn thực dân được tin, một mặt lập tức tìm cách đe dọa khủng bố, mặt khác dụ dỗ học sinh không nên có hành động quá khích, nhưng học sinh trường Bá Nghệ đã được Tôn Đức Thắng hướng dẫn từ trước nên kiên quyết không chịu nếu bọn chỉ huy không chịu chấp nhận yêu sách của anh em và không chịu thả những anh em bị bắt, cho được trở lại nhà trường học tập bình thường.

Trước cuộc đấu tranh của học sinh Bá Nghệ, chính quyền thực dân ở Sài Gòn lệnh cho Giám đốc xưởng Ba Son đưa công nhân Ba Son sang làm thay cho học sinh nhà trường để kịp hoàn thành sản phẩm đúng thời gian. Nhưng công nhân Ba Son lúc này cũng đã được Tôn Đức Thắng báo tin và vận động từ trước nên không chịu đi làm thay. Trước hành động chống lệnh của công nhân Ba Son, chủ xưởng liền cho bắt một số thợ đấu tranh kiên quyết, đưa vào xà lim giam giữ. Lập tức cuộc đình công ở Ba Son nổ ra, toàn thể công nhân ở 11 xưởng trại nhất loạt bỏ việc và đưa ra các yêu sách:

- Phải thả ngay những người bị bắt và gọi công nhân đi làm.
- Không được hành hạ đánh đập công nhân trong khi làm việc.

Cuộc đình công của công nhân Ba Son tác động mạnh tới học sinh trường Bá Nghệ. Trường Bá Nghệ cũng nêu các yêu sách tương tự: phải thả ngay các người bị bắt để tiếp tục học tập, phải sửa đổi chế độ thực tập mới, không được bóc lột sức lao động của học sinh, chế độ mới về thực tập phải được quy định rõ ràng và công bố trước toàn thể học sinh...

Cuộc đình công của công nhân Ba Son và bãi khoá của học sinh trường Bá Nghệ Sài Gòn giành được thắng lợi. Quan chức Pháp ở hai cơ sở này đã phải đáp ứng những đòi hỏi của công nhân và học sinh.

Cuộc đình công năm 1912 là cuộc đấu tranh đầu tiên của công nhân Ba Son chống lại sức mạnh cường quyền của bọn tư sản thực dân, cùng với những cuộc đấu tranh, đình công khác của công nhân Sài Gòn và cả nước vào thời gian này, báo hiệu một thời kỳ mới của giai cấp công nhân Việt Nam, thời kỳ giai cấp công nhân đang chuyển mình từ một giai cấp "tự mình" đến một giai cấp "cho mình". Riêng với người thợ cơ khí Tôn Đức Thắng, thắng lợi của cuộc đình công - bãi khoá này đã một lần nữa mang đến cho anh một niềm vui, một niềm tin vào sức mạnh của

giai cấp thợ thuyền, giai cấp mà anh đã tự nguyện gia nhập ngay từ tuổi thanh niên khi một bước vào cuộc sống tự lập. Thắng lợi đó đã giúp Tôn Đức Thắng có thêm những kinh nghiệm bước đầu trong việc vận động đoàn kết tập hợp công nhân đấu tranh chống lại bọn tư bản thực dân⁸.

Những cuộc đấu tranh đầu tiên đó của giai cấp công nhân đã giành được thắng lợi và biểu lộ sức mạnh của lực lượng xã hội mới. Do đó, đã làm cho bọn thống trị phải lo lắng, hoảng sợ, vì đã đến lúc chúng "... phải cuốn gói ra đi, vừa vái chào dân tộc Việt Nam đã được hồi sinh bằng những cuộc bãi công"⁹.

Như vậy, rời quê hương lên Sài Gòn, Tôn Đức Thắng chọn con đường làm thợ và đến với giai cấp công nhân Việt Nam. Đây là *bước ngoặt đầu tiên*, kết hợp tư tưởng yêu nước với tư tưởng cách mạng, một kết quả hợp lôgic, phù hợp với sự phát triển thế giới nội tâm của một người thanh niên có học, có khát vọng làm những việc hữu ích cho đất nước, dân tộc và nhân dân, đã có chí hướng thích lao động kỹ thuật, thích hoạt động khám phá, sáng tạo ngay từ thuở nhỏ.

Tuy nhiên, đứng trước một nền công nghiệp mới của tư bản phương Tây, muốn trở thành một người thợ lành nghề, được đào tạo chính quy và có điều kiện thực tập, tiếp xúc với máy móc, phương tiện kỹ thuật của nền công nghiệp tư bản, thì phải được theo học ở một trường cơ bản, chính quy. Với suy nghĩ đó, qua nhiều năm làm nghề tự do với một tay nghề khá thành thạo, đã có thể biết nghe, biết nhìn, biết phán đoán những chỗ hư hỏng của máy móc, đạt đến trình độ nghe tiếng máy chạy đã có thể biết máy hỏng hóc ở chỗ nào; cùng với trình độ tay nghề hơn người, Tôn Đức Thắng đã tích lũy cho mình một vốn sống khá toàn diện, phong phú và quyết định vào học tại trường Cơ khí châu Á ở Sài Gòn (École des mécaniciens Aslatiques de Sai Gon), thường được gọi là trường Bá Nghệ Sài Gòn*.

Trường Bá Nghệ Sài Gòn được thành lập ngày 20-2-1906. Trường có nhiệm vụ đào tạo thợ cơ điện người bản xứ để làm việc cho các công xưởng của thực dân

Pháp ở thuộc địa, thực hiện chương trình khai thác thuộc địa mà toàn quyền Đông Dương Pôn Đume đã đề ra. Học sinh tốt nghiệp trường này bắt buộc phải làm việc cho các hãng xưởng của Pháp, trước hết là tuyển vào làm cho hãng Arsenal de Saigon (Xưởng Ba Son), ít nhất là ba năm, sau đó mới có thể tự do tìm chỗ làm khác. Quy định này mang tính bắt buộc. Nhà trường chiêu sinh mỗi khoá không quá 20 học sinh. Hiệu trưởng nhà trường là người Pháp có tên Emmanuel Rosel. Ông này đã giữ chức hiệu trưởng trong vòng hơn 33 năm từ khi thành lập trường. Trong nhà trường, bên cạnh các phòng học, lớp học, các mô hình, đồ dùng dạy học, còn có một xưởng máy đủ các ngành: điện, nguội, hàn, rèn, cơ khí... Học sinh, ngoài các buổi học lý thuyết, phải thực tập tại trường theo một chế độ bắt buộc. Trường Bá Nghệ là một kiểu trường vừa học vừa làm. Vì thế, nhà trường nhận việc sửa chữa, gia công các phụ tùng điện máy của tư nhân, của các hãng xưởng khác và cho học sinh thực tập ngay trên các máy đó. Học sinh có điều kiện thực hành, vận dụng lý thuyết, rèn luyện, nâng cao tay nghề. Chế độ lao động của trường Bá Nghệ hết sức nặng nề. Ngoài thời gian lên lớp nghe giảng, mỗi học sinh mỗi ngày còn phải đứng máy 5-6 giờ liền. Nếu học sinh nào vô tình hay cố ý làm hư hỏng, chậm trễ thì bị đánh đập, chửi mắng, cúp phạt hết sức hà khắc, ngặt nghèo. Cũng vì lý do này mà một số học sinh trong thời gian theo học rơi vào tình trạng thiếu đói, cùng quẫn.

Trong nhà Bảo tàng Cách mạng thành phố Hồ Chí Minh còn lưu giữ một cuốn sổ ghi chép danh sách những học sinh tốt nghiệp các khoá của trường Bá Nghệ. Ở trang 20, danh sách học sinh tốt nghiệp niên khoá 1915- 1917 dòng đầu tiên ghi:

1) Tôn Đức Thắng, Province: Long Xuyên. Date et lieu de naissance: 20 ans, An Hoà, Long Xuyên. Moyenne générale de l'examen: 16¹⁰.

Tôn Đức Thắng học ở trường Bá Nghệ theo chương trình hai năm, bắt đầu từ tháng 3 năm 1915 đến tháng 9 năm 1916¹¹.

Trong phòng truyền thống của nhà trường hiện nay còn nhiều hình ảnh, hiện vật giới thiệu một quãng trong cuộc đời thanh niên sôi nổi, đầy ý nghĩa của Tôn Đức Thắng khi anh còn học ở trường. Trong các hiện vật còn lại đáng quý nhất là một cái rương bằng gỗ đã có vài chỗ bị một đục thủng, có dòng chữ nắn nót, chân phương, rõ ràng "Tôn Đức Thắng" trên một miếng kẽm nhỏ gắn vào mặt trước. Đó là cái rương của Tôn Đức Thắng dùng đựng đồ dùng cá nhân thời theo học tại trường.

Trước khi vào học trường Bá Nghệ, Tôn Đức Thắng đã có một trình độ tay nghề thành thạo. Việc học tập và thực hành đối với anh không có gì khó khăn; anh có điều kiện giúp đỡ nhiều anh em khác trong lớp, trong trường. Khi làm thợ cũng như khi học ở trường Bá Nghệ, Tôn Đức Thắng đã cảm nhận được sức mạnh của thợ thuyền, nếu họ đồng lòng, dốc sức, liên kết và biết nương tựa, giúp đỡ lẫn nhau. Chẳng hạn, nếu không đoàn kết, thương yêu, đùm bọc nhau thì học sinh Bá Nghệ do Thắng cầm đầu không thể đấu nổi với du côn Đường Mới, Cầu Muối hoặc không có sự đồng lòng thì Thắng và các bạn học cũng không thể buộc tên giám đốc Rôden (Rosel) phải xin lỗi vì thái độ hống hách, đánh người vô cớ, v.v..

Đứng máy, sản xuất trên dây chuyền công nghệ, Tôn Đức Thắng thấy rõ mọi người có gắn kết chặt chẽ với nhau, việc của người này đều ảnh hưởng tới việc của người khác, một người nghỉ việc thì việc trước còn dở, việc sau khó hoàn thành. Nếu tất cả thợ thuyền đồng lòng trên dưới, nghe theo người cầm đầu, nghỉ việc thì nhà máy ngừng hoạt động. Bọn chủ sợ nhất công nhân đình công bãi khoá. Ngừng một giờ máy, nhiều sản phẩm không được làm ra, chủ sẽ bị thiệt hại rất nhiều. Vì thế, chủ vừa đánh chửi, đe nẹt, vừa mua chuộc, lấy lòng thợ. Thợ càng giỏi thì chủ càng ưa thích, càng có uy tín và vị trí cao trong anh em. Tôn Đức Thắng khi đó có một thân một mình nhưng lại là thợ giỏi, nên rất được chủ nể sợ, tín nhiệm. Sống gần gũi gắn bó mật thiết với nhau, Tôn Đức Thắng thấy được thông cảm với tình cảnh

nhiều người quá đói rách, cực khổ. Một số người vợ yếu con đông, nhà cửa lụp xụp, áo quần rách rưới, họ làm việc cật lực, vất vả suốt ngày mà vẫn không đủ ăn, đủ mặc, không thể nuôi nổi vợ con, khi ốm đau càng túng bấn, quẫn bách. Thương và thông cảm hoàn cảnh gia đình của anh em, mỗi khi thấy ai bị đánh chửi, cúp phạt là Tôn Đức Thắng bứt rứt, khó chịu. Ở trường, lúc học thực hành, anh tận tâm chỉ vẽ cho anh em từng li từng tí, tránh những sai sót, hư hỏng. Với chủ, cùng lắm, không chịu nổi, anh mới phản đối. Khi đã phản đối thì hết thầy anh em cùng đồng tâm hiệp lực, đấu tranh đến cùng, đạt được yêu cầu, nguyện vọng mới thôi. Những kết quả thu được qua các lần phản đối hồi học ở Long Xuyên, ở trường Bá Nghệ đã củng cố thêm cho Tôn Đức Thắng nhận thức về sức mạnh đoàn kết đấu tranh của những người thợ, anh em học sinh.

Học ở trường Bá Nghệ không lâu, Tôn Đức Thắng đã bộc lộ năng khiếu tổ chức và vai trò của một thủ lĩnh. Về phẩm chất đặc trưng này của Tôn Đức Thắng khi học ở trường Bá Nghệ, Giáo sư Trần Văn Giàu viết: "Lên Sài Gòn, làm một anh học trò nhỏ, nhỏ con và nhỏ tuổi Tôn Đức Thắng đã tỏ ra ngay là một cậu có năng lực tổ chức và tinh thần đấu tranh. Thắng hay bệnh vực kẻ yếu, chống mọi sự hiếp đáp, mọi sự bất bình, tính tình hoà nhã vui vẻ, nên được các bạn mến, lại học giỏi... Lúc còn là học trò trường Bá Nghệ, anh Thắng, người nhỏ thó, cúp tóc "cua" (ngắn), nước da ngăm ngăm, biết tổ chức anh em có trật tự để quản lý mình. Nhỏ nghe lớn, lớp dưới nghe lớp trên, cả trường nghe Thắng..."

Tôn Đức Thắng thanh niên là như vậy đó: Tập hợp đứng mũi, chịu sào được tín nhiệm lắm. Khả năng thiên hướng và tài ba nhiều khi xuất hiện từ tuổi trẻ. Chẳng nghe Đinh Bộ Lĩnh tập hợp đám chăn trâu, bẻ bông lau làm cờ, tập đánh trận đó sao?"¹².

Bước vào học trường Bá Nghệ với những hoạt động của năm thứ nhất là dấu ấn in đậm song toàn bộ cuộc đời là sự nghiệp của Tôn Đức Thắng. Đây có thể được coi

là *bước ngoặt thứ hai*, bắt đầu thể hiện năng lực tổ chức thực tiễn, tinh thần đấu tranh kiên cường, không khoan nhượng chống lại mọi sự đè nén, áp bức, cường quyền, bạo hành của người thanh niên yêu nước Tôn Đức Thắng.

1. Tô Thành Tâm: "Quê hương, đất nước, thời niên thiếu", trong Ban Chấp hành Đảng bộ An Giang: *Bác Tôn (1888-1980) – Cuộc đời và sự nghiệp*, Nxb.Sự thật, Hà Nội, 1988, tr.11.

2. Theo lời kể của ông Tôn Văn Nhung 78 tuổi, em thứ tư của Chủ tịch Tôn Đức Thắng.

3. Vũ Hoàn (1873-1946), là người làng Thanh Liệt, huyện Thanh Toàn, tỉnh Hà Đông, tham gia Đông kinh Nghĩa thực bị Pháp bắt đày đi Cao Miên, hết hạn về quản thúc ở Sa Đéc.

4. Tô Thúc Tâm: "Quê hương, đất nước, thời niên thiếu", trong Ban Chấp hành tỉnh Đảng bộ An Giang, *Bác Tôn (1888-1980) – Cuộc đời và sự nghiệp*, Sđd, tr.13-14.

5. Trần Văn Giàu: "Bảy ngọn núi An Giang trong cuộc đời trăm năm của cụ Tôn Đức Thắng", trong *Sở Văn hóa và Thông tin An Giang: Chủ tịch Tôn Đức Thắng (1888-1980)*, An Giang, 1988, tr.75.

6. Ban Sử Liên hiệp công đoàn Thành phố Hồ Chí Minh biên soạn: *Công nhân Sài Gòn trong sự nghiệp giải phóng dân tộc*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1986, tr.22.

7. Tô Thành Tâm: "Tuổi trẻ của Tôn Đức Thắng", trong Ban Chấp hành Đảng bộ An Giang: *Bác Tôn (1888-1980) – Cuộc đời và sự nghiệp*, Nxb.Sự thật, Hà Nội, 1988, tr.26-28.

8. *Lịch sử Xí nghiệp liên hợp Ba Son (1863-1998)*. Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1988, tr.91-95.

9. Dẫn theo: *Lịch sử cận đại Việt Nam*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1988, tập IV, tr.133.

* Có một số sách viết, sau cuộc đấu tranh năm 1912, để tránh sự lùng bắt của thực dân Pháp, Bác Tôn "đã bị buộc phải cải trang và thay đổi tên, họ, trốn tránh trên một chiếc tàu thủy của Pháp đúng vào lúc mà cuộc bãi công của học sinh trường Bách Nghệ Sài Gòn và của công nhân Ba Son giành được thắng lợi. Từ ngày đó bắt đầu cuộc sống của tôi trên biển cả" (*Côn Đảo - Ký sự và tư liệu: Ban liên lạc tù chính trị, Sở Văn hoá - Thông tin và Nxb. Trẻ thành phố Hồ Chí Minh*, 1996, tr.197, Tôn Đức Thắng: *Tôi đã tham gia cuộc khởi nghĩa Biển Đen*, trong *Sở Văn hoá và Thông tin An Giang: Chủ tịch Tôn Đức Thắng (1888 - 1980)*, An Giang, 1988, tr. 226.

10. *Đặc san kỷ niệm 80 năm Trường kỹ thuật Cao Thắng*. Tài liệu lưu hành nội bộ, xuất bản năm 1986, tr. 37-38 (Dịch: Tôn Đức Thắng, Tỉnh: Long Xuyên. Nơi và năm sinh: 20 tuổi, An Hoà, Long Xuyên. Điểm thi chung: 16)

11. Có một số sách khác viết: Tôn Đức Thắng vào học Trường Bá Nghệ năm 1906, tốt nghiệp năm 1910, ra làm thợ Ba Son và được tuyển thợ giỏi sang Pháp, nhưng không rõ năm nào (Lê Minh: *Người thợ máy Tôn Đức Thắng*, Nxb. Thanh niên, Hà Nội, 1987).

12. Trần Văn Giàu, "Bảy ngọn núi An Giang trong cuộc đời gần năm của cụ Tôn Đức Thắng", *Sở Văn hoá và Thông tin An Giang: Chủ tịch Tôn Đức Thắng (1888-1980)*, An Giang 1988, tr. 81, 82.

THAM GIA CUỘC NỔI DẬY CỦA THUỶ THỦ PHÁP

Ở BIỂN ĐEN, BẢO VỆ CÁCH MẠNG THÁNG MƯỜI NGA

(1916-1920)

Tôn Đức Thắng học xong năm thứ nhất, sang năm thứ hai, do nhu cầu của chiến tranh, chính quyền thuộc địa Đông Dương ra lệnh lấy lính thợ. Tôn Đức Thắng bị động viên vào đợt giữa năm 1916, trong đội quân lính thợ, xuống tàu đi Pháp tháng 9-1916. Tháng 10, tàu đến cảng Mácxây, các tốp lính thợ được lệnh phân tán đi nhiều nơi. Tôn Đức Thắng được điều đến quân cảng Tulông ở miền Nam nước Pháp, bên bờ Địa Trung Hải, không xa Mácxây là mấy, bắt đầu nhận việc trên chiến hạm *Phorăngxơ* (France) trong hạm đội lênh đênh trên biển. Mọi nhu cầu về vũ khí, lương thực, chất đốt .. đều có tàu từ đất liền tiếp tế ra.

Từ đây, Tôn Đức Thắng bắt đầu sống cuộc đời anh thợ (công nhân quốc phòng), tổ chức và kỷ luật như quân nhân, chỉ có khác người lính chiến là không mang vũ khí, mà làm công việc của người thợ máy.

Cuối năm 1916 trở đi, chiến tranh ngày càng mở rộng, ác liệt đòi hỏi người lính thợ phải làm việc căng thẳng hơn, kỷ luật hơn. Mọi thông tin tới họ đều phải qua kiểm duyệt của cơ quan nhà binh, gần như cách biệt với xã hội bên ngoài về mọi biến động chính trị, tư tưởng. Mọi tin tức của quê hương, đất nước đều không đến được với Tôn Đức Thắng.

Là một công nhân người thuộc địa, Tôn Đức Thắng bị phân biệt đối xử của bọn sĩ quan kỳ thị chủng tộc. Trong công nhân quốc phòng không có tổ chức nghiệp đoàn như bên ngoài, nên họ chưa có ý thức giai cấp và đấu tranh chính trị. Nhưng với điều kiện lao động và sinh hoạt chung, trong họ có tinh thần thương yêu, giúp đỡ lẫn nhau một cách rất tự nhiên như một bản năng xã hội. Tôn Đức Thắng hoà vào cuộc sống của những người lao động Pháp trong cùng một công xưởng, không

phân biệt chủng tộc, quốc gia, thiếu tình cảm quê hương, đất nước, nhưng lại được sưởi ấm bằng tình đồng nghiệp mang tính quốc tế.

Chiến sự diễn ra quyết liệt, nhưng không lan đến miền Nam nước Pháp, công xưởng nơi Tôn Đức Thắng làm việc rất ổn định, tuy vẫn mang hơi thở của chiến tranh, bốn bề sóng biển dòn dập ngày đêm.

Tháng 2-1917, chính quyền Nga hoàng sụp đổ, kích thích phong trào cách mạng vô sản trong nước phát triển mạnh mẽ. Ngày 7-11-1917, Cách mạng xã hội chủ nghĩa bùng nổ, lật đổ chính quyền của giai cấp tư sản và địa chủ, thiết lập chính quyền Xôviết.

Theo đề nghị của Lênin, Đại hội các Xôviết quyết định ban hành Sắc lệnh hoà bình, xoá bỏ mọi hiệp nghị chiến tranh do Nga hoàng ký, lên án chiến tranh được xem là phương tiện giải quyết các quan hệ phức tạp giữa các quốc gia, tố cáo "tội ác lớn nhất chống lại loài người; đề nghị các dân tộc và Chính phủ trên toàn thế giới mở ngay nhưng cuộc thương thuyết để lập lại một nền hoà bình, công bằng và dân chủ không có điều kiện".

Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917 là một nhân tố quan trọng thúc đẩy đấu tranh của quần chúng chống chiến tranh, chống chủ nghĩa tư bản, đẩy chiến tranh thế giới đi vào thời kỳ cuối, mau kết thúc.

Chính quyền đế quốc hiểu chiến tuyến xuyên tạc tính chất và ý nghĩa vĩ đại của Cách mạng Tháng Mười, chống lại Sắc lệnh hoà bình và chính quyền. Nhưng sự thật chính nghĩa dần dần sáng tỏ. Phong trào ủng hộ Chính quyền Xôviết của công nhân, nhân dân lao động và binh lính các nước đã hình thành và mở rộng.

Ở Pháp, tâm trạng chán ghét và thù địch với chiến tranh lan rộng. Thư của binh lính thường được đăng trên báo *La Vague* (Ngọn sóng), tờ báo có xu hướng hoà bình, phát hành với số lượng rất lớn (30 vạn bản), được phổ biến khắp cả nước, kể

cả lưu hành bí mật trong quân đội, kích thích những cuộc phản kháng của binh lính, đòi hoà bình lên án chủ nghĩa tư bản và đặt niềm tin, hy vọng vào Chính quyền Xôviết.

Ngày 2-11-1917, những trí thức tiến bộ bậc nhất của nước Pháp lập ra Hội cựu chiến binh (ARAC) tập hợp các cựu chiến binh, những nạn nhân của chiến tranh, cùng với các tổ chức chính trị và nghiệp đoàn chống chiến tranh đế quốc và các phần tử phản động ủng hộ chính quyền theo đuổi chiến tranh.

Đã đến lúc phe chủ chiến đứng đầu là đế quốc Đức thất bại nặng, buộc phải đầu hàng phe Đồng minh không điều kiện, ký Hiệp nghị đình chiến ngày 11-11-1918.

Sau khi Chiến tranh thế giới thứ nhất kết thúc, các đế quốc Anh, Pháp, Mỹ bàn liên minh tiêu diệt nước Nga Xôviết bằng vũ trang can thiệp, ủng hộ các thế lực phản cách mạng tư sản và địa chủ đã bị lật đổ, âm mưu khôi phục lại chính quyền; đồng thời trao đổi ý kiến về việc chia nhau thuộc địa và bồi thường chiến tranh của các nước thua trận cho các nước thắng trận, tiến tới Hội nghị Vécxây, ký kết Hiệp nghị vào ngày 28-6-1919.

Ngày 27-10-1918, sau ngày bùng nổ Cách mạng Tháng Mười Nga vừa được một năm và những tín hiệu về một cuộc đình chiến sắp tới đã báo, Thủ tướng Pháp Clêmăngxô ra lệnh điều động chiến hạm, phối hợp với các nước đế quốc khác bao vây, bắn phá vào thành thị và làng mạc Nga trên bờ biển Ôđétxa và Xêvátxtôpôn thuộc Ucoraina theo thoả ước ký giữa Clêmăngxô và Minnơ ở Pari, 6 tuần sau Cách mạng Tháng Mười.

Binh sĩ và công nhân trên các chiến hạm mong chiến tranh kết thúc sẽ sớm được trở về với xương máy, đồng ruộng, với gia đình. Nhưng cuộc chiến tranh này kết thúc lại bắt đầu một cuộc chiến tranh khác, từ chiến sự diễn ra trên đất Pháp nay lại

mang quân đi xa đánh nhau, nhất là nước đó đã tự rút ra khỏi cuộc chiến sớm nhất, làm cách mạng thắng lợi, nên mọi người đều chán nản, bất mãn.

Từ cuối tháng 12-1918, những tờ báo theo xu hướng hoà bình, như *L'Humanité*, *Le Populaire*, *Le Journal du peuple*, *La Vague...* đăng những bài bình luận thời sự, đưa tin chống chiến tranh và hô các khẩu hiệu: "Đả đảo chiến tranh với Nga!", "Không một xu, một người cho chiến tranh với Nga!".

Theo mệnh lệnh, các hạm đội Pháp lên đường ngày 8-12-1918. Tàu *Phorăngxơ* (France) đi trong đội hình tiến đến Xêvátxtôpôn. Ở đây, ngày 16-12-1917, Chính quyền Xôviết đã thành lập; tháng 3-1918, Đức chiếm; đến tháng 11-1918, Anh, Pháp, Hy Lạp chiếm.

Trong hai ngày 27 và 29-12-1918, Nghị viện Pháp họp tranh luận sôi nổi giữa phái chủ trương tiến hành chiến tranh với Nga và phái kịch liệt phản đối (trong đó, hăng hái nhất là M.Caxanh, A.Blăng, E.Laphông, Boridông).

Trong khi xuống tàu viễn chinh, trạng thái tinh thần quân đội các nước đế quốc đã xấu đi nhanh chóng. Nói riêng quân đội Pháp, như trung đoàn 4 và 8 thuộc địa được lệnh đi Salôníchơ ở bán đảo Bancăng, trên bờ biển Êgiê đã dự nhiều cuộc biểu tình chống chiến tranh. Thời hạn đi phương Đông là 18 tháng, nghe nói khí hậu nóng lạnh bất thường khác xa Pháp sẽ ảnh hưởng xấu tới sức khoẻ, làm cho những người chỉ huy rất lo; thêm vào đó là những cuộc tuyên truyền miệng và truyền đơn phản chiến, ủng hộ cách mạng Nga. Những người chỉ huy hiếu chiến tuyên truyền xuyên tạc về Đảng Bôn-sê-vích Nga là tổ chức của những tên kẻ cướp, tên tù phạm được phóng thích hoạt động khủng bố, cướp bóc, gây tai hoạ, cho nên quân đội Pháp và các nước đồng minh đến sẽ mang lại bình yên cho nhân dân. Đồng thời, chúng thẳng tay đàn áp những người không tuân lệnh, cảnh cáo, bắt giam. Báo *L'Humanité* ngày 22-1-1919 đưa tin: anh lính bộ binh Giăng Mianlari thuộc trung đoàn 21 thuộc địa bị bắn chết vì đã dũng cảm chống lệnh.

Hành động phản chiến từ cá nhân, đến nhóm nhỏ và cả một tập thể đông đảo, trước hết là trung đoàn 58 bộ binh ngày 2-2-1919, vận động được hai trung đoàn sơn pháo cùng đấu tranh. Bộ chỉ huy quân đội Pháp phải huỷ bỏ lệnh tiến đánh các đơn vị quân đội Xôviết ở Tiraxpôn, thuộc Mônđavi, theo kế hoạch đã định.

Giữa tháng 3-1919, Ôđétxa và Xêvátxtôpôn bị bọn phản cách mạng chiếm. Ngày 6-4-1919, những người Bôn-sê-vích tổ chức cho Hồng quân tiến vào giải phóng.

Đoàn chiến hạm Pháp có Đô đốc hạm *Giăng Ba* (Joan Bart), tàu chiến *Phorăngxơ* (France), *Đuy Sayla* (Duchayla)... vượt qua Địa Trung Hải, biển Êgê, eo biển Đácđanen (Dardanelles) nằm giữa lãnh thổ hai nước Hy Lạp và Thổ Nhĩ Kỳ tiến vào Biển Đen. Đoàn tàu hướng vào Xêvátxtôpôn, ngày 15-4-1919 đến nơi quy định.

Sáng ngày 17-4, qua đêm, đến sáng ngày 18-4, tàu *Phorăngxơ* nả những loạt đạn pháo 140mm và 305mm xuống nhà cửa, phố xá, nơi Hồng quân chiếm giữ ở Xêvátxtôpôn. Cùng với tàu *Phorăngxơ* (France) là tàu *Giăng Ba* (Jean Ban) và *Vécniô* (Vergmaud) cũng phối hợp bắn pháo suốt ngày 17 đến 5 giờ sáng ngày 18-4.

Binh sĩ công nhân trên chiến hạm biểu thị sự phẫn nộ trước hành động hiếu chiến điên cuồng, bàn nhau chống lại. Một số người đưa ra ý kiến bắt bọn sĩ quan chỉ huy ném xuống biển. Họ hô các khẩu hiệu: "Ngừng chiến, không can thiệp vào nước Nga!", "Trở về Pháp!". Bọn sĩ quan thấy tình hình không bình thường, đã cảnh giác và kiên quyết đối phó. Chúng ra lệnh bắt giam một số người chống đối mạnh mẽ nhất, như Uynlômăng, Đolaruy, Côettơ, Xôsu, làm cho không khí bất bình càng tăng.

Ngày thứ bảy, 19-4-1919, tàu *Phorăngxơ* (France) nhận được lệnh vào lúc 15 giờ ngày 20-4-1919 phải xếp lên tàu 700 tấn than, khi đó đang đậu phía sau Đô đốc hạm *Giăng Ba*, bên cạnh các tàu *Vécniô* và *Duysayla*.

Ngày 20-4-1919 là chủ nhật và cũng là ngày lễ phục sinh (Pâques) của Đạo Thiên chúa, theo quy định hằng năm mọi người đề nghị được nghỉ làm việc.

16 giờ 30 phút, sau khi nhận lệnh 1 giờ 30 phút, vào lúc hạ cờ hằng ngày, trong hàng ngũ binh sĩ đang tập hợp có 18 người trên tàu *Phorăngxơ* (France) từ chối ngả mũ chào cờ và kêu gọi: "Tất cả những ai không muốn vác than ngày mai thì lên bãi biển trước".

Suốt bữa ăn chiều, binh lính trao đổi sôi nổi.

19 giờ 40 phút, thủy thủ họp mặt trên bãi biển, cất tiếng hát đồng thanh bài Ôđétxa. Tên quan ba rút súng ngắn bắn anh lính Lulenơ làm cho không khí căng thẳng hơn, họ lại đồng thanh hát bài *Quốc tế ca*. Bọn chỉ huy bất ngờ, hoang mang sợ bị hành hung, rủ nhau lui về phía sau bãi, tay cầm vũ khí, sẵn sàng đánh trả, nhưng không dám tiến công trước.

Hai bên tranh luận to tiếng. Có tiếng kêu "Hãy cầm vũ khí!". Số khác kịp thời ngăn lại, nói to: "Chúng ta không muốn đổ máu?".

Trong lực lượng chống bọn chỉ huy, công nhân quốc phòng tỏ ra mạnh mẽ hơn, nhất trí hơn thủy thủ.

Khoảng 20 giờ 30 phút, một số được cử đi mở cửa các phòng giam cho đồng đội của họ ra, trở về đội ngũ. Những khẩu hiệu phản chiến: "Trở về Tulông tức khắc!", "Không chiến tranh với Nga!" liên tục vang lên, át cả sóng biển.

8 giờ sáng ngày 20-4, binh lính và công nhân trên chiến hạm *Phorăngxơ* và đô đốc hạm *Giăng Ba* cùng nhau tổ chức một cuộc mít tinh và biểu tình lớn trên bãi biển, ngay trước mũi chiến hạm.

Họ đưa ra bản yêu sách 9 điểm:

1. Không quân vắc than ngày 20 và cả ngày 21.
2. Chấm dứt can thiệp vào Nga và trở lại Pháp.
3. Cho thủy thủ nghỉ phép (gần 19 tháng không có phép).

Giảm kỷ luật căng thẳng, cải thiện đời sống, cho nhận thư thường xuyên, v.v..

Họ lên án: chiến tranh với nước Nga là chống lại Hiến pháp; Thủ tướng Clemăngxô vi phạm Hiến pháp!

Giờ này cũng là lúc chào cờ hàng ngày. Nhưng lúc này, không có cờ ba sắc kéo lên như mọi ngày, mà thay vào đó là một lá cờ đỏ cùng với bài *Quốc tế ca* trầm hùng nổi lên, phá tan không khí nặng nề. Mọi người hướng về lá cờ đỏ chào mừng những người anh em Nga anh hùng.

Lá cờ đỏ được kéo lên trên chiến hạm Phorăngxơ lúc 8 giờ sáng ngày 20-4-1919 là do Tôn Đức Thắng cùng với những người bạn còn lại trên tàu tiến hành.

Về sự kiện này, trong bài *Tôi đã tham gia cuộc khởi nghĩa Biển Đen*, đăng trên báo *Người thủy thủ Xôviết* nhân kỷ niệm lần thứ 40 Cách mạng Tháng Mười, Tôn Đức Thắng viết: "Đêm sau đó, tuần dương hạm vượt qua eo biển Đăcđanen. Bầu không khí trên tàu căng thẳng hơn. Một vài đồng chí hô hào thủy thủ họp mít tinh để thanh toán bọn chỉ huy. Họ đã bảo tôi: "Họp mít tinh, cậu hãy kéo cờ đỏ lên, để cho người Nga biết rằng chúng ta là bạn, không phải là thù". Tôi vui vẻ nhận lời. Vào lúc rạng đông, tuần dương hạm tới Biển Đen. Kèn tập hợp vang lên - đó là kèn tập hợp thông thường của thủy thủ. Song lần này, kèn đã vang lên không phải do lệnh của Bộ chỉ huy, và giờ đây, cờ đỏ đã được giương lên"¹.

Đây là *bước ngoặt thứ ba* trong cuộc đời cách mạng của Tôn Đức Thắng, thể hiện ý thức và định hướng chính trị trong cuộc đời đấu tranh giành độc lập, tự do cho dân tộc.

Các tàu neo đậu gần đó nghe tiếng reo hò và nhìn thấy cờ đỏ từ tàu *Phorăngxơ* cũng sôi lên. Họ cử đại biểu đến gặp bọn chỉ huy đưa yêu sách đều bị từ chối và nghe lời đe dọa. Tức thì, các đại biểu kêu gọi binh sĩ và công nhân tỏ rõ thái độ. Một lá cờ mới đã được chuẩn bị, liền kéo lên trên cột cờ của đô đốc hạm *Giăng Ba* (Jean Bart), đồng thời với bài *Quốc tế ca* là những bài hát khác nối tiếp nhau vang lên. Hai trăm người đứng thành hàng rào bảo vệ lá cờ đỏ này, không cho bọn chỉ huy gỡ xuống để mọi người được chiêm ngưỡng thoả thích, cho những người bạn Nga trên đất của họ nhìn thấy sự ủng hộ của các bạn Pháp từ chiến hạm.

Nguyện vọng hoà bình đã ăn sâu, lan rộng trong binh sĩ và công nhân trên các chiến hạm; noi gương tàu *Phorăngxơ* phát cờ đầu, các chiến hạm *Vonte* ở Bidécô, ngư lôi hạm *Ghisen* ở Itêa, chiến hạm *Prôvăngxơ* (Provence) và *Oandéc Rútô*, v.v. cũng nổi lên phản chiến.

10 giờ ngày 21-4-1919, tàu *Phorăngxơ* được lệnh rời Xêvátxtôpôn quay mũi trở về Pháp, 16 giờ đến Côngxtantinôpôlơ (Constantmople), thuộc Thổ Nhĩ Kỳ...

Ngày 19-11-1920 Xêvátxtôpôn được Hồng quân giải phóng, sau hai tháng bị quân bạch vệ chiếm lại.

Các tàu khác cũng nối đuôi nhau ra khỏi Biển Đen, trở về Pháp với sự phá sản của âm mưu bóp chết nước Nga Xôviết của tập đoàn đế quốc chủ nghĩa trong đó có đế quốc Pháp.

Nguyên nhân của tình hình này, trước hết là bởi tinh thần đấu tranh cho hoà bình, chán ghét chiến tranh của binh sĩ Pháp, dẫn tới những cuộc phản chiến, chống đối

mệnh lệnh của bọn chỉ huy hiếu chiến mù quáng; các tổ chức chính trị, xã hội, các báo chí tiến bộ Pháp cổ vũ cho cuộc đấu tranh vì hoà bình, phản đối chiến tranh với nước Nga cách mạng, được đông đảo nhân dân đồng tình, hưởng ứng, làm hậu thuẫn.

Mặt khác, hoạt động của những người cộng sản Pháp ở Nga và những người Bôn-sê-vích Nga làm công tác binh vận trong quân đội Pháp có một tác dụng lớn. Gian Labuóc-bơ (Jeanne Labourbe), người nữ chiến sĩ cộng sản Pháp, sáng lập nhóm cộng sản Pháp ở Mátxcova từ năm 1918, lãnh đạo công tác binh vận đến công tác ở vùng có quân Pháp, Anh chiếm giữ, bị Pháp bắt ở Ô-đét-xa cùng với 10 chiến sĩ nữa (5 nam, 5 nữ) đã hy sinh anh dũng trước loạt đạn của bọn sĩ quan Pháp. Đài phát thanh Mátxcova phát trên làn sóng điện các thư tiếng Pháp, Đức, Anh vào các buổi sáng đến với các thuỷ thủ trên Biển Đen. Nội quy cấm ngặt nghe đài phát thanh Nga Xôviết, nhưng không dập tắt được những buổi nghe bí mật, nhờ vậy tin tức lan truyền đi trong nội bộ.

Những cuộc gặp gỡ, tiếp xúc bất thường trên đường phố giữa những người Bôn-sê-vích Nga và thuỷ thủ Pháp, từ đó nảy sinh tình anh em hiểu biết lẫn nhau, về nguyện vọng hoà bình, tinh thần ủng hộ cách mạng Nga và Nhà nước Xôviết.

Tất cả những nhân tố trên tác động cùng chiều là nguyên nhân đưa đến phá vỡ cuộc vũ trang can thiệp của đế quốc Pháp vào nước Nga và dẫn tới kết thúc nhanh chóng cuộc tiến công của các nước đế quốc đồng minh Anh, Pháp vào Nga. Cách mạng Nga kiên cường, quyết bảo vệ mình, chống kẻ thù đến cùng đã nhận được sự ủng hộ nhiệt tình của tinh thần quốc tế cao đẹp.

Để trừng phạt những cuộc nổi dậy, Chính phủ Pháp ra lệnh bắt hàng loạt, đưa ra xét xử trước toà án quân sự về tội chống mệnh lệnh.

Đô đốc Amê có lần nói: tàu *Phorăngxo* có 200 tên hạnh kiểm xấu, khi trở về đến Tulông hấn ra lệnh bắt 33 người, trong đó 5 thợ máy, 2 công nhân học nghề, 1 tổ trưởng thợ điện, còn lại là thủy thủ các loại, giam và chờ ngày xét xử trước tòa án. Ngoài ra, còn một số khác rất đông bị các hình thức kỷ luật khác theo điều lệnh nhà binh.

Những tổ chức tiến bộ, hoà bình và nhân đạo, những trí thức tiêu biểu của nền văn minh Pháp cùng nhau ra lời kêu gọi nhân dân Pháp kịch liệt lên án hành động quân phiệt của Chính phủ và bọn sĩ quan hiếu chiến. Họ tổ chức các Ủy ban bảo vệ những người tham gia cuộc nổi dậy ở Biển Đen làm cho giới cầm quyền phải chùn tay.

Ăngđơrê Mácty, kỹ sư cơ khí, 34 tuổi, làm trên tàu phóng lôi Porôtét chạy từ Galát vào Ôđétxa, bắt tay với Hồng quân. Ngày 28-4-1919, Mácty bị bắt, được dư luận tặng danh hiệu "Anh hùng của cuộc nổi dậy ở Biển Đen". Ra tòa ngày 5-7-1919 bị kết án 20 năm khổ sai, nhưng trước dư luận của đông đảo nhân dân Pháp, tòa phải xét lại, giảm án, đến ngày 17-7-1923 Mácty được trả lại tự do, sau hơn 4 năm bị cầm tù.

*

* *

Sự kiện cuộc nổi dậy của thủy thủ và công nhân Pháp ở Biển Đen tháng 4-1919 đã đi vào lịch sử nước Pháp, Anh và của cách mạng Nga vĩ đại và dư âm của nó còn vọng mãi với thời gian.

Sự tham gia của Tôn Đức Thắng vào sự kiện kéo cờ đỏ trên chiến hạm *Phorăngxo* ở Biển Đen rất có ý nghĩa. Bởi vì ông là người Việt Nam đầu tiên biểu thị tinh thần yêu nước bằng hành động dũng cảm của mình cùng đồng đội trực tiếp tham gia bảo vệ nước Nga Xôviết, con đẻ của Cách mạng Tháng Mười

vào thời điểm rất quan trọng, làm thất bại âm mưu xoá bỏ nước Nga cách mạng của bọn đế quốc hiếu chiến.

Tuy vậy lúc bấy giờ một vài tờ báo chữ Pháp và chữ Việt vào hòa với nhau xuyên tạc sự kiện trọng đại đó, theo giọng điệu của bọn đế quốc và phản động quốc tế, chỉ được lưu hành trong một số công chức, quan lại cao cấp không có ảnh hưởng gì trong nhân dân, nhất là công nhân và nông dân.

Những tài liệu còn để lại cho biết ngay cả những người tiêu biểu cho tinh thần dân tộc chống chủ nghĩa thực dân như Phan Châu Trinh, Phan Văn Trường khi đó sống ở Pháp, trong không khí đấu tranh chính trị mạnh mẽ như thế, nguồn tin tức nhiều chiều cực kỳ phong phú cũng không có thái độ, chính kiến của mình.

Vào thời gian này, Nguyễn Ái Quốc đang hoạt động ở Pháp, Người đã tích cực tham gia quyên tiền, rải truyền đơn lên án sự an thiệp của Chính phủ Pháp vào nước Nga Xôviết hoan nghênh Cách mạng Tháng Mười Nga².

Việc kéo cờ đỏ chào mừng nước Nga Xôviết của Tôn Đức Thắng trên chiến hạm *Pho-răng-xơ* là một vinh dự có ý nghĩa lịch sử quốc tế trong cuộc đời của Người và của nhân dân Việt Nam.

Năm 1957, đồng chí Tôn Đức Thắng viết: "Tôi tin rằng, bất kỳ người Việt Nam yêu nước nào nhất là công nhân được tham gia vào những giờ phút lịch sử đó tại Biển Đen (Mer Noire) không thể hành động khác tôi, bởi vì yêu Tổ quốc và căm thù đế quốc, cũng có nghĩa là yêu Cách mạng Tháng Mười và căm thù những kẻ chống lại Cách mạng Tháng Mười³."

Câu viết thật khiêm tốn, bình dị, rất tình cảm như con người của nhà cách mạng Tôn Đức Thắng, nhưng mang tính lý luận sâu sắc như một quy luật tự nhiên. Lịch sử đã sinh ra một con người – người công nhân cơ khí – có những nhân tố chủ quan đáp ứng được yêu cầu khách quan của thời cuộc, đó chính là Tôn Đức Thắng.

Trở lại quân cảng Tulông (Toulon) một thời gian, Tôn Đức Thắng nhận được quyết định giải ngũ, trở về Đông Dương. Anh mang theo tinh thần dân tộc kết hợp với tình cảm quốc tế cao đẹp của đồng đội, đồng nghiệp Pháp và những người Bôn-sê-vích Nga, của Cách mạng Tháng Mười Nga, được hình thành trong thực tiễn sinh hoạt và đấu tranh, tiếp tục cuộc đời làm thợ, nhưng trên quê hương, đất nước mình, điều đó có ý nghĩa quan trọng hướng tới tương lai, trên các chặng đường cách mạng về sau của Người.

1. Tôn Đức Thắng: "Tôi đã tham gia cuộc khởi nghĩa tại Biển Đen trong *Chủ tịch Tôn Đức Thắng (1888-1980)*, An Giang, 1988, tr.248.
2. Xem: Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh - Viện Hồ Chí Minh, *Hồ Chí Minh Biên niên tiểu sử (1890-1929)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, t.I, tr.86
3. Bài viết của đồng chí Tôn Đức Thắng nhân dịp kỉ niệm lần thứ 40 Cách mạng Tháng Mười, đăng báo *Matrót* (Người thủy thủ, tiếng Nga) số 24, năm 1957.

THÀNH LẬP CÔNG HỘI BÍ MẬT VÀ LÃNH ĐẠO CÁC CUỘC BÃI CÔNG CỦA CÔNG NHÂN SÀI GÒN – CHỢ LỚN (1920-1930)

1. Xây dựng cơ sở cách mạng và thành lập Công hội bí mật.

Sau vụ binh biến ở Hắc Hải ngày 20-4-1919, Tôn Đức Thắng buộc phải rời khỏi Hải quân Pháp, bị trục xuất khỏi nước Pháp và trở lại Sài Gòn - thành phố vốn đã rất quen thuộc với anh. Do vị trí đặc biệt của nó, ngay từ đầu đánh chiếm nước ta thực dân Pháp đã biến Sài Gòn thành bàn đạp để xâm chiếm toàn bộ miền Nam - bán đảo Đông Dương đồng thời biến nó thành cơ sở để khai thác xứ này. Ngày 13-5-1862, bản đồ Sài Gòn do đại úy công binh Cöffin vẽ đã được công bố. Theo đó, một thành phố cho 50 vạn dân sẽ được xây dựng với các phố rộng 20 mét, cách bến tàu 40 mét. Tiếp đó, ngày 19-5-1862, thực dân Pháp bán đấu giá công cộng 84 lô đất, chiếm 1/20 thành phố cũ (tiền thu được lên tới 102 ngàn đồng (khoảng 500.000 fr)¹). Công việc xây dựng thành phố cũng bắt đầu từ đây. Trong hoàn cảnh đó, ở thành phố này bộ phận công nhân xây dựng ra đời sớm nhất sau đó là công nhân công nghiệp và công nhân giao thông. Còn trên quy mô cả nước, một bộ phận của giai cấp công nhân Việt Nam ra đời sớm nhất là ở Sài Gòn. Qua cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất, đội ngũ công nhân không những đông đảo thêm về số lượng mà còn tham gia phong trào giải phóng dân tộc với tư cách là một bộ phận của dân tộc. Toàn quyền Đông Dương Paul Doumer, từ năm 1901 đã viết: "Sự phát triển của những đô thị lớn như Sài Gòn, Chợ Lớn làm nảy sinh một thứ vô sản thành thị và ngoại ô mà thái độ và hành động của họ làm cho số người Âu và giai cấp giàu có người bản xứ đều lo sợ một cách nghiêm trọng và có lý"². Tôn Đức Thắng trở lại Sài Gòn đúng lúc cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của Pháp được đẩy mạnh. Nhiều nhà máy cũ được mở rộng về quy mô, nhiều nhà máy mới được xây dựng. Đội ngũ công nhân cũng vì vậy mà đông đảo thêm lên. Phong trào đấu tranh của công nhân trở nên thường xuyên hơn không còn là một hiện tượng hiếm gặp như

trước nữa. Diễn hình là cuộc đấu tranh của hơn 600 thợ nhuộm Chợ Lớn (tháng 11-1922). Cuộc đấu tranh này có tiếng vang lớn. Từ Pháp, Nguyễn Ái Quốc đã đánh giá cao vai trò và lực lượng của giai cấp công nhân Việt Nam: "Ở đâu giai cấp công nhân cũng bắt đầu giác ngộ về lực lượng và khả năng của mình" và ca ngợi: "Đây là lần đầu tiên, một phong trào như thế nhóm lên ở thuộc địa. Chúng ta hãy ghi lấy dấu hiệu đó của thời đại"³. Nhưng cũng phải thấy rằng các cuộc đấu tranh của công nhân Sài Gòn lúc đó vẫn nằm trong phạm trù "tự phát", mang nặng tính kinh tế hơn là tính chính trị. Một vấn đề được đặt ra đối với phong trào công nhân Sài Gòn là cần phải có tổ chức. Đồng chí Tôn Đức Thắng, người công nhân ưu tú vừa được trở lại hoạt động trong môi trường cách mạng sôi nổi có nhiều thử thách, sẽ đứng gánh vác trọng trách đó.

Từ nước ngoài trở về, Tôn Đức Thắng đã mang về cho cách mạng Việt Nam nói chung và phong trào đấu tranh của công nhân, nhân dân lao động Sài Gòn nói riêng hai thứ quý giá: *Thứ nhất*, là tình cảm đối với Cách mạng Tháng Mười, ý thức được sự tồn tại của nước Nga Xôviết. *Thứ hai*, Tôn Đức Thắng tiếp nhận tư tưởng về mặt tổ chức của giai cấp công nhân qua các hình thức công đoàn ở các nước tư bản, đặc biệt là nghiệp đoàn ở Pháp. Mặc dù tình cảm đối với Cách mạng Tháng Mười mới chỉ có tính chất cảm tính, tự nhiên, mặc dù chưa đem về được quan niệm về tổ chức Đảng trong phong trào công nhân song đó đều là những vốn quý trong bối cảnh phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam vẫn đang trong tình trạng khủng hoảng đường lối.

Giữa lúc này, phong trào yêu nước đang diễn ra rất sôi động với nhiều tư tưởng, đảng phái khác nhau. Nhưng với sự hiểu biết ít nhiều lý luận về giai cấp và đấu tranh giai cấp, với trải nghiệm qua trường đấu tranh của bản thân, Tôn Đức Thắng quyết định tiếp tục hướng hoạt động mà mình đã chọn từ 15 năm về trước khi còn

là công nhân tham gia ủng hộ cuộc bãi công của học sinh trường Bá Nghệ Sài Gòn năm 1912: đi vào giai cấp công nhân.

Không được vào làm trong bất kỳ nhà máy, xí nghiệp nào của Pháp, Tôn Đức Thắng vào làm công nhân tại một hãng của người Đức có tên là Koff trên đường Sampanhơ (nay là đường Lý Chính Thắng). Vừa kiếm sống, Tôn Đức Thắng vừa tìm cách liên lạc với anh em công nhân trong các nhà máy, xí nghiệp trong thành phố. Cũng vào thời điểm đó có cuộc bãi công, sau đó là mít tinh, biểu tình của thủy thủ mấy chiếc tàu neo đậu tại cảng Sài Gòn là Manvinhem, Ménès, Scharnhorst, Afénas, Néidenfels, Brisgaya, Đô đốc Can Têaum và Buenos Aires đòi tăng lương do giá sinh hoạt đắt đỏ. Chính quyền và chủ tàu không cho những người bãi công ở trên tàu, buộc họ phải mang đồ đạc lên bờ, với tính toán rằng không có chỗ ăn ở thì thủy thủ tất phải khuất phục. Nhưng không, anh em đã mượn được một nhà xe (garage) để ở, Hội viên chức bưu điện Sài Gòn hô hào nhân dân thành phố quyên tiền cho anh em, lập "Ủy ban bữa cháo cộng sản" (Comité de la soupe communiste). Ngày 18-8-1920, cuộc bãi công hoàn toàn thắng lợi. Những cuộc đấu tranh đó làm cho công nhân Việt Nam hiểu rõ vai trò quan trọng và sự cần thiết phải có tổ chức trong công nhân mới có thể đem lại quyền lợi thiết thực cho mình. Hơn ai hết, Tôn Đức Thắng nhận thức rõ yêu cầu đó. Vấn đề đặt ra là tổ chức công nhân như thế nào, hoạt động của nó ra sao trong điều kiện công nhân không có một chút quyền tự do nào, bất cứ một hoạt động yêu nước nào, một hoạt động chống đối nào bị phát hiện cũng đều bị đàn áp. Chính Tôn Đức Thắng đã là người bị chính quyền thực dân truy nã. Rõ ràng, tổ chức công nhân phải bí mật, thận trọng, hoạt động của tổ chức phải khôn khéo. Với lòng nhiệt thành yêu nước, tình đồng nghiệp và uy tín cao, đồng chí đã dần dần đoàn kết được anh em công nhân vào *Công hội bí mật* do mình tổ chức và lãnh đạo. Những cơ sở đầu tiên của Công hội được thành lập ở Cảng Sài Gòn, Xưởng Ba Son, Xưởng FACI, Nhà máy đèn

Sài Gòn, Nhà máy đèn Chợ Quán, sau phát triển ra các cơ sở khác trong thành phố. Để gây quỹ hoạt động, Công hội giao cho Đặng Văn Sâm mở gara sửa chữa máy móc, xe hơi, đào tạo thợ trẻ và tìm hiểu phát triển hội viên trẻ. Công hội không có văn bản, điều lệ. Mục đích chính vẫn chỉ là để công nhân giúp đỡ nhau và đấu tranh bênh vực quyền lợi của người thợ. Việc Tôn Đức Thắng thành lập Công hội vào năm 1920 là một sự kiện rất có ý nghĩa đối với cuộc đời hoạt động cách mạng của đồng chí nói riêng và đối với phong trào công nhân cả nước nói chung. Đây là *Công hội đầu tiên của giai cấp công nhân Việt Nam*. Điều đáng nói là nó rất phù hợp với hoàn cảnh một nước thuộc địa như nước ta. Ở các nước tư bản phương Tây, khi một quyền tự do dân chủ đã được thừa nhận, chỉ có công nhân là bị bóc lột và phải đấu tranh chống lại sự bất công đó thì thường các nghiệp đoàn được thành lập, tiêu biểu là ở Pháp. Các nghiệp đoàn lại thường do những người bên ngoài giai cấp công nhân lập ra, trong số đó có một số đã trở thành "nghiệp đoàn vàng", phản bội lại quyền lợi của giai cấp công nhân. Phong trào công nhân vì thế mà bị chia rẽ sâu sắc. Trong tình cảnh nước ta, Tôn Đức Thắng không thành lập nghiệp đoàn công khai mà phải bí mật để tránh mọi sự đàn áp, khủng bố của kẻ thù. Công hội lập ra cũng không hoàn toàn chỉ có mục đích tương tế, nó đóng góp tích cực vào phong trào dân tộc và thực sự là một bộ phận của phong trào dân tộc. Tuy tiếp thu các hình thức tổ chức của công nhân từ phương Tây, song Công hội vẫn mang dấu ấn của con người Tôn Đức Thắng rất rõ. Một người cứng cỏi, có nghị lực, kiên quyết và yêu nước như anh không thể bị động bởi môi trường, không thể dễ dàng bị mua chuộc. Do vậy, Công hội bí mật không hề bị ảnh hưởng bởi chủ nghĩa cơ hội, chủ nghĩa cải lương. Chưa hề được soi sáng bởi hệ tư tưởng của giai cấp công nhân mà chỉ đi lên từ thực tiễn xã hội thuộc địa, nhưng Công hội do Tôn Đức Thắng thành lập và lãnh đạo lại thật trùng hợp với lý luận về tổ chức Công hội mà lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đúc kết: "**Tổ chức công hội để làm gì?** Tổ chức công hội trước là để cho công nhân đi lại với nhau cho có cảm tình; hai là để nghiên cứu

với nhau; ba là để sửa sang cách sinh hoạt của công nhân cho khác hơn bây giờ; bốn là để giữ gìn lợi quyền cho công nhân; năm là để giúp cho công nhân, giúp cho thế giới...

Cách tổ chức công hội như thế nào? Tổ chức có hai cách, cách nghề nghiệp và cách sản nghiệp. Nghề nghiệp là ai làm nghề gì thì vào hội nghề ấy... Sản nghiệp là bất kỳ nghề gì, hễ làm một chỗ thì vào một hội...

Cách tổ chức bí mật thế nào? Khi hội được công khai, các tiểu tổ cũng phải giữ bí mật. Khi không được công khai, thì phải mượn tiếng hợp tác xã, trường học, hoặc câu lạc bộ (nhà xéc) vân vân, che mắt người ta. Ở Tàu, ở Nhật nhiều nơi thợ thuyền lập nhà bán nước, ngoài thì bán bánh bán nước, trong thì làm việc hội. Thợ thuyền vào uống nước ăn bánh và bàn việc; cho nên ma tà mật thám không làm gì được. Có nơi lại giả hội cúng tế hoặc hội chơi, vân vân để che cho công hội"⁴.

Điều này một lần nữa chứng tỏ "thực tiễn là tiêu chuẩn của chân lý". Chính vì vậy, trong điều kiện còn nhiều khó khăn, Công hội vẫn tồn tại và phát triển. Đến năm 1929, số hội viên đã lên đến 300 người, Ban Chấp hành gồm có:

1. Tôn Đức Thắng (thợ máy hãng Kroff), hội trưởng.
2. Nguyễn Văn Cân (thợ nguội hãng FACI), phó hội trưởng.
3. Nguyễn Mạnh (thợ vẽ nhà đèn), thư ký.
4. Đặng Văn Sâm (thợ tiện nhà đèn), thủ quỹ.
5. (Chưa biết tên), kiểm soát viên⁵.

2. Lãnh đạo phong trào công nhân Sài Gòn - Chợ Lớn

Trong những năm tồn tại và hoạt động, Công hội đã lãnh đạo cuộc đấu tranh của công nhân Ba Son (8-1925). Xưởng Ba Son là nhà máy lớn nhất của thực dân Pháp ở Sài Gòn lúc đó, có hơn 1.000 công nhân làm nhiệm vụ sửa chữa tàu chiến và tàu

buôn. Thực chất, nó là một công binh xưởng đặt dưới sự chỉ huy của Hải quân Pháp. Ba Son chính là một chi nhánh của nhà máy Arsenal de Toulon thuộc Hải quân Pháp. Tôn Đức Thắng từng làm việc ở cả hai nơi này. Ba Son là xưởng duy nhất ở Đông Dương được hưởng chế độ làm ngày 8 tiếng, lương cũng cao hơn các xưởng khác và được nghỉ 30 phút vào ngày lĩnh lương đầu tháng. Nhưng đồng thời thực dân Pháp cũng ràng buộc công nhân bằng những luật lệ nghiêm ngặt như luật chống bãi công. Nhìn chung, vào thời điểm bấy giờ, điều kiện lao động ở Ba Son tốt hơn các nhà máy, xí nghiệp, phân xưởng của Pháp trên đất Việt Nam. Vào năm 1925, để đàn áp phong trào cách mạng ở Trung Quốc, thực dân Pháp điều động một đoàn tàu chiến gồm các tàu Misolê (Michelet), Phery (Ferry), Menơ (Maine) sang Trung Quốc. Trên đường đi tàu Misolê bị hỏng và được đưa vào xưởng Ba Son để sửa chữa.

Là người từng tham gia phản chiến trên Biển Đen để ủng hộ nước Nga Xôviết, Tôn Đức Thắng thấy cần ngăn chặn kế hoạch sửa chữa hoặc ít ra cũng làm chậm lại ngày nhổ neo của tàu Misolê bằng cách vận động công nhân bãi công để ủng hộ phong trào cách mạng và phong trào công nhân Trung Quốc. Thế nhưng Ba Son là một nhà máy của quân đội, chế độ quản lý và tổ chức rất nghiêm. Vấn đề là phải tìm được cơ, trước hết là cơ kinh tế cho cuộc bãi công. Công hội Ba Son do Lê Văn Lương phụ trách cho biết Ba Son vẫn có lệ là được nghỉ sớm 30 phút vào ngày lĩnh lương, nhưng từ khi kỹ sư Cuócchian (Courtial) từ Pháp mới sang quản lý nhà máy thì lệ ấy bị rút xuống chỉ còn 15 phút. Công hội quyết định vin vào cơ đó để phát động cuộc bãi công.

Ngày 4-8-1925 là ngày lĩnh lương, công nhân đóng máy phản đối Cuócchian và đòi vẫn nghỉ 30 phút như trước. Trước sự việc này, viên kỹ sư đã đuổi một số công nhân ra khỏi xưởng. Ngòi nổ đã được châm lửa. Sáng ngày 5-8-1925 công nhân họp mítting đề ra ba yêu sách:

- Tăng lương đồng loạt 20%.
- Đưa những người bị sa thải trở lại làm việc.
- Giữ nguyên lệ cũ nghỉ từ 5 giờ chiều ngày lĩnh lương.

Bọn chỉ huy hăm dọa đuổi hết thợ, đóng cửa nhà máy. Đến ngày 11-8-1925, Thống đốc Nam Kỳ và Tư lệnh Hải quân Pháp gặp 4 đại diện công nhân, đe dọa sẽ đóng xưởng và sa thải toàn bộ, nếu công nhân không trở lại làm việc trong ngày 12-8. Công nhân lại đưa thêm yêu cầu chủ phải trả lương cả trong những ngày nghỉ bãi công. Cuộc bãi công vẫn tiếp tục. Báo chí Pháp đã đăng tải về sự kiện này với nỗi lo ngại sâu sắc. Tờ *Impartial* (Vô tư) xuất bản ở Sài Gòn, đã viết:

"Chúng ta biết rằng chiến hạm Michelet phải sang Trung Quốc để giúp việc bảo vệ các tô giới..."

Hiện giờ cuộc bãi công Ba Son tiếp tục trong lúc chiến hạm của chúng ta cần được sửa chữa gấp rút.

Cuộc bãi công xảy ra trong lúc mà bạn đồng nghiệp *La Quotidien* (Nhật báo) bên Pháp báo tin rằng viên Chủ tịch quốc tế cộng sản vừa mới tuyên bố là: Ngày nay Trung Quốc đang nổi dậy, ngày mai tới phiên Đông Dương, Ấn Độ sẽ nổi dậy".

Nhiều báo thực dân đặt câu hỏi một cách đe dọa, xin chính quyền cứ đàn áp: hỏi rằng ở đất Sài Gòn đất đỏ này, ai trả tiền, cấp gạo cho hơn 1.000 công nhân bãi công kéo dài? Báo thực dân nói rằng trông thấy bàn tay của Mạc Tư Khoa⁶.

Trong khi đó, Công hội vận động công nhân viên chức các công sở và các xưởng máy ở Sài Gòn - Chợ Lớn hưởng ứng việc quyên góp tiền, gạo ủng hộ anh em Ba Son. Báo *Chuông rè* (La clocke fêlée) của Nguyễn An Ninh cũng vào cuộc. Sự ủng hộ đó đã tiếp thêm sức mạnh và cổ vũ tinh thần tranh đấu của những người bãi công Ba Son. Trước tinh thần đấu tranh kiên quyết của anh em công nhân và áp lực của quần chúng, giới chủ phải nhượng bộ và chấp nhận các yêu sách của anh em,

chịu tăng lương 10% sau 9 ngày đấu tranh. Dưới sự lãnh đạo của Công hội, anh chị em công nhân đã đi làm trở lại nhưng tiếp tục bãi công để kéo dài thời gian sửa chữa tàu. Mãi đến gần 4 tháng sau, ngày 28-11-1925, chiến hạm Misolê mới được xuất xưởng, khi phong trào đấu tranh của công nhân và thủy thủ Trung Quốc đã kết thúc thắng lợi.

Cuộc bãi công của công nhân xưởng Ba Son do Công hội của Tôn Đức Thắng tổ chức và lãnh đạo thực sự có ý nghĩa chính trị to lớn. Cuộc đấu tranh đã nổ ra dưới khẩu hiệu kinh tế nhưng nhằm một mục đích chính trị rõ rệt. Nó thể hiện ý thức đoàn kết giai cấp, ý thức đoàn kết quốc tế và tính tổ chức của giai cấp công nhân Việt Nam. Không có ý thức đoàn kết, không có tính tổ chức làm sao có thể lôi kéo hơn 1.000 công nhân đấu tranh trong khi họ đang được hưởng những điều kiện lao động tốt hơn những người khác. Riêng đối với bản thân Tôn Đức Thắng, từ việc tham gia cuộc binh biến ở Hắc Hải năm 1919 đến việc lãnh đạo cuộc bãi công của công nhân Ba Son năm 1925, tinh thần quốc tế của đồng chí đã được khẳng định rõ. Tiếng vang của cuộc bãi công đã vượt qua biên giới, đến với Đại hội lần thứ VI của Quốc tế Cộng sản (1928) khi Đoàn đại biểu của Đông Dương báo cáo trên diễn đàn Đại hội: "Công nhân Ba Son không chịu sửa chữa tàu Misolê mà bọn đế quốc dùng để tàn sát nhân dân Trung Quốc"⁷.

Cuộc đấu tranh của công nhân Ba Son không chỉ nói lên trình độ tự giác, trình độ tổ chức, tinh thần quốc tế vô sản của công nhân Việt Nam, uy tín của tổ chức Công hội và vai trò của Tôn Đức Thắng mà còn mở đầu cho một giai đoạn mới, đánh dấu sự chuyển biến của phong trào công nhân từ tự phát đi lên tự giác, từ "giai cấp tự nó" vươn lên trở thành "giai cấp cho nó". Đóng góp tích cực vào sự chuyển biến đó, không thể không nhắc đến vai trò của Tôn Đức Thắng, người công nhân ưu tú, người hội trưởng và lãnh tụ chân chính của giai cấp công nhân Sài Gòn - Chợ Lớn lúc bấy giờ. Đánh giá vai trò của Tôn Đức Thắng đối với cuộc bãi công ở Ba Son

nói riêng và phong trào công nhân đầu những năm 1920 nói chung, lão thành cách mạng - Giáo sư Trần Văn Giàu khẳng định:

Giai cấp công nhân đã hiện diện trên chính trường, mà lạ thay và đẹp thay không một đảng quốc gia tiểu tư sản hay tư sản nào lôi kéo được, ở Bắc, ở Nam và nhất là Sài Gòn, các cuộc đấu tranh hồi 1924-1925 được ảnh hưởng trực tiếp của những người công nhân Việt Nam đã từng ở Pháp, chịu ảnh hưởng của Cách mạng Tháng Mười Nga, của phong trào công nhân và công đoàn Pháp, tiêu biểu nhất là anh thợ máy Tôn Đức Thắng - người đã từng tham gia binh biến Biển Đen năm 1919⁸.

Mặt khác, xét trên một ý nghĩa nào đó, cuộc đấu tranh của công nhân Ba Son đã vượt ra ngoài khuôn khổ lãnh đạo của một tổ chức Công hội mà chức năng chủ yếu chỉ là đấu tranh cho quyền lợi thiết thực hàng ngày của công nhân. Qua phong trào này thấy rõ công nhân đang muốn vươn tới một tổ chức cách mạng cao hơn. Đó là một đòi hỏi thực tế của phong trào công nhân Sài Gòn đặt ra lúc bấy giờ. Chính Tôn Đức Thắng sau này đã thừa nhận: "Anh em công nhân hồi ấy mong muốn có một tổ chức đấu tranh rộng rãi, lôi kéo được đông đảo quần chúng đấu tranh cách mạng"⁹. Thế nhưng, vào thời điểm đó ở trong nước chưa có tổ chức nào có được một cương lĩnh chính trị rõ ràng và đúng đắn một đường lối cách mạng thực sự chân chính đủ khả năng đưa phong trào giải phóng dân tộc đến thắng lợi cuối cùng. Tuy vậy, từ việc ra đời của Công hội bí mật đến việc Công hội lãnh đạo giành thắng lợi trong cuộc đấu tranh của công nhân Ba Son vào tháng 8-1925 đã tạo ra *bước ngoặt thứ tư* trong cuộc đời cách mạng của Tôn Đức Thắng, làm nảy sinh và tăng cường sức mạnh nhờ tổ chức và tư tưởng chính trị theo khuynh hướng cách mạng vô sản.

Một sự trùng hợp ngẫu nhiên trong lịch sử Việt Nam là cũng vào thời gian đó, Nguyễn Ái Quốc sau khi tìm thấy con đường cứu nước đã ra sức truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin vào Việt Nam. Để hoàn thành sứ mạng lịch sử đó, Nguyễn Ái

Quốc cần một lực lượng có tinh thần cách mạng để “gieo mầm cộng sản” trong quần chúng nhân dân lao động. Tháng 6-1925, Người thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên ở Quảng Châu (Trung Quốc). Nhiệm vụ hàng đầu của tổ chức này là huấn luyện chiến sĩ cách mạng trẻ tuổi rồi tung về nước tổ chức nhiều chi bộ theo nguyên tắc mỗi một hội viên mới được kết nạp vào hội phải trở thành một phần tử mới của một chi hội mới". Tháng 10-1926, sau khi lớp huấn luyện khoá I kết thúc, một số đồng chí được kết nạp vào Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, 5 người được kết nạp vào Cộng sản Đoàn là Trần Phú, Nguyễn Văn Lợi, Phan Trọng Bình, Phan Trọng Quảng, Nguyễn Ngọc Ba. Các học viên được phân công về nước hoạt động. Sẵn có tình cảm tốt đẹp với phong trào công nhân Sài Gòn, nhận định Sài Gòn sẽ là một trong các trung tâm truyền bá tư tưởng cách mạng vô sản trong nước, Nguyễn Ái Quốc cử Phan Trọng Bình và Nguyễn Văn Lợi về Sài Gòn gây dựng cơ sở.

Trở về nước, Phan Trọng Bình và Nguyễn Văn Lợi đã tìm hiểu các tổ chức yêu nước cũng như đời sống của các tầng lớp nhân dân và nhận thấy các tổ chức ở đây phần lớn có tính chất cải lương. Riêng tổ chức của Nguyễn An Ninh là có xu hướng cách mạng, song còn chưa có đường lối, đa số hội viên lại là địa chủ, tư sản và tiểu tư sản, những tay anh chị nghĩa hiệp và một bộ phận quần chúng nông dân nghèo. Tuy nhiên, đầu năm 1927, qua nhóm của Nguyễn An Ninh, các đồng chí đã tiếp xúc được với Tôn Đức Thắng.

Về phía Tôn Đức Thắng và một số anh em đồng chí, đã có cơ hội tiếp xúc với một số báo chí tiên bộ của Đảng Cộng sản và Tổng Công hội Pháp gửi sang như *Nhân đạo*, *Đời sống thợ thuyền*. Từ năm 1922-1925, có các tác phẩm của Nguyễn Ái Quốc, bằng nhiều con đường được gửi về nước như *Le Paria* và *Bản án chế độ thực dân Pháp*. Tôn Đức Thắng cũng như nhiều thanh niên Việt Nam yêu nước lúc bấy giờ đều bị sức hấp dẫn mạnh mẽ bởi cái tên Nguyễn Ái Quốc. Theo lời Tôn

Đức Thắng thì trong thời gian ở Pháp, đồng chí đã từng tìm gặp Nguyễn Ái Quốc mà không gặp được đồng chí ấy"¹⁰. Chỉ đến khi anh bắt liên lạc được với những thành viên của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên thì Công hội bí mật mới có những nội dung, phương hướng mới.

Như vậy, đầu năm 1927, tại Sài Gòn đã diễn ra cuộc hội ngộ giữa những người học trò của Nguyễn Ái Quốc đang đi tìm lực lượng để gây dựng cơ sở ở Nam Kỳ và Tôn Đức Thắng, người lãnh đạo phong trào công nhân Sài Gòn đang tìm kiếm đường lối mới. Phan Trọng Bình trong hồi ký của mình đã nhớ lại: "Chúng tôi tìm hiểu Bác Tôn, không dè chúng tôi lại trở thành đối tượng tìm hiểu của Bác"¹¹. Ở Tôn Đức Thắng, Phan Trọng Bình và những người đồng chí của ông đã bắt gặp một người công nhân tiêu biểu cho giai cấp công nhân ở một nước thuộc địa, có ý thức giai cấp công nhân, đồng thời có ý thức dân tộc sâu rộng, có quyết tâm đấu tranh bất khuất, dày kinh nghiệm vận động công nhân, có ảnh hưởng trong giới thợ thuyền. Ngược lại, Tôn Đức Thắng cũng được gặp những thanh niên có hiểu biết nhất định về lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin, có đường lối cách mạng mà Tôn Đức Thắng đang cần.

Năm 1927, Tôn Đức Thắng được kết nạp vào Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên. Đến lượt mình, Tôn Đức Thắng đã giác ngộ hội viên Công hội của mình và kết nạp một số người vào Hội Thanh niên. Đây là *bước ngoặt thứ năm* trong cuộc đời cách mạng của Tôn Đức Thắng, vì từ đây Tôn Đức Thắng và Công hội bí mật thật sự hoạt động dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Như vậy tổ chức cách mạng mà Nguyễn Ái Quốc sáng lập đang cần lực lượng đã gắn được với tổ chức Công hội ở Sài Gòn, tổ chức nghiệp đoàn, một lực lượng xã hội chủ yếu để tiếp nhận chủ nghĩa Mác-Lênin. Có thể nói, trong tổ chức Thanh niên ở trong nước lần đầu tiên có công nhân tham dự. Đồng thời, Tôn Đức Thắng cùng Phan Trọng Bình lựa chọn người đi Quảng Châu dự các lớp huấn

luyện chính trị do Nguyễn Ái Quốc mở. Trong lớp huấn luyện chính trị khoá III có 9 người từ Sài Gòn sang, thì có 5 người là hội viên Công hội: Trần Ngọc Giải (tức Thuận Hoà), quê ở Mỹ Tho; Trần Văn Hoa (tức Hoè), quê ở Mỹ Tho; Bùi Văn Thêm (tức Định), quê ở Tân Định (Sài Gòn) và Đặng Văn Sâm (tức Nhuận), quê ở Phú Nhuận (Sài Gòn). Sau khi học xong, họ đều trở lại Nam Bộ hoạt động. Theo hồi ký của Phan Trọng Bình thì ngoài nhóm công nhân ở Sài Gòn, Tôn Đức Thắng còn giới thiệu một số người khác ở Mỹ Tho có lòng yêu nước như cô Ba Viễn, một cô giáo có uy tín trong tỉnh. Cô Ba Viễn lại giới thiệu một số người, trong đó có chị Nguyễn Trung Nguyệt (tức Bảo Lương) và chị được giới thiệu đi học lớp huấn luyện chính trị khoá IV.

Có thể nói, vào thời kỳ đầu hình thành tổ chức cách mạng theo khuynh hướng vô sản tại Sài Gòn, những học trò của Nguyễn Ái Quốc đã dựa vào Công hội của Tôn Đức Thắng để gây dựng và phát triển tổ chức của mình. Nói cách khác, Công hội Sài Gòn những năm 1926-1927 thực sự là cơ sở cho sự hình thành và phát triển tổ chức Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên, chẳng những ở Sài Gòn mà còn trên toàn xứ Nam Kỳ. Chính vì vậy, giữa năm 1927, khi số lượng hội viên Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên ở Sài Gòn đã tăng lên tương đối (30 người so với số hội viên ở một số địa phương khác như Hà Nội: 40 người, Nam Định: 40 người, Nghệ Tĩnh: 30 người, Thái Bình: 20 người, Quảng Nam: 15 người, Hải Phòng và Hà Bắc; mỗi nơi 10 người)¹²; một số học viên dự lớp huấn luyện chính trị ở Quảng Châu như Phạm Văn Đông, Phan Trọng Quang, Nguyễn Ngọc Ba... được cử về Nam Bộ tăng cường thêm cho đội ngũ lãnh đạo ở đây thì *Kỳ bộ Nam Kỳ đã được thành lập*. Buổi đầu tham gia Kỳ Bộ gồm các đồng chí Phan Trọng Bình, Nguyễn Văn Lợi, Tôn Đức Thắng, Ngô Thiêm, Nguyễn Văn Pháp... do Phan Trọng Bình làm Bí thư, đồng chí Tôn Đức Thắng được cử làm Ủy viên Ban Chấp hành Kỳ Bộ. Sau đó mới tiến hành thành lập các Tỉnh bộ. Tại Sài Gòn, Thành bộ cũng được ra

mất do Tôn Đức Thắng làm Bí thư. Đến năm 1929, toàn Nam Kỳ đã có 19 cơ sở chi Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.

Từ năm 1927, Kỳ bộ Nam Kỳ đã nhận được báo *Thanh niên*, cuốn *Đường Kách mệnh*, cuốn *Vỡ lòng chủ nghĩa cộng sản* và nhiều tài liệu mácxít khác bằng tiếng Pháp. Đầu năm 1928, dựa vào những bài giảng của Nguyễn Ái Quốc và các tài liệu mácxít. Kỳ bộ và một vài Tỉnh bộ đã mở các lớp huấn luyện, bồi dưỡng chính trị ngắn ngày cho các hội viên mới. Kỳ bộ xuất bản tạp chí *Bôn-sê-vích* và báo *Công nông binh* do Phạm Văn Đồng và Nguyễn Kim Cương phụ trách. Từ năm 1929, để thực hiện chủ trương "Vô sản hoá", Kỳ bộ đã đưa những hội viên của mình vào hoạt động bí mật trong các nhà máy, xí nghiệp như Ngô Gia Tự hoạt động tại bến cảng, Lê Văn Lương, Hoàng Quốc Việt ở xưởng Faci, Phan Trọng Quảng trong xưởng kéo xe... Với những hoạt động tích cực đó, Kỳ bộ Nam Kỳ của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên đã biến tư tưởng cách mạng mới thành một khuynh hướng chủ đạo đối lập với hệ tư tưởng thực dân - phong kiến trong đời sống chính trị, tư tưởng của nhân dân Sài Gòn và Nam Bộ, đẩy phong trào công nhân Sài Gòn tiến lên những bước mới.

Dưới sự lãnh đạo của Kỳ bộ Nam Kỳ, trong đó có sự đóng góp của Tôn Đức Thắng, phong trào công nhân Nam Kỳ phát triển mạnh mẽ. Trong tổng số 57 cuộc đấu tranh của công nhân cả nước trong những năm 1926- 1928 thì đa phần là những cuộc đấu tranh của công nhân Sài Gòn - Chợ Lớn và các vùng phụ cận. Tiêu biểu là cuộc đấu tranh của công nhân Đồn điền Phú Riềng (tháng 8 và tháng 9- 1927), Nhà máy nước đá Larue (2- 1928), Nhà máy in Portail Sài Gòn (5-1928), Đồn điền cao su Cam Tiêm (9-1928), Hãng dầu Nhà Bè (11- 1928)... Từ đấu tranh cho các mục tiêu kinh tế đã tiến lên các mục tiêu chính trị, phong trào công nhân đã dần trở thành một lực lượng chính trị độc lập trong phong trào giải phóng dân tộc ở nước ta.

Không nghi ngờ gì nữa, ở Sài Gòn, truyền thống đấu tranh quật khởi của công nhân đã xác lập. Do vậy, các tổ chức tiền thân của Đảng như Thanh niên và Tân Việt đã lấy nơi này làm địa bàn chủ yếu để từ đó toả đi đồng bằng Nam Bộ và Nam Trung Bộ. Cũng không ở đâu như Sài Gòn, có mặt đông đủ các tổ chức cộng sản trước ngày hợp nhất thành Đảng Cộng sản Việt Nam, từ An Nam Cộng sản Đảng, Đông Dương Cộng sản Đảng đến Đông Dương Cộng sản Liên đoàn.

Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (3-2-1930), đội tiên phong chiến đấu của giai cấp công nhân nước ta khẳng định hoạt động tích cực của Nguyễn Ái Quốc và những học trò của Người trong sự kết hợp giữa chủ nghĩa Mác-Lênin, phong trào yêu nước và phong trào công nhân. Tại Sài Gòn, quá trình kết hợp đó diễn ra thuận lợi vì có sự hoạt động tích cực của Công hội do Tôn Đức Thắng sáng lập. Trên một ý nghĩa nào đó Công hội của Tôn Đức Thắng đã bắc nhịp cầu đưa chủ nghĩa Mác-Lênin đến với giai cấp công nhân. Vai trò của Công hội mà Tôn Đức Thắng là người Hội trưởng thật quan trọng trong lịch sử phong trào công nhân Việt Nam vào những năm đầu truyền bá tư tưởng cách mạng vô sản ở Sài Gòn. Vì vậy, có thể nói, Tôn Đức Thắng không chỉ là một chiến sĩ tiên phong của phong trào công nhân, một trong những người sáng lập tổ chức công đoàn của giai cấp công nhân Việt Nam mà còn là một trong những đảng viên lớp tiền bối của Đảng Cộng sản, có công trong cuộc vận động thành lập Đảng.

Trở lại giữa năm 1929, Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên bị phân liệt trước yêu cầu phải nhanh chóng thành lập một Đảng Cộng sản ở Việt Nam. Sự phân liệt càng mạnh mẽ hơn khi Đông Dương Cộng sản Đảng được thành lập (6-1929) và cử cán bộ vào Nam Kỳ xây dựng tổ chức Đảng. Tại đây, các đồng chí lãnh đạo Kỳ bộ Nam Kỳ cũng đang tích cực hoạt động cho việc thành lập Đảng. Khi công việc đang được tiến hành khẩn trương và phong trào cách mạng cũng đang có những

chuyển biến mạnh mẽ thì xảy ra một sự kiện đánh dấu một bước ngoặt mới trong đời hoạt động cách mạng của Tôn Đức Thắng: sự kiện vụ án đường Barbier.

Vụ án đường Barbier xảy ra ngày 8-12-1928. Đây thực chất là vụ trừng phạt nội bộ trong hội viên Kỳ bộ Nam Kỳ. Do một số mâu thuẫn nội bộ cộng với việc hội viên mắc kỷ luật đã dẫn đến án tử hình tại số 7 đường Barbier (sau năm 1954 đổi là đường Lý Trần Quán, Thành phố Hồ Chí Minh, nay là đường Thạch Thị Thanh, phường Tân Định, quận I, Thành phố Hồ Chí Minh). Sự việc này là một khuyết điểm rất đáng tiếc của Kỳ bộ Nam Kỳ, mà sau này Tổng bộ đã phê phán nghiêm khắc. Chỉ do một sự tình cờ mà cảnh sát phát hiện ra cái xác bị thiêu cháy và tiến hành điều tra truy tìm hung thủ. Sự việc vỡ lở, thực dân Pháp biết rất rõ đây là hành động của một tổ chức chính trị nên vội vin vào cơ này để đàn áp tổ chức. Chúng hình sự hóa vụ án, coi vụ việc không liên can gì đến chính trị để tránh phản ứng của dư luận.

Tháng 7-1929, chúng mở đợt khủng bố bắt bớ hội viên Kỳ bộ tại Sài Gòn và Nam Bộ. Ngày 23-7-1929, chúng vây ráp trụ sở Kỳ bộ tại hẻm đường La Cadơ (La Case) nay (là đường Nguyễn Tri Phương), và một số cơ sở ở đường Frerơ Lui (Frères Louis) (nay là đường Nguyễn Trãi) bắt các đồng chí Nguyễn Kim Cương, Nguyễn Văn Giao, Nguyễn Văn Phát, Nguyễn Thị Nhỏ... Đồng chí Phạm Văn Đồng do về Trung Bộ nên thoát khỏi đợt bắt bớ này, nhưng ngày 28-7-1929, khi đồng chí từ miền Trung trở lại, đến ga Sài Gòn lúc 5 giờ chiều ngày 23-7-1929 thì cũng bị bắt. Bọn chúng bố trí lính đón lõng tại Cầu Kiệu, khi đồng chí Tôn Đức Thắng và Trần Trương đi qua cũng bị xích tay, bắt đi.

Hơn một năm bị giam tại Khám lớn Sài Gòn, Tôn Đức Thắng luôn giữ vững khí tiết của người chiến sĩ cách mạng, kiên cường chống lại sự khủng bố của địch, không cho chúng moi tin tức về tổ chức. Mặt khác, Tôn Đức Thắng còn động viên anh em vững vàng, tin tưởng vào tương lai tất thắng của cách mạng nước ta.

Không khuất phục được các đồng chí, ngày 25-6-1930, Tòa đại hình của Pháp đã kết án:

Ngô Thiêm: Tử hình

Trần Văn Phồng: Tử hình

Tôn Đức Thắng: 20 năm khổ sai

Phạm Văn Đồng: 10 năm tù giam

Đặng Văn Sâm: 10 năm tù giam

Bùi Văn Thâm: 10 năm tù giam

Ngoài ra, còn một số án tù khác. Tôn Đức Thắng trên danh nghĩa bị kết án vì tội "đồng lõa giết người", nhưng thực dân Pháp truy tìm được lý lịch của người từng tham gia kéo cờ đỏ phản chiến ở Hắc Hải để ủng hộ chính quyền Nga Xôviết non trẻ, người tham gia nhiều hoạt động yêu nước trong suốt 10 năm kể từ khi trở về nước. "Tội danh" thực sự của đồng chí đã được chúng xác định là "tham gia với tư cách phụ trách và là thành viên hội kín, hoạt động phá rối an ninh công cộng, gây rối loạn chính trị nghiêm trọng, gây hận thù, chống lại Chính phủ Pháp và Chính phủ bảo hộ... đã đồng lõa với âm mưu chống lại an ninh Nhà nước"¹³.

Đêm ngày 2 rạng sáng ngày 3-1930, con tàu Ácmăng Rútô (Armand Rousseau) của thực dân Pháp lặng lẽ rời cảng Sài Gòn đưa Tôn Đức Thắng và một số cán bộ, quần chúng yêu nước ra đày tại Côn Đảo. Kể từ đó cho đến ngày 18-8-1945, khi Côn Đảo được giải phóng, người tù mang số tù 5289-TF cùng với lời ghi chú trong phiếu quản lý *Sujet dangereux* (phần tử nguy hiểm) đã chứng tỏ nghị lực phi thường ý chí kiên cường và lòng trung thành vô hạn với cách mạng. 15 năm ở địa ngục trần gian Côn Đảo là quãng thời gian thử thách lớn nhất trong cuộc đời hoạt động cách mạng của Tôn Đức Thắng, nhưng đó cũng là quãng đời đầy vinh quang khi Bác thực sự biến nhà tù đế quốc thành trường học cách mạng.

Nếu như sự kiện Hắc Hải năm 1919 mở ra một bước ngoặt trong cuộc đời cách mạng của Tôn Đức Thắng khi đồng chí từ Pháp trở về trực tiếp tham gia vào phong trào cách mạng Việt Nam, thì 10 năm sau, vụ án đường Barbier lại mở ra một bước ngoặt mới, kết thúc 10 năm hoạt động cách mạng sôi nổi từ 1920-1930. Mười năm không phải là một quãng thời gian quá dài đối với một đời người và lại càng ngắn ngủi so với chiều dài lịch sử nhưng trong khoảng thời gian đó Tôn Đức Thắng đã làm được rất nhiều việc cho giai cấp công nhân, cho nhân dân và dân tộc. Từ việc thành lập Công hội bí mật năm 1920, lãnh đạo cuộc bãi công có tính chất bước ngoặt đánh dấu sự chuyển biến của phong trào công nhân đi từ tự phát sang tự giác của công nhân Ba Son tháng 8-1925, đến việc tham gia Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên và đóng góp vào quá trình vận động thành lập Đảng ở Nam Kỳ, chừng đó việc đã chứng tỏ công lao của Tôn Đức Thắng đối với phong trào giải phóng dân tộc những năm 1920. Điều đó chứng tỏ rằng Tôn Đức Thắng đã lao động, hoạt động không ngừng với tất cả lòng nhiệt thành. Nhà nghiên cứu Trần Bạch Đằng đã nhận định rất chính xác: Tôn Đức Thắng không phải nhà lý luận, nhà tư tưởng hay nhà sáng tác mà là con người của hành động, hành động tiên phong.

Bản thân Tôn Đức Thắng, giai đoạn 1920-1930 đánh dấu bước chuyển biến về mặt tư tưởng có tính chất quyết định đối với toàn bộ cuộc đời hoạt động cách mạng của đồng chí, đi từ chủ nghĩa yêu nước đến chủ nghĩa Mác - Lênin. Xuất thân trong một gia đình nông dân tương đối khá giả, Tôn Đức Thắng đã tự lựa chọn con đường làm thợ và dần dần trưởng thành trong phong trào công nhân, để rồi trở thành một người cộng sản. Con đường mà Tôn Đức Thắng đã đi là con đường đúng đắn, hợp quy luật lịch sử và yêu cầu của thời đại. Đó là con đường chung tất yếu của tất cả những người Việt Nam yêu nước chân chính. Chỉ khác là trong khi có những người yêu nước khác phải qua nhiều bước trung gian ngoắt ngoéo như vào Việt Nam Quốc dân Đảng hay các tổ chức tiền bối của Đảng rồi mới đến được

chủ nghĩa Mác - Lênin, thì Tôn Đức Thắng vinh dự gặp được chủ nghĩa xã hội ngay trong phong trào công nhân mà đồng chí là một trong những người tổ chức và lãnh đạo. Nhưng mặt khác cũng phải nói rằng, trong buổi giao thời của lịch sử, khi phải đứng trước nhiều lựa chọn khó khăn thì việc chọn con đường thẳng đến với chân lý cứu nước của người thanh niên yêu nước đã khẳng định bản lĩnh và khả năng tư duy độc lập sáng tạo của Tôn Đức Thắng. Cũng như Nguyễn Ái Quốc, Tôn Đức Thắng là một trong số không nhiều thanh niên Việt Nam đương thời đã vượt qua những lối mòn, đi theo con đường thời đại mà dân tộc đang mong đợi, đòi hỏi.

1. Xem: Paul Vial: *Les Premières années de la Cochinchine*. Tome 1, Chullamel cané. Edit, Paris, 1874, p.94.

2. P.Doumer: *Báo cáo năm 1901*, trong R.De Lamothe: *Note sur la situation de la Cochinchine de 1897 à 1901*.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t 2, tr. 114

4. Hồ Chí Minh: *Sđđ*, t.2, tr.302-307.

5. *Sự truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin và các tổ chức cộng sản đầu tiên ở Thành phố Hồ Chí Minh*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1980, tr. 22-24.

6. Dẫn theo Trần Văn Giàu: *Sài Gòn xưa, Thành phố Hồ Chí Minh nay và ảnh hưởng của Cách mạng Tháng Mười Nga*, Kỷ yếu hội thảo khoa học về Chủ tịch Tôn Đức Thắng nhân dịp kỷ niệm 100 năm ngày sinh, Ban Tuyên giáo tỉnh ủy An Giang, 1989, tr.36.

7. *Tham luận của Đại biểu Đông Dương*, Tạp chí *Học tập*, số 2 năm 1961, tr. 38

8. Trần Văn Giàu: "Sự phát triển của tư tưởng Việt Nam từ thế kỷ XIX đến Cách mạng Tháng Tám" t.3: *Thành công của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997, tr. 53.
9. *Một số vấn đề lịch sử giai cấp công nhân Việt Nam*, Nxb. Lao động, Hà Nội, 1974, tr. 228.
10. Báo *Thống nhất*, số 155, ngày 19-5-1960.
11. Phan Trọng Bình: "Bác Tôn Đức Thắng", trong *Tôn Đức Thắng - Người cộng sản mẫu mực, biểu tượng của đại đoàn kết* (Hồi ký), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003, tr. 186.
12. Nguyễn Thành, Phạm Xanh, Đặng Hoà, Đào Phiếu: *Việt Nam Thanh niên Cách mạng đồng chí hội*, Nxb. Thông tin lý luận Hà Nội, 1986, tr. 167.
13. Hồ sơ vụ án số 200-1 (tiếng Pháp) lưu trữ tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, ký hiệu lưu trữ 11 A-45/263 (số 6). Bản lược dịch của Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng.

ĐÁU TRANH BẤT KHUẤT TRONG LAO TÙ ĐẾ QUỐC Ở CÔN ĐẢO (1930-1945)

Bị đế quốc Pháp bắt ở Sài Gòn, với án tù 20 năm khổ sai, Tôn Đức Thắng bị đày ra Côn Đảo. Tính đến cuối năm 1930 số tù nhân ở Côn Đảo lên tới 1.992 người. "Tù chính trị lúc này mới có khoảng hơn 300 người mà phần đông là Việt Nam Quốc dân đảng bị cầm cố trong Banh II. Hơn 1.600 tù nhân còn lại tập trung ở Banh I và các sở tù khổ sai"¹. Nhiều đảng viên cộng sản trong đó có Tôn Đức Thắng bị kết án khổ sai cũng bị giam chung với tù thường phạm ở Banh I, nơi chuyên giam giữ tù lưu manh, trộm cắp, đã nhiều lần mang án. Đây là một thủ đoạn thâm độc của thực dân Pháp mượn bàn tay của những tên tù anh chị nhằm tiêu diệt những người cộng sản.

Tôn Đức Thắng mang số tù 5289-T.F (Travaux Forcés)² một ghi chú trong hồ sơ "phần tử nguy hiểm" (Sujet dangereux). Vì vậy, Tôn Đức Thắng không phải đi làm những công việc khổ sai như những người khác, mà chỉ làm những công việc trong banh. Với bản tính hiền lành, chân chất và khéo léo của một người thợ, với hiểu biết rộng rãi của một người từng trải và thạo tiếng Pháp, Tôn Đức Thắng đã nhanh chóng cảm hoá được các loại tù nhân trong banh. Họ gọi Tôn Đức Thắng bằng một cái tên thân mật: Anh Hai Thắng.

Sau trận bão lớn năm 1930, một số tù cộng sản đã chuyển từ Banh II sang Banh I, trong đó có các đồng chí như Tống Văn Trân, Nguyễn Hót, Tạ Uyên... Từ đây, Tôn Đức Thắng có thêm các đồng chí của mình. Là một người đã có kinh nghiệm trong tổ chức Công hội bí mật ở Sài Gòn, Tôn Đức Thắng đã bàn và cùng với những người cộng sản thành lập *Hội những người tù đở* làm hạt nhân lãnh đạo, tập hợp tù nhân, tạo sức mạnh đoàn kết chống lại chế độ lao tù. Lúc đầu Hội có những hạt nhân tích cực như Nguyễn Hói, Tống Văn Trân, Tạ Uyên, Nguyễn Văn Hoan,

Trần Văn Sửu (Trần Học Hải), Phan Văn Bảy (Bảy Cùi)..., tất cả nhất trí đề nghị Tôn Đức Thắng làm Hội trưởng³.

Với bản chất người cộng sản, nhiều tù chính trị - trong số đó có Tôn Đức Thắng, luôn có lập trường chính trị vững vàng, nung nấu ý chí cách mạng, nghĩ tới tổ chức và đấu tranh là một vũ khí sắc bén. Vấn đề thành lập chi bộ Đảng làm hạt nhân lãnh đạo trong nhà tù, được những người cộng sản thảo luận sôi nổi với nhiều vấn đề mới nảy sinh. Nhưng cuối cùng đa số ý kiến đã thống nhất: "Bất cứ ở đâu và trong hoàn cảnh nào người cộng sản cũng phải không ngừng hoạt động cách mạng; nơi nào có người cộng sản là ở đó cần có tổ chức Đảng để giáo dục đảng viên, giác ngộ quần chúng và lãnh đạo đấu tranh; vào tù không phải là nằm im chờ đợi hay bó tay chịu chết; ngay ở Côn Đảo cũng phải tiếp tục đấu tranh cách mạng và cần phải có tổ chức Đảng làm hạt nhân lãnh đạo"⁴. Trên cơ sở nhóm hạt nhân đã được hình thành cuối năm 1931, khoảng đầu năm 1932 chi bộ Đảng ở Côn Đảo được thành lập tại khám Chi Tồn, Banh I, lúc đầu có chừng 20 đảng viên do Nguyễn Hội làm Bí thư, chi uỷ gồm Tôn Đức Thắng, Tống Phúc Chiểu, Tạ Uyên, Tống Văn Trân...⁵. *Tôn Đức Thắng là một trong số những người sáng lập chi bộ đầu tiên ở nhà tù Côn Đảo và giữ một địa vị lãnh đạo quan trọng mãi cho đến thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945.*

Chi bộ xác định những nhiệm vụ chủ yếu:

- Lãnh đạo đấu tranh trong tù;
- Giáo dục, bồi dưỡng lý luận cho nhau;
- Tuyên truyền, giác ngộ binh lính, giám thị;
- Liên hệ với Đảng ở đất liền và tổ chức trốn tù.

Để khẳng định vai trò lãnh đạo, tập hợp đoàn kết lực lượng, chi bộ đã có phân công từng đồng chí trong chi uỷ phụ trách các công việc cụ thể. Tôn Đức Thắng được

chi uỷ cử phụ trách *Hội những người tù đở* và giao thông liên lạc. Tôn Đức Thắng chịu trách nhiệm tổ chức đường dây liên lạc giữa Côn Đảo với đất liền, và trực tiếp phụ trách đường dây liên lạc giữa Ban I và Ban II.

Chi bộ đã xuất bản bí mật và lưu hành tờ báo *Ý kiến chung* nhằm tuyên truyền, chỉ đạo các hoạt động của những người tù cộng sản, tập hợp quần chúng đoàn kết đấu tranh chống chế độ hà khắc của nhà tù. Ban biên tập của tờ báo được đặt tại khám 9 Ban I, nơi Tôn Đức Thắng bị giam giữ. Tôn Đức Thắng đã đóng vai trò quan trọng cho sự ra đời và tồn tại của tờ *Ý kiến chung* và sau đó là tờ *Tiến lên*. Anh viết bài, bí mật tiếp xúc phát hành báo đến các ban khác an toàn, qua đó lắng nghe ý kiến, thu thập bài về cho ban biên tập. Do đó, báo *Ý kiến chung* đã phản ánh được nguyện vọng của tù nhân ở Côn Đảo và trở thành tiếng nói chung của họ. Tờ báo đã đóng vai trò quan trọng trong việc thống nhất tư tưởng và hành động của những người tù cộng sản ở nhà tù Côn Đảo.

Trong một lần liên lạc giữa Ban I và Ban II khoảng cuối năm 1932 đầu năm 1933, bọn gác ngục phát hiện được Tôn Đức Thắng và phạt giam ở *Hầm xay lúa*.

Hầm xay lúa là địa ngục của địa ngục, một hình thức cực hình đối với tù nhân, dịch gọi là "Khu trừng giới" (quartier diciplinaire). Điều hành trực tiếp trong Hầm xay lúa là một "cặp rắng" (caporal) chính và 4 cặp rắng phụ.

Tôn Đức Thắng vào Hầm xay lúa được ít hôm thì được chỉ định làm cặp rắng chính. Đây là âm mưu thâm độc của bọn gác ngục muốn dùng tay của bọn tù "anh chị" để hành hạ và giết Tôn Đức Thắng. Hiểu được ý đồ thâm độc này, Tôn Đức Thắng đã tập hợp một số đồng chí cộng sản cũng bị đày ở Hầm xay lúa lúc bấy giờ bàn cách nhân dịp này nắm lấy quyền lực để cải thiện đời sống và điều kiện làm việc cho những bạn tù ở Hầm xay lúa.

Bằng những kinh nghiệm hoạt động thực tiễn của mình, Tôn Đức Thắng đã cải tạo chế độ và tổ chức lại cách làm việc ở Hàm xay lúa, bỏ lối cai quản người tù bằng roi vọt, sắp xếp, phân công để tất cả mọi người đều làm việc theo điều kiện sức khoẻ. Những người yếu được bố trí vào kíp sàng gạo và đóng bao, người khoẻ thì xay và khuân vác thóc. Kíp đứng cối nặng nhọc nhất được bố trí thêm người, thay nhau người làm, người nghỉ. Tôn Đức Thắng không bắt tù xay nhiều thóc, không hề đánh tù, mà ôn tồn chỉ bảo cho từng người cách làm việc, cách cư xử với nhau, giác ngộ, giáo dục, cảm hoá tù nhân. Tôn Đức Thắng là một trong những người tổ chức ra *Hội cứu tế tù nhân* trong Hàm xay lúa. Hội có nhiều hoạt động phong phú, sôi nổi như chăm sóc người ốm, nấu thêm cơm. Buổi tối tổ chức học văn hoá, nói chuyện truyền thống, giáo dục lòng yêu nước cho tù thường. Không khí thân tình, đoàn kết, học tập và giúp đỡ lẫn nhau dần dần thay thế cho bạo lực, thù hằn, chia rẽ. Chính Tôn Đức Thắng và những người tù chính trị trung kiên đã đưa lại sự thay đổi lạ đời trong hàm xay lúa, cải tạo "địa ngục trần gian". Nguyễn Duy Trinh kể lại: "Tôi mến phục tinh thần bình đẳng, dân chủ thực sự, tính thật thà cầu chân lý của người đồng chí lớn tuổi. Được gần gũi anh Thắng ở Khám Lớn (Sàn Gòn) cũng như sau này ở Hàm xay lúa Côn Đảo, tôi cũng như tất cả mọi anh em bao giờ cũng quý yêu ở đồng chí đức khiêm tốn rất cao, tấm lòng ngay thẳng độ lượng, ý thức tập thể vững chắc"⁶. Hết hạn ở Hàm xay lúa, Tôn Đức Thắng lại về với Banh I, để lại những dấu ấn sâu đậm về nhân cách của một người cộng sản. Những người cộng sản như Tôn Đức Thắng không chỉ thích nghi với hoàn cảnh, mà hơn thế nữa còn cải tạo hoàn cảnh theo những khả năng tốt nhất có thể của mình.

Khoảng tháng 5-1933 gần 100 tù cộng sản từ Khám Lớn (Sài Gòn) bị đày ra Côn Đảo sau vụ án 121 đảng viên Đảng Cộng sản Đông Dương gây chấn động dư luận. Tháng 12-1933, thực dân Pháp đày 200 tù chính trị ở Sơn La và Hoà Lò (Hà Nội) ra Côn Đảo. Khi mới ra, tất cả bị giam ở Banh I. Từ đó chi bộ Chỉ Tồn Banh I có

thêm nhiều cán bộ lãnh đạo xuất sắc như Ngô Gia Tự, Phạm Hùng, Nguyễn Công Khuông (Lê Văn Lương), Lê Quang Sung, Nguyễn Chí Diểu, Trần Quang Tạng, Nguyễn Văn Nguyễn... Ngô Gia Tự được cử làm Bí thư chi bộ*.

Tôn Đức Thắng tích cực tham gia những cuộc thảo luận, tranh luận về vấn đề đấu tranh trong tù. Cuối cùng những người cộng sản đã thống nhất xác định, đấu tranh trong tù là một bộ phận trong toàn bộ cuộc đấu tranh cách mạng nhằm chống chế độ lao tù hà khắc, bảo vệ sinh mạng, duy trì tinh thần chiến đấu và rèn luyện, đào tạo đội ngũ cán bộ cho Đảng.

Chi bộ Chi Tồn Banh I sau khi được tăng cường lực lượng đã tích cực củng cố Hội tù nhân và chuẩn bị mọi mặt cho cuộc đấu tranh. Sau nhiều lần thảo luận ở các khám và các sở tù, mùa hè năm 1934 một cuộc *Hội nghị đại biểu tù nhân* đã được triệu tập bí mật. Thay mặt cho hơn 300 hội viên, các đại biểu đã quyết định đổi tên *Hội người tù đở* thành *Hội tù nhân thống nhất*. Do được chuẩn bị chu đáo và bí mật, các đại biểu thảo luận trong hai tiếng đồng hồ và đi đến thống nhất một số vấn đề thuộc tôn chỉ, mục đích của Hội, thể hiện tính quần chúng rộng rãi:

1. *Giúp đỡ nhau trong lúc đau yếu và trong việc làm (khổ sai);*
2. *Đấu tranh đòi cải thiện sinh hoạt và giảm nhẹ khổ sai;*
3. *Tổ chức học tập văn hoá"*⁷.

"Tôn Đức Thắng được chỉ uỷ cử phụ trách Hội tù nhân; Ngô Gia Tự, Nguyễn Hới, Trần Quang Tạng được bầu vào Ban lãnh đạo chung toàn đảo"⁸.

Năm 1934, sau khi rời khỏi Hàm xay lúa, Tôn Đức Thắng làm việc tại *Sở Lưới*, vừa sửa máy vừa lái canô. Tại đây, Tôn Đức Thắng tiếp tục phụ trách đường dây liên lạc giữa chi bộ Chi Tồn và cơ sở Đảng các ban, các sở tù, bảo đảm đường dây liên lạc với đất liền và các thuỷ thủ Pháp, Việt chạy tàu viễn dương. Sở Lưới, với vai trò của Tôn Đức Thắng trở thành trung tâm giao liên quan trọng của

tổ chức Đảng ở Côn Đảo và là đầu mối để tổ chức cho cán bộ, đảng viên bị tù ở Côn Đảo trốn về hoạt động trong đất liền. Qua địa chỉ Sở Lưới do Tôn Đức Thắng phụ trách, mạch máu liên lạc được bảo đảm, tình hình, tin tức đấu tranh trên toàn đảo được chi bộ Chi Tồn nghiên cứu để nhanh chóng tìm ra biện pháp đấu tranh thích hợp.

Nhờ hoạt động bí mật, khôn khéo của Tôn Đức Thắng ở Sở Lưới mà chi bộ Chi Tồn vừa chuyển được thư từ, tài liệu ở đảo về Sài Gòn, vừa nhận được nhiều sách lý luận gồm những tác phẩm kinh điển của Mác, Ăngghen, Lênin do Nhà xuất bản Xã hội thuộc Đảng Cộng sản Pháp ấn hành và tài liệu của Đảng ta. Đó là các tài liệu: *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản; Làm gì; Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán; Bệnh áu trĩ "tả" khuynh trong phong trào cộng sản; Chống Duyrinh; bộ Tư bản* (những tập đầu); v.v..

Từ khi được thành lập, chi bộ Chi Tồn xác định một nhiệm vụ quan trọng là bố trí cho anh em vượt đảo về đất liền tiếp tục hoạt động cách mạng. Công việc này phải được tổ chức rất chặt chẽ, chu đáo, từ dự trữ lương thực, thùng đựng nước ngọt, địa điểm và vật liệu đóng bè như gỗ, dao, búa, cưa, đinh, v.v... Công việc thường phải đợi mùa gió chướng hàng năm thổi vào đất liền. Nhiệm vụ này hết sức nguy hiểm vì sóng to, biển cả, cá mập và nếu người tù không may bị bắt trước khi vượt biển, thì họ sẽ bị đày đọa ở các "địa ngục" Hàm đá, Hàm xay lúa, Sở Cũi - Chuồng Bò... Mùa gió chướng 1932-1933 nhiều chuyến vượt đảo không thành công, chủ yếu do vỡ bè, hy sinh trên biển. Chi bộ đã kịp thời rút kinh nghiệm các cuộc vượt ngục. "Một số đồng chí được chi bộ phân công trách nhiệm chỉ đạo việc bí mật đóng thuyền. Chi bộ định ngày khởi hành và lựa chọn, chỉ định từng người trở về trong mỗi chuyến vượt ngục"⁹.

Khoảng tháng 4-1934, Chi bộ tổ chức cho các đồng chí Tổng Văn Trân, Vũ Công Phụ, Tạo Gòong, Toản, Kim, Xuyên và hai người tù thường vượt đảo. Đây là cuộc

vượt đảo thành công đầu tiên do Chi bộ tổ chức. Cuối năm 1934, Chi bộ lại tổ chức cho các đồng chí Ngô Gia Tự, Tô Chấn, Lê Quang Sung và một số đồng chí khác vượt đảo, nhưng tất cả đều bị mất tích. Những chuyến vượt đảo này, Tôn Đức Thắng đều có những đóng góp nhất định với tư cách là trong Chi uỷ, đồng thời là người đang làm việc tại Sở Lưới đã làm cho canô hỏng đúng lúc các đồng chí vượt biển nên bọn gác ngục không có phương tiện rượt đuổi.

Mấy tháng sau chuyến vượt biển không thành công của nhóm Ngô Gia Tự..., ngày 8-4-1935 chi bộ lại tổ chức chuyến vượt ngục cho các đồng chí Tạ Uyên, Trần Quang Tạng, Nguyễn Hữu Hoài, Phạm Hồng Thám và Tôn Đức Thắng... Chuyến vượt đảo này đã thành công, trừ Tôn Đức Thắng bị bắt trên đường lên núi. Sau đó Tôn Đức Thắng bị nhốt vào hầm tối và đầy xuống Hầm xay lúa lần thứ hai. Mấy tháng sau, để đối phó với phong trào đấu tranh ngày càng lên cao, Thống đốc Nam Kỳ ra lệnh cấm cố tất cả tù chính trị cộng sản. Tôn Đức Thắng và anh em tù cộng sản đang ở Hầm xay lúa cũng có tên trong danh sách rút về cấm cố tại Khám 8 Banh I. Đây là thời kỳ Tôn Đức Thắng cùng với chi uỷ Banh I vừa tổ chức cho anh em học tập lý luận, vừa chỉ đạo và tham gia trực tiếp các cuộc đấu tranh của tù nhân Côn Đảo chống lại chế độ nhà tù tàn bạo. Tiêu biểu là các cuộc đấu tranh những ngày đầu tháng 3-1935, đấu tranh không nhận cá thối, tổ chức tuyệt thực để chặn bàn tay khủng bố của kẻ thù, đòi tháo xiềng, xoá bỏ cấm cố, đòi chấm dứt việc cho tù nhân ăn khô mục và đòi không được đánh đập, ngược đãi tù nhân.

Theo Điều lệ mới (đã bổ sung) của Đại hội lần thứ nhất của Đảng ta họp ở Ma Cao (3-1935), "Chi bộ Cộng sản ở Nhà tù Côn Đảo được công nhận là một *Chi bộ đặc biệt* dưới sự chỉ đạo của Xứ uỷ Nam Kỳ"¹⁰. Từ đây, cùng với nhiều hoạt động khác, Chi bộ đặc biệt đã đề ra chủ trương tích cực: *biến nhà tù thành trường học cộng sản của mình*. Những vấn đề giáo dục, huấn luyện đã được Tôn Đức Thắng và các đồng chí tổ chức thực hiện từ năm 1932 khi chi bộ Chỉ Tôn vừa ra đời. Nội dung

huấn luyện lúc đó là những vấn đề về tổ chức Đảng, về Công hội đỏ, Nông hội đỏ, Đoàn Thanh niên phản đế, về cách tổ chức quần chúng, tổ chức biểu tình... Từ cuối năm 1933, khi chi bộ được bổ sung thêm lực lượng trong số tù nhân chính trị ở đất liền vừa ra, Ngô Gia Tự tham gia công tác huấn luyện, tổ chức cho tù chính trị Banh I học tập thấu đáo các vấn đề cơ bản của chủ nghĩa cộng sản, về đặc điểm giai cấp trong xã hội Việt Nam và đường lối phương pháp lãnh đạo của Đảng ta.

Những năm 1934-1935, sau một vài cuộc vượt ngục thành công tạo được đường dây liên lạc giữa đảo và đất liền, đường dây liên lạc giữa các banh, việc học tập lý luận có điều kiện phát triển cả bề rộng lẫn chiều sâu. Chi bộ đặc biệt ở Banh I vẫn thường xuyên nhận được các số báo *Ý kiến chung*, *Người tù đố* và các tài liệu anh em ở Banh II đã biên soạn, lược dịch gửi tới.

Từ giữa năm 1935, với lệnh cấm cố toàn bộ số tù chính trị đang làm khổ sai, nên anh em có điều kiện tập trung. Tôn Đức Thắng cũng bị đưa vào cấm cố tại Khám 8. Lúc này "Chi uỷ được chuyển sang Khám 8-9, đồng chí Tôn Đức Thắng là Bí thư. Chi uỷ cũ ở Khám 6-7 trở thành tổ cố vấn"¹¹. Dưới sự lãnh đạo của Tôn Đức Thắng, *Chi bộ đặc biệt* quyết định tổ chức học tập lý luận một cách có hệ thống cho cán bộ, đảng viên. Trần Văn Giàu, người đã từng học trường Đại học Phương đông, được chỉ định làm giảng viên giảng chủ nghĩa Lênin, triết học duy vật biện chứng, duy vật lịch sử... Trần Văn Dực giảng kinh tế chính trị học... Tôn Đức Thắng, Lê Văn Lương, Phạm Hùng, Lê Đức Thọ, Nguyễn Duy Trình đều tham gia lớp học. Giáo trình là những bài giảng của các giáo sư đỏ của Liên Xô và Quốc tế Cộng sản mà Trần Văn Giàu đã nắm vững. Nội dung chương trình của lớp học nghiên cứu các vấn đề lý luận cơ bản như:

"1. Tầm quan trọng của lý luận và mối quan hệ hữu cơ giữa chủ nghĩa Mác và chủ nghĩa Lênin.

2. Lý luận Mác - Lênin về cách mạng vô sản.

3. Chuyên chính vô sản.
4. Đảng Lêninnít của giai cấp vô sản.
5. Chiến lược và chiến thuật.
6. Vấn đề nông dân.
7. Vấn đề dân tộc và thuộc địa.
8. Vấn đề xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô.
9. Chiến tranh và cách mạng"¹².

Tôn Đức Thắng là một học viên gương mẫu, vừa chăm chú nghe giảng bài, vừa giúp giảng viên kinh tế chính trị nêu những ví dụ cụ thể về các kiểu bóc lột của bọn chủ, để học viên hiểu thế nào là giá trị thặng dư.

Trần Văn Giàu kể lại: "Về học tập, bên Ban II tương đối dễ tổ chức: Có sách, có thầy, sách tiếng Pháp nhiều, thầy tiếng Pháp như Phạm Văn Đồng, Nguyễn Kim Cương; sách chính trị cũng được một số: lấy sách của Mác – Ăngghen, Lênin, Xtalin đem ra cùng đọc, cùng thảo luận, ấy là học chính trị thẳng trong kinh điển. Bên Ban I chúng tôi thì không như vậy: Chúng tôi không có sách gì hết. Về sau chật vật lắm mới nhận được quyển *Đại cương kinh tế chính trị học* của Lapidus, anh Dục căn cứ vào đó mà giảng bài. Còn tôi thì phải giảng chủ nghĩa Lênin và triết học duy vật biện chứng, duy vật lịch sử (...). Tôi lường được sự khó khăn lớn trong việc giảng chủ nghĩa Lênin mà không có sách kinh điển trong tay. Đâu có loè ai được! ngồi nghe có những anh sáng lập Thanh niên Cách mạng đồng chí hội, Đông Dương cộng sản Đảng, An Nam cộng sản Đảng có những đồng chí từng là Xứ uỷ viên, từng làm tuyên huấn ở khắp nước, cuộc đời tập hợp họ lại ở cái đất Côn Đảo hẻo lánh nhưng chí khí ngất trời này. Ngồi học xung quanh giảng viên chừng 5 mét, là những anh mà giảng viên nào cũng phải "ngán": Tôn Đức Thắng, Nguyễn Duy Trinh, Phan Đình Khải... Những anh ấy là Đảng uỷ Côn Lôn. Họ

nghe, họ nhận xét tập thể, giảng viên nói sai thì chắc chắn sẽ bị "phê" kín đáo, tao nhã nhưng nghiêm khắc. Và lại số học viên đã qua lớp sơ cấp ở các nhà tù khác nhau lại nhiều kinh nghiệm, chớ có phải như tờ giấy trắng đâu! Đó là chưa kể rằng có những bậc thầy đã từng đọc hàng chục sách của Mác, Ăngghen, Lênin, Xtalin, Plêkhanốp... như Nguyễn Văn Hoan, Phiếm Chu (Đỗ Ngọc Du). Thỉnh thoảng gặp bài lý thú, tôi thấy có giáo sư Nghiêm Toàn (Quốc dân Đảng) ở Khám 10 xin được sang nghe. Vậy thì nhiều cái khó lắm. Nhưng tôi tin, nhận mở lớp huấn luyện, tin chắc rằng khi "xuống núi" thầy tôi ở Moscou đã trao cho tôi đủ phép rồi (...). Không kể bài mở màn: Chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử nhằm xác định lập trường cho học viên, chương trình chủ nghĩa Lênin của chúng tôi ở Côn Lôn gồm tất cả 9 bài, cũng như ở Moscou (...). Đáng lẽ có bài số 10 "Tình hình hiện tại và nhiệm vụ cần kíp". Nhưng bài này tôi tự thấy không đủ tư cách để giảng, mà Đảng uỷ Côn Lôn cũng không nhận giảng. Cho nên, để kết thúc lớp học dài gần 4 tháng tôi nói về giá trị phổ biến của chủ nghĩa Mác - Lênin và vấn đề đấu tranh tư tưởng trên thế giới và trong nước ta hiện nay"¹³.

Trong thời gian này, báo *Ý kiến chung* trước ở Ban II nay được chuyển sang Ban I, xuất bản ở khám 8-9, có nhiệm vụ đăng tải các nội dung cơ bản của các bài học. Ban Biên tập gồm Trần Văn Giàu, Hà Thế Hạnh, Nguyễn Văn Hoan. Tôn Đức Thắng thay mặt Chi bộ trực tiếp chỉ đạo. Tạp chí ra một tháng một lần, viết tay, khổ lớn, bằng một tờ giấy manh gấp ba theo bề ngang, có thể cuộn lại bỏ vào một cái ống tre. Tôn Đức Thắng không chỉ điều hành chung mà còn tham gia trực tiếp một số khâu của quá trình "xuất bản".

Tháng 5-1935, theo sáng kiến của Đảng Cộng sản Pháp, một Hội nghị chống phát xít với sự tham gia của Đảng Cộng sản, Đảng Xã hội, Đảng Xã hội cấp tiến, Tổng Công đoàn, Tổng Liên đoàn lao động thống nhất và các đoàn thể quần chúng của

các đảng phái nói trên đã được tổ chức tại Pari. Hội nghị quyết định thành lập Mặt trận Nhân dân chống phát xít và chiến tranh.

Tháng 1-1936, Mặt trận Nhân dân công bố cương lĩnh tranh cử của mình với nội dung quan trọng nhất là *Đại xá* (Amnistie générale), trong đó có vấn đề ân xá tù chính trị ở Đông Dương.

Ở trong nước, từ sau Đại hội VII Quốc tế Cộng sản (7-1935 Đảng Cộng sản Đông Dương đã tổ chức cuộc vận động thành lập Mặt trận Dân chủ. Trước tình hình đó tháng 1-1936, Toàn quyền Đông Dương đã ra lệnh ân xá 6 tù chính trị ở Côn Đảo và giảm án cho 15 người khác, phần lớn tù án chung thân xuống 20, 15 năm cấm cố. Đây là cơ hội thuận lợi để Chi bộ đặc biệt Banh I, cùng Ban lãnh đạo Banh II lãnh đạo đẩy mạnh cuộc đấu tranh thực hiện khẩu hiệu toàn xá tù chính trị; đồng thời tiếp tục công tác học tập, trao đổi kiến thức, kinh nghiệm để có cơ hội trở về đất liền hoạt động.

Cuộc đấu tranh tiến hành chưa được bao lâu thì Buvie từ Pháp trở lại nhận chức Quản đốc nhà tù Côn Đảo, thi hành chế độ nhà tù khắc nghiệt như thời 1930 - 1931. Từ đó, mọi quyền lợi mà tù nhân đã giành được đều bị tước đoạt; họ tiếp tục bị khủng bố, đàn áp. Trước tình hình đó, "*Chi bộ đặc biệt* quyết định phát động một phong trào đấu tranh mạnh mẽ chống chế độ tàn bạo của tên Quản đốc Buvie và đòi đại xá tù chính trị"¹⁴. Hình thức đấu tranh là nêu khẩu hiệu, đưa yêu sách, hò la phản đối, bỏ việc. Đặc biệt, có sự phối hợp đấu tranh giữa các ban, toàn đảo lập *Ủy ban tranh đấu*, mỗi ban lập một *Bản tranh đấu*, các khám đều tổ chức các đội tự vệ để chống khủng bố. Tuy tuổi gần 50, Tôn Đức Thắng cũng tình nguyện xin vào đội tự vệ.

Khi có tù nhân bị đánh chết, dưới sự lãnh đạo của *Chi bộ đặc biệt*, Banh I đã tuyên bố tuyệt thực phản đối khủng bố và đòi các quyền lợi chính đáng đã ghi trong yêu sách.

Được tin Mặt trận Nhân dân Pháp giành thắng lợi lớn trong cuộc bầu cử Quốc hội Pháp ngày 3-5-1936, *Chi bộ đặc biệt* quyết định đẩy mạnh cuộc đấu tranh. "Ngày 28-5-1936, Chi uỷ thảo yêu sách gửi Thống đốc Nam Kỳ, Bộ trưởng Bộ Thuộc địa và Thủ tướng Pháp đòi đại xá tù chính trị. Ngày 11-6-1936, một cuộc bãi thực, lần công lại nổ ra trên toàn đảo để nhắc lại các yêu sách ngày 28-5-1936 đòi tổng đại xá"¹⁵.

Theo hồi ký của Nguyễn Văn Hoan, người cùng bị giam với Tôn Đức Thắng ở Banh I thì trong thời gian này, Tôn Đức Thắng luôn gương mẫu, đi tiên phong trong mọi việc. Tối 30 Tết, thay mặt cho chi bộ nhà tù, Tôn Đức Thắng đi chúc tết anh em và động viên mọi người mài sắc ý chí chuẩn bị cho một năm mới đấu tranh quyết liệt, thu được nhiều thắng lợi hơn nữa. Sáng mùng một Tết Nguyên đán Bính Tý 1936, Tôn Đức Thắng dẫn đầu cuộc tuần hành trong sân trại giam, hát vang bài Quốc tế ca. Tôn Đức Thắng cầm đầu đoàn đại biểu tiếp xúc với một số thủ lĩnh Quốc dân Đảng để đàm phán về vấn đề "Mặt trận liên minh quốc cộng" mà Chi bộ đặc biệt đã đề ra. Tôn Đức Thắng cũng là một trong những người đứng hàng đầu trong đội tự vệ, chống trả quyết liệt những trận đòn của kẻ thù...

Nguyễn Văn Hoan nhớ lại: "Đối với bọn ác ôn, Bác Tôn không phải là người xa lạ. Do đó, nhân cơ hội chúng đã tập trung hoả lực tấn công vào Bác. Đầu Bác bị vỡ, khắp người nổi lên những vết hằn thâm tím, rơm rớm máu. Quần áo bị rách tả tơi và đầm máu, nhưng Bác vẫn thản nhiên, hiên ngang như người thủy thủ năm xưa trên Hắc Hải khi gặp cuồng phong... Sau trận khủng bố, bọn chủ ngục đưa Bác và một số anh em bị thương nặng đi băng bó và giam riêng. Tôi cũng ở trong diện và cùng được đi với Bác"¹⁶.

Tôn Đức Thắng đã để lại trong trái tim khôi óc những chiến sĩ cộng sản một tình đồng chí thiêng liêng, mà chỉ có trong gian khổ hoạn nạn, người ta mới thấy rõ tấm lòng của nhau.

"Tại nơi điều trị, Bác Tôn và anh em vẫn tiếp tục đấu tranh. Sau mấy buổi nhịn ăn tiếp theo, cuộc đấu tranh kết thúc thắng lợi... Sau mấy ngày điều trị, tuy vết thương chưa thật lành, nhưng Bác Tôn và chúng tôi đòi về khám cũ. Đầu băng bó, áo quần tả tơi, Bác Tôn và chúng tôi bước vào khám 9 giữa những tiếng hoan hô nhiệt liệt đầm thắm xuất phát từ những trái tim hùng hực máu nóng của những người đồng chí cùng chung lý tưởng, cùng chung chiến hào. Mọi hoạt động trở lại bình thường. Cùng với các đồng chí lãnh đạo Đảng bộ lao số 1, Bác tiến hành công tác tổng kết cuộc đấu tranh"¹⁷.

Một thời gian ngắn sau, Sở mật thám Sài Gòn cho bọn mật thám ra đảo mở cuộc điều tra. Tôn Đức Thắng là một trong số người đầu tiên bị gọi ra thẩm vấn. Nhưng gần một tháng, chúng không lấy được một lời khai nào.

Ngày 14-7-1936, Toàn quyền Đông Dương quyết định trả lại tự do cho 92 tù chính trị. Thay mặt Đảng bộ, Tôn Đức Thắng đã bí mật gửi thư dặn dò và giao nhiệm vụ cho các đồng chí khi về đất liền nhận nhiệm vụ mới. Cũng trong đêm đó, sau khi nhận được bản báo cáo của đồng chí Manuinxki (Manouinsky) tại Đại hội của Đảng bộ thành phố Léninrát về những vấn đề cơ bản của Đại hội lần thứ VII Quốc tế Cộng sản, cùng Tạp chí *Thư tín quốc tế*, cơ quan ngôn luận của Quốc tế Cộng sản, *Chi bộ đặc biệt* đã phổ biến ngay nội dung Nghị quyết Đại hội lần thứ VII Quốc tế Cộng sản đến khám tù chính trị chuẩn bị được ân xá Chi bộ cũng truyền đạt cho Ban II và tổ chức cho toàn thể đảng viên ở Ban I học tập, nghiên cứu nội dung, nghị quyết của Quốc tế Cộng sản đối với phong trào cách mạng thế giới. Thắng lợi của phong trào Mặt trận Nhân dân Pháp và phong trào Mặt trận Dân chủ Đông Dương đã làm giảm hẳn số lượng tù chính trị ở Côn Đảo. Tuy không muốn thả tự do cho những người tù còn lại và vẫn muốn duy trì những hình thức cai trị "địa ngục", nhưng do tình hình đã thay đổi nên chính quyền thực dân cũng phải

giảm án và để cho tù nhân được hưởng những quyền lợi mà họ đã đấu tranh giành được trong những năm 1934-1936.

Lúc này Banh I còn khoảng 40 đảng viên cộng sản vẫn bị cầm cố trong khám 6. Chi bộ đặc biệt được củng cố lại, đồng chí Nguyễn Duy Trinh làm Bí thư... *Hội tù nhân cũng được củng cố lại, Tôn Đức Thắng làm Chủ tịch Hội*¹⁸.

Thời kỳ này, nhiều tin tức tài liệu báo chí từ trong nước được gửi ra Côn Đảo thông qua mạng lưới những đồng chí vượt đảo trở về đất liền xây dựng. Tôn Đức Thắng cùng các đồng chí trong chi bộ đã học tập, nghiên cứu nghiêm túc nhiều vấn đề lý luận chính trị và thời sự nóng hổi của Đảng. Đáng chú ý là vấn đề sách lược đấu tranh ở tù trong điều kiện mới, khi Quốc tế Cộng sản chủ trương thành lập Mặt trận nhân dân chống phát xít và Đảng ta chủ trương thành lập Mặt trận dân chủ Đông Dương. Theo đó, các hình thức đấu tranh được áp dụng một cách mềm dẻo hơn, phối hợp nhiều hình thức, tranh thủ sự đồng tình và ủng hộ của những người tiến bộ trong hàng ngũ địch, gửi kiến nghị, tạo dư luận...

Từ cuối năm 1938, nguy cơ Chiến tranh thế giới thứ hai đã đến gần. Chính quyền thuộc địa ở Đông Dương và bọn chúa ngục ở Côn Đảo bắt đầu trở mặt, tiếp tục bắt bớ, khủng bố những người hoạt động trong phong trào Mặt trận dân chủ Đông Dương. Ở Côn Đảo chúng chỉ nhượng bộ những yêu sách nhỏ.

Khi Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ (1-9-1939), với sự chuẩn bị từ trước, chi bộ sẵn sàng lãnh đạo những người cộng sản bước vào một thời kỳ đấu tranh mới gay go, quyết liệt. Dưới sự lãnh đạo của chi bộ, Hội tù nhân do Tôn Đức Thắng làm Chủ tịch đã có nhiều hình thức tổ chức và hoạt động phong phú phù hợp với hoàn cảnh mới. Hội đã tổ chức ra *Ban Trật tự*, lo bố trí công việc cho phù hợp với sức khoẻ từng người. *Ban Trật tự* ngoài đấu tranh với bọn "gác dăng", mà tà không để chúng đánh đập tù nhân. *Ban Học tập* tổ chức cho tù nhân học tập lý luận, xoá mù chữ, học thêm văn hoá, ngoại ngữ. *Ban vệ sinh* giữ gìn vệ sinh trong khám, phò

biển kinh nghiệm phòng chống bệnh tật cho anh em. *Ban Cứu tế* chăm sóc những người đau yếu bệnh tật và giúp đỡ những người có khó khăn...

Hội tù nhân có chương trình, điều lệ cụ thể và ai thừa nhận chương trình, điều lệ sẽ được kết nạp vào Hội.

Từ sau khi thực dân Pháp ở Đông Dương dâng nước ta cho phát xít Nhật (9-1940), nhiều sự kiện trong nước tác động dồn dập tới chi bộ và Hội tù nhân trên đảo. Đó là các Nghị quyết Hội nghị Trung ương tháng 11-1939, tháng 11-1940; các cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn (22-9-1940), Nam Kỳ (23-11-1940).

Đầu năm 1941, nhiều chiến sĩ cộng sản bị bắt trong khởi nghĩa Nam Kỳ bị đày ra Côn Đảo. Các khám tù đều chật ních. Bọn chúa ngục Côn Đảo bắt đầu một thời kỳ đàn áp man rợ đối với tù nhân, một không khí ngột ngạt bao trùm lên toàn đảo. Chúng tăng cường lực lượng gác ngục hung ác từ đất liền ra đảo, ráo riết lục soát, khám xét, vu cáo những người tù cộng sản, lấy cớ tước những quyền lợi mà tù nhân đã giành được trong những năm trước. Trước những đòn thù dã man, nhiều người tù thường phạm cũng trở mặt nói xấu những người cộng sản, thậm chí có tên tù lưu manh đã vu cáo về các hoạt động của chi bộ đặc biệt. "Trong tình hình bất lợi, *Hội tù nhân* tuyên bố tự giải tán. *Chi bộ đặc biệt* cũng giảm bớt hai phần ba số đảng viên, chỉ tuyển lại những đồng chí trung kiên và có năng lực hoạt động trong tù. Mạng lưới cứu tế tù nhân vẫn được củng cố dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Chi bộ"¹⁹. "Trong tình hình đó, Bác Tôn lại được tổ chức bố trí ra làm Sở Lưới"²⁰.

Trong tình hình địch khủng bố ác liệt và bệnh tật phát sinh nhiều, chi bộ đặt trọng tâm công tác vào việc cứu tế, đoàn kết, tương trợ giữa các tù nhân, bảo vệ cán bộ của Đảng.

Vẫn ở trong cấp uỷ, lại ở Sở Lưới, đặc biệt có một tấm lòng yêu thương vô hạn đối với con người, Tôn Đức Thắng có điều kiện giúp đỡ các tù nhân khác trong việc

chữa bệnh hoặc kiếm thêm thực phẩm (cá) để bồi dưỡng cho anh em. Với tinh thần cách mạng triệt để và phẩm chất cao đẹp của người cộng sản "thương người hơn cả thương thân", Tôn Đức Thắng đã góp phần quan trọng cùng chi uỷ chỉ đạo mạng lưới cứu tế tù nhân. Ban cứu tế được tổ chức rộng khắp trong quy mô toàn đảo, chăm lo phong trào cứu tế từ việc lớn đến việc nhỏ. Những việc làm đó đã cứu được mạng sống của nhiều người. Theo hồi ký *Bốn năm cầm cố hàm* của Tô Thúc Rịch hồi đó là tù chính trị bị giam ở Banh I, Khám Vagông (khám giam những người tù "cứng đầu" ở Banh I, có nhiệm vụ chuyên san cùn cát, lấp ao hồ dưới ngọn roi của những tên gác ngục tàn ác khét tiếng): "... Tôi bị *bệnh ghẻ hàm*, một chứng bệnh rất nguy hiểm... Giữa lúc tôi đang lo lắng về bệnh tật thì tôi nhận được một lọ thuốc nước và một bức thư của đồng chí Tôn Đức Thắng gửi vào. Tôi vội mở thư ra xem: đồng chí Tôn Đức Thắng giới thiệu tác dụng của chất a xít pha với nước trong việc chữa bệnh ghẻ hàm và hướng dẫn cách sử dụng... Sở dĩ tôi còn sống được sau 10 năm ở Côn Đảo và sau 4 năm cầm cố hàm đầy khổ cực và thiếu thốn không những là nhờ ở nghị lực, ở sức mạnh của lòng ham sống và yêu đời, ở chí khí và tinh thần cách mạng của bản thân, mà còn nhờ ở sự giúp đỡ tận tình của các đồng chí và các bạn bè, nhất là của đồng chí Tôn Đức Thắng"²¹.

Từ năm 1943, diễn biến của cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai và tình hình Đông Dương có nhiều bất lợi cho quân Nhật ở Đông Dương. Côn Đảo cũng không nằm ngoài tình hình chung đó, Quản đốc nhà tù chủ trương đưa cả tù chính trị ra cùng tham gia lao động trên khắp các vùng của đảo để giải quyết nạn đói. Nhân cơ hội này, tổ chức Đảng bố trí đưa đảng viên và cán bộ ra làm việc ở các Sở Bản chế, Sở Lưới, Nhà đèn, Nhà thương, Văn phòng xếp chánh, Văn phòng quản đốc, Sở Dây thép, "*Chi bộ đặc biệt* đã hình thành được *Trung tâm lãnh đạo* bên ngoài trại giam"²². "Bác Tôn vẫn tham gia lãnh đạo chi bộ như trước"²³.

Mùa hè năm 1944, khi tù chính trị ở Sơn La và Hoà Lò bị đày ra Côn Đảo thì Chi uỷ của đoàn tù này đã nhanh chóng bắt liên lạc với *Trung tâm lãnh đạo*. Hai bên đã trao đổi thông tin và kinh nghiệm cho nhau. Qua đó, *Trung tâm lãnh đạo* (lúc đó được xem như Đảo uỷ hoặc Đảng uỷ Côn Đảo) nắm được tinh thần cơ bản của Nghị quyết Trung ương 8 (5-1941), Mười chính sách của Việt Minh, tình hình chuẩn bị vũ trang giành chính quyền và kinh nghiệm 8 tháng đánh du kích ở Bắc Sơn - Vũ Nhai. Đây là giai đoạn *Trung tâm lãnh đạo* tiếp tục giữ được vị trí chỉ đạo của mình trong việc khẳng định mục tiêu cơ bản của cách mạng lúc này là giải phóng dân tộc, giành độc lập, chủ quyền. Đồng thời tăng cường sự đoàn kết nhất trí giữa Chi uỷ, chi bộ Sơn La - Hoà Lò với Đảo uỷ.

"Ở Sở Lưới, Bác Tôn chấp hành Nghị quyết của tổ chức Đảng xây dựng lại đường dây bí mật liên lạc giữa các ban, các sở công tác, tích cực vận động binh lính và "gác dăng" để họ ủng hộ hoặc không ngăn trở công việc của những người cộng sản. Việc gấp rút chuẩn bị cho cán bộ, đảng viên vượt đảo được giao cho Bác Tôn và một số đồng chí khác đang làm việc ở các sở ngoài"²⁴.

Tối ngày 9-3-1945, Nhật đảo chính Pháp trừ mối hậu hoạ và độc chiếm Đông Dương.

Sáng ngày 10-3, hai tàu chiến Nhật đã đưa thêm một trung đội lính lên Côn Đảo, phối hợp với 20 tên lính Nhật đã có mặt ở đảo từ ngày 6-2-1945, tước vũ khí toàn bộ đại đội bộ binh thuộc địa và bọn gác dăng Pháp. Công chức Pháp bị quản thúc. Bộ máy nhà tù vẫn giữ nguyên như cũ dưới quyền chỉ huy của Lê Văn Trà, một công chức thân Nhật.

Một trong những nhiệm vụ quan trọng của Đảng uỷ Côn Đảo thời gian này là theo dõi sát tình hình, gấp rút tổ chức vượt ngục đưa cán bộ về đất liền hoạt động. Phạm Hùng và một đồng chí khác vượt ngục. Nhưng thuyền vừa hạ thủy thì bị phát hiện và bắt giữ.

Từ giữa năm 1945, Đồng Minh ngày càng thắng thế. Tình hình ở đảo ngày càng sôi động, nhất là sau khi tàu bay Đồng Minh bắn phá vào đảo. Trước tình hình đó, Đảng uỷ Côn Đảo ra một chỉ thị phân tích tình hình nêu cao cảnh giác, khẳng định lấy nhân dân làm chỗ dựa để giành thắng lợi. Chỉ thị cũng xác định nhiệm vụ cho cán bộ, đảng viên quyết tâm vượt ngục trở về chớp lấy thời cơ cướp chính quyền. Bản chỉ thị được phổ biến đến từng cơ sở Đảng trên đảo.

Ngày 8-8-1945, Liên Xô tuyên chiến với phát xít Nhật, nhanh chóng đánh bại đạo quân Quan Đông hơn một triệu lính tinh nhuệ của Nhật. Ngày 15-8-1945, phát xít Nhật chính thức đầu hàng Liên Xô và các nước Đồng Minh không điều kiện. Đảng ta kịp thời chớp thời cơ lãnh đạo nhân dân cả nước vùng lên Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước.

Sau khi nắm được tình hình Xứ uỷ Nam Kỳ sẽ ra đón tù chính trị ở Côn Đảo về, Đảng uỷ Côn Đảo chủ trương đoàn kết các lực lượng tù chính trị trên đảo, giành chính quyền bằng phương pháp hoà bình. Tuy nhiên cũng có một số đồng chí trẻ muốn bạo động cướp chính quyền Đảng uỷ cử các đồng chí Tôn Đức Thắng, Lê Duẩn, Phạm Hùng, Võ Sĩ... đi giải thích và bảo vệ chủ trương của Đảng uỷ. Cuối cùng ý kiến của Đảng uỷ được chấp hành một cách nghiêm túc.

Thực hiện chủ trương giành chính quyền bằng phương pháp hoà bình, *Trung tâm lãnh đạo* cử một đoàn đại biểu gồm Tôn Đức Thắng, Phạm Hùng, Trần Ngọc Danh, Lã Vĩnh Lợi đến gặp Quản đốc Lê Văn Trà²⁵.

Những yêu cầu của ta không được Lê Văn Trà chấp nhận. Nhưng trước áp lực của tù chính trị, Trà phải đồng ý một số vấn đề khác như tổ chức chính quyền liên hiệp trên đảo, sửa chữa vô tuyến điện, sửa radiô để nghe tin tức, sửa canô để đưa đại biểu về đất liền xin ý kiến của Chính phủ.

Sau mấy phiên họp bàn giữa Quản đốc Lê Văn Trà và đại diện tù chính trị, cuối cùng cuộc bầu cử chính quyền liên hiệp trên đảo đã kết thúc mà thắng lợi thuộc về chúng ta. *Hội đồng Liên hiệp quốc dân Côn Đảo* ra đời với phần lớn là tù cộng sản, trong đó có Tôn Đức Thắng. Với kết quả này, tuy Lê Văn Trà có phản ứng, nhưng cuối cùng đã phải nộp súng cho những người cộng sản. Từ đây, trên thực tế, chính quyền trên đảo đã thuộc về những người cộng sản.

Trong tình hình mới, một mặt Đảng uỷ tổ chức lực lượng vũ trang, lập Đoàn Phòng thủ Côn Đảo; *mặt khác*, phân công một số đồng chí làm một số công việc cụ thể đón đợi ngày chiến thắng hoàn toàn. Tôn Đức Thắng cùng một số thợ giỏi được phân công sửa chiếc canô bị hỏng nặng và chiếc radiô cũ để liên lạc với đất liền. Sau khoảng một tuần canô chạy thử sang Hòn Cau, vòng qua Hòn Bảy Cạnh, rồi trở về Sở Lưới.

Một buổi sáng, mọi người lắng nghe lời Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn độc lập do một đài nước ngoài phát lại. Toàn đảo mừng vui khôn xiết. Đảng uỷ Côn Đảo tổ chức một cuộc mítting chào cờ đỏ sao vàng, mừng nước nhà độc lập... Cùng với việc thành lập các đoàn thể quần chúng, ra báo *Độc lập*, Đảng uỷ cử một số đồng chí về đất liền liên lạc với Đảng và với chính quyền cách mạng. Trong khi đoàn đang chuẩn bị về đất liền thì đêm 16-9-1945, tàu Phú Quốc và 2 chiếc thuyền đi đầu trong đoàn thuyền 32 chiếc do Xứ uỷ Nam Kỳ cử ra đón các chiến sĩ cách mạng ở Côn Đảo đã cập bãi Cỏ Ống (Côn Đảo). Một số thuyền bị dạt do giông to, sóng lớn cũng tới Côn Đảo trong những ngày sau đó.

Sáng 17-9-1945, Tôn Đức Thắng cùng La Vĩnh Lợi được Đảng uỷ cử sang Cỏ Ống đưa đoàn tàu thuyền và phái đoàn của Chính phủ về cầu tàu trong tiếng reo hò vang dậy.

Chiều 17-9, cuộc mítting chính thức được tổ chức trọng thể tại sân banh trên đảo. Đồng chí Trương Dân Bảo đọc quyết định của Uỷ ban hành chính Nam Bộ về việc

đón chính trị phạm Côn Đảo và tuyên bố: Từ giờ phút này, Côn Đảo là một mảnh đất của Tổ quốc ta được hoàn toàn tự do và độc lập. Cùng với nhiều công việc được khẩn trương tiến hành như đi viếng mộ, tạc bia cho các đồng chí của mình đã hy sinh, thành lập Ban Vận động quyên góp tiền vàng đóng góp cho nước nhà hưởng ứng *Tuần lễ vàng* và xây dựng *Quỹ độc lập* của Chính phủ..., Tôn Đức Thắng cùng Đảng ủy bàn bạc với đoàn đại biểu Chính phủ lập danh sách toàn bộ tù chính trị để đưa về đất liền; lập danh sách những đảng viên trung kiên đã được thử thách trong cuộc đấu tranh ở nhà tù để giới thiệu với Đảng.

Sáng 23-9-1945, tàu Phú Quốc cùng 25 chiếc thuyền bầu đã nhổ neo đưa 1.800 tù chính trị trở về đất liền. Chiếc canô vừa được sửa lại được mang tên ***Giải phóng*** do chính Tôn Đức Thắng lái đưa một số đồng chí trong Ban lãnh đạo trở về. Tuy gian nan, vất vả vì sóng gió lớn giữa biển, nhưng chiều ngày 23-9-1945, tàu Phú Quốc và những chiếc thuyền đầu tiên đã cập bến Đại Ngãi, tỉnh Sóc Trăng trong sự đón tiếp nồng nhiệt của Đảng bộ và nhân dân địa phương. Chiếc canô ***Giải phóng*** được Tôn Đức Thắng điều khiển chạy vào cửa biển Mỹ Thanh an toàn trong khung cảnh tung bừng rợp cờ hoa, khẩu hiệu và những giọt nước mắt sung sướng.

Gần mười bảy năm ở ngục tù Côn Đảo, Tôn Đức Thắng và nhiều chiến sĩ cộng sản khác xứng đáng với nhận xét của Chủ tịch Hồ Chí Minh: "Biến cái rủi thành cái may, các đồng chí ta đã lợi dụng những ngày tháng ở tù để hội họp và học tập lý luận. Một lần nữa, việc đó lại chứng tỏ rằng chính sách khủng bố cực kỳ dã man của kẻ thù chẳng những không ngăn trở được bước tiến của cách mạng, mà trái lại nó đã trở nên một thứ lửa thử vàng, nó rèn luyện cho người cách mạng càng thêm cứng rắn. Mà kết quả là cách mạng đã thắng để quốc đã thua"²⁶.

²⁶

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Nhóm biên soạn: Nguyễn Đình Thống - Hồ Sĩ Hành - Nguyễn Linh): *Nhà tù Côn Đảo (1862-1975)*, tái bản có bổ sung, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội 2003, tr. 98.

2. Travaux Forcés: Lao dịch khổ sai.

3. Nguyễn Vũ Hương Mai: "Bác Tôn Đức Thắng với việc tổ chức và lãnh đạo hội tù nhân Côn Đảo", trong Tỉnh uỷ An Giang - Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh: *Chủ tịch Tôn Đức Thắng với cách mạng Việt Nam và quê hương An Giang*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, tr. 86.

4, 5. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu: *Nhà tù Côn Đảo (1862-1975)* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội. 2003, tr. 103, 195.

6. *Con đường cách mạng* (Hồi ký nhiều tác giả). Nxb. Thanh niên, Hà Nội, 1970, tr. 52-53.

* Nguyễn Đình Thống: "Bác Tôn - Người cộng sản kiên cường trong nhà tù Côn Đảo", trong *Tôn Đức Thắng - Người cộng sản mẫu mực, biểu tượng của đại đoàn kết*, *Sđd*, tr. 431. (Có tài liệu lại cho rằng không có Phạm Hùng, Nguyễn Văn Nguyễn, Nguyễn Công Khuông. Mà có Phạm Văn Khuông - tên chính là Nguyễn Công Hiên - sau này lấy tên là Lê Văn Lương. Tạp chí *Lịch sử Đảng*, số tháng 7-2003, bài của Nguyễn Thành).

7. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu: *Nhà tù Côn Đảo (1862-1975)*, *Sđd*, tr. 117.

8. Nguyễn Đình Thống: "Bác Tôn - Người cộng sản kiên cường trong nhà tù Côn Đảo", trong *Tôn Đức Thắng - Người cộng sản mẫu mực, biểu tượng của đại đoàn kết*", (Hồi ký), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003, tr. 431.

9. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu: *Nhà tù Côn Đảo (1862-1975)*, *Sđd*, tr. 157.

10. *Sđđ*, tr. 159.
11. *Sđđ*, tr 167.
12. *Sđđ*, tr. 167.
13. Nguyễn Linh: "Mười lăm năm ở ngục tù Côn Đảo", trong Ban Chấp hành tỉnh Đảng bộ An Giang: *Bác Tôn (1888-1980) - Cuộc đời và sự nghiệp*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1988, tr. 109-110.
14. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu: *Nhà tù Côn Đảo (1862-1975)*, *Sđđ*, tr.171.
15. *Sđđ*, tr. 173.
16. Nguyễn Văn Hoan: "Bác Tôn sống ở nhà tù Côn Lôn những năm 1930", trong Kỷ yếu Hội thảo khoa học *Một con người bình thường - vĩ đại nhân dịp kỷ niệm 100 năm ngày sinh Chủ tịch Tôn Đức Thắng (20-8-1888 - 20-8-1988)*, Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ An Giang, 1988, tr. 97.
17. *Sđđ*, tr. 97.
18. Xem: Ban Chấp hành Đảng bộ Bà Rịa - Vũng Tàu: *Nhà tù Côn Đảo (1862-1975)*, *Sđđ*, tr. 178.
19. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu: *Nhà tù Côn Đảo (1862-1975)*. *Sđđ*, tr .190.
20. Ban Chấp hành Đảng bộ An Giang: *Bác Tôn (1888-1980) - Cuộc đời và sự nghiệp*, *Sđđ*, tr.126.
- 21, 23. Xem: Nguyễn Linh: "Mười lăm năm ở ngục tù Côn Đảo", trong Ban Chấp hành tỉnh Đảng bộ An Giang: *Bác Tôn (1888-1980) – Cuộc đời và sự nghiệp*, *Sđđ*, tr.128, 130.

22. Ban Chấp hành Đảng bộ Bà Rịa - Vũng Tàu: *Nhà tù Côn Đảo (1862-1975)*, *Sđd*, tr. 203.

24. *Sđd*, tr 130-131.

25. Xem: Nguyễn Linh. "Mười lăm năm ở ngục tù Côn Đảo" trong Ban Chấp hành tỉnh Đảng bộ An Giang: *Bác Tôn (1888- 1980) – Cuộc đời và sự nghiệp*, *Sđd*, tr. 134-135.

26. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*. Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.10, tr. 3-4.

CÙNG ĐẢNG, NHÀ NƯỚC LÃNH ĐẠO SỰ NGHIỆP KHÁNG CHIẾN, KIẾN QUỐC (1945-1954)

Đêm 23-9-1945, thực dân Pháp phản động đã nổ súng đánh chiếm Sài Gòn, thực hiện dã tâm tái chiếm nước ta một lần nữa. Tôn Đức Thắng cùng hai người thợ máy là Nguyễn Hùng Minh và Nguyễn Hồng Phước lên canô về Cần Thơ ngay trong đêm, không kịp ghé thăm người vợ yêu quý và hai người con gái lúc ấy đang ở cách Cần Thơ vài chục cây số.

Ngày 15-10-1945, tại Hội nghị cán bộ Đoàn xứ Nam Kỳ họp ở ngoại ô Mỹ Tho, Tôn Đức Thắng được bầu vào Xứ ủy và được Xứ ủy phân công phụ trách Ủy ban kháng chiến chỉ huy các lực lượng vũ trang Nam Bộ.

Ngày 25-10-1945, Tôn Đức Thắng tham dự Hội nghị Xứ ủy Nam Bộ mở rộng do Hoàng Quốc Việt thay mặt Ban Thường vụ Trung ương Đảng chủ trì tại Thiên Hộ, huyện Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho. Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Thường vụ Trung ương Đảng, Tôn Đức Thắng đã góp phần cùng với tập thể Xứ ủy Nam Bộ nêu ra phương hướng chỉ đạo và nhiệm vụ cấp bách cho cuộc chiến đấu ở Nam Bộ. Trước hết là tiếp tục khẳng định và tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng bộ về mọi mặt, nhất là lực lượng vũ trang. Đồng thời phải chấn chỉnh và tăng cường tổ chức. Nhiệm vụ trước mắt là kiên trì giữ vững và đẩy mạnh cuộc kháng chiến, làm thất bại âm mưu đánh nhanh, giải quyết nhanh của thực dân Pháp.

Sau Hội nghị, trên cương vị mới của mình, Tôn Đức Thắng cùng với những cán bộ trung kiên của Đảng đi sâu xuống cơ sở, xây dựng phong trào, củng cố và phát triển chính quyền cách mạng, xây dựng cơ sở vũ trang, thành lập những khu du kích và đơn vị vũ trang cách mạng, đẩy mạnh cuộc kháng chiến ở Nam Bộ. Tháng 12-1945, Xứ ủy họp Hội nghị mở rộng ở Đức Hòa tỉnh Long An quyết định thành lập Ủy ban kháng chiến miền Nam Việt Nam và thành lập các khu 7, 8, 9 ở Nam Bộ, Tôn Đức Thắng được giao nhiệm vụ tổ chức hậu cần.

Ngày 6-1-1946, bất chấp mọi hành động phá hoại của thực dân Pháp và bọn phản động, đồng bào Nam Bộ cùng cả nước tiến hành thắng lợi cuộc Tổng tuyển cử đầu tiên, bầu Quốc hội của nước Việt Nam mới. Tôn Đức Thắng được nhân dân Sài Gòn - Chợ Lớn bầu làm đại biểu của mình trong Quốc hội khóa I của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Tháng 2-1946, Tôn Đức Thắng được điều động ra Hà Nội để cùng với Chủ tịch Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng chỉ đạo cuộc kháng chiến kiến quốc. Sau kỳ họp thứ nhất Quốc hội khóa I (2-3-1946) Tôn Đức Thắng được bầu bổ sung làm Ủy viên chính thức Ban Thường trực Quốc hội*.

Cuối tháng 3-1946, qua hai tháng trời trèo đèo, lội suối, bí mật vượt qua nhiều vùng nguy hiểm, Tôn Đức Thắng ra tới Hà Nội, được gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh, mừng vui khôn xiết.

Tình hình nước ta vào đầu năm 1946 cực kỳ khó khăn. Vận mệnh Tổ quốc như "Nghìn cân treo sợi tóc". Đảng ta chủ trương một mặt ra sức củng cố và tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc làm động lực cho cuộc kháng chiến lâu dài chống thực dân Pháp xâm lược, *mặt khác* "hòa để tiến", "lùi một bước để tiến hai bước". Dưới sự lãnh đạo của Đảng, Chính phủ, Quốc hội đã có nhiều cuộc tiếp xúc, đàm phán với Pháp để duy trì nền hòa bình ở Đông Dương đang có nguy cơ bị bọn thực dân phản động Pháp chà đạp.

Trong bối cảnh đó, ngày 16-4-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Quốc hội nước ta cử Tôn Đức Thắng tham gia Đoàn đại biểu Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa với cương vị là Phó trưởng đoàn, do Phạm Văn Đồng dẫn đầu sang thăm nước Pháp theo lời mời của Quốc hội nước Cộng hòa Pháp. Trên đường sang Pháp, đoàn họp thống nhất nhiều vấn đề quan trọng để làm việc với phía Pháp như các đảng phái trong nước, thành phần Quốc hội, khuynh hướng của Chính phủ, Hiến pháp, vấn đề Nam Bộ, Liên bang Đông Dương, Việt kiều và Liên hiệp Pháp, v.v... Tôn

Đức Thắng được phân công trong Ban Kiêu bào, có nhiệm vụ liên lạc, điều tra, giúp đỡ Việt kiều về các mặt.

Ngày 30-4-1946, Tôn Đức Thắng cùng một số thành viên trong Đoàn đi Mácxây để gặp kiều bào và các nhân sĩ trí thức. Ngày 4-5-1946, Tôn Đức Thắng và một số thành viên xuống Mácxây thăm trại lính thợ Madacnhơ (Mazagues). Đoàn được kiều bào đón tiếp long trọng. Tôn Đức Thắng cùng đoàn vào trại Việt Nam, đặt vòng hoa, chào cờ xem diễu hành của mấy ngàn chiến binh và công binh. Trong những ngày hoạt động ở Pháp, trên cương vị được phân công, Tôn Đức Thắng dẫn đầu một số thành viên trong đoàn đã gặp một số nhân vật tiêu biểu của Pháp như nhà bác học Paul Rivet, Giám đốc Viện nhân chủng học Pháp. Bà Vaillant Couturier, Chủ tịch Hội Phụ nữ Pháp và một số nhân vật tiến bộ Pháp cùng giới khoa học, kỹ thuật, văn hóa.

Với uy tín cá nhân, vị thế của Đoàn và tiếng tăm từ sự kiện tham gia kéo lá cờ đỏ ủng hộ Cách mạng Tháng Mười Nga trên chiến hạm *France* tại Biển Đen năm 1919, những buổi làm việc do Tôn Đức Thắng dẫn đầu đều đem lại kết quả tốt đẹp. Giữa tháng 5-1946, Tôn Đức Thắng dẫn một bộ phận của Đoàn đại biểu Quốc hội về trực tiếp thăm đồng bào Việt kiều ở Toulon, Marseille, là những binh sĩ thuộc địa trong Binh đoàn Việt Nam trong lực lượng Đồng minh bị bắt ép sang làm bia đỡ đạn cho Pháp từ năm 1939. Tôn Đức Thắng đã động viên và chúc mừng thành tích chống phát xít của tiểu đoàn Việt Nam, hoan nghênh anh em đã hướng về Tổ quốc Việt Nam, đấu tranh giành quyền tự trị của đơn vị mình. Tôn Đức Thắng dặn dò anh em giữ gìn sức khỏe, tinh luyện binh nghiệp để có ngày trở về phục vụ Tổ quốc.

Gần 40 ngày ở Pháp, Tôn Đức Thắng cùng những thành viên trong Đoàn đã tiếp xúc với nhiều nghị sĩ Quốc hội Pháp, các đoàn thể quần chúng, các tầng lớp nhân dân Pháp, làm cho nhân dân Pháp và nhân dân tiến bộ thế giới hiểu hơn về thiện

chí hòa bình của Chính phủ Việt Nam, về cuộc đấu tranh chính nghĩa của nhân dân Việt Nam, thắt chặt thêm tình hữu nghị giữa hai dân tộc Việt - Pháp. Tôn Đức Thắng và Đoàn đại biểu Quốc hội đã làm đúng lời căn dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh giao trước khi Đoàn lên đường sang Pháp là "Đoàn kết, cẩn thận, làm cho người Pháp hiểu ta để gây tình hữu nghị giữa hai dân tộc".

Ngày 23-5-1946, Tôn Đức Thắng cùng Đoàn đại biểu Quốc hội về tới Hà Nội. Thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch Hồ Chí Minh trước khi Người sang Pháp là xây dựng một tổ chức đoàn kết rộng rãi hơn nữa các tầng lớp nhân dân Việt Nam để thu hút tất cả mọi cá nhân và đảng phái yêu nước mà trước đây, vì những lý do nào đó họ chưa vào Mặt trận Việt Minh, Tôn Đức Thắng khẩn trương chuẩn bị mọi mặt cho sự ra đời một tổ chức mặt trận mới.

Sau một tuần chuẩn bị tích cực chiều ngày 2-1946, tại Nhà hát lớn Hà Nội đã diễn ra Hội nghị thành lập *Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam* (gọi tắt *Liên Việt*). Tính chất và mục đích của *Liên Việt* được xác định rõ ràng: "Đoàn kết tất cả các đảng phái yêu nước, và các đồng bào yêu nước vô đảng phái, không phân biệt giai cấp tôn giáo, xu hướng chính trị, chủng tộc để làm cho nước Việt Nam: độc lập - thống nhất - dân chủ - phú cường"¹.

Hội nghị đã nhất trí bầu Chủ tịch Hồ Chí Minh làm Hội trưởng danh dự; Huỳnh Thúc Kháng là Hội trưởng; Tôn Đức Thắng là Phó Hội trưởng; Cù Huy Cận là Tổng Thư ký và các Ủy viên Trung ương Hội là Trần Huy Liệu, Phạm Ngọc Thạch, Ngô Tử Hạ, Nguyễn Tường Long.

Với tư cách là một thành viên trong Ban sáng lập *Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam*, Tôn Đức Thắng đã có sự đóng góp quan trọng vào việc thành công của Hội nghị. Từ đây, với một cương vị mới, người lãnh đạo Mặt trận Dân tộc thống nhất, Tôn Đức Thắng đem hết sức lực nhiệt tình và trí tuệ của mình, cống hiến cho sự nghiệp đại đoàn kết dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối của Đảng.

Sau khi Chủ tịch Hồ Chí Minh sang thăm nước Pháp, Huỳnh Thúc Kháng đảm nhận cương vị quyền Chủ tịch nước. Vì vậy, công tác của Hội Liên Việt chủ yếu do Tôn Đức Thắng điều hành. Quán triệt tinh thần hoạt động của Hội, Tôn Đức Thắng đã chủ động bàn bạc, trao đổi với nhiều cán bộ của Hội, tiếp xúc với nhiều vị nhân sĩ, trí thức, đối thoại với một số người của các đảng phái, giai cấp dân tộc, tôn giáo khác nhau, nhằm làm cho một người nhận thức rõ ý nghĩa của việc thành lập Hội Liên Việt, vai trò quyết định của sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Tư tưởng Hồ Chí Minh và chính sách của Đảng về đại đoàn kết, nhất quán trước sau như một là tôn trọng tự do tín ngưỡng của nhân dân. Trong mọi hoạt động cụ thể của mình, Tôn Đức Thắng đã cố gắng và góp phần to lớn làm sáng rõ chủ trương đó, phá tan âm mưu của các thế lực thù địch chia rẽ khối đoàn kết lương giáo. Tôn Đức Thắng cũng thường xuyên nhắc nhở các thành viên trong Mặt trận quan tâm đến lợi ích của nhân dân, chăm lo người già yếu, tàn tật, phụ nữ, trẻ em.

Tháng 6-1946, Tôn Đức Thắng chỉ đạo thành lập Đài Phát thanh Tiếng nói Nam Bộ kháng chiến tại Quảng Ngãi; thành lập Phân cục trường Lục quân Trần Quốc Tuấn nhằm đào tạo cán bộ chỉ huy cho miền Nam tại Quảng Ngãi; lập Phòng liên lạc Nam - Bắc đóng tại La Hay, Phú Yên có chức năng đưa các lực lượng vũ trang vào tham gia chiến trường miền Nam, đón các chiến sĩ và cán bộ miền Nam ra học tập chính trị và quân sự để trở vào Nam chiến đấu.

Ngày 23-7-1946, Ban sáng lập *Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam* họp bàn việc tổ chức Hội nghị trù bị toàn quốc; đồng thời quyết định về tham dự việc tổ chức kỷ niệm "cuộc Cách mạng Tháng Tám" theo lời mời của Nha Thông tin tuyên truyền. Tôn Đức Thắng tham gia vào Ban tổ chức Hội nghị.

Ngày 28-10-1946, kỳ họp thứ hai Quốc hội khóa I khai mạc tại Nhà hát lớn Hà Nội. Tôn Đức Thắng được bầu làm Trưởng đoàn Chủ tịch của kỳ họp. Quốc hội

nhất trí tán thành đường lối, chính sách trong thời gian qua của Chính phủ do Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo. Quốc hội phê chuẩn bản Tạm ước ngày 14-9 mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký với Chính phủ Pháp. Tôn Đức Thắng và đoàn đại biểu Nam Bộ đã đề nghị Quốc hội và được toàn thể Quốc hội nhất trí thông qua việc suy tôn Chủ tịch Hồ Chí Minh là Người công dân thứ nhất của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, vì đã sáng suốt lãnh đạo nhân dân xóa bỏ xiềng xích của thực dân, phong kiến. Quốc hội cũng đã nhất trí thông qua Hiến pháp năm 1946, Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Trong thời gian diễn ra kỳ họp thứ hai của Quốc hội khóa I, với tư cách là Phó trưởng hội Liên Việt, đồng thời là Trưởng đoàn Chủ tịch của kỳ họp, Tôn Đức Thắng vẫn rất quan tâm tới xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, đặc biệt là đoàn kết lương giáo, tạo mọi điều kiện thuận lợi thực hiện quyền tự do tín ngưỡng của công dân. Ngày 7-11-1946, Tôn Đức Thắng đã đưa bức thư của Phối sư Phùng Văn Thới, Ngoại Viện trưởng đạo Cao Đài Bắc Bộ thánh thất Hà Nội với nội dung chính là đề nghị Quốc hội và Chính phủ nhìn nhận đạo Cao Đài là chính thức, đưa ra thảo luận tại kỳ họp thứ hai Quốc hội khóa I. Toàn thể đại biểu đã nhất trí tán thành cách xử lý của Tôn Đức Thắng là gửi thư phúc đáp. Thay mặt Đoàn Chủ tịch kỳ họp Quốc hội và Chủ tịch Quốc hội, Tôn Đức Thắng đã ký tên bức thư gửi Phối sư Phùng Văn Thới với nội dung chính " "I) Quốc hội rất hoan nghênh tinh thần ái quốc của đạo Cao Đài. II) Quốc hội trong một phiên họp gần đây đã thông qua điều thứ 10 trong bản dự án Hiến pháp Việt Nam trong đó quyền tự do tín ngưỡng của công dân được công nhận. Như thế là đạo Cao Đài được tự do hoạt động như các đạo khác"².

Kỳ họp thứ hai của Quốc hội đã kết thúc thắng lợi ngày 9-11-1946. Ngày 11-11-1946, Ban Thường trực Quốc hội họp để bầu ra Ban Thường vụ gồm 5 người, Tôn Đức Thắng được bầu là Phó trưởng ban Thường trực Quốc hội³. Tại phiên họp bế

mạc ngày 9-11-1946, Tôn Đức Thắng đã đọc Diễn văn bế mạc, trong đó nhấn mạnh: "Nếu có ai có thành kiến của giai cấp, của đảng phái, của tôn giáo thì đến trong phòng này... cũng đã để lòng nghe theo một tiếng gọi cao cả và thiêng liêng hơn cả bấy nhiêu tiếng gọi lúc thường: tiếng gọi của Tổ quốc. Cái không khí ấy đã hoàn toàn phản chiếu được tình trạng chung của đất nước, tình trạng thống nhất ý chí và hành động"⁴.

Vào tháng 11-1946, khi cuộc chiến tranh xâm lược nước ta của thực dân Pháp đang đến gần, theo tinh thần "*Công việc khẩn cấp bây giờ*" của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Thường vụ Trung ương Đảng quyết định cử một số phái đoàn của Chính phủ, Quốc hội, Mặt trận Liên Việt đi các địa phương làm công tác vận động nhân dân, tổ chức các cuộc nói chuyện về những nhiệm vụ chủ yếu của kháng chiến, động viên các tầng lớp nhân dân sẵn sàng chiến đấu. Tôn Đức Thắng với giấy giới thiệu do Chủ tịch Hồ Chí Minh ký, được cử đi hai tỉnh Hà Đông và Sơn Tây là địa bàn hoạt động trước mắt của Chính phủ và Trung ương. Tại đây, Tôn Đức Thắng đã về ở nhà ông bà Khuất Duy Huyền ở thôn Thuần Mỹ (nay là xã Trạch Mỹ Lộc) huyện Phúc Thọ, tỉnh Sơn Tây. Những ngày hoạt động ở Thuần Mỹ, Tôn Đức Thắng đã nói chuyện với bà con nhân dân địa phương về tình hình và nhiệm vụ trước mắt, phân tích cho mọi người hiểu rằng cuộc kháng chiến toàn quốc nay mai xảy ra sẽ lâu dài và gian khổ. Bằng những lời lẽ giản dị có sức thuyết phục, Tôn Đức Thắng đã động viên nhân dân đoàn kết chặt chẽ, có quyết tâm cao sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu quyết liệt cho đến thắng lợi cuối cùng. Tôn Đức Thắng đã dự các cuộc họp với Tỉnh ủy Sơn Tây, Huyện ủy Phú Thọ và cán bộ Mặt trận Việt Minh, Hội Liên Việt ở địa phương bàn về tổ chức dân quân tự vệ chuẩn bị đánh du kích và giữ vững công việc tăng gia sản xuất khắp nơi"⁵.

Trong hai ngày 18 và 19 tháng Chạp năm 1946. Tôn Đức Thắng đã tham dự Hội nghị Thường vụ Trung ương mở rộng ở Vạn Phúc (Hà Đông) dưới sự chủ trì của

Chủ tịch Hồ Chí Minh. Hội nghị đã vạch ra đường lối cơ bản chỉ đạo toàn bộ cuộc kháng chiến là: *toàn dân, toàn diện, trường kỳ và dựa vào sức mình là chính*⁶.

Để sự lãnh đạo và điều hành kháng chiến được tập trung thống nhất, Quốc hội đã giao quyền bính tập trung vào Chính phủ. Vì thắng lợi của cuộc kháng chiến, Ban Thường trực Quốc hội đã có những cuộc họp bàn giải quyết mối quan hệ giữa Quốc hội với Chính phủ. Cuối tháng 12-1946, Tôn Đức Thắng cùng Ban Thường trực Quốc hội họp ở một địa điểm tại Hà Đông quyết định: "a) Trong thời kỳ kháng chiến vì tình thế khó khăn nên chỉ có Trưởng ban Thường trực Quốc hội ở cùng với Chính phủ để giúp và theo dõi đường lối chính trị, cùng với Chính phủ chỉ đạo cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện. b) Các đại biểu Quốc hội sẽ tùy năng lực và địa vị mà tham gia vào mọi công tác kháng chiến. c) Ban Thường trực thay mặt toàn thể Quốc hội hiệu triệu và nhận các ý nguyện của nhân dân sửa soạn triệu tập Quốc hội"⁷.

Đầu tháng 3-1947, Tôn Đức Thắng cùng Chủ tịch Hồ Chí Minh và Thường vụ Trung ương chuyển lên Việt Bắc căn cứ địa của cuộc kháng chiến. Thời gian này quyết tâm của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng là phải củng cố và mở rộng thực lực về mọi mặt: chính trị, quân sự, giao thông, căn cứ địa...

Từ những ngày đầu lên Việt Bắc, để bổ sung tri thức cho việc lãnh đạo cuộc kháng chiến, Tôn Đức Thắng thường sang Văn phòng Tổng Bí thư đọc sách chữ Hán. Có một thời gian, Tôn Đức Thắng đã dịch được vài chục trang tác phẩm *Bàn về giai đoạn mới (Luận tân giai đoạn)* của Mao Trạch Đông và nhắc nhở mọi người: "Công việc nghiên cứu lý luận chiến tranh lúc này rất cần thiết. Vì chúng ta muốn đánh thắng kẻ thù xâm lược là thực dân phản động Pháp, trước hết phải học tập ông cha ta như Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Nguyễn Trãi, Quang Trung... xưa kia là một nước nhỏ đã đánh thắng được nước lớn kéo quân đến xâm lược nước ta. *Mặt khác*, chúng ta cũng phải biết vận dụng một cách sáng tạo kinh nghiệm của nước

bạn Trung Quốc trong chiến tranh chống Nhật vào hoàn cảnh thực tế của Việt Nam chúng ta"⁸.

Ngày 30-4-1947, Hội đồng Chính phủ họp dưới sự chủ trì của Hồ Chí Minh. Tại kỳ họp này, sau khi nêu vấn đề tiêu sử của Huỳnh Thúc Kháng, Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Hội trưởng Hội Liên Việt vừa tạ thế và tiêu sử Hoàng Hữu Nam, Thứ trưởng Bộ Nội vụ vừa mất, Chủ tịch Hồ Chí Minh đề cử Tôn Đức Thắng đảm nhiệm chức Bộ trưởng Bộ Nội vụ thay cụ Huỳnh Thúc Kháng. Hội đồng Chính phủ nhất trí tán thành việc đề cử này.

Trong tháng 6 và 7 năm 1947, Tôn Đức Thắng dự đều đặn các cuộc họp Hội đồng Chính phủ. Tại cuộc họp ngày 25-7-1947 ở Hồng Thái (Định Hóa, Thái Nguyên), theo tinh thần của Chủ tịch Hồ Chí Minh là cần cải tổ Chính phủ nhằm mục đích mở rộng cho nhiều người được tham gia, tránh sự chia rẽ của Pháp và lấy lại ảnh hưởng của quốc tế, Tôn Đức Thắng đã xin từ chức Bộ trưởng Bộ Nội vụ để nhường lại cho các nhân sĩ yêu nước. Trong cuộc họp của Hội đồng Chính phủ ngày 3-11-1947, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chính thức bổ nhiệm Phan Kế Toại giữ chức quyền Bộ trưởng Bộ Nội vụ thay Tôn Đức Thắng.

Giữa tháng 10-1947, Tôn Đức Thắng cùng Văn phòng Trung ương chuyển từ căn cứ Định Hóa (Thái Nguyên) sang vùng Võ Nhai, Đình Cả. Nhưng sau đó một thời gian lại quay trở về Định Hóa. Lúc đi ngựa, lúc đi bộ, tuy tuổi cao, nhưng Tôn Đức Thắng vẫn trèo đèo, lội suối hành quân khỏe khoắn, nhanh nhẹn không kém gì thanh niên. Đây cũng là dịp tốt cho lớp thanh niên noi theo học tập tấm gương Tôn Đức Thắng, được Người giải thích, truyền đạt kinh nghiệm hành quân đánh lạc hướng kẻ địch. Đặc biệt họ được nghe Tôn Đức Thắng kể chuyện kéo cờ phản chiến trên Biển Đen năm 1919, lúc đó Tôn Đức Thắng mới ngoài ba mươi tuổi.

Sau chiến thắng Việt Bắc Thu - Đông 1945, Thường vụ Trung ương triệu tập Hội nghị Trung ương mở rộng vào ba ngày 15, 16, 17 tháng 1 năm 1948 nhằm mục

đích nhận định thắng lợi vừa qua, ý nghĩa và tầm quan trọng của nó, quyết định những nhiệm vụ và công tác mới để tăng cường lực lượng mọi mặt của cuộc kháng chiến. Hội nghị đã bầu bổ sung bốn người vào Ban Chấp hành Trung ương Đảng là: Tôn Đức Thắng, Phạm Văn Đồng, Lê Văn Lương, Trần Hữu Dực...

Sau Hội nghị Trung ương Đảng mở rộng tháng 1-1948, Hồ Chí Minh và Thường vụ Trung ương đã quyết định cử Tôn Đức Thắng, Ủy viên Trung ương Đảng, làm Trưởng ban Trung ương vận động thi đua ái quốc. Từ đó Hồ Chí Minh thường mời Tôn Đức Thắng đến nơi ở của mình để đàm đạo, trao đổi ý kiến, bàn bạc công việc cụ thể để đẩy mạnh phong trào thi đua ái quốc trong cả nước.

Để thúc đẩy phong trào Thi đua ái quốc, từ ngày 22 đến ngày 26-4-1948, Tổng bộ Việt Minh đã họp Hội nghị mở rộng. Mặc dù không được khỏe, Tôn Đức Thắng vẫn cố gắng đến dự tất cả các ngày họp và đóng góp nhiều ý kiến quan trọng nhằm củng cố và mở rộng khối đại đoàn kết dân tộc. Trong phiên họp ngày 24-4-1948, Tôn Đức Thắng đã ghi vào sổ cảm tưởng của Hội nghị những dòng đầy xúc động: "Với hai bàn tay trắng, với ốc rau, Mặt trận đã lập nên sự nghiệp vĩ đại trong cuộc Cách mạng Tháng Tám, cũng như một vài khẩu súng kíp, gậy gộc, dao găm đã đi đến một đội quân hùng hậu, đã làm cho giặc bị ngã nghiêng. Tôi tin rằng Mặt trận sẽ đi đến vinh quang. Chỉ mong rằng, cuộc hội nghị này lượm được một kết quả thật khoa học, làm cho mọi người nỗ lực, mỗi ngày mỗi nỗ lực, nỗ lực mãi mãi; mỗi người mỗi tin tưởng, mỗi ngày mỗi tin tưởng mạnh hơn"⁹.

Từ sau khi Ban Thường vụ Trung ương ra Chỉ thị *Phát động phong trào thi đua ái quốc* ngày 27-3-1948 với mục đích "thi đua ái quốc là làm sao cho kháng chiến mau thắng lợi kiến quốc chóng thành công; thi đua ái quốc là vì nước, vì nòi", ngày 1-5-1948, Hồ Chí Minh đã ra *Lời kêu gọi thi đua yêu nước*, và đến ngày 11-6-1948 chính thức phát động cuộc vận động thi đua yêu nước. Đây là thời kỳ Tôn Đức Thắng có nhiều cố gắng và đạt kết quả tốt trong việc làm cho tư tưởng Hồ Chí

Minh và chủ trương của Đảng về thi đua yêu nước trở thành động lực của cuộc kháng chiến kiến quốc.

Vào khoảng tháng 10-1948, nhân dịp đồng chí Khu trưởng khu VIII Nam Bộ và là Trưởng đoàn quân dân chính Nam Bộ ra báo cáo với Trung ương và Bác Hồ về tình hình cuộc kháng chiến của nhân dân Nam Bộ, Tôn Đức Thắng đã đến thăm đoàn. Trong cuộc trao đổi thân tình, Tôn Đức Thắng nói: "Mặc dầu tham gia vào cuộc lãnh đạo chung ở ngoài này - một nhiệm vụ rất lớn, nhưng lúc nào tôi cũng nghĩ tới đồng bào Nam Bộ, lúc nào cũng nghĩ tới chiến trường Nam Bộ là nơi đồng chí, đồng bào đang kháng chiến gian lao. Tôi đã nhiều lần đề nghị với Bác Hồ, với Trung ương cho trở về chiến trường để cùng với đồng chí, đồng bào Nam Bộ tham gia kháng chiến nhưng Bác Hồ chưa đồng ý (...). Đề nghị đồng chí, đề nghị đoàn về báo cáo lại với Xứ uỷ và với đồng bào Nam Bộ rằng, Tôn Đức Thắng là người con của nhân dân Nam Bộ, lúc nào cũng nghĩ tới đồng bào Nam Bộ, nghĩ tới xứ sở mà mình đã sinh ra và đã từng hoạt động"¹⁰.

Trong thời gian này, Ban Thường trực Quốc hội đã phân công các uỷ viên đi các địa phương ở Liên khu III, Liên khu Việt Bắc động viên nhân dân kháng chiến. "Tôn Đức Thắng và Linh mục Phạm Bá Trục được mời về cùng Trưởng ban điều hành công việc của Ban. Năm 1948, Bùi Bằng Đoàn ốm phải đi chữa bệnh. Tôn Đức Thắng giữ chức Quyền Trưởng ban Thường trực Quốc hội"¹¹. Thời kỳ này Tôn Đức Thắng cùng Ban Thường trực Quốc hội luôn ở cạnh Hội đồng Chính phủ, theo dõi sát và chỉ đạo kịp thời cuộc kháng chiến. Tháng 9-1949, Ban Thường trực Quốc hội và Hội đồng Chính phủ đã tiếp và làm việc với Đoàn đại biểu Uỷ ban kháng chiến hành chính Nam Bộ do Lê Đình Thám dẫn đầu ra báo cáo với Trung ương về tình hình kháng chiến ở địa phương. Đầu tháng 10-1949, Ban Thường trực Quốc hội và Hội đồng Chính phủ làm việc với Đoàn đại biểu Nam Bộ, gồm các uỷ viên kháng chiến hành chính, các uỷ viên quân sự và đại biểu các đoàn thể quân

chúng do Phạm Hùng dẫn đầu ra báo cáo với Chính phủ về tình hình kháng chiến của nhân dân Nam Bộ.

Ngày 15-2-1949, giữa lúc cuộc kháng chiến của dân tộc ta đang tiến mạnh trên giai đoạn tích cực cầm cự, chuẩn bị tổng phản công, Hội nghị cán bộ dân vận Trung ương đã khai mạc. Tại Hội nghị này, Tôn Đức Thắng đã có bài phát biểu liên quan đến việc thực hiện phương châm chính sách đúng đắn của Đảng và những lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh như: Cần, Kiệm, Liêm, Chính làm cho dân yêu, dân tin, dân trọng, Tôn Đức Thắng căn dặn hội nghị việc thực hiện phương châm của Đảng phải linh động, khoa học, đoàn kết. Một phương pháp duy nhất giúp ta thành tựu ý muốn ấy là *tự chỉ trích và thân ái chỉ trích bạn mình*. Tôn Đức Thắng nhấn mạnh: "Đối với Đảng với dân chúng, nếu ta thực hiện được chính sách đúng thì tương lai chúng ta sẽ rạng rỡ vinh quang. Vì thế dân vận phải làm cho kỳ được chính sách, phương châm của Đảng trong việc vận động dân chúng tích cực chuẩn bị tổng phản công (...). Dân vận quyết định sự thắng lợi của cuộc *Tổng phản công*. Các đồng chí hãy nỗ lực để QUYẾT THẮNG!"¹².

Ngày 17-5-1950 Hội Việt - Xô hữu nghị được thành lập do Tôn Đức Thắng làm Chủ tịch Hội. Từ đó trở đi, trên nhiều cương vị khác nhau, Tôn Đức Thắng luôn khắc phục mọi khó khăn gian khổ cùng với Quốc hội, Chính phủ tổ chức, động viên mọi tầng lớp nhân dân, đôn đốc, kiểm tra hoạt động của các tổ chức nhà nước, đoàn thể, thúc đẩy bộ máy kháng chiến hoạt động mạnh mẽ, có hiệu quả.

Từ ngày 21-1 đến ngày 3-2-1950, Hội nghị toàn quốc lần thứ ba của Đảng họp do Trường Chinh, Tổng Bí thư trực tiếp chỉ đạo. Tại Hội nghị này, Tôn Đức Thắng với cương vị Trưởng ban thi đua ái quốc Trung ương đọc báo cáo về "*Đẩy mạnh thi đua, nhằm đúng hướng chính*". Với tinh thần "tự chỉ trích", nhìn thẳng vào sự thật, nói rõ sự thật, báo cáo đã chỉ ra những khuyết điểm chính như "quan niệm thi đua chưa được rõ và thống nhất, do đó sinh ra những sai lầm về lãnh đạo và tổ

chức". "Thi đua không nhằm đúng hướng chính nên hao phí nhân lực vật lực, tài lực và thì giờ vào nhiều công việc chưa cần thiết...". Với quan niệm đúng đắn "thi đua là một thuật động viên, một phương thức lãnh đạo để thực hiện những công việc hàng ngày với một mức độ cao hơn trong một thời gian ngắn hơn", báo cáo của Tôn Đức Thắng khẳng định thi đua "nhằm đúng hướng chính, động viên nhân lực, vật lực, tài lực, chuyển mạnh sang tổng phản công". Để làm tốt việc này, cách làm là phải gây ra một nơi thi đua kiểu mẫu và rút những kinh nghiệm thi đua ở đó để phổ biến cho những nơi khác theo gương.

Ngày 19-12-1950, nhân kỷ niệm bốn năm ngày toàn quốc kháng chiến, trên cương vị Quyền trưởng ban Thường trực Quốc hội, thay mặt Ban Thường trực Quốc hội, Tôn Đức Thắng đã đọc Lời hiệu triệu, nhắc lại những diễn biến cơ bản trong bốn năm toàn quốc kháng chiến. Trong bốn năm đó "bộ đội đã anh dũng kháng chiến, nhân dân đã tích cực tham gia kháng chiến, chính phủ đã cương quyết lãnh đạo kháng chiến mà nhất là toàn dân đã đoàn kết để quyết tâm kháng chiến toàn diện và trường kỳ". Sau khi khẳng định những thắng lợi to lớn của cuộc kháng chiến trên các lĩnh vực quân sự, ngoại giao, như câu nói của Bác Hồ: "Ta càng đánh càng mạnh, giặc càng đánh càng yếu", Lời hiệu triệu nêu rõ: "Những thắng lợi trên, đồng bào nên nhớ: Chúng ta đã mua bằng sự gian khổ vô cùng, sự hy sinh tuyệt mực. Nhiệm vụ mỗi người công dân ta phải giữ vững lấy những chiến thắng ấy và khuếch trương nó ra"¹³. Cuối cùng, Tôn Đức Thắng kêu gọi "ở tiền tuyến, ở hậu phương, ở trong nước, ở ngoài nước, già, trẻ, gái, trai, không kể tôn giáo gì, chính kiến gì, đều phải thi đua bằng mọi cách để giết giặc cứu nước, để giải phóng cho dân tộc và góp phần vào sự nghiệp xây dựng hoà bình chung của thế giới"¹⁴.

Sau chiến thắng Biên giới, để tăng cường sự lãnh đạo của Đảng về mọi mặt nhằm đẩy mạnh cuộc kháng chiến, tháng 2-1951, Đảng Cộng sản Đông Dương họp Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II tại Tuyên Quang. Tại Đại hội, Tôn Đức Thắng

đọc Diễn văn khai mạc khái quát tình hình thế giới và Đông Dương trong hơn mười lăm năm từ Đại hội lần thứ nhất họp ở Ma Cao (tháng 3 -1935). Sau mười lăm năm tình thế đã khác hẳn: Nhân dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng đã tiến hành cuộc Cách mạng Tháng Tám đánh đổ phát xít Nhật, thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Nhân dân ta từ chỗ trong tay không có một khẩu súng đã gây dựng được những đội du kích nhỏ dần dần thành một quân đội nhân dân anh dũng gồm mấy chục vạn người và những đội quân địa phương, quân du kích mạnh mẽ khắp trong nước. Diễn văn của Tôn Đức Thắng nhấn mạnh: "... một của quý nhất mà chúng ta nắm được là, đã xây dựng được một đảng tiên phong của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, gần một triệu người đã được rèn luyện trong hơn hai mươi năm đấu tranh vô cùng gian khổ, người trước ngã, người sau lên, một người hy sinh, trăm ngàn người khác thay thế"¹⁵. Trong Diễn văn, Tôn Đức Thắng còn kêu gọi: Toàn Đảng hãy ra sức học tập đường lối chính trị, tác phong và đạo đức cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, sự học tập ấy là điều kiện tiên quyết làm cho Đảng mạnh và làm cho cách mạng đi mau đến thắng lợi hoàn toàn.

Tại Đại hội này, Tôn Đức Thắng được bầu làm Ủy viên chính thức Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam.

Trong Diễn văn bế mạc Đại hội, Tôn Đức Thắng khẳng định Đại hội diễn ra dưới khẩu hiệu: *"Đoàn kết nhất trí giành độc lập cho Tổ quốc, dân chủ cho nhân dân và hoà bình cho thế giới"*.

Diễn văn của Tôn Đức Thắng tổng kết đi đến thống nhất bảy vấn đề cơ bản: tính chất cách mạng Việt Nam, con đường tới chủ nghĩa xã hội, chính sách ruộng đất, chính sách đại đoàn kết để kháng chiến và kiến quốc, vấn đề nhân dân dân chủ chuyên chính, về lãnh đạo kháng chiến, vấn đề Đảng Lao động.

Về vấn đề cách mạng Việt Nam, Tôn Đức Thắng nêu rõ cách mạng Việt Nam hiện thời là cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.

Về chính sách đại đoàn kết, Tôn Đức Thắng nhấn mạnh "chính sách mặt trận của ta là chính sách liên minh giai cấp để kháng chiến. Không phải liên minh giai cấp suông, mà liên minh giai cấp để kháng chiến. Đã là liên minh giai cấp để kháng chiến thì những mâu thuẫn quyền lợi giữa các giai cấp phải được diễn giải hợp lý. Nhưng bao giờ chúng ta cũng đặc biệt chú trọng đến quyền lợi của quần chúng cần lao và đông đảo vì họ là nền tảng của Mặt trận Dân tộc thống nhất, là lực lượng chủ yếu của kháng chiến. Cho nên chúng ta vừa đoàn kết, vừa đấu tranh. Song chúng ta tiến hành đấu tranh trong nội bộ Mặt trận Dân tộc một cách có lợi, có lý, có chừng mực, đừng chĩa mũi nhọn cách mạng vào bọn đế quốc xâm lược"¹⁶.

Về vấn đề Đảng Lao động là Đảng của ai? Tôn Đức Thắng tổng kết "Đảng Lao động Việt Nam là Đảng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động". Liên quan tới vấn đề này Tôn Đức Thắng nắm vững và xử lý đúng đắn mối quan hệ giữa dân tộc và giai cấp, giữa hai nhiệm vụ chống đế quốc và chống phong kiến. Trong Diễn văn bế mạc Đại hội toàn quốc lần thứ II của Đảng (2-1951), Tôn Đức Thắng trình bày: "Trong giai đoạn hiện tại nhiệm vụ trung tâm, nhiệm vụ chủ yếu là đánh bại đế quốc xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc. Nhưng không phải chỉ đánh bại đế quốc xâm lược mà thôi.

Trái lại, trong khi đánh bại đế quốc bên ngoài, vẫn phải thu hẹp bóc lột phong kiến, làm yếu thế lực phong kiến và phát triển chế độ dân chủ nhân dân. Phát triển chế độ dân chủ nhân dân tức là ít nhiều gây mầm mống cho chủ nghĩa xã hội. Song những nhiệm vụ đó đều phải phục vụ nhiệm vụ đánh bại đế quốc xâm lược. Quan niệm cho rằng trong giai đoạn hiện tại, nhiệm vụ phản đế và phản phong kiến ngang nhau, hay kháng chiến căn bản chưa thành công hai nhiệm vụ đó đã ngang nhau là sai.

Quan niệm cho rằng trong giai đoạn này, chỉ phản đế, cách mạng chỉ nhằm một đối tượng là đế quốc xâm lược khi nào chuyển sang giai đoạn sau mới phản phong kiến, cũng sai"¹⁷.

Nhận thức đó có liên quan đến chính sách đại đoàn kết dân tộc của Đảng, đến mối quan hệ giữa dân tộc và giai cấp. Bởi vì đại đa số nhân dân nước ta là nông dân. Nguyện vọng tha thiết của nông dân là độc lập, dân chủ và ruộng đất. Nông dân hiện tham gia và đóng góp rất nhiều cho kháng chiến. Vì vậy phải triệt để thi hành nghiên cứu chính sách giảm tô, giảm tức, tạm cấp, chia lại công điền, v.v. để động viên quần chúng nông dân đông đảo kháng chiến.

Tôn Đức Thắng đã giải đáp và làm sáng tỏ vấn đề lý luận cải cách và mục đích kháng chiến, cải cách và chính sách đại đoàn kết toàn dân. Tôn Đức Thắng giải thích những chính sách ruộng đất "không phải cố định, nhưng có thể theo đà phát triển của cách mạng mà nhích dần lên. Nhích dần trong kháng chiến. Nhích mạnh sau kháng chiến. Nhưng trong kháng chiến nhích lên phải có hạn độ. Hạn độ đó tức là đảm bảo chính sách đoàn kết toàn dân, kháng chiến trường kỳ"¹⁸.

Nhìn nhận mối quan hệ giữa dân tộc và giai cấp dưới góc độ Nhà nước, Tôn Đức Thắng phân tích: "*Hình thức* Nhà nước của chúng ta là cộng hoà dân chủ nhân dân. *Nội dung* của nó là nhân dân dân chủ chuyên chính. *Thực chất* của nhân dân dân chủ chuyên chính là công nông chuyên chính. Không nên nói, hình thức là nhân dân dân chủ chuyên chính, mà nói đúng là công nông chuyên chính. Khi nói ra ngoài thì không nên nhắc đến công nông chuyên chính vì thật ra chế độ của ta không giống hệt như công nông chuyên chính. Vì công nông chuyên chính chỉ có công nông và tiểu tư sản tham chính còn nhân dân dân chủ chuyên chính gồm tất cả các giai cấp trong nhân dân: Công nhân, nông dân, tiểu tư sản, tư sản dân tộc và những thân sĩ yêu nước và tiến bộ cùng tham chính. Nếu nói công nông chuyên chính thì hẹp hòi và không đúng"¹⁹.

Về lãnh đạo kháng chiến, Tôn Đức Thắng khẳng định: "Phải nhận rõ muốn kháng chiến thắng lợi thì trước hết, đấu tranh quân sự phải thắng lợi. Cho nên Đảng phải trực tiếp lãnh đạo kháng chiến, lãnh đạo chiến tranh nhân dân. Đảng phải ném thêm cán bộ khá vào quân đội và cán bộ các cấp của Đảng phải học quân sự, hiểu quân sự, làm quân sự"²⁰.

Một trong những nhiệm vụ lớn mà Đại hội Đảng lần thứ II đề ra là phải củng cố, kiện toàn Mặt trận Dân tộc thống nhất để tăng cường sức mạnh đoàn kết nhất trí của toàn dân, tạo động lực đưa cuộc kháng chiến mau đến thắng lợi. Trong khoảng 10 ngày sau Đại hội, Tôn Đức Thắng đã tích cực chuẩn bị mọi mặt cho Đại hội toàn quốc thống nhất Việt Minh - Liên Việt. Tôn Đức Thắng cùng Ban vận động thống nhất Việt Minh - Liên Việt từ cuối năm 1948 đã xúc tiến lấy ý kiến các cơ quan, đoàn thể quân, dân, chính đảng, các nhân sĩ, trí thức, các đồng chí phụ trách các bộ, ban, ngành... Thư trung cầu ý kiến được gửi tới hàng chục cơ quan, đơn vị, hàng trăm cá nhân. Chỉ trong một thời gian ngắn Ban vận động đã nhận được số lượng thư trả lời tương đương với số lượng thư gửi đi. Các ông Phan Anh, Cù Huy Cận, Bò Xuân Luật, Chu Bá Phượng, Nguyễn Lương Bằng, Hoàng Đạo Thuý, Trần Văn Giàu, bà Lê Thị Xuyên và nhiều vị khác đã gửi thư tới Ban Thường vụ Trung ương Hội Liên Việt đồng thanh tán thành việc thống nhất Việt Minh - Liên Việt²¹.

Từ ngày 3 đến ngày 7-2-1951, Đại hội toàn quốc thống nhất Việt Minh - Liên Việt đã khai mạc tại một địa điểm ở Việt Bắc. Tôn Đức Thắng tham gia Chủ tịch đoàn, với cương vị quyền Hội trưởng Hội Liên Việt. Thay mặt Ban Chấp hành Trung ương Liên Việt và Tổng bộ Việt Minh, ông đọc Báo cáo chính trị, nêu rõ sự cần thiết và tầm quan trọng của việc thống nhất Việt Minh - Liên Việt, hạt nhân của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, cùng nhau thực hiện nhiệm vụ kháng chiến kiến quốc đặng giành độc lập cho Tổ quốc, dân chủ cho nhân dân, góp phần vào sự

nghiệp giữ gìn hoà bình thế giới. Sau 5 ngày làm việc, Đại hội đã thông qua nghị quyết thống nhất Việt Minh - Liên Việt thành một mặt trận dân tộc thống nhất lấy tên là *Mặt trận Liên hiệp quốc dân Việt Nam*, gọi tắt là *Mặt trận Liên Việt*. Đại hội còn thông qua Chính cương, Tuyên ngôn và Điều lệ của Mặt trận và nhất trí việc xây dựng và bảo vệ khối đoàn kết nhân dân ba nước Việt Nam - Lào - Campuchia. Đại hội thảo luận và nhất trí tán thành Nghị quyết của Hội đồng hoà bình thế giới.

Đại hội nhất trí bầu Chủ tịch Hồ Chí Minh làm Chủ tịch danh dự, Tôn Đức Thắng làm Chủ tịch Mặt trận Liên Việt. Trong phiên họp chiều 7-3-1951, Tôn Đức Thắng đọc Diễn văn bế mạc. Thay mặt Ủy ban Trung ương Mặt trận Liên Việt, Tôn Đức Thắng xin hứa "làm tròn nhiệm vụ mà Đại hội đã giao phó để làm cho khối đại đoàn kết dân tộc ngày thêm vững mạnh".

Với một tinh thần và không khí dân chủ cao, Đại hội toàn quốc thống nhất Việt Minh - Liên Việt đã thành công tốt đẹp. Đây là thắng lợi to lớn về chính trị, chứng tỏ toàn dân quyết tâm xây dựng khối đại đoàn kết thống nhất toàn dân tộc vì sự thắng lợi của công cuộc kháng chiến. Đúng như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: "Hôm nay, trông thấy rừng cây đại đoàn kết đã nở hoa kết quả và gốc rễ nó đang ăn sâu lan rộng khắp toàn dân, và nó có một tương lai "trường xuân bất lão"²².

Sau Đại hội thống nhất Việt Minh - Liên Việt, Tôn Đức Thắng tiếp tục tham gia dự Hội nghị Liên minh nhân dân ba nước Việt Nam - Lào - Campuchia, đóng góp vào việc củng cố khối đoàn kết liên minh chiến đấu của nhân dân ba nước Đông Dương. Tiếp đến Tôn Đức Thắng cùng Hoàng Quốc Việt, Xuân Thủy, Hoàng Hữu Nhân và Lê Thành Lập bắt tay vào lo việc tổ chức Ban Mặt trận của Trung ương Đảng theo đề nghị của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Tổng Bí thư Trường Chinh. Ngày 10-4-1951, Tôn Đức Thắng triệu tập Hội nghị Đảng đoàn Mặt trận Trung ương để bàn về vấn đề tổ chức Ban Mặt trận của Trung ương Đảng. Hội nghị đã định ra nhiệm vụ của Ban Mặt trận là theo dõi, nghiên cứu, giúp Trung ương Đảng đôn

đốc việc thực hiện chính sách mặt trận của Đảng trong cả nước. Hội nghị thảo luận nhất trí quyết nghị tổ chức của Ban Mặt trận gồm một Bí thư, các đồng chí cán sự phân công phụ trách các vấn đề dân tộc, tôn giáo đảng phái²³.

Tiếp theo Hội nghị ngày 10-4-1951, Tôn Đức Thắng còn dự cuộc họp Ban Mặt trận Trung ương ngày 1-5-1951 và ngày 10-6-1951 để kiểm điểm công tác chung của Ban Mặt trận Trung ương. Tại cuộc họp ngày 10-6-1951, Hoàng Quốc Việt được cử làm Trưởng ban Mặt trận của Trung ương. Tôn Đức Thắng là người thay Hoàng Quốc Việt khi đi vắng²⁴.

Ngày 1-5-1951, tại Việt Bắc, Ủy ban Liên Việt toàn quốc, Ủy ban Bảo vệ hoà bình thế giới Việt Nam, Đảng Lao động Việt Nam, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam đã tổ chức mítting kỷ niệm ngày Quốc tế Lao động 1-5. Tôn Đức Thắng, Chủ tịch Ủy ban Liên Việt toàn quốc tham gia Đoàn chủ tịch cuộc mítting, đọc Diễn văn khai mạc, nêu bật ý nghĩa ngày Quốc tế Lao động và nhiệm vụ của toàn dân.

Ngày 9 và 10-5-1951, Tôn Đức Thắng chủ tọa Hội nghị toàn Ban Liên Việt lần thứ hai, nghe báo cáo về tình hình thế giới và trong nước từ Đại hội toàn quốc thống nhất Việt Minh - Liên Việt đến nay; Báo cáo về việc thực hiện nghị quyết của Hội nghị Thường trực lần thứ nhất; về chính sách kinh tế tài chính của Chính phủ và thuế nông nghiệp, về phong trào thi đua ái quốc. Hội nghị đã đề ra các nhiệm vụ làm cho cán bộ, hội viên Mặt trận thấm nhuần sâu sắc ý thức kháng chiến trường kỳ, chịu đựng gian khổ, chống chủ quan khinh địch. Phổ biến sâu rộng chính sách của Mặt trận, tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc làm cho nhân dân hiểu rõ chính sách của Chính phủ. Khuyếch trương những thắng lợi của ta về chính trị, quân sự. Đẩy mạnh phong trào chống chiến tranh, ủng hộ hoà bình thế giới. Đẩy mạnh phong trào thi đua ái quốc. Ngày 13-5-1951, thay mặt Ủy ban Liên Việt toàn quốc, Tôn Đức Thắng đã gửi thư chúc mừng Chủ tịch Hồ Chí Minh nhân ngày sinh nhật. Bức thư có đoạn: Chúng tôi xin hứa động viên toàn dân ra sức học tập đạo đức cần

kiệm liêm chính, chí công vô tư của cụ, hăng hái thi đua sản xuất, lập công, đề cao chiến sĩ để chuyển mạnh sang tổng phản công"²⁵. Vào khoảng trung tuần tháng 10-1952, nhân dịp ngày thành lập Chính phủ Pathét Lào, Tôn Đức Thắng đã gửi điện chúc mừng tới Chủ tịch Mặt trận Dân tộc thống nhất Lào Ítxala. Bức điện có đoạn: "Hai dân tộc chúng ta cùng đoàn kết trong khối liên minh Việt - Miên - Lào, kiên quyết đánh bại thực dân Pháp và can thiệp Mỹ, giành độc lập dân tộc và góp phần xây dựng hoà bình thế giới"²⁶.

Từ năm 1950, về đối ngoại, sau khi nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đặt quan hệ ngoại giao với Trung Quốc, Liên Xô và các nước dân chủ nhân dân ở Đông Âu, Ban Thường trực Quốc hội đã có quan hệ Quốc hội với nhiều nước. Năm 1951, nhân dịp kỷ niệm lần thứ hai ngày Quốc khánh nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa, Việt Nam đã cử một phái đoàn đi dự lễ do Hoàng Quốc Việt dẫn đầu. Tôn Đức Thắng là thành viên của đoàn đại diện cho Quốc hội và Mặt trận. Đoàn đại biểu Việt Nam là thượng khách của Uỷ ban chính trị hiệp thương của Trung Hoa. Phái đoàn Việt Nam đã có nhiều cuộc tiếp xúc với nhân dân Trung Hoa. Tiếp đến, Tôn Đức Thắng đã dẫn đầu đoàn đại biểu Việt Nam đi thăm nước Cộng hoà dân chủ nhân dân Triều Tiên²⁷.

Nhân dịp năm mới 1952, Tôn Đức Thắng đã trả lời phóng viên báo *Nhân dân*: "Từ chỗ ngang nhau, thế lực xâm lược, cái cũ đang xuống; thế lực hoà bình, cái mới đang lên. Do đoàn kết chặt chẽ, cố gắng vượt mọi khó khăn và kiên quyết phấn đấu, ta đã đạt được những thành tích như ngày nay. Trong năm mới, quân và dân ta cần thắt chặt đoàn kết hơn nữa, phấn đấu ráo riết hơn nữa thì quân thù nhất định sẽ thất bại lớn"²⁸.

Từ ngày 23 đến ngày 27-6-1952, Uỷ ban Liên Việt toàn quốc đã họp hội nghị lần thứ ba. Tôn Đức Thắng, Chủ tịch Mặt trận đã đọc Báo cáo về tình hình trong và ngoài nước, đề ra nhiệm vụ trước mắt trong 6 tháng tới là: Tăng gia sản xuất và

thực hành tiết kiệm. Duy trì và phát triển chiến tranh du kích. Gây cơ sở mặt trận ở vùng sau lưng địch. Chuẩn bị tham gia Hội nghị hoà bình châu Á - Thái Bình Dương. Đẩy mạnh thi đua ái quốc. Đẩy mạnh tự phê bình và phê bình²⁹.

Trong những tháng cuối năm 1952 đầu năm 1953, trên nhiều cương vị, Tôn Đức Thắng vừa cùng Ban Thường trực Quốc hội và Hội Liên Việt tập trung chỉ đạo nhiều hoạt động trong nước, đặc biệt là thúc đẩy khối đại đoàn kết dân tộc và phong trào thi đua yêu nước, vừa có những hoạt động quốc tế như gửi điện văn chúc mừng tới Hội nghị hoà bình châu Á - Thái Bình Dương khai mạc ở Bắc Kinh đầu tháng 10-1952, góp phần giữ gìn và bảo vệ nền hoà bình ở khu vực và trên thế giới.

Sau Đại hội lần thứ II của Đảng - Đại hội mang tinh thần "kháng chiến thắng lợi", mọi mặt kháng chiến đã phát triển mạnh mẽ. Quân và dân ta giành được thắng lợi ngày càng to lớn. Tiền tuyến đã giữ vững được quyền chủ động chiến trường chính. Hậu phương được mở rộng và củng cố về mọi mặt. Chính quyền dân chủ nhân dân được kiện toàn. Khối đoàn kết toàn dân được củng cố và phát triển. Điều kiện để giành thắng lợi lớn hơn, thắng lợi quyết định của cuộc kháng chiến ngày càng tăng lên rõ rệt. Yêu cầu động viên sức người, sức của cho kháng chiến đang đặt ra những đòi hỏi to lớn. Vì vậy, phải có biện pháp cụ thể để bồi dưỡng sức dân, cải thiện đời sống cho đồng bào ở hậu phương.

Trên cơ sở xác định nhiệm vụ cơ bản lâu dài, nước yêu cầu cấp bách của cuộc kháng chiến, Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng tháng 1-1953 đã quyết định phát động quần chúng nông dân triệt để giảm tô, giảm tức và cải cách ruộng đất ngay ở các vùng tự do.

Ngày 25-2-1953, theo đề nghị của Chính phủ, Hội nghị liên tịch giữa Ban Thường trực Quốc hội và Ủy ban Mặt trận Liên Việt toàn quốc được triệu tập để thảo luận bản đề án "Phóng tay phát động quần chúng, triệt để giảm tô, thực hiện giảm tức"

của Đảng Lao động Việt Nam. Dự hội nghị có hơn 50 đại biểu. Quyền trưởng ban Thường trực Quốc hội, Chủ tịch Ủy ban Liên Việt toàn quốc Tôn Đức Thắng đọc Diễn văn khai mạc "nhấn mạnh đến công tác phát động quần chúng, triệt để giảm tô, thực hành giảm tức nhằm giành ưu thế chính trị cho nông dân lao động ở nông thôn"³⁰. Sau khi thảo luận, Hội nghị đã ra nghị quyết về công tác trọng tâm của năm 1953 là thực hiện nghiêm chỉnh chính sách ruộng đất của Đảng, trên cơ sở đó mà củng cố khối liên minh công nông, củng cố Mặt trận Liên Việt. Hội nghị đã nhất trí với bản đề án của Đảng và hiệu triệu quốc dân tích cực thực hiện chính sách ruộng đất của Đảng và Chính phủ.

Ngày 26-11-1953, Tôn Đức Thắng triệu tập Hội nghị Ủy ban Liên Việt toàn quốc mở rộng bao gồm đông đảo đại biểu tác chính đảng, đoàn thể, dân tộc, tôn giáo trong toàn quốc để thảo luận và quán triệt "Cương lĩnh của Đảng Lao động Việt Nam về vấn đề ruộng đất" do Trường Chinh, Tổng Bí thư của Đảng trình bày. Hội nghị đã họp ba ngày do Tôn Đức Thắng chủ trì, đã tới quyết nghị về "trọng tâm công tác của Mặt trận trong giai đoạn này là động viên toàn dân đẩy mạnh kháng chiến, thực hiện mục tiêu chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ, đánh đổ nguy quyền, giải phóng dân tộc, thực hiện chính sách cải cách ruộng đất trên cơ sở tán thành cương lĩnh ruộng đất của Đảng... kêu gọi các chính đảng, đoàn thể và quốc dân đồng bào yêu nước hãy ra sức ủng hộ cương lĩnh ruộng đất của Đảng, ủng hộ cuộc đấu tranh của nông dân, hăng hái tham gia cải cách ruộng đất, góp phần vào sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc thắng lợi"³¹.

Tháng 11-1953, Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Hội nghị toàn quốc lần thứ nhất của Đảng đã nhất trí thông qua Cương lĩnh ruộng đất và quyết định cải cách ruộng đất.

Để thực hiện nhiệm vụ lịch sử đó, theo đề nghị của Chính phủ, Ban Thường trực Quốc hội đã quyết định triệu tập Quốc hội kỳ họp thứ ba tại Việt Bắc từ ngày 1 đến

ngày 4-12-1953. Trong hoàn cảnh chiến tranh, các đại biểu Quốc hội phải vượt qua nhiều khó khăn mới về được Việt Bắc để họp. "Tổng số đại biểu về dự kỳ họp là 166 người, trong đó Bắc Bộ có 94 đại biểu, Trung Bộ có 62 đại biểu, Nam Bộ có 10 đại biểu"³².

Tôn Đức Thắng, Quyền Trưởng ban Thường trực Quốc hội đọc Diễn văn khai mạc nêu rõ: "Quốc hội họp trong hoàn cảnh cuộc kháng chiến đã lớn mạnh, "thế ta mạnh hơn thế giặc", ta đang tiến tới một giai đoạn mới, đòi hỏi nhân dân phải có một nỗ lực phi thường. Do đó, chính phủ đã đề ra dự án Luật Cải cách ruộng đất. Đó là một quyết sách để bảo đảm cho kháng chiến thắng lợi, là một nhiệm vụ căn bản của cách mạng dân tộc dân chủ của chúng ta. Với tầm quan trọng đó, quyết sách này phải được Quốc hội, cơ quan quyền lực tối cao thay mặt toàn dân thông qua"³³.

Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ trình bày trước Quốc hội bản báo cáo "*Tình hình trước mắt là nhiệm vụ cải cách ruộng đất*". Người nêu rõ: "Then chốt thắng lợi của kháng chiến là *củng cố và mở rộng Mặt trận Dân tộc thống nhất*, củng cố công nông liên minh, củng cố chính quyền nhân dân, củng cố và phát triển *quân đội*, củng cố *Đảng* và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng về mọi mặt. Chỉ có phát động quần chúng cải cách ruộng đất, ta mới tiến hành những công việc đó được thuận lợi"³⁴.

Ngày 4-12-1953, toàn thể Quốc hội biểu quyết nhất trí tán thành Luật Cải cách ruộng đất. Quốc hội đã lần lượt thông qua Nghị quyết tín nhiệm Chính phủ; Nghị quyết biểu dương các đại biểu Quốc hội đã từ trần vì nước; Nghị quyết truất quyền đại biểu Quốc hội của những đại biểu rời bỏ nhiệm vụ kháng chiến.

Kỳ họp thứ ba của Quốc hội có ý nghĩa lịch sử trọng đại. Quốc hội đã quyết định một quốc sách quan hệ đến thắng lợi của kháng chiến, đến hạnh phúc của toàn dân là thực hiện cải cách ruộng đất trong kháng chiến, đưa "chiếc xe lịch sử dân tộc ta

sẽ tiến lên giai đoạn một vẻ vang. Quốc hội ta là người thợ đóng xe, nhân dân ta là động lực của xe. Chính phủ ta là người lái xe". Điều đó càng nổi bật lên hình ảnh của Quốc hội ta là "Quốc hội cách mạng, Quốc hội kháng chiến, Quốc hội cải cách ruộng đất"³⁵.

Trên cương vị Quyền Trưởng ban Thường trực Quốc hội, Tôn Đức Thắng đã góp phần quan trọng vào thắng lợi kỳ họp thứ ba của Quốc hội, cùng Ban Thường trực Quốc hội và Chính phủ đã có nhiều hoạt động tích cực tạo bầu không khí hoà bình trên thế giới. Ngày 18-1-1954, đọc Diễn văn khai mạc tháng hữu nghị Việt - Trung - Xô, Tôn Đức Thắng đã khẳng định mối quan hệ và tình hữu nghị Việt - Trung - Xô. Tiếp đó, đầu tháng 2-1954, trong không khí đón chào năm mới Giáp Ngọ, Tôn Đức Thắng viết bài *Tết hữu nghị Việt - Trung - Xô*, đăng báo *Nhân dân* số 163 (ngày 1 đến ngày 5-2-1954), ca ngợi mối quan hệ và tình đoàn kết hữu nghị giữa nhân dân ba nước Việt Nam, Trung Quốc và Liên Xô; đánh giá các thắng lợi mà nhân dân và quân đội ba nước đã đạt được.

Từ khi cuộc cải cách ruộng đất được tổ chức thí điểm ở một số xã trong hai tỉnh Thái Nguyên, Thanh Hoá và vùng tự do, thì mọi hoạt động của cuộc kháng chiến đều được đẩy mạnh. Tiền tuyến được tiếp thêm sức mạnh mới, dẫn tới thắng lợi trên chiến trường trong Đông - Xuân năm 1953 - 1954 mà đỉnh cao là chiến thắng Điện Biên Phủ. Thắng lợi quân sự là cơ sở để Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà mở cuộc tiến công trên mặt trận đấu tranh ngoại giao đàm phán tại Giơnevơ năm 1954. Sau khi Hội nghị ngoại trưởng bốn nước: Liên Xô, Mỹ, Anh, Pháp họp ở Béclin (1-1954) đồng ý có quyết định triệu tập Hội nghị Giơnevơ bàn về vấn đề chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Đông Dương, "Ban Thường trực Quốc hội đã thảo luận và thống nhất với Hội đồng Chính phủ cử Đoàn đại biểu của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà do Phạm Văn Đồng dẫn đầu đi dự Hội nghị Giơnevơ"³⁶. Từ đây, với cương vị Quyền Trưởng ban Thường trực Quốc hội Tôn

Đức Thắng cùng Ban Thường trực Quốc hội và Chính phủ chăm chú theo dõi diễn biến của Hội nghị để có ý kiến chỉ đạo thích hợp. Ngày 30-5-1954, Hội nghị liên tịch Ban Thường trực Ủy ban Liên Việt toàn quốc và Ban Thường vụ Ủy ban Bảo vệ hoà bình thế giới của Việt Nam họp mở rộng để nhận định về công tác của Đoàn đại biểu ta ở Hội nghị Giơnevơ. Thay mặt Chủ tịch đoàn, "Tôn Đức Thắng đã gửi điện văn tới Chủ tịch Hồ Chí Minh và Chính phủ, bày tỏ quan điểm hoàn toàn ủng hộ lập trường và những đề nghị cụ thể của Đoàn đại biểu ta ở Hội nghị Giơnevơ"³⁷.

Ngày 24-7-1954, thay mặt Ủy ban Liên Việt toàn quốc Tôn Đức Thắng, Chủ tịch Ủy ban đã ra *Lời kêu gọi* đồng bào toàn quốc và kiều bào ở nước ngoài về việc ký kết các hiệp định đình chiến ở Đông Dương, nêu rõ: "Thắng lợi to lớn của ta là thất bại to lớn của đế quốc Mỹ và bọn hiếu chiến Pháp âm mưu tiếp tục và mở rộng chiến tranh Đông Dương. Nhưng thắng lợi ấy mới là một bước đầu, chúng ta còn phải tiến tới nữa... Chúng ta quyết không vì thắng lợi mà tự mãn, chủ quan khinh địch, quyết không vì khó khăn mà sờn lòng nản chí. Chúng ta đã dũng cảm trong kháng chiến, chúng ta càng dũng cảm trong hoà bình. Toàn dân ta từ Bắc chí Nam, trong nước và ngoài nước, đoàn kết sắt đá trong Mặt trận Dân tộc thống nhất rộng rãi, giương cao ngọn cờ hoà bình tiến lên"³⁸.

Một tuần lễ sau ngày ký hiệp nghị vì chưa đủ điều kiện, thời gian để triệu tập Quốc hội, ngày 27-7-1954 Ban Thường trực Quốc hội tổ chức Hội nghị mở rộng của Ban Thường trực Quốc hội với một số đại biểu của Ban Thường trực Ủy ban Liên Việt toàn quốc và Ban Thường trực Ủy ban Bảo vệ hoà bình thế giới của Việt Nam để thảo luận bản hiệp định đình chiến và nhất trí nhận định việc "ký Hiệp định Giơnevơ là một thắng lợi lớn"³⁹. Thay mặt Chủ tịch đoàn hội nghị, Tôn Đức Thắng đã gửi điện tới Chủ tịch Hồ Chí Minh và Chính phủ Việt Nam chúc mừng thành công của Hội nghị Giơnevơ và nhấn mạnh: Chúng tôi cũng như toàn dân vô cùng

biết ơn Hồ Chủ tịch và Chính phủ đã lãnh đạo quân đội và nhân dân, anh dũng kháng chiến 8, 9 năm qua để bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ hoà bình và tranh thủ được hoà bình. Chúng tôi nguyện phổ biến sâu rộng trong nhân dân những chủ trương, chính sách mới của Hồ Chủ tịch và Chính phủ đã đề ra cho toàn dân, tăng cường đoàn kết, củng cố hoà bình, thực hiện thống nhất, hoàn thành độc lập dân chủ toàn quốc"⁴⁰.

Cùng ngày, thay mặt Chủ tịch đoàn của Hội nghị liên tịch mở rộng, Tôn Đức Thắng đã gửi điện văn chúc mừng tới Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam. Bức điện có đoạn: "Những chiến thắng vĩ đại, những thành tích lớn lao về mọi mặt chứng minh sự lãnh đạo kiên quyết và sáng suốt của Hồ Chủ tịch và Đảng... Hiệp định đình chiến ký ngày 21-7 tại Giơnevơ, sự thừa nhận nguyên tắc tôn trọng độc lập, thống nhất và lãnh thổ toàn vẹn của Việt Nam - Khome - Lào trong Bản Tuyên bố chung của 9 nước ở Hội nghị Giơnevơ là kết quả của 8, 9 năm chiến đấu anh dũng của nhân dân ta... Thắng lợi ngoại giao đó, chứng minh một lần nữa sự lãnh đạo tài tình và vững chắc của Đảng..."⁴¹.

Ngày 28-7-1954, thay mặt Ban Thường trực Quốc hội, Tôn Đức Thắng đã ra *Lời kêu gọi* về việc ký kết các hiệp định đình chiến ở Đông Dương, nêu rõ: "nhận định rõ bước đường thắng lợi đã qua, vững bước đi con đường hoà bình hiện tại, dưới ngọn cờ quang vinh của Hồ Chủ tịch, đồng bào toàn quốc cùng nhau đoàn kết chặt chẽ, đồng tâm nhất trí thực hiện những nhiệm vụ mới do tình hình mới đặt ra: củng cố hoà bình, thực hiện thống nhất, hoàn thành độc lập và dân chủ"⁴².

19 giờ ngày 6-11-1954, tại Nhà hát thành phố Hà Nội, Hội hữu nghị Việt - Xô đã tổ chức kỷ niệm lần thứ 37 Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười vĩ đại, Tôn Đức Thắng, Chủ tịch Hội hữu nghị Việt - Xô đã tới dự và có bài phát biểu nhan đề "*Chúc mừng kỷ niệm Cách mạng Tháng Mười*". Tôn Đức Thắng đã nêu bật ý nghĩa của Cách mạng Tháng Mười và vai trò của Liên Xô trong sự nghiệp bảo vệ

hoà bình thế giới. Khẳng định nhân dân Việt Nam không ngừng củng cố và tăng cường tình đoàn kết hữu nghị giữa nhân dân Việt Nam và nhân dân Liên Xô bằng nhiều việc làm và hành động thiết thực"⁴³.

*

* *

Sau thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, từ Côn Đảo trở về, Tôn Đức Thắng bắt tay vào nhiệm vụ mới cùng với Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ và Mặt trận lãnh đạo toàn quân, toàn dân tiến hành cuộc kháng chiến trường kỳ 9 năm chống thực dân Pháp xâm lược và can thiệp Mỹ. Với những cương vị và trọng trách to lớn được Đảng giao phó, Tôn Đức Thắng đã góp phần xây dựng Nhà nước dân chủ nhân dân, tổ chức toàn dân tộc đoàn kết một lòng chiến đấu, giữ trọn lời thề độc lập năm 1945, hoàn thành sứ mệnh lịch sử đưa kháng chiến đến thắng lợi vẻ vang, góp phần vào sự nghiệp bảo vệ nền hoà bình thế giới.

* Văn phòng Quốc hội: *Lịch sử Quốc hội Việt Nam (1946 – 1960)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, tr. 78.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.8, tr. 69.

2. Trần Quốc Luyện (Phôi sư đạo Cao Đài): *Bác Tôn kính yêu trong lòng người đạo Cao Đài*, trong *Bác Tôn và chúng ta (20-8-1888 - 20-8-1988)*, Ban Khoa học xã hội Thành uỷ thành phố Hồ Chủ Minh, 1988, tr. 213.

3. Xem Văn phòng Quốc hội: *Lịch sử Quốc hội Việt Nam, Sđd, tr.112.*

4. *Sđd*, tr. 112.

- 5, 6. Trần Quốc Hương: "Bác Tôn như tôi được biết", trong *Tôn Đức Thắng - Người cộng sự mẫu mực, biểu tượng của đại đoàn kết*, *Sđd*, tr. 83-84, 85.
7. Văn phòng Quốc hội: *Lịch sử Quốc hội Việt Nam (1946 – 1954)*, *Sđd*, tr 117.
8. Trần Quốc Hương: "Bác Tôn như tôi đã biết", trong *Tôn Đức Thắng – Người cộng sản mẫu mực, biểu tượng của đại đoàn kết*, *Sđd*, tr. 91.
9. Đức Vượng: "Từ thành đồng Tổ quốc đến Hà Nội giải phóng... Sài Gòn giải phóng", trong Ban Chấp hành tỉnh uỷ Đảng bộ An Giang: *Bác Tôn (1888 – 1980) - Cuộc đời và sự nghiệp*, *Sđd*, tr.157.
10. Thượng tướng Trần Văn Trà: "Điều ghi đậm nét nhất về Bác Tôn trong tâm tư của tôi"; trong *Tôn Đức Thắng - Người cộng sản mẫu mực, biểu tượng của đại đoàn kết*, *Sđd*, tr. 132-133.
11. Văn phòng Quốc hội: *Lịch sử Quốc hội Việt Nam (1946- 1960)*, *Sđd*, tr. 126.
12. Tôn Đức Thắng: "Lời phát biểu ở Hội nghị cán bộ dân vận Trung ương ngày 15-2-1949". trong *Chủ tịch Tôn Đức Thắng (1888-1980)*, *Sđd*, tr. 197.
- 13, 14. Tôn Đức Thắng: "Hiệu triệu của Ban Thường trực Quốc hội nhân dịp kỷ niệm ngày toàn quốc kháng chiến 19-12", trong *Chủ tịch Tôn Đức Thắng (1888-1980)*, *Sđd*, tr. 202, 203.
15. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, t. 12, tr. 8
16. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, t.12, tr. 487-488.
17. *Sđd*, tr. 485-486
18. *Sđd*, tr. 487.
19. *Sđd*, tr. 488.

20. *Sđđ*, tr. 489.

21. Xem: Đức Vương: "Tù Thành đồng Tổ quốc đến Hà Nội giải phóng... Sài Gòn giải phóng", trong Ban Chấp hành tỉnh Đảng bộ An Giang: *Bác Tôn (1888-1980) – Cuộc đời sự nghiệp*, *Sđđ*, tr. 159.

22. Hồ Chí Minh. *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội 2002, t. 6, tr. 181.

23. Xem: Đức Vương "Tù Thành đồng Tổ quốc đến Hà Nội giải phóng... Sài Gòn giải phóng", trong Ban Chấp hành tỉnh Đảng bộ An Giang: *Bác Tôn (1888-1980) – Cuộc đời và sự nghiệp*, *Sđđ*, tr. 163.

24. Xem: Đức Vương: "Tù Thành đồng Tổ quốc đến Hà Nội giải phóng... Sài Gòn giải phóng", trong Ban Chấp hành tỉnh Đảng bộ An Giang: *Bác Tôn (1888-1980) – Cuộc đời và sự nghiệp*, *Sđđ*, tr. 163.

25. Báo *Nhân dân*, số 8, ngày 13-5-1951.

26. Báo *Nhân dân*, số 29, ngày 18-10-1951.

27. Văn phòng Quốc hội: *Lịch sử Quốc hội Việt Nam (1946- 1960)*, *Sđđ*, tr. 130.

28. Báo *Nhân dân*, số 39, ngày 3-1-1952.

29. Báo *Nhân dân*, số 65, ngày 10-7-1952.

30. Đức Vương: "Tù Thành đồng Tổ quốc đến Hà Nội giải phóng... Sài Gòn giải phóng", trong Ban Chấp hành tỉnh Đảng bộ An Giang: *Bác Tôn (1888-1980) – Cuộc đời và sự nghiệp*, *Sđđ*, tr. 164.

31. Đức Vương: "Tù Thành đồng Tổ quốc đến Hà Nội giải phóng... Sài Gòn giải phóng", trong Ban Chấp hành tỉnh Đảng bộ An Giang: *Bác Tôn (1888-1980) – Cuộc đời và sự nghiệp*, *Sđđ*, tr.165.

32, 33. Văn phòng Quốc hội: *Lịch sử Quốc hội Việt Nam (1946- 1960)* *Sđđ*, tr. 133, 134.

34. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 7, tr. 179.
35. Văn phòng Quốc hội: *Lịch sử Quốc hội Việt Nam (1946- 1960), Sđd*, tr. 138.
36. Văn phòng quốc hội: *Lịch sử Quốc hội Việt Nam (1946-1960), Sđd*, tr.140.
37. Báo *Nhân dân*, số 192, từ ngày 7 đến ngày 9-6-1954.
38. Báo *Nhân dân*, số 211, từ ngày 4 đến ngày 6-8-1954.
40. Văn phòng Quốc hội: *Lịch sử Quốc hội Việt Nam (1946- 1960), Sđd*, tr. 141.
41. Báo *Nhân dân*, số 212, từ ngày 7 đến ngày 9-8-1954.
42. Báo *Nhân dân*, số 211, từ ngày 4 đến ngày 6-8-1954.
43. Báo *Nhân dân* số 258, ngày 9-11-1954.

CÙNG ĐẢNG, NHÀ NƯỚC LÃNH ĐẠO SỰ NGHIỆP

CÁCH MẠNG TRÊN PHẠM VI CẢ NƯỚC

(1954-1969)

Từ năm 1954 đến năm 1969, Tôn Đức Thắng nắm giữ nhiều vị trí then chốt trong hệ thống chính trị, có những đóng góp quan trọng vào thắng lợi chung của sự nghiệp cách mạng Việt Nam. Cuộc đời và hoạt động của Tôn Đức Thắng gắn liền với những thay đổi to lớn, nhanh chóng của đất nước, dân tộc và thời đại. Trong tiểu sử Tôn Đức Thắng, giai đoạn này có thể chia thành ba thời kỳ nhỏ với những cống hiến hết sức quan trọng cho đất nước: thời kỳ 1954-1960, thời kỳ 1960-1964, thời kỳ 1964-1969.

1. Chăm lo xây dựng, củng cố, mở rộng khối đại đoàn kết dân tộc, cùng Đảng lãnh đạo toàn dân thực hiện thắng lợi công cuộc khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh và kế hoạch lần thứ nhất phát triển kinh tế- xã hội ba năm (1954-1960).

Năm 1954, với chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ "lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu, cuộc kháng chiến chống Pháp thần thánh của nhân dân Việt Nam đã kết thúc thắng lợi. Thắng lợi của nhân dân ta trong cuộc kháng chiến trường kỳ, toàn dân, toàn diện, dựa vào sức mình là chính đã làm sáng lên một chân lý phổ biến của thời đại ngày nay: Một dân tộc dù nhỏ, nhưng nếu biết đoàn kết chặt chẽ, kiên quyết chiến đấu theo một đường lối chính trị, quân sự đúng đắn thì có đầy đủ khả năng đánh thắng mọi kẻ thù xâm lược, dù chúng có quân đội lành nghề, thiện chiến, được trang bị chính quy, hiện đại. Thắng lợi của dân tộc trong kháng chiến chống Pháp, có thể nói là thắng lợi của tư tưởng chiến tranh nhân dân, quốc phòng toàn dân và tư tưởng đại đoàn kết dân tộc Hồ Chí Minh. Đại đoàn kết dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định thực hiện thắng lợi đường lối đúng đắn

về chỉ đạo chiến tranh cách mạng. Tư tưởng "Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết, thành công, thành công, đại thành công" của Hồ Chí Minh đã trở thành hiện thực. Tôn Đức Thắng chính là một trong những người chủ chốt tổ chức thực hiện triệt để tư tưởng vĩ đại này; bản thân đồng chí cũng trở thành hiện thân sống động của khối đại đoàn kết toàn dân.

Sáng sớm ngày 1-1-1955, tại Quảng trường Ba Đình lịch sử, một cuộc mít tinh, duyệt binh và diễu hành quần chúng trọng thể đã được tổ chức để chào mừng Trung ương Đảng và Chính phủ trở về Thủ đô Hà Nội. Tại buổi mít tinh mang âm hưởng hào hùng chiến thắng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã bắt nhịp và dẫn xướng cho đồng bào hát vang bài ca *Kết đoàn bất hủ*:

Kết đoàn chúng ta là sức mạnh;

Kết đoàn chúng ta là sắt gang.

Trên lễ đài, đứng bên cạnh Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, Tôn Đức Thắng cũng vỗ tay, hoà giọng, cùng chúng kiến niềm hân hoan, phấn khởi của người dân, sức mạnh trào dâng như sóng bể của khối quần chúng đông đảo có trật tự, có tổ chức, cùng tiến về một hướng để gìn giữ trọn vẹn độc lập, tự do cho non sông, đất nước. Đó cũng chính là thành quả mà đồng chí đã góp công gieo trồng, vun xới.

Với tư cách là người đứng đầu Mặt trận Liên Việt từ năm 1951, về đến Hà Nội là Tôn Đức Thắng đã cùng với Ủy ban Trung ương Mặt trận Liên Việt bắt tay ngay vào giải quyết những công tác, nhiệm vụ của Mặt trận trong tình hình mới, có nhiều biến đổi, rất có lợi cho củng cố khối đại đoàn kết dân tộc. Ngày 7-1-1955, Hội nghị đại biểu Mặt trận Liên Việt toàn quốc đã họp để kiểm điểm thực hiện chính sách kháng chiến, kiến quốc, tranh thủ hoà bình, độc lập kể từ sau Đại hội thống nhất Việt Minh - Liên Việt tháng 3-1951. Hội nghị đã nghiêm túc kiểm điểm những thành tựu đạt được, những hạn chế vướng mắc, rút bài học kinh nghiệm và

thảo luận toàn diện nhiệm vụ củng cố, mở rộng tăng cường phát huy vai trò của Mặt trận trong tình hình mới. Lúc này, củng cố Mặt trận, đại đoàn kết toàn dân, đoàn kết tôn giáo trở thành một nhiệm vụ cấp bách, phục vụ cho cải cách ruộng đất đang được tiếp tục triển khai trên quy mô lớn ở đồng bằng Bắc Bộ và chống lại âm mưu dụ dỗ, cưỡng ép đồng bào công giáo di cư vào Nam theo chủ trương đen tối của bọn đế quốc và các thế lực phản động.

Sau Diễn văn khai mạc Hội nghị đại biểu Mặt trận Liên Việt toàn quốc, Tôn Đức Thắng đọc bản Báo cáo chính trị quan trọng. Báo cáo đã trình bày những hoạt động đa dạng của Mặt trận Liên Việt, làm dấy lên một phong trào thi đua yêu nước giết giặc lập công, kháng chiến kiến quốc khắp ba miền Bắc, Trung, Nam, từ vùng tự do đến vùng tạm bị chiếm đóng. Với lòng yêu nước nồng nàn, ý chí đoàn kết, quyết tâm của mọi tầng lớp nhân dân, đồng bào ta đã đưa ra tiền tuyến hàng trăm ngàn chiến sĩ tham gia ba thứ quân, lập nên những chiến công vang dội, đóng góp nhiều sức người, sức của giải phóng hoàn toàn miền Bắc. Ở hậu phương, đồng bào ta vừa bảo đảm đẩy mạnh tăng gia sản xuất cung cấp đủ lương thực, thực phẩm để bộ đội ăn no, đánh mạnh; ngoài ra, còn đóng góp hàng triệu lượt dân công sửa chữa cầu đường, vận chuyển lương thực, súng ống, đạn dược phục vụ chiến trường. Thực hiện chính sách giảm tô và cải cách ruộng đất, tại các vùng giải phóng và căn cứ du kích, nhiều hộ nông dân được nhận ruộng, trâu bò, công cụ sản xuất, được giảm tô. Được giải quyết và thoả mãn một phần quan trọng lợi ích kinh tế, Mặt trận chống đế quốc và phong kiến ở nông thôn càng được củng cố vững chắc. Khôi liên minh chiến đấu công nông - nền tảng của Mặt trận dân tộc thống nhất, cơ sở hội rộng rãi của Nhà nước dân chủ nhân dân - cũng được củng cố ngay trên địa bàn thôn, xã.

Trên trường quốc tế, chính sách đại đoàn kết của Mặt trận cũng thu hoạch và gặt hái được những thắng lợi đáng kể. Quan hệ hòa bình, hữu nghị, hợp tác giữa nước

ta với Liên Xô, Trung Quốc, nhất là với hai nước anh em Lào và Campuchia không ngừng phát triển, được nâng lên một tầm cao mới, góp phần làm nên thắng lợi của cuộc kháng chiến chín năm thần thánh.

Trong Báo cáo, Tôn Đức Thắng đã chú trọng phân tích những biến đổi sâu rộng của tình hình trong nước và bối cảnh quốc tế sau Hiệp định Giơnevơ được ký kết. Trên cơ sở đó, đồng chí xác định rõ nhiệm vụ tăng cường đoàn kết toàn dân, ra sức khôi phục kinh tế, hàn gắn những vết thương chiến tranh ở miền Bắc, ủng hộ cuộc đấu tranh đòi thi hành đúng đắn tinh thần, nội dung và các nguyên tắc của Hiệp nghị Giơnevơ, cảnh giác chống mọi âm mưu xuyên tạc chia rẽ sự thống nhất Bắc - Nam, chia rẽ lương giáo, chia rẽ giữa miền ngược và miền xuôi, giữa đồng bào Kinh và đồng bào Thượng, v.v. xây dựng các tiền đề chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội để đưa miền Bắc tiến dần lên chủ nghĩa xã hội.

Báo cáo của Tôn Đức Thắng trình bày tại Hội nghị đại biểu Mặt trận Liên Việt toàn quốc với các nội dung và nhiệm vụ cụ thể, thiết thực, rõ ràng được các đại biểu hồ hởi đón nhận, trở thành các quan điểm chỉ đạo công tác mặt trận trong tình hình mới. Báo cáo cũng thể hiện một phân phong cách giản dị, rành mạch và hết sức thực tiễn của Tôn Đức Thắng; đồng thời cũng thể hiện tầm cao trí tuệ và sự nhạy bén của đồng chí trong việc nhận biết nắm bắt, giải quyết đúng đắn các vấn đề bức xúc do sự biến đổi của tình hình mới đặt ra.

Sau Hội nghị Mặt trận Liên Việt, với tư cách Quyền Trưởng ban Thường trực Quốc hội, Tôn Đức Thắng trực tiếp chỉ đạo việc chuẩn bị và tiến hành hai kỳ họp của Quốc hội khoá I. Đó là các kỳ họp công khai của Quốc hội khi trở về Thủ đô Hà Nội sau kháng chiến. Vì lúc này Trưởng ban Thường trực Quốc hội là cụ Bùi Bằng Đoàn đang ốm nặng nên mọi công việc có liên quan đều do Tôn Đức Thắng đảm nhận và đồng chí đã hoàn thành xuất sắc. Một lần nữa, khả năng tổ chức dùng người của Tôn Đức Thắng có dịp toả sáng.

Kỳ họp thứ tư Quốc hội khóa I nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa diễn ra từ ngày 20 đến ngày 26-3-1955; còn kỳ họp thứ năm được tiến hành từ ngày 15 đến ngày 20-9-1955. Tại kỳ họp thứ năm, Quốc hội đã phê chuẩn việc thành lập những bộ máy trong nội các Chính phủ, quy định thống nhất về Quốc ca, Quốc kỳ, Quốc huy. Trong phiên họp cuối cùng của kỳ họp thứ năm, Quốc hội đã nhất trí bầu đồng chí Tôn Đức Thắng giữ chức vụ Trưởng ban Thường trực Quốc hội (thay cụ Bùi Bằng Đoàn đã qua đời tháng 5-1955); phê chuẩn đề nghị của Chủ tịch Hồ Chí Minh cử đồng chí Phạm Văn Đồng làm Thủ tướng Chính phủ, cử đồng chí Võ Nguyên Giáp và cụ Phan Kế Toại giữ chức Phó Thủ tướng Chính phủ. Một trọng trách nặng nề mới thể hiện quyền lực thực tế của quần chúng nhân dân trong chế độ dân chủ mới lại được đặt lên vai Tôn Đức Thắng.

Ngoài hai chức vụ chủ chốt trong Quốc hội và Mặt trận Liên Việt, Tôn Đức Thắng còn được bầu làm Chủ tịch danh dự Ủy ban Bảo vệ hoà bình thế giới của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Sau đó, tại Đại hội hoà bình thế giới họp ở Hênxinki (Phần Lan), tháng 7-1955, Tôn Đức Thắng được chính thức bầu làm Ủy viên Hội đồng hoà bình thế giới.

Đến thời điểm này, mặc dầu tuổi đã cao, sức khoẻ có phần sút kém, nhưng vì sự tín nhiệm của các tổ chức trong nước và quốc tế, Tôn Đức Thắng đã cố gắng đem hết tài năng, trí tuệ, kinh nghiệm và sức lực của mình để hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ mà Đảng, Nhà nước và nhân dân giao phó. Đồng chí thật sự trở thành một tấm gương mẫu mực của người chiến sĩ cộng sản với đạo đức cách mạng cao cả, trong sáng.

Từ ngày 13 đến ngày 20-8-1955, Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam khoá II đã họp tại Thủ đô Hà Nội. Hội nghị đã đánh giá một cách khoa học những diễn biến của thời cuộc từ đó đã xác định vị trí, nhiệm vụ cách mạng cụ thể cho miền Bắc và miền Nam; sứ mệnh của miền Bắc đối với

tiến trình cách mạng của cả nước. Hội nghị đã chỉ rõ: "Nhiệm vụ trước mắt của Đảng ta là phải ra sức tập hợp lực lượng của toàn dân thành một Mặt trận rộng rãi, có một cương lĩnh chung thích hợp để đấu tranh chống đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai của chúng, thực hiện thống nhất nước nhà trên cơ sở độc lập, dân chủ và bằng phương pháp hoà bình; đồng thời đấu tranh để củng cố hoà bình, ngăn ngừa chiến tranh trở lại ở Đông Dương. Muốn thu được thắng lợi trong cuộc đấu tranh đó phải đẩy mạnh việc củng cố miền Bắc, và muốn củng cố miền Bắc phải tăng cường chỉ đạo công tác kinh tế tài chính và ra sức hoàn thành cải cách ruộng đất, củng cố quốc phòng, tăng cường công tác trị an"¹.

Tôn Đức Thắng đã trình bày tại Hội nghị Trung ương những ý kiến về công tác mặt trận mà đồng chí đã chuẩn bị từ trước. Trên cơ sở ý kiến của Tôn Đức Thắng, Hội nghị đã thông qua Bản dự thảo Cương lĩnh chung của Mặt trận Dân tộc thống nhất và chỉ rõ: "Sau khi Bản dự thảo ấy đã chính thức thành Cương lĩnh chung của Mặt trận, nó sẽ là cơ sở tập hợp chung mọi lực lượng dân tộc, dân chủ và hoà bình trong cả nước để đấu tranh chống đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai của chúng, giành thống nhất nước nhà, xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh"². Tôn Đức Thắng cũng đề nghị tổ chức càng sớm càng tốt Đại hội Mặt trận Dân tộc thống nhất và được Hội nghị Trung ương nhất trí thông qua Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ tám (khoá II) đặt nền móng tư tưởng cho tổ chức và hoạt động của công tác mặt trận mà Tôn Đức Thắng là người đứng đầu.

Thực hiện Nghị quyết Trung ương lần thứ tám, Tôn Đức Thắng chỉ đạo Ban Chấp hành Trung ương Mặt trận Liên Việt tiến hành chuẩn bị và mở Đại hội Mặt trận Dân tộc thống nhất toàn quốc. Đại hội đã diễn ra tại Thủ đô Hà Nội từ ngày 5 đến ngày 10-9-1955. Tham dự Đại hội có 360 đại biểu, đại diện cho mọi tầng lớp nhân dân, các chính đảng, đoàn thể các lực lượng vũ trang, các dân tộc, tôn giáo và kiều

bào ở nước ngoài. Chủ tịch Hồ Chí Minh và nhiều đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước đã tới dự.

Đồng chí Tôn Đức Thắng, Chủ tịch Mặt trận đã đọc Diễn văn khai mạc Đại hội, nêu rõ tình hình và nhiệm vụ hiện tại của đất nước, sự cần thiết phải tăng cường và mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân, xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà. Đồng chí kêu gọi đồng bào cả nước với những lời tha thiết làm lay động triệu triệu tấm lòng: "Chúng ta cùng chung một Tổ quốc, cùng có chung hàng ngàn năm lịch sử, đau khổ có nhau, vinh quy có nhau. Điều đó gắn liền đồng bào toàn quốc, gắn liền đại biểu chúng ta thành một khối"³.

Đại hội đã thảo luận thông qua dự thảo Cương lĩnh, Điều lệ mới và quyết định tên mới của Mặt trận Dân tộc thống nhất là Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Cương lĩnh của Mặt trận mở ra một trang mới cho khối đại đoàn kết dân tộc. Hồ Chí Minh rất tâm đắc với Cương lĩnh này và có những đánh giá rất cao. Người nhấn mạnh: Cương lĩnh này là một Cương lĩnh đại đoàn kết, mục đích của nó là đấu tranh cho hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ trong cả nước.

Ai cũng phải thừa nhận rằng: "Cương lĩnh của Mặt trận rất vững chắc, rất rộng rãi và rất thiết thực" và Hồ Chí Minh cũng chỉ rõ: "Mặt trận đã xây dựng một Cương lĩnh đúng đắn. Thế là rất tốt cho cuộc đấu tranh sau này. Nhưng đó chỉ là bước đầu trên con đường đi tới thắng lợi hoàn toàn. Từ nay, chúng ta cần phải ra sức đấu tranh để làm cho Cương lĩnh được thực hiện. Cuộc đấu tranh này sẽ rất phức tạp, gay go. Chúng ta phải bền gan, quyết chí. Việc đầu tiên và cấp bách mà chúng ta cần phải làm là *đánh thông tư tưởng* của mọi người, tuyên truyền giải thích bản Cương lĩnh cho thật sâu, thật rộng từ Bắc đến Nam làm cho một người hiểu thấu tinh thần và nội dung của Cương lĩnh, để mọi người hăng hái ủng hộ Cương lĩnh"⁴.

Tại phiên họp cuối cùng, Đại hội đã bầu 87 vị vào Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Hồ Chí Minh được bầu làm Chủ tịch danh dự. Tôn Đức Thắng được bầu làm Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Đọc Diễn văn bế mạc Đại hội, Chủ tịch Tôn Đức Thắng đã nêu bật những thành công của Đại hội và cảm ơn nhân dân cả nước đã nhiệt liệt cổ vũ và ủng hộ Đại hội.

Đại hội thành lập Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thể hiện chiến lược đại đoàn kết toàn dân. Sự kiện lịch sử trọng đại này, trên thực tế, đã tranh thủ được sự đồng tình, ủng hộ rộng rãi của nhân dân yêu chuộng hoà bình trên thế giới. Nó đánh dấu một mốc son chói lọi trong cuộc đời hoạt động cách mạng của Tôn Đức Thắng, khẳng định hình ảnh cao đẹp, đức độ, uy tín của đồng chí đối với nhân dân Việt Nam và bạn bè quốc tế.

Đại hội Mặt trận Dân tộc thống nhất toàn quốc đã nhận được 11.570 bức thư và một số tặng phẩm gửi đến chào mừng Đại hội. Thay mặt Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đồng chí Tôn Đức Thắng đã gửi lời cảm tạ tới các giới đồng bào và hứa đem hết nghị lực phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc⁵.

Hoạt động của Tôn Đức Thắng không chỉ góp phần củng cố khối đại đoàn kết dân tộc Việt Nam, mà còn góp phần củng cố hoà bình thế giới. Nhận thấy công lao đóng góp to lớn của đồng chí Tôn Đức Thắng, ngày 9-12-1955, Ủy ban Giải thưởng hoà bình quốc tế Stalin (giải thưởng này sau đó mang tên Lenin) của Liên Xô quyết định trao tặng đồng chí giải thưởng Stalin "Về sự nghiệp củng cố hoà bình và tình hữu nghị giữa các dân tộc". Đồng chí là người Việt Nam đầu tiên được nhận giải thưởng cao quý này. Nhân dịp nhận giải thưởng, Tôn Đức Thắng đã trả lời phỏng vấn của phóng viên Thông tấn xã Liên Xô. Đồng chí xúc động nói: "Thật khó mà diễn tả được bằng lời những ý nghĩ và cảm xúc của tôi do việc tôi được tặng giải thưởng hoà bình quốc tế Stalin. Đó thật là một vinh dự lớn cho tôi, một đại biểu của nhân dân Việt Nam. Đó là một sự khen thưởng rất cao, vì rằng những

thành tích phục vụ của tôi vẫn còn ít ỏi. Tôi nhận rõ rằng việc tặng giải thưởng Stalin cho tôi là một sự công nhận phần công hiến mà nhân dân Việt Nam đã và đang đóng góp vào cuộc đấu tranh để tăng cường nền hoà bình ở châu Á và trên khắp thế giới"⁶.

Là một người thật sự khiêm tốn, đồng chí vẫn do dự vì e rằng mình chưa xứng đáng nhận phần thưởng cao quý mà nước bạn trao tặng. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đích thân đến gặp Tôn Đức Thắng. Người khẳng định: Người nhận phần thưởng này là người tiêu biểu, người tiêu biểu đó chính là Cụ. Tôn Đức Thắng vô cùng xúc động trước câu nói đầy tình nghĩa và sự đánh giá chân tình mà Hồ Chí Minh dành cho mình!

Ngày 21-1-1956, tại điện Cremlin (Liên bang Xôviết), Ủy ban Giải thưởng hoà bình quốc tế Stalin tổ chức trọng thể lễ trao giải thưởng Stalin cho đồng chí Tôn Đức Thắng. Tại buổi lễ chính thức Chủ tịch Ủy ban Bảo vệ hoà bình thế giới của Liên Xô đã nêu rõ: "Do cuộc đấu tranh dũng cảm của đồng chí trong mấy chục năm để giành độc lập và tự do cho nhân dân Việt Nam, do sự hoạt động hăng hái của đồng chí để bảo vệ hoà bình trên cương vị Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc, đồng chí rất xứng đáng nhận giải thưởng cao quý ấy". Trong lời đáp, đồng chí Tôn Đức Thắng cảm ơn Đảng Chính phủ và nhân dân Liên Xô đã trao tặng đồng chí phần thưởng cao quý và khẳng định rằng nhân dân Việt Nam sẽ đấu tranh đến cùng để xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ, giàu mạnh và sẽ không ngừng cố gắng để góp phần to lớn hơn nữa cho sự nghiệp giữ gìn và củng cố hoà bình giữa các dân tộc.

Tôn Đức Thắng có quan hệ và tình cảm đặc biệt với đất nước của V.I.Lênin vĩ đại. Trong cuộc đời hoạt động cách mạng sôi nổi, đầy sóng gió, đồng chí đã dành một phần máu thịt của mình cho đất nước Xôviết. Nhân dân Liên Xô nhớ tới người thợ máy Việt Nam dũng cảm tham gia cuộc nổi dậy của Hải quân Pháp ở Hắc Hải và

kéo lá cờ đỏ trên chiến hạm Pháp, biểu lộ sự phản đối của mình trước việc hạm đội Pháp tấn công nước Cộng hoà Xôviết non trẻ. Nhân dân Xôviết nhớ tới đồng chí trên cương vị Chủ tịch Hội Việt - Xô hữu nghị ngay từ khi Hội mới thành lập (ngày 17-5-1950). Trên cương vị này, đồng chí không ngừng vun đắp cho cây đời hữu nghị Việt - Xô mãi mãi đơm hoa kết trái. Nhân dân Liên Xô nhớ tới người cộng sản Tôn Đức Thắng rất mực thủy chung, trọn nghĩa vẹn tình.

Mười hai năm sau, kể từ khi được nhận Giải thưởng hoà bình quốc tế Lênin, tháng 11-1967, đồng chí Tôn Đức Thắng lại được Đoàn Chủ tịch Xôviết tối cao Liên Xô tặng thưởng Huân chương Lênin. Đó là những phần thưởng quý giá đối với một đời người!

Trong quá trình khôi phục đất nước, hàn gắn vết thương chiến tranh, cùng với xây dựng, phát triển kinh tế, Đảng và Nhà nước ta rất chú trọng quan tâm đến giáo dục, đào tạo, chăm lo bồi dưỡng con người. Theo đề nghị của ngành giáo dục, đồng chí Tôn Đức Thắng đã nhận trách nhiệm Trưởng ban chỉ đạo thanh toán nạn mù chữ Trung ương, thành lập ngày 27-2-1957. Đây là sự tiếp tục nhiệm vụ Trưởng ban Thi đua ái quốc Trung ương mà đồng chí đảm nhiệm trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp. Trên cương vị mới, do vị trí đặc biệt của mình, đồng chí Tôn Đức Thắng đã thúc đẩy có hiệu quả phong trào xoá nạn mù chữ ở miền Bắc. Đồng chí còn đến tận nhiều địa phương động viên, kiểm tra chất lượng cả người dạy và người học, tạo nên một phong trào quần chúng sâu rộng. Do sự quan tâm của Trung ương Đảng, Chính phủ, có sự đóng góp của đồng chí Tôn Đức Thắng, công cuộc xoá nạn mù chữ ở miền Bắc đã hoàn thành về cơ bản. Phong trào xoá nạn mù chữ ở miền Bắc để lại nhiều kinh nghiệm quý báu được các nước Đông Nam Á và châu Phi chú ý. Một số nước đã cử đoàn sang Việt Nam tham quan học tập và yêu cầu ta cử chuyên gia sang giúp họ trong công tác này. Như vậy, trên tất cả các mặt trận của công cuộc khôi phục kinh tế, phát triển văn hoá, đồng chí Tôn Đức Thắng

đều có sự tham gia chỉ đạo và để lại dấu ấn sâu đậm, góp phần to lớn vào sự nghiệp cách mạng chung mới mẻ và khó khăn này. Nhờ đó, đời sống của nhân dân dần dần được cải thiện và từng bước nâng cao. Các thành phần kinh tế đều có sự phát triển vượt bậc; kinh tế quốc doanh khẳng định được vị trí của mình trong nền kinh tế quốc dân. Các tầng lớp nhân dân phấn khởi, tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước; cơ sở xã hội của hệ thống chính trị được củng cố vững chắc. Miền Bắc đã xác lập được các tiền đề cần thiết để bước vào thời kỳ quá độ tiến dần lên chủ nghĩa xã hội. Đó là nhu cầu cấp thiết của hàng triệu người có khát vọng vươn tới sự giải phóng hoàn toàn và triệt để.

Do những cống hiến xuất sắc của đồng chí Tôn Đức Thắng trong chín năm kháng chiến chống thực dân Pháp và trong sự nghiệp bước đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội, tháng 8-1958, nhân dịp đồng chí tròn 70 tuổi, Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã quyết định tặng đồng chí Huân chương Sao vàng - Huân chương cao quý nhất của Nhà nước ta. Trong buổi lễ trao tặng huân chương, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định những cống hiến xuất sắc của Tôn Đức Thắng đối với quá trình cách mạng Việt Nam và thế giới. Đây là sự đánh giá tổng quát, khá đầy đủ và toàn diện của người đứng đầu Đảng, Nhà nước ta về Tôn Đức Thắng cho đến thời điểm đó. Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: "Đồng chí Tôn Đức Thắng là một người con rất ưu tú của Tổ quốc, suýt 50 năm đã không ngừng hoạt động cách mạng. 17 năm bị thực dân Pháp cầm tù, chín năm tham gia lãnh đạo kháng chiến, bốn năm phấn đấu để giữ gìn hoà bình thế giới và đấu tranh cho sự nghiệp thống nhất nước nhà.

Đồng chí Tôn Đức Thắng 70 tuổi nhưng rất trẻ, đối với Đảng, đồng chí là 29 tuổi; đối với nước Việt Nam độc lập đồng chí là 13 tuổi.

Là một chiến sĩ cách mạng dân tộc và chiến sĩ cách mạng thế giới, đồng chí Tôn Đức Thắng là một trong những người Việt Nam đầu tiên đã tham gia đấu tranh bảo vệ Cách mạng Tháng Mười vĩ đại.

Đồng chí Tôn Đức Thắng tuy tuổi tác đã cao, nhưng vẫn cố gắng để phụ trách nhiều nhiệm vụ quan trọng: Trưởng ban Thường trực Quốc hội,

Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam,

Ủy viên Trung ương Đảng Lao động Việt Nam, Chủ tịch danh dự Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam, Chủ tịch Hội Việt - Xô hữu nghị,

Chủ tịch danh dự Ủy ban Bảo vệ hoà bình thế giới của Việt Nam,

Ủy viên Hội đồng hoà bình thế giới.

Đồng chí Tôn Đức Thắng là một gương mẫu đạo đức cách mạng: suốt đời cần, kiệm, liêm, chính; suốt đời hết lòng hết sức phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân. Vì vậy hôm nay chẳng những chúng ta ở đây mà toàn thể đồng bào ta từ Bắc đến Nam và toàn thể nhân dân thế giới yêu chuộng hoà bình đều vui mừng chúc người lão chiến sĩ cách mạng Tôn Đức Thắng sống lâu, mạnh khoẻ.

Thay mặt nhân dân và Chính phủ, tôi trân trọng trao tặng đồng chí Tôn Đức Thắng Huân chương Sao vàng là huân chương cao nhất của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, mà đồng chí Tôn Đức Thắng là người đầu tiên và người rất xứng đáng được tặng Huân chương ấy"⁷.

Trước vinh dự vô cùng lớn lao, đồng chí Tôn Đức Thắng đã cảm động phát biểu: "... Tôi không biết nói gì hơn là hứa lấy cố gắng của tôi để đền đáp công ơn của Đảng, công ơn của Hồ Chủ tịch - Người sáng lập và xây dựng Đảng, đã đưa tôi vào con đường vẻ vang và để đền đáp sự tín nhiệm của nhân dân và Chính phủ"⁸.

Trên cương vị người lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đồng chí Tôn Đức Thắng không chỉ thực hiện có hiệu quả những công việc mà Đảng đã giao phó, mà còn luôn luôn chăm lo đến tình đoàn kết quốc tế, góp phần thắt chặt mối quan hệ giữa nhân dân ta với bạn bè trên thế giới. Năm 1958, đồng chí dẫn đầu đoàn đại biểu Quốc hội nước ta thăm các nước xã hội chủ nghĩa: Tiệp Khắc, Cộng hoà dân chủ Đức, Hunggari, Anbani, Ba Lan, Mông Cổ. Đồng chí đã được các nước anh em đón tiếp trọng thể và nồng hậu.

2. Cùng với Trung ương Đảng tiếp tục lãnh đạo sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, đánh bại "Chiến tranh đặc biệt" của Mỹ ở miền Nam (1960- 1964)

Với những kết quả toàn diện đạt được trong những năm trước đó, bước vào đầu năm 1960, miền Bắc đã giành được nhiều thành tựu quan trọng trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, văn hoá, xã hội, đời sống, an ninh, quốc phòng. Phong trào thi đua xã hội chủ nghĩa dâng lên mạnh mẽ nhằm hoàn thành vượt mức kế hoạch năm 1960, năm cuối của kế hoạch ba năm (1958-1960). Cách mạng trên cả hai miền Nam - Bắc giành được những thắng lợi ngày càng lớn. Hoàn cảnh mới của đất nước trên cả hai miền đòi hỏi phải bầu lại Quốc hội mới, bởi lẽ Quốc hội khoá I do Tổng tuyển cử ngày 6-1-1946 bầu ra, là Quốc hội đại đoàn kết thống nhất dân tộc, Quốc hội kháng chiến, đã hoàn thành xuất sắc sứ mệnh lịch sử do Tổ quốc giao phó.

Với tư cách Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Tôn Đức Thắng đã đóng góp một phần quan trọng cho thắng lợi của cuộc bầu cử Quốc hội khoá II. Ngày 16-2-1960, Ban Thường trực Quốc hội do Tôn Đức Thắng đứng đầu đã quyết định ngày 8-5-1960 là ngày bầu cử Quốc hội khoá II trên toàn miền Bắc. Bầu cử Quốc hội là một cuộc vận động chính trị quan trọng nhằm phát huy vai trò làm chủ của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân, đẩy mạnh xây dựng miền Bắc theo con đường xã hội chủ nghĩa và đấu tranh thực

hiện thống nhất nước nhà. Do ý nghĩa thực tiễn chính trị trọng đại đó, cuộc vận động tổ chức bầu cử được chuẩn bị chu đáo nghiêm túc trong toàn Đảng, toàn quân, toàn dân miền Bắc.

Các cơ quan tuyên truyền, thông tin đại chúng, các tổ chức Đảng, chính quyền và đoàn thể các cấp tích cực tuyên truyền, tổ chức hướng dẫn cho toàn dân nghiên cứu, thực hiện các vấn đề về tính chất của Nhà nước, quyền lợi và nghĩa vụ của công dân, nhiệm vụ và tổ chức Quốc hội, luật bầu cử đại biểu Quốc hội, tiêu chuẩn đại biểu Quốc hội, v.v đã nâng cao nhận thức của nhân dân về quyền làm chủ nhà nước và ý nghĩa của cuộc bầu cử Quốc hội khoá II.

Ngày 4-4-1960, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam họp để quyết định các cấp bộ Mặt trận, các chính đảng, các đoàn thể phải vận động mọi người tham gia bầu cử và giới thiệu những người ưu tú tiêu biểu ở địa phương ra ứng cử đại biểu Quốc hội. Căn cứ vào Hiến pháp và Nghị quyết đó của Ban Thường trực Mặt trận, các chính đảng, Mặt trận Tổ quốc các cấp, các đoàn thể quần chúng, đã bàn bạc giới thiệu người ra ứng cử đại biểu Quốc hội ở các đơn vị bầu cử.

Riêng Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã giới thiệu một danh sách 27 vị ra ứng cử đại biểu Quốc hội. Ngoài các vị đứng trong danh sách chung của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc, các chính đảng đoàn thể cũng giới thiệu một danh sách ứng cử riêng của mình.

Do được chuẩn bị chu đáo, kỹ lưỡng, cuộc bầu cử Quốc hội khóa II đã thành công rực rỡ. Có tới 97,59% cử tri đã đi bỏ phiếu; số đại biểu bầu được là 362; các đại biểu do Mặt trận giới thiệu trúng cử với số phiếu rất cao. Chủ tịch Hồ Chí Minh trúng cử với 99,91% tổng số phiếu bầu⁹. 362 đại biểu trúng cử đại biểu Quốc hội khóa II cùng với 91 đại biểu miền Nam trong Quốc hội bầu khóa I được Quốc hội kéo dài nhiệm kỳ, nâng tổng số đại biểu Quốc hội khóa II lên 453 đại biểu. Đây là

hình ảnh khối đại đoàn kết dân tộc rộng rãi, phản ánh đầy đủ ý chí và nguyện vọng của nhân dân Việt Nam.

Thực hiện Điều 46 của Hiến pháp nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, sau 2 tháng bầu cử, ngày 6-7-1960 kỳ họp thứ nhất của Quốc hội khóa II được triệu tập tại Hà Nội. Tham dự kỳ họp Quốc hội có 427/453 đại biểu.

Khai mạc kỳ họp, Trưởng ban Thường trực Quốc hội Tôn Đức Thắng nêu rõ: "Kỳ họp Quốc hội này giải quyết những vấn đề rất căn bản để kiện toàn Nhà nước ta, đáp ứng một yêu cầu hết sức thiết yếu của cách mạng"¹⁰.

Căn cứ vào báo cáo của Ban Thường trực Quốc hội về tình hình và kết quả cuộc bầu cử và kết quả của Ủy ban thẩm tra tư cách đại biểu Quốc hội khóa II, Quốc hội đã thông qua nghị quyết xác nhận tư cách của 362 đại biểu Quốc hội trúng cử trong cuộc bầu cử ngày 8-5-1960. Cùng với việc thông qua các đạo luật cơ bản về tổ chức nhà nước là Luật Tổ chức Quốc hội, Luật Tổ chức Hội đồng Chính phủ, Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân, Luật Tổ chức Tòa án nhân dân, Quốc hội bầu những người đứng đầu các cơ quan cao nhất của Nhà nước và thành lập Chính phủ mới.

Trong phiên họp ngày 15-7-1960, theo đề nghị của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Quốc hội khóa II, kỳ họp thứ nhất đã bầu đồng chí Tôn Đức Thắng làm Phó Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Đồng chí giữ chức vụ này trong hơn 9 năm (từ tháng 7-1960 đến tháng 9-1969). Ngày đồng chí Tôn Đức Thắng nhận trọng trách trước Quốc hội, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chúc mừng đồng chí và phấn khởi nói: "Toàn thể Quốc hội nhất trí bầu Cụ làm Phó Chủ tịch nước tức là đồng bào miền Nam bầu Cụ làm Phó Chủ tịch nước. Điều đó tiêu biểu rằng nước ta nhất định thống nhất"¹¹.

Khi nhận chức Phó Chủ tịch nước, Tôn Đức Thắng đã 72 tuổi. Mặc dầu tuổi đã cao, sức khỏe hạn chế, nhưng trên cương vị mới do nhân dân ủy thác, đồng chí đã giúp Chủ tịch Hồ Chí Minh theo dõi kiểm tra đôn đốc chỉ đạo vấn đề công nghiệp, nông nghiệp. Để nắm được thực chất tình hình, đưa ra các quyết định sát đúng thực tế, đồng chí đã dành thời gian đến nhiều nhà máy, xí nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất. Hàng năm, cứ mỗi độ xuân về đồng chí Tôn Đức Thắng lại đôn đốc nhân dân thực hiện tết trồng cây" do Hồ Chí Minh đề xuất. Đồng chí thường nêu cao đức tính khiêm tốn, giản dị, chan hòa, gần gũi nhân dân, động viên mọi tầng lớp đồng bào thực hiện tốt các nghị quyết của Đảng. Thay mặt Chủ tịch Hồ Chí Minh, đồng chí Tôn Đức Thắng thường tiếp các đoàn ngoại giao, các vị đại sứ, đại diện các nước tại Việt Nam. Mỗi lần gặp vị Phó Chủ tịch nước đều để lại trong lòng họ một ấn tượng tốt đẹp bởi phong thái đôn hậu, chân tình, cởi mở và tinh thần quốc tế cao cả, trong sáng. Mỗi lần nâng cốc chúc khách nước ngoài, đồng chí không khách khí, đối xử hết lòng, xóa đi sự ngăn cách không đáng có giữa khách và chủ. Dấu ấn đặc trưng này của văn hóa ứng xử Việt Nam in rất đậm ở phong thái ngoại giao Tôn Đức Thắng.

Trên các cương vị của mình, đồng chí Tôn Đức Thắng tích cực tham gia vào việc hoạch định các đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Tháng 9-1960, trước yêu cầu của nhiệm vụ mới, Đảng Lao động Việt Nam đã triệu tập Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III, họp tại thủ đô Hà Nội. Đây là Đại hội xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh hòa bình, thống nhất nước nhà.

Đường lối, chủ trương của Đại hội là ngọn cờ dẫn dắt toàn Đảng, toàn dân ta xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, làm cho miền Bắc có một nền công nghiệp và nông nghiệp hiện đại, có văn hóa, khoa học tiên tiến, làm cho nhân dân có một đời sống ngày càng vui tươi, hạnh phúc. Miền Bắc giàu mạnh về mọi mặt sẽ tạo nên sự chuyển biến lớn về so sánh lực lượng có lợi cho cách mạng của cả nước. Nghị

quyết Đại hội Đảng chỉ rõ: "Miền Bắc là căn cứ địa chung của cả nước, sự lớn mạnh không ngừng của miền Bắc không những nâng cao lòng tin tưởng và cổ vũ tinh thần hăng hái cách mạng của đồng bào yêu nước ở miền Nam, mà còn làm cho lực lượng so sánh giữa cách mạng và phản cách mạng trên phạm vi cả nước ta càng nghiêng về phía cách mạng, tạo điều kiện thuận lợi cho cách mạng miền Nam phát triển mạnh mẽ và giành thắng lợi cuối cùng"¹².

Đại hội xác định những nhiệm vụ cơ bản của kế hoạch 5 năm lần thứ nhất là:

- Ra sức phát triển công nghiệp và nông nghiệp, thực hiện một bước ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý đồng thời ra sức phát triển nông nghiệp toàn diện, công nghiệp thực phẩm công nghiệp nhẹ.
- Hoàn thành công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với tiểu thủ công nghiệp, thương nghiệp nhỏ và công thương nghiệp tư bản tư doanh, củng cố và tăng cường thành phần kinh tế quốc doanh, mở rộng quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa trong toàn bộ nền kinh tế quốc dân.
- Nâng cao trình độ văn hóa của nhân dân, đẩy mạnh đào tạo cán bộ và công nhân lành nghề nâng cao năng lực quản lý của cán bộ, xúc tiến công tác khoa học và kỹ thuật.
- Cải thiện thêm một bước đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân, mở rộng phúc lợi công cộng, xây dựng đời sống mới ở nông thôn và thành thị.
- Ra sức củng cố quốc phòng, trật tự, an ninh xã hội.

Đại hội thông qua nhiệm vụ và phương hướng kế hoạch 5 năm lần thứ nhất nhằm mục đích tăng cường sức mạnh của Nhà nước dân chủ nhân dân, củng cố sự nhất trí về chính trị và tinh thần của nhân dân miền Bắc, mở rộng đoàn kết quốc tế, v.v..

Tại Đại hội đại biểu Đảng Lao động Việt Nam toàn quốc lần thứ III, đồng chí Tôn Đức Thắng được bầu lại làm Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Đồng chí Tôn Đức Thắng đã cùng Ban Chấp hành Trung ương liên tiếp mở các hội nghị để cụ thể hóa đường lối phát triển kinh tế trong kế hoạch 5 năm lần thứ nhất. Đó là Hội nghị lần thứ năm (7-1961) về phát triển nông nghiệp trong những năm 1961 - 1965 nhằm đưa nông nghiệp tiến nhanh, tiến mạnh trở thành cơ sở vững chắc để phát triển công nghiệp; Hội nghị lần thứ bảy (6-1962) bàn về phát triển công nghiệp theo hướng ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý. Đặc biệt, Hội nghị lần thứ tám (5-1963) đã thảo luận và quyết nghị về kế hoạch phát triển kinh tế quốc dân 5 năm lần thứ nhất (1961- 1965), xác định phương hướng, nhiệm vụ, chỉ tiêu và biện pháp chủ yếu của kế hoạch này.

Dựa trên các nội dung cơ bản các Nghị quyết của Đảng và quyết định của Quốc hội, Chính phủ, đồng chí Tôn Đức Thắng thông qua Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam động viên mọi tầng lớp nhân dân thi đua ái quốc, góp phần xây dựng và phát triển đất nước. Trong thời gian này, đồng chí đã có nhiều bài viết, gặp gỡ cụ thể với nhiều đối tượng dân cư khác nhau. Đi đến đâu, đồng chí cũng đề cập đến yêu cầu hoàn thành vượt mức kế hoạch 5 năm lần thứ nhất. Trên tất cả mọi lĩnh vực hoạt động ở miền Bắc, phong trào thi đua yêu nước, xây dựng tổ, đội lao động xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là phong trào thi đua "mỗi người làm việc bằng hai" để đền đáp lại đồng bào miền Nam ruột thịt đã diễn ra sôi nổi trong tất cả các ngành, động viên mọi người hăng hái vươn lên, dám nghĩ, dám làm. Sự chỉ đạo và động viên của đồng chí đã góp phần làm cho 4 năm thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất đạt kết quả vượt bậc, tạo điều kiện cho miền Bắc nước ta tiến những bước dài chưa từng thấy trong lịch sử dân tộc. Đất nước, xã hội và con người đều đổi mới. Những biến đổi căn bản đó đã đưa miền Bắc trở thành căn cứ địa vững chắc cho cách mạng Việt Nam trong cả nước với chế độ chính trị ưu việt, với lực lượng kinh tế và quốc phòng an ninh lớn mạnh.

Trong khi cùng Ban Chấp hành Trung ương Đảng chỉ đạo công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, đồng chí Tôn Đức Thắng luôn canh cánh trong lòng nhiệm vụ đấu tranh thống nhất nước nhà, giải phóng miền Nam. Biết mình tuổi đã già, sức đã yếu, không thể về quê hương trực tiếp chiến đấu được, đồng chí đã ngày đêm suy nghĩ góp sức cùng Trung ương chỉ đạo phong trào cách mạng miền Nam, thường xuyên đi thăm các đơn vị bộ đội, gặp gỡ các cán bộ, học sinh miền Nam tập kết, khuyên bảo con cháu chuyên tâm học tập, công tác, rèn luyện để mai sau trở về phục vụ quê hương.

Năm 1960, nghe tin miền Nam đồng khởi và sau đó Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời, đồng chí Tôn Đức Thắng thật sự vui mừng. Đồng chí đã gửi điện đến chúc mừng Chủ tịch Nguyễn Hữu Thọ, nói rõ mong muốn được gặp mặt để trao đổi, bàn bạc về tiến hành công tác Mặt trận. Từ năm 1960 đến năm 1964, đồng chí đã trực tiếp chỉ đạo Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc cử nhiều cán bộ về miền Nam công tác.

Khi Bộ Chính trị có các Nghị quyết (1-1961) và (2-1962), đặc biệt là Nghị quyết Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa III, tháng 12-1963), đồng chí đón chào với một niềm lạc quan tin tưởng và ý thức một cách sâu sắc rằng đánh bại chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của Mỹ là nhiệm vụ lịch sử cấp bách của toàn dân Việt Nam.

Tình cảm của Phó Chủ tịch nước Tôn Đức Thắng đối với miền Nam thật sâu nặng, đầy nghĩa tình ruột thịt. Tháng 10-1962, đoàn đại biểu Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, do giáo sư Nguyễn Văn Hiếu, Tổng thư ký Ủy ban Trung ương dẫn đầu ra thăm miền Bắc. Đồng chí Tôn Đức Thắng vì bận tiếp một đại sứ nước bạn trình quốc thư không ra ga đón được buổi sáng, nên ngay buổi chiều ngày 19-10-1962 đã tiếp đoàn tại trụ sở Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc và tối hôm đó lại đến thăm riêng giáo sư Nguyễn Văn Hiếu tại nhà khách Chính phủ

số nhà 12, phố Ngô Quyền. Chính những giờ phút gặp gỡ, tâm tình đó mới làm thỏa mãn một phần niềm thương nỗi nhớ quê hương, đồng bào, đồng chí, bà con, cô bác... ập ủ bao năm trong lòng người đồng chí già đó¹³.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, với sự ủng hộ và chi viện của miền Bắc, căn cứ địa của cả nước, quân và dân ta trên chiến trường miền Nam đã tiến công mạnh mẽ cả về chính trị và quân sự trên cả ba vùng chiến lược, làm cho Mỹ - Diệm thất bại nặng nề trong việc thực hiện chiến lược "chiến tranh đặc biệt". Mâu thuẫn giữa Mỹ và ngụy trở nên gay gắt, buộc Mỹ phải đi đến quyết định gạt bỏ Ngô Đình Diệm bằng cuộc đảo chính ở Sài Gòn ngày 1-11-1963. Đế quốc Mỹ đã phải vội vàng dựng lên cái gọi là "Đệ nhị cộng hòa" nhằm tiếp tục đẩy mạnh hơn nữa chiến lược "chiến tranh đặc biệt" ở miền Nam với tất cả các loại trang bị và vũ khí hiện đại nhất.

Thắng lợi dồn dập từ miền Nam dội về làm nức lòng đồng bào miền Bắc, làm phấn chấn tâm can Tôn Đức Thắng. Những thắng lợi giành được trên các mặt trận cả hai miền đất nước đã tiếp thêm sức mạnh và tạo nên động lực tinh thần mới Tôn Đức Thắng cùng với Trung ương Đảng chỉ đạo đất nước ta đủ sức, vững vàng lao vào một trận chiến đấu mới gay go, ác liệt hơn và chiến thắng.

3. Cùng với Trung ương Đảng tiếp tục lãnh đạo sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc trong thời chiến, đẩy mạnh sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước, giải phóng miền Nam (1964 - 1969)

Thất bại thảm hại trong chiến lược chiến tranh đặc biệt ở miền Nam, đế quốc Mỹ điên cuồng ráo riết chuẩn bị đánh phá miền Bắc bằng không quân và hải quân. Trước tình hình nghiêm trọng đó, căn cứ vào Điều 67 của Hiến pháp nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa năm 1959, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã triệu tập và chủ trì *Hội nghị chính trị đặc biệt* họp ngày 7-3-1964 tại Hà Nội để biểu thị quyết tâm của toàn thể dân tộc Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ miền Bắc, giải

phóng miền Nam, hòa bình, thống nhất đất nước. Dự hội nghị có 327 đại biểu, thay mặt cho các chính đảng đoàn thể, dân tộc, tôn giáo, ban ngành, đồng bào miền Nam tập kết và kiều bào ngoài nước.

Báo cáo của Chủ tịch Hồ Chí Minh ở Hội nghị đã đánh giá những chuyển biến to lớn của miền Bắc và của đồng bào miền Nam, vạch rõ âm mưu đẩy mạnh xâm lược Việt Nam của đế quốc Mỹ, nêu rõ quyết tâm và nhiệm vụ của nhân dân toàn quốc trong cuộc đấu tranh bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Tại Hội nghị chính trị đặc biệt này, đồng chí Tôn Đức Thắng đã đọc một bài tham luận quan trọng với tiêu đề: "*Động viên toàn dân thực hiện những nhiệm vụ rất lớn lao là rất vẻ vang mà Hồ Chủ tịch đã đề ra*". Trong bài tham luận, đồng chí đã nêu bật được những thành tựu vĩ đại mà nhân dân ta, đặc biệt là đồng bào miền Bắc giành được trên tất cả các mặt đời sống xã hội. Về vai trò của khối đại đoàn kết dân tộc, đồng chí khẳng định: "Dưới sự lãnh đạo của Đảng Lao động Việt Nam, Đảng của giai cấp công nhân Việt Nam anh dũng, các đảng phái dân chủ, các đoàn thể nhân dân đã có nhiều thành tích tốt đẹp và đã đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy những sự chuyển biến tiến bộ nói trên. Những nhân sĩ dân chủ cũng đóng góp xứng đáng trong việc thực hiện Cương lĩnh chung của Mặt trận, trong sự nghiệp đại đoàn kết toàn dân, phụng sự Tổ quốc. Là một thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các lực lượng ấy nguyện đoàn kết chặt chẽ, luôn luôn làm những người phục vụ trung thành của nhân dân¹⁴."

Đối với đồng bào miền Nam, đồng chí biểu lộ những lời thăm thiết: "Tôi muốn được nói với đồng bào miền Nam rằng: từng giờ, từng phút tôi luôn luôn nghĩ đến miền Nam, nơi chôn rau cắt rốn, đang bị đế quốc Mỹ và bọn tay sai tàn phá, nhớ đến đồng bào miền Nam ruột thịt đã chịu bao đau thương tang tóc, đang chiến đấu anh dũng chống bọn cướp nước hại dân vô cùng hung ác. Tôi rất muốn được sát cánh với đồng bào trong cuộc đấu tranh, cùng đồng bào chia sẻ những gian khổ hy

sinh để giải phóng quê hương yêu dấu nhưng đáng tiếc là chưa có điều kiện. Tôi chỉ còn mong ở các cụ phụ lão miền Nam hăng hái động viên con cháu chúng ta tham gia cứu nước, ở các cháu thanh niên miền Nam dũng cảm nối gót cha anh tiến lên giành lấy quyền tự do, quyền sinh sống, và mong đồng bào miền Nam vững lòng tin vào sự tất thắng của cuộc đấu tranh chính nghĩa của chúng ta¹⁵.

Và đồng chí đi đến một kết luận với niềm tin tất thắng: "Với sức mạnh đoàn kết của đồng bào cả nước được sự ủng hộ và đồng tình của nhân dân thế giới, nhất định chúng ta sẽ phá tan được mọi âm mưu của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai. Miền Nam nhất định sẽ được giải phóng, Nam Bắc nhất định sẽ sum họp một nhà"¹⁶.

Hội nghị chính trị đặc biệt do Chủ tịch Hồ Chí Minh triệu tập và chủ trì, là một sự kiện quan trọng được dư luận trong nước và thế giới hết sức chú ý, là một thắng lợi chính trị lớn của toàn dân Việt Nam. Thắng lợi đó nói lên một cách hùng hồn sự nhất trí về chính trị và tinh thần của xã hội miền Bắc, đồng thời cũng nêu cao tinh thần cảnh giác và ý chí chiến đấu của nhân dân ta, cổ vũ nhân dân miền Bắc thi đua yêu nước, hoàn thành các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, củng cố tiềm lực về mọi mặt, thúc đẩy nhân dân miền Nam hăng hái chiến đấu chống xâm lược Mỹ và bè lũ tay sai, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Lời kêu gọi, hiệu triệu của Hồ Chí Minh và Tôn Đức Thắng - hai vị lãnh tụ có uy tín tuyệt đối trong nhân dân - tạo nên xung lực và hào khí cách mạng để nhân dân miền Bắc tin tưởng vào thắng lợi cuối cùng, làm tốt các nhiệm vụ trước mắt, trong đó có cuộc bầu cử Quốc hội khóa III.

Ngày 24-2-1964, Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định cụ thể về ngày bầu cử, số đại biểu được bầu, cơ cấu đại biểu, số đại biểu dành cho các dân tộc thiểu số, số đơn vị bầu cử ở từng địa phương, thành lập Hội đồng bầu cử Trung ương. Ngay trong Hội nghị chính trị đặc biệt, Hồ Chí Minh đã nêu vấn đề không ngừng tăng

cường chính quyền nhân dân, nghiêm chỉnh thực hiện dân chủ với nhân dân, chuyên chính với kẻ địch.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam do Tôn Đức Thắng đứng đầu với tư cách một tổ chức hiệp thương dân chủ đã đóng vai trò tích cực trong việc chuẩn bị và vận động, làm cho việc chuẩn bị bầu cử được triển khai sâu rộng, chu đáo, đúng quy định pháp luật. Danh sách cử tri và các vị ứng cử viên đại biểu Quốc hội đã được niêm yết. Các cuộc tiếp xúc với đại biểu cử tri của các vị ứng cử viên đại biểu Quốc hội được tổ chức ở khắp các đơn vị bầu cử.

Ngày 26-4-1964, cuộc bầu cử Quốc hội khoá III được tiến hành trên toàn miền Bắc. Đây là một ngày hội lớn, ngày hội dân chủ và thực hành quyền làm chủ của nhân dân. Số cử tri đi bầu cử đạt tỷ lệ 97,77%. Có nhiều khu vực bỏ phiếu, số cử tri đi bầu đạt tỷ lệ 100%. Kết quả đã bầu được 366 đại biểu, trong đó có 60 đại biểu thuộc các dân tộc thiểu số¹⁷. Ngoài số đại biểu được bầu, còn có 89 đại biểu Quốc hội khoá I thuộc các tỉnh miền Nam trong vĩ tuyến 17 được kéo dài nhiệm kỳ, tổng số Quốc hội khoá III có 455 đại biểu, thay mặt cho nhân dân cả nước phấn đấu để xây dựng một nước Việt Nam độc lập, thống nhất, hoà bình, dân chủ và giàu mạnh.

Ngày 27-6-1964, tại Hội trường Ba Đình, Hà Nội, kỳ họp thứ nhất, Quốc hội khoá III khai mạc trọng thể. Về dự kỳ họp này có 429/455 đại biểu. Sau khi nghe và thảo luận các báo cáo của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, ngày 3-7-1964, Quốc hội khoá III họp để tiến hành bầu các vị lãnh đạo Nhà nước và thành lập Chính phủ mới. Đồng chí Tôn Đức Thắng lại được Quốc hội khoá III bầu làm Phó Chủ tịch nước với số phiếu rất cao. Sự uỷ thác và tín nhiệm này một lần nữa khẳng định những đóng góp cách mạng của đồng chí, đồng thời cũng biểu lộ lòng tin tưởng của toàn dân vào đức độ, nhiệt huyết và tài năng, trí tuệ của đồng chí trong việc chỉ đạo, cùng toàn Đảng giải quyết hàng loạt vấn đề mới phát sinh trong giai đoạn lịch sử đặc biệt, đầy khó khăn, cam go của dân tộc.

Trên chiến trường miền Nam, đế quốc Mỹ ngày càng bị sa lầy và thất bại nặng nề. Cuối năm 1964, đầu năm 1965, chiến lược "Chiến tranh đặc biệt của Mỹ đã bị phá sản về căn bản. Quân đội của chính quyền Sài Gòn, công cụ chủ yếu của chiến tranh đặc biệt đang đứng trước nguy cơ tan rã hoàn toàn. Sau chiến thắng Ấp Bắc, quân và dân ta đã nhanh chóng tiến lên đánh lớn. Ở thành thị, phong trào đấu tranh chính trị sôi sục thu hút hàng triệu người, tiêu biểu nhất là Huế, Đà Nẵng, Sài Gòn, càng làm cho chính quyền Sài Gòn lúng túng, hỗn loạn.

Để cứu vãn tình thế ngày 5-8-1964, Mỹ đã gây ra "Sự kiện Vịnh Bắc Bộ" để lấy cớ leo thang mở rộng chiến tranh, ném bom miền Bắc. Lấy cớ "tra đũa", từ ngày 7-2-1965, đế quốc Mỹ dùng không quân và hải quân ồ ạt ném bom bắn phá miền Bắc, tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ nhất đối với miền Bắc nước ta. Ở miền Nam, chúng chuẩn bị đưa quân Mỹ vào để chuyển sang chiến lược "Chiến tranh cục bộ" - một hình thức cao của chiến tranh thực dân kiểu mới. Đế quốc Mỹ mở rộng chiến tranh xâm lược ra cả hai miền Nam - Bắc Việt Nam, leo những nấc thang cực kỳ nguy hiểm, đe dọa cả hoà bình và an ninh thế giới.

Giữa bối cảnh đó, từ ngày 25 đến 27-3-1965, Hội nghị đặc biệt lần thứ 11 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá III đã họp và ra nghị quyết *Về tình hình và nhiệm vụ cấp bách trước mắt* của Đảng, Nhà nước và toàn dân Việt Nam. Nghị quyết nêu rõ: "Với những âm mưu và hành động mới của đế quốc Mỹ, tình hình một nửa nước có chiến tranh, một nửa nước có hoà bình đã biến thành *tình hình cả nước có chiến tranh* với hình thức và mức độ khác nhau ở mỗi miền; trong cuộc chiến tranh cách mạng yêu nước của nhân dân cả nước chống đế quốc Mỹ, miền Nam vẫn là tiền tuyến lớn, miền Bắc vẫn là hậu phương lớn, nhưng nhiệm vụ của miền Bắc là vừa xây dựng, vừa trực tiếp chiến đấu, vừa chi viện cho tiền tuyến miền Nam"¹⁸. Khẩu hiệu chung của miền Bắc lúc này là: Xây dựng và bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam!

Trong những giờ phút nước sôi lửa bỏng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đứng đầu là đồng chí Tôn Đức Thắng, đã động viên toàn dân kết thành một khối thống nhất, ra sức thi đua lao động sản xuất và chiến đấu quyết chiến quyết thắng giặc Mỹ xâm lược theo tiếng gọi thiêng liêng của Tổ quốc: "Hễ còn một tên xâm lược trên đất nước ta, thì ta còn chiến đấu quét sạch nó đi". Trong điều kiện chiến tranh, đồng chí đã nhiều lần chủ trì các phiên họp của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam để nghiên cứu, bàn biện pháp động viên toàn dân đánh thắng đế quốc Mỹ xâm lược, đồng thời biểu dương những thắng lợi của nhân dân cả nước đã giành được trên các mặt trận.

Không phải bằng lời kêu gọi, mà bằng hành động thực tế hàng ngày, đồng chí Tôn Đức Thắng dùng nhiều thời gian xuống thăm hỏi các đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, động viên tinh thần chiến đấu đánh giặc của cán bộ chiến sĩ, nhắc nhở mọi người nêu cao cảnh giác, sẵn sàng đập tan mọi âm mưu phá hoại của kẻ thù. Cùng với việc chỉ đạo nhân dân đánh giặc, bảo vệ miền Bắc, đồng chí vẫn quan tâm đặc biệt đến các vấn đề quốc kế dân sinh, chăm lo mọi mặt đời sống nhân dân. Cũng chính trong thời điểm đó, đồng chí đã có những hướng dẫn chu đáo, cụ thể để tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp giáo dục, chăm lo cho các cháu thiếu niên nhi đồng.

Hàng năm, cứ đến dịp kỷ niệm ngày *Bình dân học vụ* (8-9), đồng chí đều gửi thư chúc mừng tới những người làm công tác bổ túc văn hoá. Đồng chí khen ngợi các cấp lãnh đạo địa phương, toàn thể cán bộ, giáo viên, học viên và nhân dân các vùng đã tích cực tham gia tổ chức giảng dạy, học tập, bổ túc văn hoá, xứng đáng với truyền thống chiến sĩ vô danh của công cuộc bình dân học vụ. Đồng thời, đồng chí cũng đề ra nhiệm vụ, nội dung, biện pháp cơ bản để xây dựng đội ngũ cán bộ, giáo viên bổ túc văn hoá, đáp ứng yêu cầu và nhiệm vụ cách mạng mới.

Đồng chí Tôn Đức Thắng quan tâm đặc biệt đến việc chăm sóc, giáo dục và bồi dưỡng thế hệ măng non đất nước. Đồng chí là Chủ tịch danh dự Ủy ban thiếu niên, nhi đồng Việt Nam từ ngày 1-4-1961. Dù ở cương vị nào, hoàn cảnh nào, nhất là trong chiến tranh, Tôn Đức Thắng luôn coi trọng công tác đó, vì các cháu sẽ là chủ nhân thực sự của xã hội tương lai. Đồng thời, vạch rõ công tác thiếu niên, nhi đồng có ý nghĩa cách mạng trọng đại, nó là công tác của toàn Đảng, toàn dân, biểu hiện quan điểm quần chúng của người cách mạng, tính ưu việt của chế độ ta; quan tâm đến thiếu niên, nhi đồng là quan tâm đến tiền đồ của sự nghiệp cách mạng. Trong điều kiện chiến tranh, Tôn Đức Thắng vẫn kêu gọi các ngành, các đoàn thể, các bậc cha mẹ, thầy cô giáo, các cán bộ phụ trách hãy làm tốt công tác giáo dục, chăm sóc và bảo vệ thiếu niên, nhi đồng.

Trên cương vị Phó Chủ tịch nước, đồng chí Tôn Đức Thắng đã thực hiện xuất sắc chính sách đối ngoại của Đảng Nhà nước Việt Nam. Thay mặt Chủ tịch Hồ Chí Minh, đồng chí đã nhận trình quốc thư tiếp xúc với đại sứ quán nhiều nước, gửi thư điện chúc mừng quốc khánh các nước, viết bài nhân dịp kỷ niệm các sự kiện quốc tế trọng đại, v.v... Tranh thủ mọi điều kiện, cơ hội, đồng chí mong muốn làm cho nhân dân tiến bộ thế giới thấy rõ bản chất xâm lược của đế quốc Mỹ, cuộc chiến tranh chính nghĩa của nhân dân Việt Nam, kêu gọi mọi người có lương tri giúp đỡ, ủng hộ nhân dân ta đánh thắng tên đế quốc đầu sỏ, "sen đầm quốc tế", góp phần bảo vệ hoà bình thế giới.

Nhân dịp kỷ niệm lần thứ 50 Cách mạng Tháng Mười (năm 1967), Đoàn Chủ tịch Xôviết tối cao Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xôviết đã tặng đồng chí Tôn Đức Thắng, trên cương vị Ủy viên Trung ương Đảng Lao động Việt Nam, Phó Chủ tịch nước, Chủ tịch Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội trưởng Hội hữu nghị Việt - Xô, Huân chương Lênin, Huân chương cao nhất của Liên Xô, vì đã góp phần vào cuộc đấu tranh bảo vệ chính quyền Xôviết

trong thời kỳ nội chiến và xây dựng tình hữu nghị Việt - Xô. Tiếp nhận Huân chương Lênin, đồng chí Tôn Đức Thắng đã phát biểu nêu rõ: "Đây không những là vinh dự riêng đối với tôi mà còn là vinh dự chung đối với giai cấp công nhân và nhân dân Việt Nam..., là sự cổ vũ nhân dân Việt Nam quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược".

Với tinh thần "tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược", nhân dân miền Bắc, dưới sự chỉ đạo của Trung ương Đảng, trong đó có Tôn Đức Thắng, đã ra sức thi đua thực hiện tốt nhất các kế hoạch kinh tế nhà nước, chi viện tích cực cho tiền tuyến lớn miền Nam đánh Mỹ, đã giành thắng lợi ngày càng to lớn. Thắng lợi ở hai miền Nam - Bắc, nhất là thắng lợi trong chiến lược của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân năm 1968 đã làm thất bại chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của đế quốc Mỹ. Ngày 1-11-1968, Giôn-xơn tuyên bố chấm dứt hoàn toàn việc ném bom, bắn phá và mọi hành động chiến tranh khác chống nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, chấp nhận họp Hội nghị Pari để giải quyết vấn đề chiến tranh Việt Nam, thừa nhận đại diện Chính phủ của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam trong Hội nghị.

Đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam, Tôn Đức Thắng có sự quan tâm đặc biệt. Đồng chí dành những tình cảm sâu nặng nhất cho cuộc chiến đấu cực kỳ gian khổ của đồng bào ở miền Nam. Đồng chí theo dõi tình hình, vui sướng khi miền Nam thắng lợi; lo lắng khi cách mạng miền Nam gặp khó khăn. Đồng chí rất tin tưởng ở ngày thắng lợi cuối cùng của đồng bào miền Nam. Niềm tin của đồng chí cũng là niềm tin sắt son của 31 triệu nhân dân cả nước Việt Nam anh hùng.

Tôn Đức Thắng đã cùng Trung ương Đảng và Chính phủ lãnh đạo nhân dân miền Bắc ra sức thi đua làm tròn nghĩa vụ của hậu phương lớn đối với tiền tuyến lớn. Sự đóng góp sức lực và trí tuệ của đồng chí đã góp phần làm phá sản chiến lược "Chiến tranh đặc biệt", "Chiến tranh cục bộ", "Chiến tranh Việt Nam hoá" của đế

quốc Mỹ. Cách mạng miền Nam tin tưởng, vững vàng tiến về phía trước. Giải pháp toàn bộ 10 điểm của Mặt trận Dân tộc giải phóng cùng với sự ra đời của Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam và Hội đồng cố vấn Chính phủ là một thắng lợi chiến lược đối với cách mạng miền Nam. Thắng lợi đó cũng là mong muốn khôn nguôi của Tôn Đức Thắng.

Ngày 20-8-1968, nhân dịp Tôn Đức Thắng tròn 80 tuổi, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chúc tặng hai câu thơ:

Càng già chí khí càng dai

Chống Mỹ, cứu nước ít ai hơn già.

Hai câu thơ phản ánh một cách thật chính xác bản lĩnh, cốt cách và tâm hồn Tôn Đức Thắng.

Như vậy, dù ở trên cương vị nào, là Trưởng ban Thường trực Quốc hội, Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Trưởng ban thanh toán nạn mù chữ, Phó Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà..., Tôn Đức Thắng đã cùng Đảng, Nhà nước, Mặt trận lãnh đạo nhân dân ta giành nhiều thắng lợi to lớn trong xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, cách mạng giải phóng miền Nam. Năng lực hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ trên nhiều lĩnh vực và uy tín trong Đảng, nhân dân của đồng chí ở giai đoạn này tạo cơ sở để Tôn Đức Thắng gánh vác một trọng trách cao cả hơn vinh dự hơn, nặng nề hơn ở giai đoạn cách mạng sau.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t. 16, tr. 517-572.

2. *Sđd*, tr. 574.

3. Tôn Đức Thắng: "Diễn văn khai mạc Đại hội Mặt trận Dân tộc thống nhất toàn quốc (5-9-1955)", Báo *Nhân dân*, số 552, ngày 6-9-1955.
4. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, t. 8, tr. 66-67.
5. Báo *Nhân dân*, số 565, ngày 19-9-1955.
6. Báo *Nhân dân*, số 664, ngày 27-12-1955.
7. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, t. 9, tr. 220-221.
8. Báo *Nhân dân*, số 1621, ngày 20-8-1958.
9. Văn phòng Quốc hội: *Lịch sử Quốc hội Việt Nam 1960 – 1976*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003, tr. 21.
10. *Sđd*, tr. 23
11. Báo *Nhân dân*, số 2310, ngày 16-7-1960.
12. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t. 21, tr. 509.
13. Đức Vương: "Từ thành đồng Tổ quốc đến Hà Nội giải phóng... Sài Gòn giải phóng", trong Ban Chấp hành tỉnh Đảng bộ An Giang: *Bác Tôn (1888 - 1980) cuộc đời và sự nghiệp*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1988, tr. 180.
14. Tôn Đức Thắng: "Động viên toàn dân thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ rất lớn và rất vẻ vang mà Hồ Chủ tịch đã đề ra", trong: *Chủ tịch Tôn Đức Thắng (1888 – 1980)*, Sở Văn hóa và Thông tin An Giang xuất bản, 1988, tr. 264.
15. *Sđd*, tr. 265
16. *Sđd*, tr. 266.
17. Văn phòng Quốc hội: *Lịch sử Quốc hội Việt Nam 1960 – 1976*, *Sđd*, tr. 80, 81.

18. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003, t. 26, tr. 108.

NHỮNG CÔNG HIẾN TO LỚN TRÊN CƯƠNG VỊ CHỦ TỊCH NƯỚC (1969-1980)

1. Cùng Đảng, Nhà nước lãnh đạo sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (1969-1975)

Ngày 02-9-1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời, Quốc hội khoá III, kỳ họp thứ 5 đã nhất trí bầu Tôn Đức Thắng làm Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Tại kỳ họp này, Tôn Đức Thắng đã phát biểu cảm ơn sự tín nhiệm của Quốc hội và hứa sẽ cố gắng hết sức làm tròn trọng trách Quốc hội giao phó, không sợ hy sinh gian khổ, luôn kề vai sát cánh cùng đồng bào miền Nam đưa cuộc chiến đấu chung của cả nước đến thắng lợi hoàn toàn. Trong lời chúc mừng nhân dịp đồng chí Tôn Đức Thắng được bầu giữ chức Chủ tịch nước, đồng chí Trường Chinh, Ủy viên Bộ Chính trị Trung ương Đảng, Chủ tịch Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã nhấn mạnh: "Cụ Tôn Đức Thắng và đồng chí Nguyễn Lương Bằng là hai chiến sĩ lão thành của cách mạng Việt Nam, những người bạn chiến đấu gần gũi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, những người con ưu tú của dân tộc Việt Nam ta. Hai đồng chí được Quốc hội nhất trí tín nhiệm giao cho trọng trách lãnh đạo Nhà nước ta là rất xứng đáng"¹.

Trên cương vị Chủ tịch nước, Tôn Đức Thắng luôn chăm lo đến đời sống của nhân dân trong chiến tranh, đặc biệt dành tình cảm quan tâm tới thiếu niên nhi đồng. Ngày 25-9-1969, Tôn Đức Thắng gửi thư cho các cháu thiếu nhi nhân dịp Tết Trung thu. Đồng chí bày tỏ mong muốn các cháu cố gắng học tập, rèn luyện để xứng đáng là cháu ngoan Bác Hồ. Đồng thời kêu gọi các ngành, đoàn thể, các bậc phụ huynh, thầy cô giáo, cán bộ phụ trách làm tốt hơn nữa công việc giáo dục, chăm sóc, bảo vệ thiếu nhi, ra sức thực hiện *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh: "Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cần thiết"². Ngoài ra, đồng chí còn gửi quà cho các cháu trường học sinh miền Nam ở

Đông Triều, Quảng Ninh và các cháu ở nhà trẻ Nhà máy dệt 8-3 nhân dịp Tết Trung thu năm 1969.

Trong những năm miền Bắc vừa sản xuất, vừa phải chống chiến tranh phá hoại của giặc Mỹ, Tôn Đức Thắng luôn dành thời gian xuống cơ sở đi thăm nhiều địa phương, nhiều đơn vị có thành tích trong sản xuất và chiến đấu. Cuối tháng 10-1969, đồng chí đến thăm bộ đội phòng không không quân, động viên tinh thần chiến đấu của cán bộ, chiến sĩ. Đồng chí khen ngợi các lực lượng vũ trang nhân dân đã lập nhiều thành tích trong thời gian qua và căn dặn toàn quân phải đề cao cảnh giác, ra sức phấn đấu thực hiện *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh, sẵn sàng đánh bại mọi thủ đoạn phá hoại của kẻ thù, hoàn thành tốt nhiệm vụ Đảng, nhân dân giao cho³. Ngày 20-12-1969, đồng chí Tôn Đức Thắng đến thăm Đoàn đại diện đặc biệt Cộng hoà miền Nam Việt Nam ở miền Bắc nhân dịp kỷ niệm lần thứ 9 ngày thành lập Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam. Cùng ngày, đồng chí dự mítting kỷ niệm lần thứ 25 ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam và lần thứ 23 ngày Toàn quốc kháng chiến. Đồng chí biểu dương những thành tích và sự trưởng thành vượt bậc của quân đội ta trong những năm qua và nêu lên nhiệm vụ của toàn thể cán bộ, chiến sĩ lúc này là phải ra sức rèn luyện, sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu tốt, góp phần đưa sự nghiệp chống Mỹ đến thắng lợi⁴.

Đầu năm 1970, miền Bắc nước ta vừa bước ra khỏi cuộc chiến tranh phá hoại ác liệt của đế quốc Mỹ, cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân miền Nam cũng như nhân dân Lào và nhân dân Campuchia đang đạt được những thắng lợi quan trọng. Ngày 1-1-1970, đồng chí Tôn Đức Thắng đã gửi thư chúc mừng năm mới tới đồng bào, chiến sĩ cả nước. Đồng chí biểu dương thành tích của đồng bào, chiến sĩ hai miền Nam Bắc trong năm qua và gửi lời cảm ơn tới các nước anh em, bè bạn khắp năm châu và kêu gọi đồng bào, chiến sĩ hăng hái tham gia kháng chiến giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, tiến tới hoà bình, thống nhất Tổ

quốc⁵. Cùng ngày, đồng chí Tôn Đức Thắng đến thăm công nhân nhà máy cơ khí Mai Động và thăm nông dân hợp tác xã Việt Trung hữu nghị, huyện Thanh Trì. Đồng chí khen ngợi và động viên công nhân, nông dân thủ đô hăng hái sản xuất, góp phần thực hiện thắng lợi kế hoạch Nhà nước năm 1970.

Nhân dịp kỷ niệm lần thứ 20 ngày học sinh toàn quốc (9-1-1950 - 9-1-1970), đồng chí Tôn Đức Thắng gửi thư cho toàn thể các cháu học sinh, thân ái gửi lời thăm hỏi và nhắc nhở các cháu học sinh trong cả nước hãy ra sức phấn đấu rèn luyện, học tập, lao động và công tác, xứng đáng là những người vừa hồng vừa chuyên thừa kế sự nghiệp bảo vệ độc lập, tự do của Tổ quốc và xây dựng chủ nghĩa xã hội⁶.

Tiếp tục thực hiện Di huấn của Chủ tịch Hồ Chí Minh về việc tổ chức Tết trồng cây hàng năm, ngày 26-1-1970 đồng chí Tôn Đức Thắng đã viết bài "*Hãy nhiệt liệt hưởng ứng Tết trồng cây năm 1970*". Bài viết đã điềm lại phong trào Tết trồng cây do Bác Hồ phát động, đồng thời chỉ ra ích lợi to lớn của phong trào, trách nhiệm của các địa phương và toàn thể nhân dân, trong đó thanh niên là lực lượng xung kích, các cụ phụ lão và các cháu thiếu nhi là lực lượng thường xuyên chăm sóc, bảo vệ cây. Bài viết chỉ rõ: "Mùa xuân năm 1960, Hồ Chủ tịch phát động Tết trồng cây. Từ đó Bác Hồ không ngừng theo dõi động viên phong trào và đã trực tiếp tham gia trồng cây với nhân dân nhiều nơi trên miền Bắc. Hưởng ứng lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch, nhân dân ta đã trồng hàng trăm triệu cây trên khắp xóm làng, ven đồng ruộng, đường xá, kênh mương... và đã thu được nhiều lợi ích lớn cho kinh tế và quốc phòng, làm cho đất nước ta ngày thêm giàu đẹp.

Đến nay ai cũng thấy rõ trồng cây gây rừng là việc làm ích nước, lợi nhà và càng ghi nhớ công ơn của Hồ Chủ tịch"⁷.

Trong không khí bận rộn của ngày Tết cổ truyền dân tộc năm Canh Tuất, sáng ngày 6-2-1970 (Mùng một Tết), đồng chí Tôn Đức Thắng vẫn dành thời gian đi thăm và chúc tết Đoàn đại diện đặc biệt Cộng hòa miền Nam Việt Nam tại Hà Nội.

Ngày 18-3-1970, đồng chí Tôn Đức Thắng đã gửi thư khen tới Đại hội quyết thắng của binh chủng thiết giáp. Đồng chí mong muốn binh chủng không ngừng nâng cao tinh thần anh dũng mưu trí, đoàn kết kỷ luật, giữ gìn và sử dụng tốt vũ khí, trang bị, sẵn sàng làm tròn nhiệm vụ thực hiện đã ra quân là thắng lợi⁸.

Ngày 1-4-1970, đồng chí Tôn Đức Thắng với cương vị là Chủ tịch nước, Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã dự và chủ tọa Hội nghị Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam lần thứ 19 (mở rộng). Đồng chí đã phát biểu khai mạc nêu lên sự nhất trí về chính trị và tinh thần của nhân dân ta quyết tâm thực hiện *Di chúc* thiêng liêng của Bác Hồ, tiến lên thành những thắng lợi to lớn hơn về mọi mặt"⁹.

Trong không khí cả nước vui mừng tổ chức trọng thể Lễ kỷ niệm lần thứ 100 ngày sinh V.I.Lênin vĩ đại, đồng chí Tôn Đức Thắng đã đến dự và phát biểu khai mạc buổi lễ. Đồng chí đã khái quát công lao của V.I.Lênin đối với cách mạng thế giới và khẳng định quyết tâm của nhân dân Việt Nam đánh thắng hoàn toàn giặc Mỹ xâm lược, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, góp phần tích cực vào phong trào cách mạng thế giới. Đồng chí nhấn mạnh: "Đảng ta và Hồ Chủ tịch đã vận dụng một cách sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta đưa cách mạng Việt Nam đến thắng lợi ngày càng to lớn... Nhân dịp kỷ niệm lần thứ 100 ngày sinh Lênin, Đảng ta, nhân dân ta tỏ lòng biết ơn sâu sắc đối với người thầy vĩ đại của cách mạng thế giới, đời đời đi theo con đường cách mạng mà Lênin đã vạch ra. Chúng ta chân thành cảm ơn Đảng Cộng sản Liên Xô, Chính phủ Liên Xô và nhân dân Liên Xô anh em, cảm ơn các đảng anh em, các nước anh em, cảm ơn nhân dân thế giới đã đồng tình ủng hộ cuộc đấu tranh của nhân dân ta chống đế quốc Mỹ xâm lược"¹⁰.

Với sự quan tâm đặc biệt tới thế hệ trẻ, trên cương vị là Chủ tịch danh dự của Ủy ban thiếu niên nhi đồng Trung ương, cuối tháng 4-1970, đồng chí Tôn Đức Thắng

đã đến thăm và nói chuyện tại Hội nghị các Chủ tịch Ủy ban thiếu niên, nhi đồng các tỉnh và thành phố. Đồng chí đã biểu dương những thành tích của thiếu niên, nhi đồng hai miền Nam - Bắc thời gian qua và nêu lên vai trò quan trọng của công tác bảo vệ, chăm sóc, giáo dục thiếu nhi, trách nhiệm của các ngành, các cấp trong công tác này. Đồng chí nêu rõ:

"Công tác bảo vệ, chăm sóc giáo dục thiếu nhi là một sự nghiệp to lớn và lâu dài. Phải rất kiên trì, bền bỉ thì mới đạt được kết quả tốt... Từ nay các cơ quan nhà nước cần cố gắng bàn bạc cụ thể và thiết thực để đưa vào kế hoạch Nhà nước những chỉ tiêu cần thiết, ưu tiên phục vụ trẻ em¹¹.

Cùng thời gian này, Tôn Đức Thắng đã dự và chủ tọa cuộc họp của Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam nghe báo cáo của đồng chí Hoàng Quốc Việt, Ủy viên Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Phó trưởng Đoàn đại biểu nhân dân nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tham dự Hội nghị cấp cao của nhân dân Đông Dương.

Cuối tháng 5-1970, đồng chí Tôn Đức Thắng dự lễ đón Xămđéc Nôrôđôm Xihanúc, Quốc trưởng Campuchia, Chủ tịch Mặt trận thống nhất dân tộc Campuchia và Bà hoàng Môních Xihanúc sang thăm Việt Nam. Thay mặt nhân dân Việt Nam, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, đồng chí Tôn Đức Thắng đã đọc diễn văn chào mừng nêu bật tình đoàn kết, hữu nghị của nhân dân Việt Nam và nhân dân Campuchia anh em trong cuộc đấu tranh chống đế quốc Mỹ xâm lược, đồng thời bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc của nhân dân Việt Nam đối với nhân dân Khome đã khảng khái ủng hộ và giúp đỡ sự nghiệp chính nghĩa của chúng ta. Đồng chí nhấn mạnh: "Thực hiện bản Tuyên bố chung của Hội nghị cấp cao của nhân dân Đông Dương, nhân dân ba nước Việt Nam, Campuchia và Lào quyết tăng cường đoàn kết, kề vai sát cánh chiến đấu, quét sạch bọn xâm lược Mỹ ra khỏi bán đảo Đông Dương; giành những quyền dân

tộc cơ bản của nhân dân ba nước chúng ta, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới¹².

Những ngày cuối tháng 5-1970, đồng chí Tôn Đức Thắng cùng các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước ta tiến hành hội đàm với Quốc trưởng Campuchia N. Xihanúc và ký Tuyên bố chung Việt Nam – Campuchia.

Tôn Đức Thắng cũng rất quan tâm đến lĩnh vực nghệ thuật nói chung và hội họa nói riêng. Cuối tháng 7-1970, đồng chí thăm triển lãm tranh và ký họa của các nghệ sĩ từ miền Nam gửi ra. Nói chuyện với những người có mặt tại triển lãm, đồng chí chỉ rõ: anh chị em nghệ sĩ cần cố gắng hơn nữa đi sâu vào đời sống và cuộc chiến đấu của nhân dân và bộ đội, chú ý thể hiện nhiều và tốt hơn nữa đề tài lao động và sản xuất của nhân dân nơi tiền tuyến lớn"¹³.

Cùng thời gian này, nhân dịp Ngày thương binh liệt sĩ, đồng chí Tôn Đức Thắng đã dành thời gian đến thăm thương binh, bệnh binh đang điều dưỡng tại Quân khu III. Đồng chí động viên anh em thương, bệnh binh yên lòng chữa bệnh và nhắc nhở cán bộ, nhân viên điều trị hết lòng chăm sóc chữa bệnh cho anh em. Đồng chí cũng động viên các gia đình liệt sĩ, gia đình bộ đội tiếp tục phát huy truyền thống cách mạng và nhắc nhở các cơ quan đồng bào các địa phương chấp hành tốt chính sách của Đảng, Nhà nước ta đối với thương binh, bệnh binh, gia đình liệt sĩ, gia đình bộ đội¹⁴.

Là Trưởng ban thanh toán nạn mù chữ Trung ương từ năm 1957, đồng chí Tôn Đức Thắng đã có vai trò to lớn trong việc thanh toán nạn mù chữ cho nhân dân ta. Đồng chí luôn quan tâm sâu sát, đầu tư nhiều thời gian và công sức cho công việc này. Đầu tháng 9-1970, nhân dịp kỷ niệm lần thứ 25 năm ngày thành lập Nha Bình dân học vụ, cùng chung niềm vui mừng nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tròn 25 tuổi, đồng chí Tôn Đức Thắng đã gửi thư cho cán bộ, giáo viên, học viên bổ túc văn hóa trên toàn quốc. Đồng chí biểu dương thành tích của anh chị em tham gia

công tác bình dân học vụ thời gian qua và mong muốn các cấp ủy đảng và chính quyền lãnh đạo công tác này tốt hơn nữa, tạo điều kiện cho cán bộ và nhân dân được học bổ túc văn hóa. Đặc biệt cán bộ, đảng viên và thanh niên phải đi đầu trong dạy và học bổ túc văn hóa, cán bộ chủ chốt các cấp phải gương mẫu học tập. Đồng chí nhấn mạnh: "Hiện nay nhân dân ta đang kiên trì và đẩy mạnh sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước đến thắng lợi hoàn toàn ra sức xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc. Công tác bổ túc văn hóa cần được phát triển và chỉ đạo tốt để phục vụ đắc lực hơn nữa nhiệm vụ cách mạng to lớn đó của Đảng và của nhân dân"¹⁵.

Cuối năm 1970, trong lúc cuộc kháng chiến chống Mỹ của nhân dân miền Nam đang bước vào giai đoạn gần đến thắng lợi, nhân dịp kỷ niệm lần thứ 10 ngày thành lập Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, đồng chí Tôn Đức Thắng đã gửi điện mừng tới Luật sư Nguyễn Hữu Thọ, Chủ tịch Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam. Đánh giá vai trò to lớn của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, đồng chí viết: "Mười năm qua là 10 năm chiến đấu vô cùng gian khổ, anh dũng tuyệt vời của đồng bào và chiến sĩ miền Nam đồng thời là 10 năm thắng lợi lớn tiếp với những chiến công kỳ diệu, làm rạng rỡ Tổ quốc và dân tộc ta"¹⁶.

Ngày 1-1-1971, như thường lệ hàng năm, với cương vị là Chủ tịch nước, đồng chí Tôn Đức Thắng gửi thư chúc mừng năm mới tới đồng bào, chiến sĩ cả nước. Trong thư, đồng chí biểu dương những thành tích của quân và dân hai miền Nam Bắc trong năm vừa qua, đồng thời kêu gọi nhân dân miền Bắc ra sức thi đua tăng năng suất lao động, hiệu suất công tác, thực hành tiết kiệm, hoàn thành thắng lợi kế hoạch Nhà nước năm 1971 và làm tròn nghĩa vụ hậu phương lớn đối với tiền tuyến lớn. Đồng chí cũng khẳng định quyết tâm của nhân dân ta đánh đuổi đế quốc Mỹ và tay sai, thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà. Đồng chí cũng gửi lời cảm ơn

của nhân dân Việt Nam đối với sự ủng hộ giúp đỡ của Đảng và nhân dân các nước anh em, nhân dân yêu chuộng hòa bình và công lý trên thế giới, trong đó có nhân dân tiến bộ Mỹ. Cuối thư, đồng chí Tôn Đức Thắng bày tỏ quyết tâm của cả dân tộc ta: "Thực hiện *Di chúc* thiêng liêng của Hồ Chủ tịch, nhân dân ta quyết vượt mọi khó khăn, gian khổ, đánh cho quân Mỹ phải rút, đánh cho ngụy quân và ngụy quyền sụp đổ, giải phóng miền Nam, xây dựng và bảo vệ miền Bắc xã hội chủ nghĩa, tiến tới hòa bình thống nhất nước nhà! Chúng ta quyết kè vai sát cánh cùng nhân dân Lào và nhân dân Campuchia anh em, kiên quyết đánh đuổi đế quốc Mỹ ra khỏi bán đảo Đông Dương"¹⁷.

Trong những ngày Tết Nguyên đán năm Tân Hợi, đồng chí Tôn Đức Thắng đã đi thăm và chúc Tết nhiều gia đình ở Hà Nội có đông con tham gia bộ đội, được tuyên dương anh hùng. Đồng chí đến dự buổi họp mặt mừng xuân mới do Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tổ chức và không quên đến thăm và chúc Tết những người con của miền Nam đang công tác tại Đoàn đại diện đặc biệt Cộng hòa miền Nam Việt Nam tại Hà Nội.

Ngày 15-2-1971, đồng chí Tôn Đức Thắng đã gửi thư đến Hội nghị tổng kết 10 năm thực hiện Tết trồng cây. Đồng chí biểu dương nhiều địa phương và cá nhân đã có thành tích trong phong trào trồng cây và nhắc các địa phương phát huy ưu điểm, khắc phục những khuyết điểm, đẩy mạnh phong trào trồng cây gây rừng lên những bước mới.

Từ ngày 2-3-1971 đến ngày 4-3-1971, đồng chí Tôn Đức Thắng dự kỳ họp thứ 7, Quốc hội khóa III nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Phát biểu tại lễ bế mạc kỳ họp đồng chí đánh giá cao hoạt động của Quốc hội và khẳng định: Quốc hội khóa III là Quốc hội đánh thắng chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ và tiếp tục xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, đồng thời trong điều kiện chiến tranh, miền Bắc bảo đảm làm tròn nghĩa vụ của hậu phương lớn đối với tiền tuyến lớn miền Nam.

Để chuẩn bị cho ngày bầu cử Quốc hội khóa IV sắp diễn ra, ngày 29-3-1971 đồng chí Tôn Đức Thắng dự họp mặt giữa các ứng cử đại biểu Quốc hội khóa IV ở Hà Nội với đại biểu các tầng lớp nhân dân Thủ đô. Đồng chí đã phát biểu ý kiến chân thành cảm ơn nhân dân Hà Nội đã giới thiệu đồng chí ra ứng cử ở Thủ đô và hứa cùng đồng bào, chiến sĩ cả nước đem hết sức phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc, đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đến thắng lợi hoàn toàn, đồng thời xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc. Với sự tín nhiệm của đông đảo nhân dân, ngày 11-4-1971, tại đơn vị bầu cử số 1, khu phố Ba Đình, Hà Nội, đồng chí Tôn Đức Thắng đã trúng cử đại biểu Quốc hội khóa IV với số phiếu rất cao: 98,89%¹⁸.

Ngày 30-5-1971, tại vườn Bách Thảo, Hà Nội, đồng chí Tôn Đức Thắng cùng nhiều đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước ta dự ngày hội truyền thống của thiếu nhi Thủ đô. Cùng ngày đồng chí Tôn Đức Thắng đã gửi thư cho các cháu thiếu nhi nhân kỷ niệm lần thứ 30 ngày thành lập. Đội Thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh và Đội Nhi đồng Hồ Chí Minh, bày tỏ sự quan tâm sâu sắc của một người đứng đầu Nhà nước đối với thế hệ măng non. Đồng chí biểu dương những tấm gương thiếu nhi anh hùng và căn dặn các cháu thực hiện tốt 5 điều Bác Hồ dạy, xứng đáng là cháu ngoan Bác Hồ.

Tại kỳ họp thứ nhất Quốc hội khóa IV diễn ra tại Hà Nội ngày 9-6-1971, với công lao đóng góp và tấm gương đạo đức mẫu mực của mình, đồng chí Tôn Đức Thắng đã được toàn thể Quốc hội nhất trí bầu lại giữ chức Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Phát biểu trước Quốc hội, đồng chí bày tỏ sự cảm ơn chân thành tới Quốc hội đã tín nhiệm đồng chí và thay mặt cho các đồng chí vừa được Quốc hội tín nhiệm bầu vào các cơ quan lãnh đạo Nhà nước, đồng chí "xin hứa sẽ đem hết sức mình phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc, phục vụ cách mạng" và "quyết cùng với Quốc hội, Chính phủ và đồng bào cả nước, vượt qua mọi khó khăn, gian khổ,

thực hiện cho kỳ được *Di chúc* thiêng liêng của Hồ Chủ tịch kính mến, kiên quyết đánh thắng hoàn toàn giặc Mỹ xâm lược, ra sức bảo vệ và xây dựng miền Bắc xã hội chủ nghĩa, giải phóng miền Nam, tiến tới hòa bình thống nhất nước nhà. Đó là ý chí sắt đá không gì lay chuyển được của Nhà nước và nhân dân ta"¹⁹.

Nhân ngày thương binh liệt sĩ 27-7-1971, thay mặt Đảng và Nhà nước ta, đồng chí Tôn Đức Thắng gửi thư đến các đồng chí thương binh, bệnh binh, các gia đình liệt sĩ, gia đình bộ đội. Đồng chí gửi lời thăm hỏi ân cần tới các thương binh, bệnh binh, các gia đình liệt sĩ và khẳng định Tổ quốc và nhân dân ta đời đời sẽ ghi nhớ công lao của các liệt sĩ, thương binh, bệnh binh. Đồng chí mong muốn các cấp, các ngành có trách nhiệm quan tâm hơn nữa đối với các đồng chí thương bệnh binh, gia đình liệt sĩ đồng thời mong muốn các đồng chí tiếp tục phát huy truyền thống cách mạng gương mẫu, đảm đang việc nước, việc nhà.

Cuối tháng 9, nhân dịp Tết Trung thu năm 1971, đồng chí Tôn Đức Thắng đã gửi thư cho các cháu thiếu niên nhi đồng trong cả nước biểu dương những thành tích của thiếu niên hai miền Nam - Bắc thời gian qua và nhắn nhủ các cháu ra sức học tập, lao động tốt để góp phần cùng toàn dân đánh thắng giặc Mỹ xâm lược và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

Ngày 19-10-1971, mặc dù rất bận, đồng chí Tôn Đức Thắng vẫn tới dự mítting kỷ niệm lần thứ 25 ngày thành lập Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam (20-10-1946 - 20-10-1971). Phát biểu tại Hội nghị, đồng chí đánh giá cao vai trò của phụ nữ hai miền Nam - Bắc với những tấm gương sáng tiêu biểu cho phẩm chất truyền thống: anh hùng, bất khuất, trung hậu, đảm đang. Đồng chí mong muốn chị em phụ nữ tiếp tục hăng hái tham gia chống Mỹ, cứu nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội lớn mạnh, đồng thời nhắc nhở các cấp, ngành có trách nhiệm quan tâm chăm lo tốt hơn cho đời sống và sức khỏe chị em phụ nữ. Đồng chí nhấn mạnh "phụ nữ ta, từ tiền tuyến đến hậu phương, đã làm cho non sông đất nước Việt Nam thêm rạng rỡ,

xứng đáng với lòng tin yêu mến phục của chị em bầu bạn khắp năm châu... Phụ nữ cả nước ta quyết mãi mãi xứng đáng với lời Bác Hồ kính yêu đã nói: "Từ xưa đến nay, từ Nam đến Bắc, từ trẻ đến già, phụ nữ Việt Nam ta thật anh hùng"²⁰.

Nhân dịp Đại hội lần thứ II Hội Liên hiệp Việt kiều ở Pháp được tổ chức, thay mặt Đảng, Chính phủ và đồng bào trong nước, đồng chí Tôn Đức Thắng đã gửi thư chúc mừng tới Đại hội. Đồng chí khen ngợi những thành tích của Hội thời gian qua và luôn mong muốn kiều bào ta đoàn kết chặt chẽ hơn nữa, thương yêu, đùm bọc nhau, không ngừng tăng cường hữu nghị với nhân dân Pháp, góp phần tích cực vào sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước và xây dựng miền Bắc vững mạnh.

Trung tuần tháng 12-1971, đồng chí Tôn Đức Thắng dự và chủ tọa Hội nghị lần thứ 22 của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, dự khai mạc Đại hội lần thứ III của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Trong bài diễn văn khai mạc Đại hội, đồng chí bày tỏ lòng biết ơn vô hạn của nhân dân ta đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu người đã sáng lập, lãnh đạo và dìu dắt Mặt trận Dân tộc thống nhất Việt Nam. Đồng chí cũng biểu dương những thắng lợi to lớn của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, của đồng bào chiến sĩ hai miền Nam – Bắc và nêu quyết tâm của toàn dân ta đánh thắng hoàn toàn giặc Mỹ xâm lược và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội. Với những đóng góp to lớn của đồng chí Tôn Đức Thắng đối với sự nghiệp giải phóng dân tộc nói chung và sự lớn mạnh của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam nói riêng, ngày 17-12-1971, tại Đại hội này, đồng chí Tôn Đức Thắng được bầu lại làm Chủ tịch Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Tuy tuổi cao sức yếu lại bận trăm công nghìn việc với nhiều trọng trách lớn của Đảng và Nhà nước, Tôn Đức Thắng vẫn dành nhiều thời gian, xuống thăm hỏi các đơn vị lực lượng vũ trang đồng viên tinh thần chiến đấu của cán bộ chiến sĩ ở Thủ đô Hà Nội. Đặc biệt ngay sau chiến công đánh bại cuộc tập kích chiến lược bằng máy bay B.52 của không quân Mỹ tại Hà Nội, Tôn Đức Thắng đã kịp thời đến biểu

dương thành tích của các đơn vị tự vệ, đồng thời ân cần thăm hỏi đồng bào phố Khâm Thiên (Hà Nội) đang khắc phục hậu quả và chia buồn tới các gia đình có người thân đã bị thiệt hại trong cuộc ném bom dã man vào tối ngày 26-12-1972 của đế quốc Mỹ. Nhìn những đống gạch vụn ngổn ngang trên đường phố, nhìn những vành khăn tang trên đầu những người có người thân bị bom Mỹ giết hại, đồng chí ngậm ngùi xúc động lên án tội ác của đế quốc Mỹ và khen ngợi cán bộ và nhân dân phố Khâm Thiên đã kiên cường dũng cảm giải quyết hậu quả nhanh, tận tình cứu chữa người bị nạn. Đồng thời đồng chí nhắc nhở chính quyền các cấp luôn quan tâm, chăm lo hơn nữa đến đời sống đồng bào và kêu gọi đồng bào khu phố Khâm Thiên hãy cùng quân dân cả nước quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược.

Liên tiếp thất bại lớn lên chiến trường miền Nam và đặc biệt là thua to ở trận "Điện Biên Phủ trên không" tại Hà Nội, ngày 27-1-1973 Chính phủ Mỹ buộc phải ký *Hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam*. Trước thắng lợi to lớn này của dân tộc ngày 29-1-1973, đồng chí Tôn Đức Thắng đã triệu tập Hội nghị bất thường của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam nhằm động viên toàn quân và dân ta thừa thắng tiến lên, hoàn thành trọn vẹn nhiệm vụ thiêng liêng giải phóng dân tộc. Trong diễn văn khai mạc tại Hội nghị đồng chí đã nêu bật ý nghĩa và nguyên nhân của thắng lợi là nhờ có đường lối cách mạng đúng đắn và sáng tạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, là nhờ có sức mạnh đoàn kết vô địch của nhân dân cả nước, nhờ sự giúp đỡ to lớn của các nước xã hội chủ nghĩa anh em, sự ủng hộ tích cực của nhân dân yêu chuộng hòa bình trên thế giới.

Nhân dịp Tết cổ truyền Quý Sửu của dân tộc, Tôn Đức Thắng gửi thư chúc Tết đồng bào và chiến sĩ cả nước. Trong thư, đồng chí nhấn mạnh thắng lợi lịch sử của dân tộc ta đang mở ra một giai đoạn mới của cách mạng nước ta và tin tưởng rằng: "Nhân dân ta có những điều kiện thuận lợi mới để giữ vững hòa bình, hoàn thành

nhiệm vụ dân tộc và dân chủ ở miền Nam, đẩy mạnh sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, tiến tới hòa bình thống nhất Tổ quốc"²¹.

Để sự nghiệp cách mạng tiếp tục phát triển không ngừng với chức năng và nhiệm vụ của mình, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam mà đứng đầu là đồng chí Tôn Đức Thắng đã kêu gọi các đoàn thể, tôn giáo và toàn dân đoàn kết chặt chẽ, cảnh giác, sản xuất và chiến đấu tiến lên thành những thắng lợi mới. Trong khí thế hào hùng của cuộc cách mạng giải phóng dân tộc đang dâng trào, từ ngày 10 đến ngày 12-5-1975, Đại hội thanh niên "Ba sẵn sàng" toàn miền Bắc đã họp tại Hà Nội. Hơn 500 đại biểu thay mặt cho hàng chục triệu đoàn viên và thanh niên toàn miền Bắc và Đoàn đại biểu thanh niên giải phóng miền Nam vui mừng và vinh dự được đón đồng chí Tôn Đức Thắng tới dự. Cả Đại hội háo hức và chăm chú nghe từng lời phát biểu của đồng chí. Trước hết, đồng chí Tôn Đức Thắng nhiệt liệt hoan nghênh và tuyên dương công trạng của phong trào thanh niên "Ba sẵn sàng", và chỉ rõ: "Bước sang giai đoạn mới, dưới sự chỉ đạo sáng suốt của Đảng, Bác tin chắc rằng, thực hiện *Di chúc* thiêng liêng của Hồ Chủ tịch, các cháu sẽ phát huy mạnh mẽ khí thế mới của phong trào "Ba sẵn sàng", nêu cao lòng tự hào là thế hệ thanh niên Hồ Chí Minh, anh dũng tiến lên, lập công xuất sắc trên các mặt trận lao động sản xuất, chiến đấu, học tập và xây dựng cuộc sống mới"²². Trong những ngày Đại hội diễn ra, đồng chí Tôn Đức Thắng đã thân mật tiếp Đoàn đại biểu thanh niên miền Nam tại Phủ Chủ tịch. Đồng chí ân cần dặn dò, đem hết những tình cảm yêu mến của mình đối với miền Nam thành đồng để tâm sự cùng các cháu và sẻ chia những đau thương mất mát, những khó khăn gian khổ và chiến công mà đồng bào miền Nam cũng như các cháu đã và đang phải trải qua. Đồng chí nói một cách rất mộc mạc: "Đoàn các cháu hôm nay có anh hùng, có dũng sĩ, có gái, có trai, có các cháu người dân tộc, đại diện cho tất cả các chiến trường miền Nam, lại có hai cháu thiếu niên. Thế là rất tốt, Bác rất vui lòng"²³.

Không chỉ quan tâm đến thanh niên, Tôn Đức Thắng còn dành tình cảm, lòng thương yêu quý trọng đối với các cháu thiếu niên và nhi đồng. Những chiến công xuất sắc của các cháu thiếu nhi hai miền Nam Bắc làm cho đồng chí vô cùng xúc động. Từ khi được bầu là Chủ tịch danh dự của Ủy ban Thiếu niên Nhi đồng Việt Nam (1-4-1961), dù ở cương vị, hoàn cảnh nào Tôn Đức Thắng đều coi trọng công tác chăm sóc, giáo dục và bồi dưỡng thế hệ măng non của đất nước. Ngày 4-3-1973, đến dự và phát biểu tại Hội nghị toàn dân bảo vệ, chăm sóc và giáo dục thiếu niên nhi đồng tại Hà Nội, đồng chí vạch rõ công tác của toàn Đảng, toàn dân, biểu hiện quan điểm quần chúng của người cách mạng biểu hiện tính ưu việt của chế độ ta, vì quan tâm đến thiếu niên nhi đồng, chính là quan tâm đến tiền đề của sự nghiệp cách mạng. Đồng chí kêu gọi các cấp, các ngành, các đoàn thể, các bậc cha mẹ, các thầy cô giáo hãy làm tốt hơn nữa và có kế hoạch bảo vệ, giáo dục các cháu ra sức thực hiện lời *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh: "Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cần thiết".

Không chỉ bằng lời nói mà bằng việc làm cụ thể ngày 21-11-1979 những quan điểm của đồng chí Tôn Đức Thắng về thiếu niên, nhi đồng đã được công bố bằng *Pháp lệnh về bảo vệ chăm sóc và giáo dục trẻ em* do chính đồng chí ký.

Trong lúc đang rất bận bịu với bao nhiêu công việc của đất nước thì người vợ thân yêu của đồng chí lâm bệnh nặng, phải vào bệnh viện điều trị. Mặc dù được các y bác sĩ tận tình cứu chữa, nhưng vào hồi 4 giờ sáng ngày 25-5-1974, bà Đoàn Thị Giàu đã mất tại Quân y Viện 108. Cả cuộc đời hy sinh và cống hiến cho cách mạng, Tôn Đức Thắng luôn trân trọng và cảm ơn vợ, người con gái Mỹ Tho đã thủy chung, son sắt, luôn trung thành với Đảng và Tổ quốc, luôn ủng hộ và cổ vũ sự nghiệp chồng mình theo đuổi.

Nén nỗi đau thương mất mát riêng trong lòng, đồng chí Tôn Đức Thắng lại bắt tay ngay vào công việc hàng ngày một cách khẩn trương.

Trong thời gian Hiệp định Pari đã được ký kết, miền Nam hình thành hai vùng kiểm soát với hai chính quyền, hai quân đội. Tình thế cách mạng của ba nước Đông Dương phát triển thuận lợi. Ba nước Việt Nam - Lào - Campuchia dựa lưng vào nhau mà chiến đấu, tạo thành thế liên hoàn vững chắc. Về phía địch, sau khi thua trận liên tiếp và buộc phải ký Hiệp định Pari rút quân ra khỏi miền Nam Việt Nam, chúng đã trở mặt, ra sức phá hoại những điều khoản vừa ký kết, nhưng cũng không tránh khỏi sự thất bại hoàn toàn, thường lâm vào thế bị động. Quân giải phóng của ta càng đánh càng mạnh. Đến cuối năm 1974, những điều kiện chín muồi cho việc giải phóng hoàn toàn miền Nam đã đến.

Trước tình hình đó, Bộ Chính trị Trung ương Đảng đã họp kịp thời xem xét tình hình và ra Nghị quyết động viên nỗ lực lớn nhất của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân đẩy mạnh đấu tranh trên các mặt quân sự, chính trị kết hợp ngoại giao, làm thay đổi nhanh chóng và toàn diện so sánh lực lượng trên chiến trường miền Nam theo hướng có lợi cho ta, nhanh chóng chuẩn bị mọi điều kiện để tiến hành tổng tiến công, giành chính quyền về tay nhân dân, giải phóng miền Nam.

Thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị, quân và dân miền Nam đã quyết tâm mở cuộc tiến công và nổi dậy Mùa Xuân năm 1975. Mở đầu là chiến thắng Tây Nguyên vang dội, tiếp theo là các thành phố Huế, Đà Nẵng, Quảng Trị, Quảng Ngãi, Sài Gòn, Long An, Bình Dương... Long Xuyên, Vĩnh Long, Bến Tre... lần lượt được giải phóng. Lịch sử dân tộc Việt Nam đã bước sang trang mới: miền Nam hoàn toàn giải phóng, đất nước hoàn toàn độc lập, thống nhất.

2. Cùng Đảng, Nhà nước lãnh đạo công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trên cả nước (1975-1980)

Ngày 13-5-1975, ngay sau ngày giải phóng miền Nam, đồng chí Tôn Đức Thắng đáp máy bay vào thành phố Sài Gòn thăm đồng bào miền Nam và dự lễ mừng chiến thắng vĩ đại của dân tộc. Ngày 15-5-1975, Thành uỷ và Uỷ ban nhân dân

thành phố Sài Gòn tổ chức trọng thể lễ mừng chiến thắng. Giữa một rừng cờ hoa phấp phới và trong muôn ngàn tiếng ca khải hoàn, đồng chí Tôn Đức Thắng xuất hiện đã mang đến cho nhân dân thành phố và cả miền Nam nguồn cổ vũ hết sức lớn lao và niềm tự hào, phấn khởi vô hạn.

Tại Quảng trường lớn Sài Gòn, đồng chí Tôn Đức Thắng thay mặt cho Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc đọc lời chào mừng. Đồng chí đã vạch rõ thắng lợi của nhân dân ta ngày nay là kết quả của tinh thần yêu nước nồng nàn được thể hiện trong suốt cuộc chiến đấu 30 năm qua của dân tộc ta, là thắng lợi của đường lối đúng đắn, sáng tạo của Đảng, là thắng lợi của khối đại đoàn kết toàn dân, đoàn kết quốc tế. Cuối cùng đồng chí kêu gọi đồng bào miền Nam cùng với đồng bào miền Bắc "quyết biến khí thế cách mạng hào hùng hôm nay thành cao trào thi đua thực hiện *Di chúc* thiêng liêng của Hồ Chủ tịch, xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới"²⁴.

Khi đất nước còn chiến tranh chia cắt hai miền, đồng chí Tôn Đức Thắng luôn quan tâm đến các lực lượng vũ trang, các cán bộ chiến sĩ bộ đội. Nay trong thời bình, đồng chí vẫn luôn dành những tình cảm đặc biệt, viết thư thăm hỏi ân cần dặn dò, nhắc nhở các đơn vị, quân binh chủng Quân đội. Ngày 8-9-1975 nhân ngày truyền thống của Binh chủng Thông tin - liên lạc, đồng chí Tôn Đức Thắng đã viết thư cho cán bộ, chiến sĩ binh chủng và chỉ rõ nhiệm vụ của các lực lượng vũ trang nhân dân trong tình hình mới hiện nay rất nặng nề nhưng hết sức vẻ vang. Đồng chí khích lệ họ "hãy ra sức phát huy bản chất cách mạng, truyền thống tốt đẹp của quân đội ta và của binh chủng, ra sức xây dựng binh chủng chính quy, nâng cao trình độ khoa học kỹ thuật... đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa"²⁵.

Trước yêu cầu và nhiệm vụ mới đặt ra cho sự nghiệp xây dựng đất nước, hàn gắn vết thương chiến tranh, đồng chí Tôn Đức Thắng nhận thức rõ phải nâng cao trình độ dân trí, phải chống giặc đói trước tiên thì mới cứu đất nước nhanh thoát khỏi đói nghèo và phát triển toàn diện về mọi mặt. Hàng năm, cứ đến ngày 8-9, ngày thành lập Nhà Bình dân học vụ, mặc dù bận trăm công nghìn việc đồng chí Tôn Đức Thắng vẫn dành thời gian viết thư gửi cho cán bộ, giáo viên, học viên bình dân học vụ và bổ túc văn hoá. Ngày 5-9-1975, trong thư gửi cán bộ giáo viên, học viên bình dân học vụ và bổ túc văn hoá, đồng chí Tôn Đức Thắng nhấn mạnh: "Để tích cực góp phần xây dựng nước ta thành một nước xã hội chủ nghĩa hùng cường, có công nghiệp, nông nghiệp hiện đại văn hoá và khoa học tiên tiến, đời sống văn minh, hạnh phúc, sự nghiệp xoá nạn mù chữ và bổ túc văn hoá trong cả nước cần được phát triển mạnh mẽ, liên tục và vững chắc hơn nữa. Đồng chí nhắc nhở "các đồng chí giáo viên hãy phát huy lòng yêu nghề, yêu ngành, ra sức thi đua dạy thật tốt, các đồng chí học viên hãy phát huy truyền thống hiếu học của dân tộc ra sức thi đua học tập tốt"²⁶. Thực hiện lời dặn dò của đồng chí, cả nước ta sau ngày thống nhất đã đẩy lên một phong trào học tập, xoá nạn mù chữ, đặc biệt ở miền Nam, nơi phải chịu nhiều khó khăn, gian khổ với hơn 30 năm kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp, đế quốc Mỹ, người dân ít có điều kiện được học hành đến nơi, đến chốn. Ngày 5-2-1977, gửi thư tới Hội nghị xoá bỏ nạn mù chữ ở các tỉnh miền Nam, đồng chí bày tỏ sự vui mừng về những thành tích diệt đói của cán bộ, chiến sĩ và đồng bào, khen ngợi những đơn vị đã hoàn thành xoá nạn mù chữ. Thắng lợi bước đầu của công cuộc này, theo đồng chí, là nhờ sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng ta, sự quan tâm của các cấp, các ngành, các giới, tinh thần xung phong của cán bộ, giáo viên, học sinh toàn ngành giáo dục và đặc biệt là sự tham gia đầy đủ, nhiệt tình của các tầng lớp nhân dân. Đồng chí mong rằng trên mặt trận diệt đói, cán bộ, đảng viên hãy thật sự gương mẫu, đồng viên thanh niên hãy xung phong đi đầu, cán bộ, giáo viên và học sinh toàn ngành giáo dục phải làm nòng cốt trong lực

lượng giảng dạy, coi đó là một công tác thiết thực gắn liền nhà trường và xã hội²⁷. Sau đó gần một năm, ngày 28-3-1978 đồng chí Tôn Đức Thắng lại viết thư gửi đến Đại hội mừng công căn bản xoá bỏ nạn mù chữ trên khắp đất nước. Với chủ trương và sự lãnh đạo đúng đắn, kịp thời của Đảng và Quốc hội, trong đó đồng chí Tôn Đức Thắng đã góp một phần công sức không nhỏ để có được thắng lợi to lớn này trên mặt trận diệt dốt. Để phát huy kết quả đó và để "phát huy quyền làm chủ của nhân dân lao động, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội trên đất nước ta", đồng chí kêu gọi "đồng bào đã thoát nạn mù chữ hãy hăng hái học tập các lớp bổ túc văn hoá, đồng bào các dân tộc ít người đã biết chữ dân tộc cần phải học cho biết tiếng phổ thông là tiếng chung của toàn dân tộc ta". Đối với các cấp, các ngành, các giới "hãy không ngừng quan tâm tới công tác bổ túc văn hoá, coi đó là một công việc không thể thiếu được trong chương trình hoạt động của mình"²⁸.

Sau bao nhiêu năm xa cách, vất vả hy sinh vì việc nước, tháng 10-1975, đồng chí Tôn Đức Thắng mới có dịp trở về thăm quê nhà thân yêu. Các đồng chí lãnh đạo tỉnh cùng đồng bào An Giang vui mừng và xúc động đón đồng chí trong không khí ấm áp, chân tình. Thấy quê hương mình nay đã đổi thay, to đẹp hơn, đồng chí hết sức tự hào. Trong buổi gặp mặt đông đủ đại biểu nhân dân An Giang tại khách sạn Hoàn Mỹ, thật xúc động và chứa chan tình cảm, vị Chủ tịch nước nói: "Hôm nay Đảng và Nhà nước cho phép tôi về thăm quê nhà. Chưa bao giờ tôi thấy sung sướng như lúc này, khi cả nước được độc lập, tự do, Bắc - Nam thống nhất"²⁹. Đồng chí không quên động viên nhân dân An Giang luôn đoàn kết, phấn đấu trở thành một tỉnh giàu mạnh, nhân dân ấm no, ai ai cũng được học hành như Bác Hồ hằng mong muốn đối với nhân dân cả nước trong *Di chúc*. Mọi người vẫn nhận ra tính chân chất, mộc mạc, giản dị, khiêm tốn trong từng lời nói, cử chỉ và hành động của người con vùng miền sông nước Nam Bộ, sau bao năm xa cách, vẫn giữ nguyên cốt cách ấy. Sau khi đi thăm thị xã Long Xuyên, vui mừng trước những đổi

thay kỳ diệu của quê hương mình từ sau ngày giải phóng, đồng chí Tôn Đức Thắng về thăm gia đình ở xã Mỹ Hoà Hưng. Gia đình và bà con cô bác đứng chật ních từ nhà ra cổng để đón Người. Đồng chí Tôn Đức Thắng bồi hồi nhớ lại những kỷ niệm thời thơ ấu, thắp hương trước bàn thờ tổ tiên, rồi ngồi xếp bàn tròn giữa nhà chuyện trò, ân cần hỏi thăm tình hình gia đình, dòng họ, tình hình xã, ấp, miệt vườn... Nghe xong, vị Chủ tịch nước ra sân chụp hình chung với anh em, con cháu và bà con ở Mỹ Hoà Hưng. Mặc dù rất quyến luyến, bịn rịn với bao tình cảm đối với gia đình, quê hương, nhưng đồng chí Tôn Đức Thắng vẫn luôn đặt việc chung, tình cảm chung lên trên hết. Sau 45 phút thăm nhà, đồng chí Tôn Đức Thắng lại ra đi. Bà con cố níu đồng chí ở lại ít phút nữa, đồng chí cảm ơn bà con và nói: Về thăm đủ mặt vậy là mừng quá rồi, xin phép còn đi việc nước! Mọi người ùa nhau ra tiễn đồng chí trong nỗi quyến luyến vô bờ.

Rời quê hương Long Xuyên ngày 19-11-1975, tiếp tục cuộc hành trình về thăm lại mảnh đất đã nuôi dưỡng chí hướng của mình, đồng chí Tôn Đức Thắng về thăm lại Nhà máy Ba Son, nơi trước đây đồng chí đã từng làm thợ và bắt đầu cuộc đời hoạt động cách mạng đầy sóng gió. Toàn thể cán bộ, nhân viên Nhà máy Ba Son vô cùng phấn khởi đón vị Chủ tịch nước, người thợ cả về thăm. Đồng chí ân cần chào hỏi mọi người và nói: "Sau nửa thế kỷ xa cách, hôm nay tôi mới có dịp về thăm Xưởng Ba Son, nơi trước đây tôi làm việc và hoạt động cách mạng, tôi như thấy mình trẻ lại"³⁰. Rồi đồng chí lần lượt đi thăm các phân xưởng sản xuất, kể lại cho anh em nghe những cuộc đấu tranh của công nhân Ba Son thuở trước và động viên anh chị em cố gắng phấn đấu thi đua lao động sản xuất, mãi mãi xứng đáng với truyền thống anh hùng của Ba Son.

Tạm biệt Ba Son trở về Hà Nội, đồng chí Tôn Đức Thắng lại bận rộn cùng Ủy ban Thường vụ Quốc hội chuẩn bị công việc hết sức trọng đại: tổ chức Tổng tuyển cử trong cả nước để bầu ra Quốc hội chung thống nhất. Ngày 25-4-1976, Tổng tuyển

cử bầu Quốc hội khoá VI thành công tất đẹp. Từ ngày 24-6 đến ngày 3-7-1976, kỳ họp đầu tiên của Quốc hội khoá VI đã họp tại Hội trường Ba Đình, Hà Nội, quyết định đổi tên nước thành Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Hà Nội là Thủ đô của cả nước, thành phố Sài Gòn được chính thức vinh dự mang tên của Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu. Tại kỳ họp này, kỳ họp đầu tiên của Quốc hội thống nhất, đánh giá đúng công lao và những đóng góp to lớn của đồng chí đối với sự nghiệp cách mạng của đất nước, đồng chí Tôn Đức Thắng đã được Quốc hội nhất trí bầu làm Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Thay mặt những đồng chí được bầu vào các cơ quan lãnh đạo Nhà nước, đồng chí chân thành cảm ơn sự tín nhiệm của Quốc hội. Sự tín nhiệm đó thể hiện lòng tin tưởng tuyệt đối của nhân dân ta đối với sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng Lao động Việt Nam và nói: Chúng tôi xin hứa với Quốc hội, với đồng bào cả nước sẽ tiếp tục mang hết sức mình phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân, ra sức đoàn kết động viên toàn dân phấn đấu thực hiện đầy đủ lời căn dặn của Hồ Chủ tịch: "Thắng giặc Mỹ, ta sẽ xây dựng hơn mười ngày nay".

Cùng với thắng lợi của cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung của cả nước, từ ngày 14 đến 20-12-1976, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng họp tại Hà Nội đã thành công rực rỡ. Đại hội đã quyết định đổi tên Đảng Lao động Việt Nam thành Đảng Cộng sản Việt Nam. Đại hội đã tổng kết và đúc rút kinh nghiệm phong phú của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và ra Nghị quyết về xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Trung ương mới gồm 101 uỷ viên chính thức và 32 uỷ viên dự khuyết. Tại Đại hội này, một lần nữa, đồng chí Tôn Đức Thắng lại được bầu làm Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Đồng chí đã giữ cương vị này cho tới lúc qua đời.

Với cương vị và trọng trách to lớn của mình đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước, đồng chí Tôn Đức Thắng luôn quan tâm đến vấn đề đoàn kết toàn dân để tạo nên sức mạnh thống nhất, thực hiện thắng lợi mục tiêu cách mạng đã đề ra. Mặc dù tuổi đã cao, ngày 31-1-1977, đồng chí vẫn có mặt tại thành phố Hồ Chí Minh đọc diễn văn khai mạc Đại hội Mặt trận Dân tộc thống nhất Việt Nam. Đồng chí nêu rõ: "Đại hội Mặt trận lần này là hình ảnh đẹp đẽ của khối đại đoàn kết Bắc - Nam sum họp một nhà. Cảnh vui đoàn tụ hôm nay là kết quả của cuộc đấu tranh cách mạng kiên cường bất khuất suốt mấy chục năm qua của đồng bào và chiến sĩ cả nước, dưới ngọn cờ vẻ vang của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu". Đồng chí tin rằng: "Dưới ánh sáng của Nghị quyết Đại hội Đảng, Đại hội Mặt trận sẽ đề ra chương trình nghị sự và Điều lệ mới của mình, nhằm tăng cường đoàn kết, động viên toàn dân thi đua xây dựng thành công một nước Việt Nam hoà bình, độc lập, thống nhất và xã hội chủ nghĩa"³¹. Ngày 13-8-1979 do bệnh u xơ tiền liệt tuyến đồng chí phải vào nằm điều trị tại Viện Quân y 108 - Hà Nội. Tại đây, đồng chí đã được các bác sĩ chăm sóc và cứu chữa hết sức tận tình và được Trung ương Đảng, Nhà nước dành cho những khả năng, phương tiện tốt nhất, nhưng do tuổi quá cao, sức lại yếu, vào hồi 6 giờ 35 phút, ngày 30-3-1980, sau gần hai năm đau yếu, đồng chí Tôn Đức Thắng không qua được căn bệnh hiểm nghèo, đã trút hơi thở cuối cùng, thọ 92 tuổi.

Toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta vô cùng thương tiếc vị lãnh tụ kính mến, người cộng sản mẫu mực, người bạn chiến đấu thân thiết và là người học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu đã vĩnh biệt chúng ta! Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ và Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quyết định tổ chức lễ quốc tang đồng chí Tôn Đức Thắng với nghi thức trọng thể nhất. Cả nước để tang đồng chí trong 5 ngày từ ngày 1 đến ngày 5-4-1980. Đồng chí Lê Duẩn - Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam - làm Trưởng ban lễ tang.

Sáng ngày 1-4-1980, tại Hội trường Ba Đình lịch sử, lễ viếng đồng chí Tôn Đức Thắng được cử hành rất trọng thể. Các đồng chí lãnh đạo cấp cao của Đảng, Quốc hội, Nhà nước, Mặt trận luôn luôn túc trực bên linh cữu đồng chí Tôn Đức Thắng. Đã có gần 150 đoàn đại biểu với hơn 10 ngàn người thay mặt đồng bào cả nước đến viếng. Ở tất cả các địa phương trong nước đều tổ chức lễ tưởng niệm người cộng sản kiên cường, mẫu mực Tôn Đức Thắng. Nhiều đoàn đại biểu cấp cao của Đảng, Nhà nước ở nhiều quốc gia sang nước ta dự lễ tang; các đoàn ngoại giao, các tổ chức quốc tế tại nước ta cũng đã đến đặt vòng hoa kính viếng anh linh của Chủ tịch Tôn Đức Thắng. Với tấm lòng ngưỡng mộ người chiến sĩ cộng sản quốc tế đã về nơi yên nghỉ cuối cùng, nhiều nước trên thế giới đã tổ chức lễ tang hoặc quốc tang. Ở tất cả các cơ quan ngoại giao của nước ta tại các nước đã đón rất nhiều nhà lãnh đạo, và quần chúng nhân dân đến chia buồn và ký vào sổ tang. Thời gian đó, Đảng, Nhà nước ta cũng đã nhận được rất nhiều điện chia buồn từ các nước gửi tới.

Chiều ngày 3-4-1980, lễ truy điệu Chủ tịch Tôn Đức Thắng được tổ chức trọng thể theo nghi thức Nhà nước tại Hội trường Ba Đình, Hà Nội. Đồng chí Trường Chinh, Ủy viên Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Chủ tịch Ủy ban Thường vụ Quốc hội đọc diếu văn khảng định những cống hiến lớn lao của Chủ tịch Tôn Đức Thắng: "Cuộc đời hoạt động cách mạng của đồng chí là một tấm gương sáng về lòng trung thành tận tụy, về tinh thần anh dũng bất khuất, và đức tính khiêm tốn giản dị. Toàn thể đồng chí và đồng bào chúng ta rất tự hào về sự nghiệp và đạo đức cách mạng của đồng chí. Chúng ta quyết mãi mãi noi gương cao cả của đồng chí để khắc phục mọi khó khăn, hoàn thành mọi nhiệm vụ cách mạng".

Ngày 4-4-1980, lễ an táng Chủ tịch Tôn Đức Thắng được cử hành rất long trọng. Với lòng tiếc thương vô hạn, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân đã đưa Chủ tịch Tôn Đức Thắng về nơi an nghỉ cuối cùng tại nghĩa trang Mai Dịch, Hà Nội.

Với cuộc đời 92 mùa xuân, đồng chí Tôn Đức Thắng đã dành gần 70 năm hoạt động cho sự nghiệp cách mạng lớn lao của Đảng và dân tộc. Đóng góp to lớn của đồng chí mãi mãi được lịch sử ghi nhận và nhân dân ngưỡng mộ.

1. Lời chúc mừng của đồng chí Trường Chinh, Ủy viên Bộ Chính trị Trung ương Đảng, Chủ tịch Ủy ban Thường vụ Quốc hội, trong: *Tôn Đức Thắng – Người cộng sản mẫu mực, biểu tượng của đại đoàn kết* (Hồi ký), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003, tr. 20.

2. Báo *Nhân dân*, số 5642, ra ngày 26-9-1969.

3. Báo *Nhân dân*, số 5679, ra ngày 2-11-1969.

4. Báo *Nhân dân*, số 5679, ra ngày 22-12-1969.

5. Báo *Nhân dân*, số 5739, ra ngày 1-1-1970.

6. Báo *Nhân dân*, số 5747, ra ngày 9-1-1970.

7. Báo *Nhân dân*, số 5764, ra ngày 26-1-1970.

8. Báo *Nhân dân*, số 5853, ra ngày 26-4-1970.

9. Báo *Nhân dân*, số 5832, ra ngày 5-4-1970.

10. Báo *Nhân dân*, số 5849, ra ngày 22-4-1970.

11. Báo *Nhân dân*, số 5853, ra ngày 26-4-1970.

12. Báo *Nhân dân*, số 5884, ra ngày 28-5-1970.

13. Báo *Nhân dân*, số 5943, ra ngày 26-7-1970.

14. Báo *Nhân dân*, số 5944, ra ngày 27-7-1970.

15. Báo *Nhân dân*, số 5985, ra ngày 8-9-1970.

16. Báo *Nhân dân*, số 6089, ra ngày 21-12-1970.
17. Báo *Nhân dân*, số 6100, ra ngày 1-1-1971.
18. Báo *Nhân dân*, số 6201, ra ngày 14-4-1971.
19. Báo *Nhân dân*, số 6261, ra ngày 14-6-1971.
20. Báo *Nhân dân*, số 6389, ra ngày 20-10-1971.
21. Báo *Nhân dân*, số 6858, ra ngày 2-2-1973.
- 22, 23. Báo *Nhân dân*, số 6954, ra ngày 11-5-1973.
24. Báo *Nhân dân*, số 7786, ra ngày 16-5-1975.
25. Báo *Nhân dân*, số 7796, ra ngày 9-9-1975.
26. Báo *Nhân dân*, số 7795, ra ngày 8-9-1975.
27. Báo *Nhân dân*, số 8314, ra ngày 11-2-1977.
28. Báo *Nhân dân*, số 8710, ra ngày 29-3-1978.
29. *Đồng chí Tôn Đức Thắng, người chiến sĩ cộng sản kiên cường mẫu mực*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1982, tr. 43.
30. *Đồng chí Tôn Đức Thắng, người chiến sĩ cộng sản kiên cường mẫu mực*, Nxb. Sự thật Hà Nội, 1982, tr. 44.
31. Báo *Nhân dân*, số 8304, ra ngày 1-2-1977.

NHỮNG CÔNG HIẾN ĐỐI VỚI CÁCH MẠNG VIỆT NAM VÀ THẾ GIỚI

Tôn Đức Thắng - cuộc đời và sự nghiệp, với 92 mùa xuân (20-8-1888 - 30-3-1980), trong đó gần trọn 70 năm hoạt động và cống hiến cho sự nghiệp cách mạng lớn lao của Đảng, dân tộc và nhân loại. Thủ tướng Phạm Văn Đồng đánh giá: "Di sản quý nhất mà đồng chí Tôn Đức Thắng để lại cho nhân dân là chất người Tôn Đức Thắng"¹.

1. Tôn Đức Thắng sớm có lòng yêu nước, thương dân và tinh thần đấu tranh cách mạng

Được sinh ra và lớn lên trong truyền thống yêu nước và nhân ái của quê hương, gia đình và dân tộc, Tôn Đức Thắng đã sớm có chí hướng đi về phía nhân dân lao động, chọn hướng lao động kỹ thuật, làm thợ, hoà mình vào đời sống của giai cấp công nhân. Đó là một "Phương hướng tốt, hợp thời đại". Tinh thần yêu nước và căm thù đế quốc đã tạo cho Tôn Đức Thắng sớm bộc lộ năng lực tổ chức thực tiễn. Khi chưa có ánh sáng của chủ nghĩa Mác-Lênin soi đường, đứng trên lập trường của một người yêu nước, nhưng Tôn Đức Thắng đã sớm tham gia các cuộc bãi công bãi khoá của công nhân xưởng Ba Son và học sinh trường Bá Nghệ. Hàng ngày, trước cuộc sống bất công ngang trái, Tôn Đức Thắng luôn đứng mũi, chịu sào, biết tổ chức anh em có trật tự để quản lý mình. Chưa đến tuổi ba mươi nhưng đã sớm bộc lộ chất người Tôn Đức Thắng, để sau này với hơn hai phần ba thế kỷ hoạt động cách mạng, chất người đó đã in đậm dấu ấn trong lịch sử cách mạng Việt Nam, đó là "sản phẩm hào hiệp của chất hào hiệp Nam Bộ, chất kiên cường và tài năng sáng tạo Việt Nam, chất tiên phong của giai cấp công nhân, chất cách mạng của người yêu nước, người cộng sản, chất nhân đạo của con người"². Chất người Tôn Đức Thắng đó, như đánh giá Giáo sư Trần Văn Giàu là: "khả năng, thiên hướng và tài ba nhiều khi xuất hiện từ tuổi trẻ"³.

2. Tôn Đức Thắng - một chiến sĩ cách mạng kiên cường, một người lãnh đạo chủ chốt của Đảng và Nhà nước

Sau khi *Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên* được Nguyễn Ái Quốc sáng lập ra ở Quảng Châu chưa được bao lâu, thì Tôn Đức Thắng cùng nhiều thành viên tích cực của Công hội bí mật đã hăng hái gia nhập hội này ở Sài Gòn và mau chóng mở rộng hoạt động cách mạng của Hội ra các tỉnh. Đây là bước ngoặt quan trọng nhất trong cuộc đời của Tôn Đức Thắng, bởi vì từ đây Tôn Đức Thắng thật sự hoạt động dưới ánh sáng cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Cũng từ đây, với trọng trách là uỷ viên Ban Chấp hành Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên Kỳ bộ Nam Kỳ, Tôn Đức Thắng có cơ hội cống hiến nhiều hơn cho sự nghiệp giải phóng dân tộc theo con đường cách mạng vô sản. Gần mười bảy năm bị giam ở địa ngục trần gian Côn Đảo, Tôn Đức Thắng tỏ rõ bản lĩnh của một chiến sĩ cộng sản kiên cường, trung kiên, bất khuất, giữ vững lập trường và khí tiết người đảng viên cộng sản, đấu tranh không khoan nhượng với kẻ thù, thương yêu đồng chí và những người cùng cảnh ngộ. Tôn Đức Thắng đã viết nên những sự tích "như những bài ca hùng tráng về khí tiết, phẩm chất sáng trong như ngọc"⁴. "Trong hoàn cảnh cực kỳ khốn khổ thì biểu tượng cho tình người, cho đoàn kết chiến đấu thật khó kiếm nhiều người hơn Tôn Đức Thắng"⁵.

Trong dịp kỷ niệm lần thứ 70 ngày sinh Tôn Đức Thắng (20-8-1958), đồng chí Lê Duẩn nêu rõ: "Đế quốc Pháp đã bắt giam, đày đoạ đồng chí 17 năm trời ở nhà ngục Côn Lôn với chế độ khổ sai khi thì nhốt vào hầm xay lúa, khi thì nhốt vào hầm tối, tay chân bị xiềng xích, cùm kẹp, khi thì cho ăn lúa sống hoặc bỏ đói, bỏ khát, những tinh thần cách mạng kiên cường của đồng chí trước sau vẫn không chút lay chuyển. Trong nhà tù, đồng chí luôn luôn nêu cao tâm lòng yêu nước và chí khí quật cường của người công nhân, luôn luôn tin tưởng ở tương lai tươi sáng của dân

tộc và của giai cấp, luôn luôn vui vẻ và không bao giờ xao lãng công tác cách mạng"⁶.

Điều văn đọc trong lễ truy điệu Chủ tịch Tôn Đức Thắng ngày 3-4-1980 của đồng chí Trường Chinh có đoạn: "Gần 17 năm bị tù đày ở Côn Đảo, đồng chí luôn luôn nêu cao tinh thần cách mạng kiên cường, tin tưởng vững chắc vào thắng lợi của sự nghiệp giải phóng dân tộc và chủ nghĩa xã hội"⁷.

Với đầu đề *Tám gương mẫu mực sáng ngời*, Xã luận báo *Nhân dân*, số ra ngày 3-4-1980 viết: Trên ba mươi năm đầu, là sự đối chọi với bọn mật thám ở nước ngoài cũng như ở trong nước, và bị giam cầm dưới sự khủng bố hết sức dã man. Tám lòng trung thành và tinh thần dũng cảm không gì lay chuyển là sức mạnh phi thường của Bác.

Trong tù ngục Côn Đảo, Tôn Đức Thắng đã cùng những chiến sĩ cộng sản kiên cường khác "biến nhà tù thành trường học cộng sản". Đúng như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: "Biến cái rủi thành cái may, các đồng chí ta đã lợi dụng những ngày tháng ở tù để hội họp và học tập lý luận. Một lần nữa, việc đó lại chứng tỏ rằng chính sách khủng bố cực kỳ dã man của kẻ thù chẳng những không ngăn trở được bước tiến của cách mạng, mà trái lại nó đã trở nên một thứ lửa thử vàng, nó rèn luyện cho người cách mạng càng thêm cứng rắn. Mà kết quả là cách mạng đã thắng, đế quốc đã thua"⁸.

Từ sau thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, đồng chí Tôn Đức Thắng tuy tuổi tác đã cao, nhưng vẫn cố gắng để phụ trách nhiều nhiệm vụ quan trọng:

Trưởng Ban Thường trực Quốc hội.

Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Ủy viên Trung ương Đảng Lao động Việt Nam.

Chủ tịch danh dự Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

Chủ tịch Hội Việt - Xô hữu nghị.

Chủ tịch danh dự Ủy ban bảo vệ hoà bình thế giới Việt Nam.

Ủy viên Hội đồng hoà bình thế giới.

Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà rồi Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

"Bất kỳ ở cương vị công tác nào, mặc dù tuổi cao đồng chí luôn luôn phấn đấu quên mình để hoàn thành nhiệm vụ mà Đảng và Nhà nước giao cho"⁹. "Cuộc đời hoạt động lâu dài của Bác là một kiểu mẫu phong phú hoàn chỉnh về nhân sinh quan cách mạng, một viên ngọc trong suốt của đạo đức cách mạng... Ở những cương vị lãnh đạo quan trọng. Bác Tôn đã phấn đấu không mệt mỏi góp phần cùng với Bác Hồ, Trung ương Đảng, Quốc hội và Mặt trận đưa hai cuộc kháng chiến thần thánh của dân tộc ta đến thắng lợi hoàn toàn. Bác Tôn đã nêu cao cho mọi người chúng ta, trước hết là những người cộng sản, tính tổ chức, tính nguyên tắc; dù việc lớn việc nhỏ, nhất thiết tuân thủ quyết định của tổ chức, của tập thể, sau khi đã trình bày đủ ý kiến của mình. Bác thường dạy chúng ta rằng sức mạnh của Đảng là tổ chức, toàn Đảng chỉ có một ý chí, là sự đoàn kết nhất trí trên cơ sở đường lối chính trị và những nguyên tắc tổ chức của Đảng"¹⁰.

"Suốt 30 năm, với các cương vị Phó Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Chủ tịch Quốc hội, Phó Chủ tịch nước, rồi Chủ tịch nước, Bác Tôn là hiện thân rực rỡ nhất những đức tính mà Bác Hồ đòi hỏi ở một người chiến sĩ cách mạng, mỗi đảng viên cộng sản trong bộ máy lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, được đồng bào, đồng chí cả nước và bầu bạn khắp năm châu tin cậy, mến phục.

Trên 60 năm hoạt động cách mạng, dù trong ngục tù đế quốc hay trên cương vị đầy trọng trách của Đảng và Nhà nước, đồng chí Tôn Đức Thắng đã góp phần xứng đáng vào cuộc đấu tranh vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì hạnh phúc của nhân dân,

nêu một tấm gương sáng ngời về khí phách, phẩm chất, đạo đức của người chiến sĩ cách mạng"¹¹.

Bạn bè trên thế giới có nhiều phát biểu quan trọng đánh giá cống hiến của Tôn Đức Thắng trên các cương vị lãnh đạo Đảng và Nhà nước.

Điện chia buồn của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô, Đoàn chủ tịch Xôviết tối cao và Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô có đoạn: "Trên tất cả các cương vị trọng trách của Đảng và Nhà nước, đồng chí đã cống hiến kinh nghiệm phong phú, nghị lực sáng tạo của mình cho sự nghiệp độc lập và tự do của Tổ quốc, cho cuộc đấu tranh chống thực dân và đế quốc xâm lược, cho việc xây dựng một xã hội xã hội chủ nghĩa phồn vinh trên đất nước Việt Nam"¹².

Điện chia buồn của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản và Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Tiệp Khắc có đoạn: "Đồng chí Tôn Đức Thắng trọn đời mình là một tấm gương về một chiến sĩ kiên cường đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân và chủ nghĩa đế quốc thế giới, vì tự do và độc lập của Tổ quốc mình, vì cuộc sống hạnh phúc của nhân dân Việt Nam. Tên tuổi của đồng chí gắn với sự nghiệp thống nhất đất nước và sự phát triển của chủ nghĩa xã hội ở nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam anh em"¹³.

Điện chia buồn của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Công nhân thống nhất, Hội đồng Nhà nước, Hội đồng Bộ trưởng nước Cộng hoà nhân dân Ba Lan có đoạn: "Là người con vĩ đại của nhân dân Việt Nam, người bạn chiến đấu của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đồng chí Tôn Đức Thắng đã hiến dâng cả đời mình cho sự nghiệp của Đảng Cộng sản Việt Nam và nhân dân Việt Nam. Sự đóng góp của đồng chí vào cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc và xã hội, thống nhất Tổ quốc và xây dựng chủ nghĩa xã hội thật đáng được hết sức kính trọng"¹⁴.

Điện chia buồn của đồng chí Phiden Cátxtorô, Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản, Chủ tịch Hội đồng Nhà nước, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng nước Cộng hoà Cuba có đoạn: "Từ thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp đến lúc từ trần, đồng chí Tôn Đức Thắng đã giữ nhiều chức vụ và trọng trách. Sự toàn tâm công tác của đồng chí ngay từ những ngày đầu tiên là một tấm gương về tinh thần hy sinh tận tụy... Chính tình yêu Đảng, yêu Tổ quốc và niềm tin vào thắng lợi cuối cùng của nhân dân Việt Nam đã giúp đồng chí Tôn Đức Thắng, mặc dù tuổi cao, hoàn thành trọng trách của mình ở cương vị đứng đầu Nhà nước Việt Nam. Những năm tháng lâu dài làm việc bên cạnh Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cổ vũ đồng chí thực hiện đúng đắn trách nhiệm và nghĩa vụ của mình, và vì vậy đồng chí đã được toàn thể nhân dân Việt Nam và những người cách mạng trên thế giới kính trọng và yêu mến"¹⁵.

Điện chia buồn của đồng chí Henrich Hônécơ, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Xã hội chủ nghĩa thống nhất Đức, Chủ tịch Hội đồng Nhà nước Cộng hoà dân chủ Đức có đoạn: "Đồng chí Tôn Đức Thắng là một nhà cách mạng xuất sắc của Việt Nam, của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế... Đồng chí đã đem hết sức mình phục vụ sự nghiệp giải phóng dân tộc và xã hội của Việt Nam, phục vụ sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội trên đất nước của mình"¹⁶.

Điện chia buồn của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Nhân dân cách mạng, Đoàn Chủ tịch Quốc hội, Hội đồng Bộ trưởng nước Cộng hoà nhân dân Mông Cổ có đoạn: "Đồng chí Tôn Đức Thắng là người con trung thành của nhân dân Việt Nam, nhà hoạt động cách mạng lão thành của Việt Nam, một trong những nhà lãnh đạo Nhà nước xuất sắc của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam"¹⁷.

Điện chia buồn của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản và Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Rumania có đoạn: "Đồng chí Tôn Đức Thắng đã cống hiến cả cuộc đời và hoạt động của mình cho cuộc đấu tranh chống đế quốc,

giải phóng dân tộc và xã hội cho sự tiến bộ, hạnh phúc của nhân dân và cho sự nghiệp xây dựng chế độ mới ở nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam"¹⁸.

Đánh giá một cách tổng quát, đồng chí Võ Chí Công viết: "Bất kỳ ở cương vị công tác nào, mặc dù tuổi cao Chủ tịch Tôn Đức Thắng luôn nỗ lực phấn đấu quên mình hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ mà Đảng, Nhà nước và nhân dân giao phó"¹⁹.

Tổng bí thư Nông Đức Mạnh khẳng định cống hiến vô giá và tấm gương sáng ngời của Tôn Đức Thắng đối với các thế hệ những người Việt Nam: "Bác Tôn đã sống trọn một đời cao đẹp của người chiến sĩ cộng sản. Cống hiến vô giá của Bác là nêu lên cho thế hệ những người cách mạng của nước ta, cho chúng tôi và lớp trẻ nước ta tấm gương chiến đấu hy sinh và đạo đức trong sáng của một người cộng sản vì Tổ quốc, vì nhân dân"²⁰.

3. Những cống hiến to lớn của Tôn Đức Thắng cho phong trào công nhân và công đoàn Việt Nam

Xuất thân trong một gia đình trung nông lớp khá, có điều kiện ăn học để trở thành thầy giáo và giữ một vị trí xã hội đáng kể, nhưng Tôn Đức Thắng không chọn con đường đó, mà vào trường Bá Nghệ, học kỹ thuật, thợ máy, thợ điện, chọn hướng lao động và cuộc đời người thợ. Khi giai cấp công nhân Việt Nam hình thành chưa được bao lâu, Tôn Đức Thắng đã sớm hoà nhập vào phong trào công nhân, gắn bó suốt đời với giai cấp công nhân Việt Nam. Ngay từ khi chưa có ánh sáng cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin rọi chiếu, nhưng nhờ thâm nhập và hiểu rõ nỗi đau khổ tận cùng của người công nhân Việt Nam ở một nước thuộc địa dưới ách cai trị của thực dân Pháp, Tôn Đức Thắng đã sớm tổ chức và tham gia vào những cuộc đấu tranh của công nhân.

Những năm tháng hoạt động sôi nổi ở Pháp, Tôn Đức Thắng đã tranh thủ mọi điều kiện để tìm hiểu, nghiên cứu và học tập kinh nghiệm hoạt động của phong trào

công nhân, công đoàn Pháp, nhằm tìm ra những hình thức tổ chức và phương pháp đấu tranh thích hợp cho công nhân Việt Nam.

Sau sự kiện Hắc Hải ngày 19-4-1919, Tôn Đức Thắng trở về nước lại hoà mình ngay vào giai cấp công nhân, gây dựng và tổ chức phong trào cách mạng trong lực lượng tiên tiến nhất của xã hội. Tôn Đức Thắng có đóng góp quan trọng đầu tiên trong việc phát hiện công nhân Sài Gòn - Chợ Lớn muốn đấu tranh nhưng không có tổ chức, và do đó cần thiết phải có tổ chức của công nhân. Từ những hiểu biết và kinh nghiệm hoạt động của mình, Tôn Đức Thắng đã chỉ ra rằng chỉ thông qua tổ chức, công nhân mới ý thức được sức mạnh của mình và đấu tranh mới đem lại lợi ích thiết thực cho giai cấp và dân tộc. Từ nhận thức, Tôn Đức Thắng đã hoạt động thực tế, tổ chức, vận động những người thợ yêu nước tham gia vào tổ chức thích hợp của giai cấp công nhân để vừa đấu tranh, vừa có những hành động thiết thực như quyên góp tiền bạc, lương thực, tổ tình đoàn kết và giúp đỡ những hoàn cảnh khó khăn. Nhờ vai trò tổ chức của Tôn Đức Thắng, mầm mống công hội Việt Nam ra đời từ những tổ chức *tương tế ái hữu* còn gọi là *Ủy ban bữa cháo cộng sản* (Comité de la soup communiete). Trên cơ sở đó vào khoảng cuối năm 1920, Tôn Đức Thắng đã tập hợp một số người cùng chí hướng thành lập ra *Công hội bí mật* ở Sài Gòn. Tổ chức *Công hội đầu tiên ở Việt Nam* ra đời gắn liền với tên tuổi của Tôn Đức Thắng. Từ đó trở đi, Công hội phát triển nhanh cả số lượng và chất lượng. Công hội đã có tác động tích cực cả về tình cảm và lý tưởng cách mạng, kết hợp cả lý luận và thực tiễn. Hoạt động của Công hội vượt ra ngoài tính chất của một hội tương tế ái hữu thông thường, vì Hội còn có mục đích chống đế quốc, làm chính trị. Công hội do Tôn Đức Thắng lãnh đạo đã tổ chức được nhiều cuộc đấu tranh, tiêu biểu nhất là cuộc bãi công của công nhân Ba Son, tháng 8-1925.

Với cương vị là Hội trưởng, Tôn Đức Thắng đã bí mật tổ chức công hội hoạt động từ địa bàn hẹp đến rộng, từ ít đến nhiều hội viên, từ hoạt động tương tế đến đấu

tranh chính trị, bước đầu thể hiện được sứ mệnh lịch sử và tinh thần quốc tế vô sản của giai cấp công nhân Việt Nam. Dưới sự lãnh đạo của Tôn Đức Thắng, cuộc bãi công Ba Son tháng 8-1925 như một dấu son đánh dấu trình độ tổ chức, ý thức đoàn kết, kỷ luật, sự phối hợp đấu tranh thực hiện cả mục tiêu kinh tế và chính trị. Đây thực chất là giai cấp công nhân Việt Nam đang trong quá trình trưởng thành, đẩy nhanh trình độ "tự giác", khắc phục tính "tự phát", để đến khi đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt Nam ra đời, thì giai cấp công nhân Việt Nam mới hoàn toàn ở trình độ "tự giác".

Từ khi *Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên* do Nguyễn Ái Quốc sáng lập ở Quảng Châu có mặt ở Sài Gòn thì Công hội của Tôn Đức Thắng đã gia nhập Hội này. Từ đây, với cương vị là một trong những người lãnh đạo Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên vùng Sài Gòn - Chợ Lớn, Tôn Đức Thắng tiếp tục cống hiến cho hoạt động của phong trào công nhân và công đoàn Việt Nam.

4. Tôn Đức Thắng - người tiêu biểu nhất cho chính sách đại đoàn kết của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh

Hoạt động trên nhiều cương vị, đặc biệt là Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, trên cơ sở thấm nhuần tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối của Đảng về đại đoàn kết dân tộc, Tôn Đức Thắng đã góp phần to lớn mở rộng và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Bằng tấm lòng chân thành, thật sự vì nước vì dân, đặt trách nhiệm phụng sự Tổ quốc lên trên hết của mình, Tôn Đức Thắng đã gây được tình thân ái mật thiết giữa mọi người khiến cho tất cả anh em học tập, noi gương Bác mà biết giúp đỡ, yêu mến, quý trọng nhau, lo toan cho nhau.

Tôn Đức Thắng cũng nắm vững các quan điểm có tính nguyên tắc về đại đoàn kết dân tộc. Đặt mục tiêu "giành độc lập cho Tổ quốc, dân chủ cho nhân dân, hoà bình

cho thế giới", Tôn Đức Thắng đã quy tụ được cả một "rừng cây đại đoàn kết". Cống hiến lớn của Tôn Đức Thắng là đã làm rõ được đại đoàn kết là chính sách liên minh giai cấp để kháng chiến". Vì vậy, những mâu thuẫn quyền lợi giữa các giai cấp phải được điều giải hợp lý. Tôn Đức Thắng đã đặc biệt chú trọng dân quyền lợi của đông đảo quần chúng cần lao vì họ là nền tảng của Mặt trận Dân tộc thống nhất, là lực lượng chủ yếu của kháng chiến.

Đoàn kết theo hướng đích "ích nước, lợi dân", vì thống nhất, độc lập, dân chủ, nhưng Tôn Đức Thắng không chủ trương kiểu "dĩ hoà vi quý", mà phải vừa đoàn kết vừa đấu tranh. Đó là cuộc đấu tranh trong nội bộ Mặt trận dân tộc một cách có lợi, hợp lý, có chừng mực, để chĩa mũi nhọn vào bọn đế quốc xâm lược".

Theo tư tưởng Hồ Chí Minh thì lực lượng đoàn kết của nhân dân ta là vô địch và Mặt trận Dân tộc thống nhất đã nhiều lần thắng lợi. Mặt trận Việt Minh đã giúp Cách mạng Tháng Tám thành công. Mặt trận thống nhất Việt Minh - Liên Việt đã giúp kháng chiến thắng lợi. Chúng ta có thể tin chắc rằng: với sự cố gắng của mọi người và sự ủng hộ của toàn dân, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam sẽ làm tròn nhiệm vụ vẻ vang là giúp xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập dân chủ và giàu mạnh.

Như vậy công lao to lớn của Tôn Đức Thắng trong việc thực hiện chính sách đại đoàn kết của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã góp phần quan trọng vào thắng lợi của sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất Tổ quốc, xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

Điều văn do đồng chí Trường Chinh, Ủy viên Bộ Chính trị Trung ương Đảng, Chủ tịch Ủy ban Thường vụ Quốc hội đọc trong lễ truy điệu đồng chí Chủ tịch Tôn Đức Thắng khẳng định: "Đồng chí là người tiêu biểu nhất cho chính sách đại đoàn kết của Đảng và của Chủ tịch Hồ Chí Minh"²¹.

Võ Chí Công, nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, nguyên Chủ tịch Hội đồng Nhà nước, nguyên Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng nhấn mạnh: "Chủ tịch Tôn Đức Thắng là hình ảnh tiêu biểu cho chính sách đại đoàn kết dân tộc của Đảng và của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Suốt đời hoạt động của mình, Bác Tôn hết lòng chăm lo đoàn kết đồng chí, đoàn kết đồng bào, đoàn kết cả nước trong cuộc chiến đấu chung vì độc lập thống nhất của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội"²².

Vũ Oanh, nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, nguyên Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam viết: "Bác đã lãnh đạo Mặt trận *giương cao ngọn cờ đại đoàn kết toàn dân* hoàn thành sứ mệnh lịch sử giao phó "Đánh thắng bọn đế quốc xâm lược và mọi thế lực phản động của thời đại" để hoàn thành công cuộc giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc, xây dựng một nước Việt Nam giàu mạnh, dân chủ, công bằng và văn minh... Bác là hiện thân của khối đại đoàn kết toàn dân"²³.

5. Tôn Đức Thắng là một gương mẫu đạo đức cách mạng: Suốt đời cần, kiệm, liêm, chính; suốt đời hết lòng hết sức phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân

Ngay khi còn ở tuổi thanh niên, với một tấm lòng yêu nước thương dân, căm thù bọn đế quốc xâm lược, Tôn Đức Thắng đã sớm bộc lộ lòng yêu thương những con người bất hạnh, cùng khổ. Trong ngục tù đế quốc, hình ảnh "người cạp rơm Hàm xay lúa" Tôn Đức Thắng là tấm gương sáng ngời về đức hy sinh, thương yêu những đồng chí anh em cùng cảnh ngộ. Ở những cương vị lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Tôn Đức Thắng hết lòng hết sức tận tụy phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân, không màng gì tới danh lợi cho bản thân. Tôn Đức Thắng sống thật bình dị, làm nhiều nói ít, không đòi hỏi gì về vật chất, thương anh em, thương đồng bào. Theo Trần Văn Giàu: "Cụ Tôn không phải là một nhà lý luận mà là người tiên phong cách mạng, người mà cả cuộc đời dành cho giải phóng giai cấp công nhân và giải phóng dân tộc... Cụ Tôn khác với những nhân vật khác ở chỗ, Cụ không có

một tác phẩm nào cả, có chăng chỉ là chúng ta ghi lại những điều Cụ nói thôi. Tuy nhiên, theo tôi, có thể nói tác phẩm hay nhất của Cụ chính là cuộc đời của Cụ. Cụ Tôn là một người hành động, một người có lẽ không có ý gì muốn để lại cho đời sau bằng các tác phẩm của mình. Nhưng thực tế Người đã để lại cho đời sau chúng ta rất nhiều "tác phẩm" bằng hành động, bằng việc làm và những lời nói. Đó là những tác phẩm hay hơn nhiều những bài viết"²⁴.

Theo Trần Bạch Đằng: "Tôn Đức Thắng không phải nhà lý luận, nhà tư tưởng hay nhà sáng tác. Tôn Đức Thắng là con người hành động, hành động tiên phong... Con người ấy ít nói về cá nhân mình, đến nỗi lớp hậu thế phải vô cùng chật vật để tìm đôi chút tư liệu phác lại cuộc đời con người ấy. Hơn 90 năm tồn tại, trong đó gần 60 năm cống hiến cho sự nghiệp chung, thế mà viết về Bác Tôn như viết về một nhân vật ẩn hiện xa xôi,... Bác Tôn luôn luôn muốn sống như một con người thật bình thường. Chính vì thế, Bác Tôn vĩ đại. Không phải dễ thành bất tử như Bác Tôn - Ủy viên Trung ương Đảng nhiều năm, đứng đầu Mặt trận đoàn kết dân tộc hàng mấy thập kỷ liền, thay Bác Hồ giữ cương vị Chủ tịch nước - nhưng chưa một lần Bác tỏ ra là con người có quyền lực, ham quyền lực, tự nhận là lãnh tụ. Bác thích vị trí một đảng viên cộng sản như mọi đảng viên, thích vị trí công dân trung thực, lương thiện, cố mang điều tốt, cố mang niềm vui, cố giảm nỗi đau cho đồng bào. Nhớ Bác Tôn, nhớ bài học mà Bác lấy cả đời mình làm mẫu, chính là tìm cái vĩ đại trong cái bình thường của một con người, coi như đơn giản mà cực kỳ phức tạp khó khăn đối với những ai nắm quyền trong tay. Kính chào... Tôn Đức Thắng... tức kính chào nền luân lý vĩ đại trong cái bình thường, bình thường một cách vĩ đại"²⁵.

Công hiến của Tôn Đức Thắng về phương diện đạo đức cách mạng đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng ta, nhân dân ta và bè bạn thế giới nhiều lần khẳng định và đánh giá cao.

Chúc mừng Tôn Đức Thắng thọ 70 tuổi, Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: "Đồng chí Tôn Đức Thắng là một gương mẫu đạo đức cách mạng: suốt đời cần, kiệm, liêm, chính; suốt đời hết lòng, hết sức phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân"²⁶.

Lê Duẩn, cố Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khẳng định: "Cùng với tinh thần phấn đấu không mệt mỏi, ở đồng chí Tôn Đức Thắng còn nổi bật lên lập trường vững vàng, chí khí cao cả, đức tính khiêm tốn, giản dị, đó là những gương sáng để chúng ta học tập"²⁷.

Phạm Văn Đồng, nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, nguyên Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng, nguyên Thủ tướng Chính phủ viết: "... Di sản quý nhất mà đồng chí Tôn Đức Thắng để lại cho nhân dân là chất người Tôn Đức Thắng, sản phẩm tổng hợp của chất hào hiệp Nam Bộ, chất kiên cường và tài năng sáng tạo Việt Nam, chất tiên phong của giai cấp công nhân, chất cách mạng của người yêu nước, người cộng sản, chất nhân đạo của con người. Tinh túy của chất ấy là lòng thương nước, yêu dân, niềm ưu ái với đồng bào, đồng chí; niềm tin sắt đá vào thắng lợi của cách mạng mặc dù mọi khó khăn, gian khổ, tinh thần một lòng, một dạ phục vụ nhân dân, đức chí công vô tư quên mình, sự khiêm tốn, giản dị hồn nhiên, trong sáng"²⁸.

Nông Đức Mạnh, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam nhấn mạnh: " Kiên trung, khiêm tốn, giản dị là đức tính suốt đời của Bác Tôn, từ khi là người chiến sĩ cộng sản bình thường cho tới lúc giữ trọng trách cao nhất của Nhà nước. Những đồng chí đã ở tù với Bác suốt 17 năm và làm việc với Bác hơn 30 năm sau đều thấy ở Bác một tấm gương "suốt đời cần kiệm, liêm chính; suốt đời hết lòng phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân" như lời phát biểu của Bác Hồ"²⁹.

Đại tướng Võ Nguyên Giáp viết: "Bác Tôn là con người vô cùng giản dị, vẫn là người công nhân, vẫn giữ cái búa, cái kìm... và tự chữa lấy xe đạp của Bác. Bác

Tôn của chúng ta là một con người như thế, một người công nhân tiêu biểu cho tinh thần cách mạng, đạo đức cách mạng cao quý nhất của giai cấp công nhân, của dân tộc Việt Nam, của Đảng chúng ta, của dân tộc Việt Nam chúng ta"³⁰.

Võ Chí Công, nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, nguyên Chủ tịch Hội đồng nhà nước, nguyên Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng khẳng định: "Cùng với lòng trung thành, tận tụy, lập trường vững vàng, tinh thần dũng cảm bất khuất, ở Bác Tôn còn nổi lên đức tính khiêm tốn, giản dị, chân thành, hoà mình trong quần chúng"³¹.

Những ý kiến đánh giá, nhận xét nêu trên cho thấy, cùng với Bác Hồ, Bác Tôn đã có công lao to lớn xây dựng nền đạo đức mới, đạo đức cách mạng cho mỗi con người và dân tộc Việt Nam. Đạo đức đó không phải bằng lý luận cao xa, mà bằng tấm gương sáng mẫu mực, giản dị, chân thành, nói đi đôi với làm, nói ít làm nhiều. Đó là sự kết tinh những giá trị đạo đức Việt Nam, với tinh hoa đạo đức nhân loại, mà đỉnh cao là đạo đức mácxít. Đạo đức Bác Tôn thể hiện từ đạo đức cách mạng đến đạo đức đời thường, từ việc lớn đến việc nhỏ.

Quả thật, Tôn Đức Thắng - một con người bình thường nhưng cao quý biết bao.

6. Một chiến sĩ cách mạng dân tộc và chiến sĩ cách mạng thế giới, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp đấu tranh của nhân dân thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc dân chủ và chủ nghĩa xã hội

Tôn Đức Thắng - người con ưu tú của dân tộc ta, người công nhân Việt Nam đầu tiên đi đến chủ nghĩa quốc tế vô sản. Theo Trần Văn Giàu: "Điều đáng ghi nhớ nhất trong cuộc đời Tôn Đức Thắng là, tàn cuộc chiến tranh thế giới (1914-1918), trong sự kiện lớn nhất của thế kỷ, Tôn Đức Thắng đã biết lựa chọn một chỗ đứng chính trị làm vinh dự cho giai cấp công nhân Việt Nam, cho dân tộc Việt Nam, chỗ đứng chính trị đó là ủng hộ Cách mạng Tháng Mười, bảo vệ chính quyền Xôviết

Nga bằng hành động phản chiến - kéo cờ đỏ trên một chiến hạm Pháp trong số các chiến hạm đang tiến đánh nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên"³².

Đại tướng Võ Nguyên Giáp cho rằng Tôn Đức Thắng kéo cờ phản chiến và ủng hộ Cách mạng Tháng Mười Nga, chống lại sự can thiệp của thực dân Pháp và các nước đế quốc khác. Đó là một hành động mà lúc bây giờ được xem là hiếm có, hơn thế nữa, là một hành động xuất chúng"³³.

Võ Chí Công khẳng định: "Cống hiến lớn lao của Chủ tịch Tôn Đức Thắng cho nền độc lập dân tộc và hoà bình thế giới đã được nhân dân thế giới khâm phục và kính mến. Chủ tịch Tôn Đức Thắng là người Việt Nam đầu tiên được Giải thưởng hoà bình quốc tế Lênin, xứng đáng là chiến sĩ xuất sắc của phong trào hoà bình thế giới"³⁴.

Cùng với những hoạt động của Nguyễn Ái Quốc đầu thế kỷ XX, việc Tôn Đức Thắng tham gia cuộc khởi nghĩa Biền Đen đã làm cho mối liên hệ gắn bó giữa Cách mạng Nga và Cách mạng Việt Nam được nối liền, gắn cách mạng Việt Nam với cách mạng thế giới, mở ra một hướng đi đúng, "hướng của danh dự, hướng của thành công"³⁵.

Tính từ sự kiện năm 1919 đến khi từ trần năm 1980, Tôn Đức Thắng đã có trên 60 năm với nhiều cương vị khác nhau của Đảng, Nhà nước, cống hiến trọn vẹn, liên tục, có hiệu quả cho phong trào cách mạng thế giới, xứng đáng là một trong những lãnh tụ tiêu biểu nhất cho tinh thần quốc tế cao cả, trong sáng, thuỷ chung. Điều đó được thể hiện cụ thể trong những ghi nhận, đánh giá của bạn bè thế giới.

Điện chia buồn của các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước Liên Xô có đoạn: "Đồng chí Tôn Đức Thắng..., người con trung thành của nhân dân Việt Nam, người bạn chiến đấu của đồng chí Hồ Chí Minh, người chiến sĩ quốc tế kiên cường người

bạn lớn của Liên Xô, người chiến sĩ đấu tranh không mệt mỏi cho sự nghiệp hoà bình và chủ nghĩa xã hội"³⁶.

Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô, Chủ tịch Đoàn chủ tịch Xôviết tối cao Liên Xô L.I. Brêgionhép nhấn mạnh: "Nhân dân Liên Xô đánh giá cao và kính trọng sâu sắc đồng chí, người chiến sĩ quốc tế lênin nít nổi tiếng, người chiến sĩ đấu tranh kiên cường cho sự toàn thắng của những lý tưởng của chủ nghĩa xã hội trên toàn thế giới..., người bạn chân thành và thân thiết từ lâu của đất nước chúng tôi..."³⁷.

"Đồng chí Tôn Đức Thắng là một chiến sĩ quốc tế có uy tín của phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và tiến bộ trên toàn thế giới - trong sự nghiệp cách mạng của nhân dân Việt Nam cũng trong cuộc đấu tranh vì hoà bình, hữu nghị, tiến bộ và phát triển của các dân tộc trên thế giới.

Tên tuổi đồng chí Tôn Đức Thắng gắn liền với lịch sử và củng cố các mối quan hệ giữa Liên Xô và Việt Nam. Năm 1919, đồng chí đã tham gia cuộc nổi dậy cách mạng của thuỷ thủ Pháp ở Biển Đen để bảo vệ nước Cộng hoà Xôviết trẻ tuổi. Trong thời gian dài là Chủ tịch Hội Hữu nghị Việt - Xô, đồng chí Tôn Đức Thắng đã góp phần quan trọng vào sự nghiệp không ngừng củng cố tình đoàn kết thật sự anh em và sự hợp tác giữa hai Đảng, hai Nhà nước và nhân dân hai nước chúng ta"³⁸.

Trong những ngày tang lễ Chủ tịch Tôn Đức Thắng, nhiều nước, nhiều tổ chức quốc tế đã có những hoạt động tưởng niệm Tôn Đức Thắng và chia buồn với nhân dân Việt Nam. Những hoạt động này thể hiện sự đánh giá cao những công hiến của Tôn Đức Thắng cho cách mạng Việt Nam và cách mạng thế giới. Những dòng tình cảm của bạn bè quốc tế dành cho Tôn Đức Thắng đều thống nhất ở một điểm: Tôn Đức Thắng là một chiến sĩ cách mạng quốc tế có uy tín lớn được bạn bè ngưỡng mộ và đánh giá cao. Suốt cuộc đời hoạt động cách mạng lâu dài, sôi nổi và phong

phú của mình, Tôn Đức Thắng đã có nhiều đóng góp cho phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, cho phong trào giải phóng dân tộc và phong trào đấu tranh của nhân dân tiến bộ vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ trên toàn thế giới.

1. Phạm Văn Đồng: "Di sản quý nhất mà đồng chí Tôn Đức Thắng để lại cho nhân dân là chất người Tôn Đức Thắng", trong *Bác Tôn và chúng ta*, Ban Khoa học Xã hội Thành uỷ Thành phố Hồ Chí Minh, 1988, tr. 15.

2. Phạm Văn Đồng: "Di sản quý nhất mà đồng chí Tôn Đức Thắng để lại cho nhân dân là chất người Tôn Đức Thắng", *Sđd*, tr. 16

3. Trần Văn Giàu: "Bảy ngọn núi An Giang trong cuộc đời gần trăm năm của Cụ Tôn Đức Thắng", *Sđd*, tr. 82.

4. Võ Trần Chí: "Chủ tịch Tôn Đức Thắng - tấm gương trong sáng về chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế cao cả, biểu hiện sinh động về khí phách phẩm chất của dân tộc", trong *Bác Tôn và chúng ta*, Ban Khoa học Xã hội Thành uỷ Thành phố Hồ Chí Minh, 1988, tr. 22.

5. Trần Văn Giàu: "Bảy ngọn núi An Giang trong cuộc đời gần trăm năm của Cụ Tôn Đức Thắng", *Sđd*, tr. 85.

6. Lê Duẩn: "Học tập gương sáng của đồng chí Tôn Đức Thắng trong *Chủ tịch Tôn Đức Thắng (1888-1980)*, An Giang, 1988, tr. 158.

7. Trường Chinh: "Điều văn đọc trong lễ truy điệu Chủ tịch Tôn Đức Thắng", trong *Chủ tịch Tôn Đức Thắng (1888 – 1980)*, *Sđd*, tr. 163.

8. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t. 10, tr. 3-4.

9. Trường Chinh: "Điều văn đọc trong lễ truy điệu Chủ tịch Tôn Đức Thắng", trong *Chủ tịch Tôn Đức Thắng (1888 – 1980)*, *Sđd*, tr.164.

10. Xã luận báo *Nhân dân*: *Tám gương mẫu mực sáng ngời*, *Sđd*, tr. 152-153.
11. Võ Trần Chí: "Chủ tịch Tôn Đức Thắng - tám gương trong sáng về chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế cao cả, biểu hiện sinh động về khí phách, phẩm chất của dân tộc", trong *Bác Tôn và chúng ta*, *Sđd*, tr. 22-23.
- 12, 13. *Sở Văn hoá và Thông tin An Giang: Chủ tịch Tôn Đức Thắng (1888-1980)*, *Sđd*, tr. 173, 175.
- 14, 15. *Sđd*, tr. 175, 177.
- 16, 17, 18. *Sở Văn hoá và Thông tin An Giang: Chủ tịch Tôn Đức Thắng (1888-1980)*, *Sđd*, tr. 178-179, 180.
19. Võ Chí Công: "Chủ tịch Tôn Đức Thắng người con ưu tú của dân tộc, người chiến sĩ quốc tế kiên cường": trong *Tôn Đức Thắng – Người cộng sản mẫu mực, biểu tượng của đại đoàn kết*, *Sđd*, tr. 35.
20. Nông Đức Mạnh: "Một người con rất ưu tú của Tổ quốc", trong *Tôn Đức Thắng - Người cộng sản mẫu mực, biểu tượng của đại đoàn kết*, *Sđd*, tr.31.
21. Điều văn do đồng chí Trương Chinh, đọc trong lễ truy điệu đồng chí Chủ tịch Tôn Đức Thắng, trong *Tôn Đức Thắng - Người cộng sản mẫu mực, biểu tượng của đại đoàn kết*, *Sđd*, tr.16.
22. Võ Chí Công: "Chủ tịch Tôn Đức Thắng - Người con ưu tú của dân tộc, người chiến sĩ quốc tế kiên cường", trong *Tôn Đức Thắng – Người cộng sản mẫu mực, biểu tượng của đại đoàn kết*, *Sđd*, tr. 35.
23. Vũ Oanh: "Vị Chủ tịch đầu tiên của Mặt trận Liên hiệp quốc dân Việt Nam - nhà cách mạng lão thành kiên trung bất khuất, tám gương trong sáng tiêu biểu của phong trào cộng sản yêu nước của Đảng và dân tộc ở thế kỷ XX, trong *Tôn Đức Thắng - Người cộng sản mẫu mực biểu tượng của đại đoàn kết*, *Sđd*, tr. 48.

24. Trần Văn Giàu: "Cụ Tôn đã để lại cho chúng ta "tác phẩm cuộc đời", trong *Tôn Đức Thắng - Người cộng sản mẫu mực, biểu tượng của đại đoàn kết*, Sđd, tr. 181.
25. Trần Bạch Đằng: "Một con người bình thường - vĩ đại", trong *Tôn Đức Thắng - Người cộng sản mẫu mực, biểu tượng của đại đoàn kết*, Sđd, tr.214-215.
26. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.9, tr. 221.
27. Lê Duẩn: "Học tập gương sáng của đồng chí Tôn Đức Thắng", trong *Tôn Đức Thắng - Người cộng sản mẫu mực, biểu tượng của đại đoàn kết*, Sđd, tr.23.
28. Phạm Văn Đồng: "Bác Tôn - Nhà cách mạng bất tử", trong *Tôn Đức Thắng – Người cộng sản mẫu mực, biểu tượng của đại đoàn kết*, Sđd, tr. 24.
29. Nông Đức Mạnh: "Một con người rất ưu tú của Tổ quốc", trong *Tôn Đức Thắng - Người cộng sản mẫu mực, biểu tượng của đại đoàn kết*, Sđd, tr. 31.
30. Đại tướng Võ Nguyên Giáp: "Chúng ta luôn nhớ mãi Bác Tôn trong *Tôn Đức Thắng - Người cộng sản mẫu mực, biểu tượng của đại đoàn kết*, Sđd, tr. 33.
31. Võ Chí Công: "Chủ tịch Tôn Đức Thắng, người con ưu tú của dân tộc, người chiến sĩ quốc tế kiên cường", trong *Tôn Đức Thắng – Người cộng sản mẫu mực, biểu tượng của đại đoàn kết*, Sđd, tr. 36.
32. Trần Văn Giàu: "Bảy ngọn núi An Giang trong cuộc đời gần trăm năm của Cụ Tôn Đức Thắng", trong *Bác Tôn và chúng ta*, Sđd, tr. 93.
33. Đại tướng Võ Nguyên Giáp: "Chúng ta luôn nhớ mãi Bác Tôn", trong *Tôn Đức Thắng - Người cộng sản mẫu mực, biểu tượng của đại đoàn kết*, Sđd, tr.32.
34. Võ Chí Công: "Chủ tịch Tôn Đức Thắng, người con ưu tú của dân tộc người chiến sĩ quốc tế kiên cường trong *Tôn Đức Thắng – Người cộng sản mẫu mực, biểu tượng của đại đoàn kết*, Sđd, tr. 36.

35. Trần Văn Giàu: "Bảy ngọn núi An Giang trong cuộc đời gần trăm năm của Cụ Tôn Đức Thắng", trong *Bác Tôn và chúng ta*, *Sđđ*, tr. 93

36. Báo *Nhân dân*, số 9427, ngày 4-4-1980.

37. Báo *Nhân dân*, số 9425, ngày 2-4-1980.

38. Báo *Nhân dân*, số 9427, ngày 4-4-1980.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *95 năm Trường Kỹ thuật Cao Thắng (1906-2001)*.
2. *Ánh lửa Ba Son*, Nxb. Tổng hợp An Giang, 1988.
3. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu: *Nhà tù Côn Đảo (1862 - 1975)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001.
4. Ban Chấp hành Tỉnh Đảng bộ An Giang: *Bác Tôn (1888- 1980) cuộc đời và sự nghiệp*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1988.
5. Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng thành phố Hồ Chí Minh: *Sự truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin và các tổ chức cộng sản đầu tiên ở thành phố Hồ Chí Minh*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1980.
6. Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ An Giang: *Một con người bình thường - vĩ đại*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học về Chủ tịch Tôn Đức Thắng, nhân dịp kỷ niệm 100 năm ngày sinh (20-8-1888 - 20-8-1988).
7. *Chủ tịch Tôn Đức Thắng - thân thế và sự nghiệp*, Hội Văn nghệ An Giang xuất bản, 1988.
8. *Di tích lịch sử - văn hoá An Giang*, Sở Văn hoá và Thông tin An Giang, 2001.
9. Lê Duẩn: *Học tập gương sáng của đồng chí Tôn Đức Thắng*, Tạp chí *Lịch sử Đảng*, số 5, 1991, tr. 10.
10. Đặng Dũng: *Chất công nhân trong nhà cách mạng Tôn Đức Thắng*, Tạp chí *Lịch sử Đảng*, số 8, 1998.
11. Trần Bạch Đằng: *Từ Cửu Long đến Biển Đen và tiếp theo*, Tạp chí *Lịch sử Đảng*, số 5, 1991, tr. 18.
12. Phạm Văn Đồng: *Bác Tôn - nhà cách mạng bất tử*, Tạp chí *Lịch sử Đảng*, số 5, 1991, tr. 11-12.

13. *Đồng chí Tôn Đức Thắng - Người chiến sĩ cộng sản kiên cường mẫu mực*, Nxb. Sự thật, 1982.
14. Trần Giang: *Độc sách chủ tịch Tôn Đức Thắng*, Tạp chí *Lịch sử Đảng*, số 1, 1990, tr. 76-78.
15. Trần Văn Hải: *Chủ tịch Tôn Đức Thắng - Người chiến sĩ cộng sản kiên cường, nhà lãnh đạo có uy tín lớn của Đảng và Nhà nước Việt Nam, một tấm gương đạo đức cách mạng trong sáng*. Tạp chí *Lịch sử Đảng*, số 8, 2003, tr. 22-25.
16. Nguyễn Văn Hoan: *Một người cộng sản trong nhà tù Côn Đảo*, Tạp chí *Lịch sử Đảng*, số 5, 1991, tr. 15-17.
17. Nguyễn Văn Hoan: *Những ngày ở Côn Đảo với Bác Tôn*, Tạp chí *Lịch sử Đảng*, số 8, 1998.
18. Vũ Đình Hoè: *Chủ tịch Tôn Đức Thắng với cách mạng Việt Nam và quê hương An Giang*, Tạp chí *Lịch sử Đảng*, số 9, 2003, tr. 3-5.
19. *Hồi ký của bác Dương Quang Đông* (bản chép tay), viết năm 1994.
20. *Hỏi và đáp: Về Chủ tịch Tôn Đức Thắng và lược sử phong trào công nhân Việt Nam*, Nxb. Trẻ, 2002.
21. Lê Phú Hội: *Quê hương Bác Tôn hôm nay*, Tạp chí *Lịch sử Đảng*, số 8, 1998.
22. Hội Cựu chiến binh phường Mỹ Bình: *Tuổi trẻ bác Tôn, bác Tôn với tuổi trẻ*, 1998.
23. Đinh Xuân Lâm - Phạm Xanh: *Bác Tôn, từ Công hội bí mật Sài Gòn đến thành lập chính đảng vô sản*, Tạp chí *Lịch sử Đảng*, số 5, 1991, tr.19-23.
24. *Lịch sử Đảng bộ tỉnh An Giang*, tập 1 (1927-1954), Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ An Giang xuất bản, 2002.

25. *Lịch sử Đảng bộ thị xã Long Xuyên*, tập 1, "Long Xuyên trong thời kỳ đấu tranh giành chính quyền" 1927-1945 (Sơ thảo), Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã Long Xuyên xuất bản, 1995.
26. *Lịch sử Đảng bộ thành phố Long Xuyên*, tập 2, "Long Xuyên trong chiến tranh giải phóng 30 năm" (Sơ thảo), Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố Long Xuyên xuất bản, tháng 4, 1999
27. *Lịch sử Xí nghiệp Liên hiệp Ba Sơn*.
28. Lê Văn Lương: *Kỷ niệm về Bác Tôn*, Tạp chí *Lịch sử Đảng* số 5, 1991, tr. 13-14.
29. *Người cày rặng hầm xay lúa*, Báo Sài Gòn giải phóng, 19-8-1978.
30. *Những ngày sống chúng với bác Tôn tại nhà tù Côn Đảo*, Hồi ký của Nguyễn Văn Hoan, Báo *Lao động*, số ra ngày 17, 21, 24-8-1968, (nhân dịp mừng thọ bác Tôn 80 tuổi).
31. Nguyễn Trọng Phúc: *Cống hiến của đồng chí Tôn Đức Thắng trong cuộc vận động thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam*, Tạp chí *Lịch sử Đảng*, số 8, 2003, tr. 15-17.
32. Trần Thành Phương (sưu tập): *Bác Tôn của chúng ta*, Nxb Tổng hợp An Giang, 1988.
33. Lê Quang: *Tôn Đức Thắng người đầu tiên*, Tạp chí *Lịch sử Đảng*, số 5, 1991, tr. 28-30.
34. Sở Văn hoá - Thông tin tỉnh An Giang: *Những mẫu chuyện về bác Tôn*, 1998.
35. Sở Văn hoá - Thông tin tỉnh An Giang: *Chủ tịch Tôn Đức Thắng (1888-1980)*, An Giang, 1988.

36. Tô Thành Tâm (sưu tầm): *Chuyện kể về Bác Tôn*, Nxb. Tổng hợp An Giang, 1988.
37. Tô Thành Tâm: *Vài nét về cuộc đời và sự nghiệp của Chủ tịch Tôn Đức Thắng*, Tạp chí *Lịch sử Đảng*, số 8, 1998.
38. Đặng Văn Thái: *Tôn Đức Thắng - chiến sĩ cộng sản quốc tế*, Tạp chí *Lịch sử Đảng*, số 9, 2003, tr. 6-10.
39. Lưu Phương Thanh: *Những người con trung dũng của thành phố*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1987.
40. Song Thành: *Chủ tịch Tôn Đức Thắng, người tiêu biểu nhất cho sự nghiệp đại đoàn kết dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh*, Tạp chí *Lịch sử Đảng*, số 8, 2003, tr. 18-21.
41. Nguyễn Thành: *Bác Tôn trong cuộc nổi dậy của thủy thủ Pháp ở Biển Đen, tháng 4-1919*, Tạp chí *Lịch sử Đảng*, số 8, 2003, tr. 26-27.
42. *Tôn Đức Thắng - Người cộng sản mẫu mực, biểu tượng của đại đoàn kết (Hội ký)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003.
43. Tỉnh uỷ An Giang - Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh: *Chủ tịch Tôn Đức Thắng với cách mạng Việt Nam và quê hương An Giang*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004.
44. *Vụ số 5 đường Barbier, 8-12-1928*, Theo tin của báo *Đuốc nhà Nam* - 1930.
45. Đức Vượng: *Góp phần làm sáng tỏ thêm một số vấn đề trong cuộc đời hoạt động của Chủ tịch Tôn Đức Thắng, giai đoạn 1945-1955*, Tạp chí *Lịch sử Đảng*, số 5, 1991, tr. 24-27.

MỤC LỤC

* *Lời Nhà xuất bản*

* *Lời nói đầu*

Chương I: Thời niên thiếu và những hoạt động yêu nước đầu tiên (1888 - 1916)

Chương II: Tham gia cuộc nổi dậy của thủy thủ Pháp ở Biển Đen, bảo vệ Cách mạng Tháng Mười Nga (1916 - 1920)

Chương III: Thành lập Công hội bí mật và lãnh đạo các cuộc bãi công của công nhân Sài Gòn – Chợ Lớn (1920 - 1930)

Chương IV: Đấu tranh bất khuất trong lao tù đế quốc ở Côn Đảo (1930 - 1945)

Chương V: Cùng Đảng, Nhà nước lãnh đạo sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc (1945 - 1954)

Chương VI: Cùng Đảng, Nhà nước lãnh đạo sự nghiệp cách mạng trên phạm vi cả nước (1954 - 1969)

Chương VII: Những cống hiến to lớn trên cương vị Chủ tịch nước (1969 - 1980)

Chương VIII: Những cống hiến đối với cách mạng Việt Nam và thế giới

Tài liệu tham khảo